

Wason  
DS 3-22  
V 651

# VĂN-HÓA

TẬP-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHÓ-THÔNG

文化

NĂM THỨ XVIII

SỐ 2-3 (NĂM 1969)

GIÁ BÁN TOÀN QUỐC :

- | số (tư nhân) . . . . . 246
  - | số (công sở) . . . . . 486
- (ở xa thêm tiền cước phí)

NHA VĂN-HÓA  
PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA  
SAIGON-VIETNAM

# VĂN-HÓA

TẬP-SAN

CƠ - QUAN NGHIÊN - CỨU VÀ PHỒ - THÔNG  
NHA VĂN-HÓA PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA  
XUẤT BẢN

Năm thứ XVIII Số 2-3 (năm 1969)

NHA VĂN - HÓA  
PHỦ QUỐC - VỤ - KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN - HÓA  
SAIGON-VIETNAM

# VĂN-HÓA

## TẬP SAN

CƠ QUAN NGHIÊN - CỨU VÀ PHỔ - THÔNG  
NHA VĂN-HÓA PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA  
XUẤT BẢN  
Năm thứ XVIII, Số 2-3 (NĂM 1969)

### mục - lục

|  |                               |
|--|-------------------------------|
| ● Hiệu triệu của TÔNG THỐNG VIỆT NAM CỘNG HÒA<br>nhân ngày GIỖ TỖ HÙNG VƯƠNG 26-4-1969.  | I                             |
| ● Diên văn của QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN HÓA<br>Chủ tịch Ủy ban Tờ chức Liên Bộ đọc trong Lễ Kỷ niệm<br>Quốc Tờ Hùng Vương ngày 26-4-1969. | V                             |
| <i>Văn chương</i>  |                               |
| - Lời giới thiệu Thi sĩ Vũ hoàng Chương<br>của Giám đốc Nha Văn hóa . . .  | 8                             |
| - Một niềm tin . . .   | Vũ hoàng Chương 10            |
| <i>Sưu-tầm, Khảo-cứu</i>   |                               |
| - Lược khảo về nguồn gốc tuồng cò  | Tô Nam<br>Nguyễn-Đình-Diệm 33 |
| - Sơ thảo ngữ pháp Việt-nam . . .  | Lê-Đào-Lý 43                  |
| - Văn hóa là gì? . . .   | Bác sĩ Nguyễn văn Thọ 58      |

|   |                              |
|---|------------------------------|
| — Ảnh hưởng cái chết của Nguyễn Thái Học Trần-văn-Tuyên                             | 88                           |
| — Văn tế Nguyễn Thái Học và 12 liệt sĩ Yên Bái ...                                  | 96                           |
| — Những năm Mậu thân lịch sử ...  | Hồng Liên<br>Lê-xuân-Giáo 98 |
| — Việc bang giao giữa Cao Miên và Việt Nam<br>từ ngày tiến khởi đến ngày Pháp đô hộ | Lê-Hương 106                 |

*Lịch-sử - Danh văn*

|   |                          |
|---|--------------------------|
| — Giác mộng « kinh sư » dưới mái<br>chùa « Linh mục » (tiếp theo) ... | Phan-Du 128              |
| — Cung-oán ngâm khúc bình chú<br>(tiếp theo) ...                      | Trần-Cửu-Chân 146<br>150 |
| — Tin văn hóa   |                          |

# CULTURE

REVUE PÉRIODIQUE D'ÉTUDE ET DE VULGARISATION  
PUBLIÉE PAR LA DIRECTION DES AFFAIRES CULTURELLES

MINISTÈRE D'ÉTAT

CHARGÉ DES AFFAIRES CULTURELLES

VOL XVIII, Nos 2-3 (1969)

## Table des matières

|   |   |
|---|---|
| — Message du Président de la République du Viêt Nam à l'occasion<br>de la fête commémorative de Hung-Vuong (26-4-1969)  | I |
| — Discours du Ministre d'État chargé des Affaires Culturelles,<br>Président du Comité d'organisation inter-ministérielle à l'occasion de<br>la fête commémorative de Hung-Vuong (26-4-1969) | V |

*Littérature*

|   |                    |
|---|--------------------|
| — Présentation du poète « Vu-hoang-Chuong » par le Directeur du<br>Service des Affaires Culturelles ... | 8                  |
| — « La certitude » ...  | Vu-hoang-Chuong 10 |

*Etudes*

|   |                               |
|---|-------------------------------|
| — Considérations sommaires sur<br>l'origine du théâtre traditionnel ... | Tô-Nam<br>Nguyễn-dinh-Diệm 33 |
| — Considérations sur la Syntaxe<br>Vietnamienne ...                     | Lê văn Lý 43                  |
| — Qu'est-ce que la culture ? ...  | Dr. Nguyễn văn Thọ 58         |

|  |                |     |
|--|----------------|-----|
| — La mort de Nguyễn thái Học et son influence . . .  | Trần văn Tuyên | 88  |
| — Oraison funèbre à la mémoire de Nguyễn thái Học et de douze héros de Yên Bái . . .                             |                | 96  |
| — Les années historiques de « Mậu Thân » . . .   | Hồng Liên      |     |
|  | Lê xuân Giáo   | 98  |
| Les relations entre le Cambodge et l'Empire du Việt-Nam depuis le origines jusqu'à la domination française . . . | Lê-Hương       | 106 |
| <i>Histoire - Œuvres célèbres</i>  |                |     |
| — La pagode de « Linh Mỹ » (légende)   | Phan Du        | 138 |
| — Annotations du « Cung oán ngâm khúc » (Complainte d' une odalisque)  | Trần Cửu Châu  | 148 |
| — Nouvelles culturelles  |                | 150 |

# CULTURE

PERIODICAL REVIEW

PUBLISHED BY THE DIRECTORATE OF CULTURAL AFFAIRS  
MINISTRY OF STATE IN CHARGE OF CULTURAL AFFAIRS  
VOL. XVIII, Nos 2-3 (1969)

## contents

- Message of The President of the Republic of Vietnam on the ceremony Day of Hùng Vương  
(Apr, 26, 1969) 1
- Speech delivered by the Minister of State in charge of Cultural Affairs, Chairman of the Intermministerial organizing committee on the ceremony Day of Hùng Vương  
(Apr 26, 1969) 5

### Literature

- Introduction to the poet Vũ Hoàng Chương  
The Director of the Directorate  
of Cultural Affairs 8
- « The certitude » Vũ Hoàng Chương 10

### Selections and Researches

- The origin of Traditional Theater. Tô Nam  
Nguyễn Đình Diệm 33
- Considerations on Vietnamese syntax Lê văn Lý 43
- What is culture ? Nguyễn văn Thọ 58

|   |                        |     |
|---|------------------------|-----|
| — The Influence of The Death of<br>Nguyễn Thái Học . . .  | Trần văn Tuyên         | 88  |
| — Funeral oration of Nguyễn Thái Học and<br>of the twelve heroes of Yên Bái                                 |                        |     |
| — The historical years of Mau Than  | Hồng Liên Lê xuân Giáo | 98  |
| — The relationship between Cambodia<br>and Vietnam from the beginning to the<br>period of French Domination | Lê Hương               | 106 |
| <i>History - Famous Writings</i>  |                        |     |
| — Origin of Linh Mụ Pagoda (Huê)  | Phan Du                | 128 |
| — Notes on Cung oán ngâm khúc<br>(Complaints of an odalisque)   | Trần Cửu Chấn          | 146 |
| — Cultural news   |                        | 150 |

## HIỆU - TRIỆU

của

TỔNG - THỐNG VIỆT - NAM CỘNG - HÒA  
NHÂN NGÀY GIỖ TỔ HÙNG - VƯƠNG

( 26 - 4 - 1969 )

Thưa Quốc dân Đồng bào,

Hôm nay là ngày kỷ-niệm Quốc-Tổ Hùng Vương. Đây là một dịp để mỗi người chúng ta cùng tưởng nhớ đến Tổ-Quốc, tưởng nhớ đến các bậc tiên hiền liệt-sĩ đã có công tạo dựng và lưu-truyền đất nước cho chúng ta. Nhưng tôi thiết nghĩ, đây cũng là một dịp để mỗi người chúng ta tự kiểm-điểm, tự xét xem chính mình đã làm được những gì, đã đóng góp những gì cho dân-tộc và Tổ-quốc.

Trong ý nghĩa đó, tôi nhận thấy chúng ta có quyền tự hào, có quyền được thấy mình xứng đáng.

Chính là trong thời-kỳ lịch-sử này, chúng ta đã chiến-đấu phá bỏ ách nô-lệ thực-dân cũ. Cũng chính trong thời-kỳ này, chúng ta đã và còn đang chiến-đấu sống chết chống lại âm-mưu xâm lược của Đế-quốc Cộng-sản mới.

Và, ngay đang khi phải chiến-đấu bằng xương máu chống xâm-lược, chúng ta vẫn còn đủ ý-chí và sức mạnh để mở ra một mặt trận khác, đó là mặt trận xây-dựng và cải-tạo xã-hội, đó là cuộc chiến-đấu chống lại nghèo đói, dốt nát và bệnh tật, chống lại sự thoái-hóa, bất-công và áp-bức.

Cuộc chiến-đấu trên mặt trận thứ hai này tuy không đổ máu nhưng không phải là không khó-khăn quyết-liệt. Nhưng, dù khó đến mức nào chúng ta cũng quyết tâm chiến-thắng để đưa Dân-tộc chúng ta đến tiến-bộ, hùng cường.

Chúng ta đã không ngừng chiến-đấu trên cả hai mặt-trận chống xâm-lược và chống lạc-hậu, để tự-vệ và phát-triển. Chúng ta đã tiến hành các cuộc chiến-đấu đó với một tinh-thần kiên-đững, bền bỉ và bất-khuất đã tôi luyện qua hơn bốn ngàn năm lập quốc. Nhưng, cũng chính vì ý-nghĩa đó, chúng ta đã không thể không cảm thấy xót xa đau đớn.

Bởi vì, những người đang chống lại chúng ta hiện nay, những người đang chống lại Tộc-quốc và Dân-tộc hiện nay, những người đang gieo rắc khủng bố, phá-hoại và chết chóc cho đồng-bào từ hàng chục năm nay, lại cũng là những người cùng mang trong huyết quản của họ dòng máu Việt-Nam.

Họ cũng là con dân của đất nước này, họ với ta cũng sinh ra từ một gốc, chỉ vì bị tà thuyết Cộng-sản mê hoặc, chỉ vì bị quyền-lực của Đế-Quốc Cộng-sản Thế-giới khống chế mà họ đã hành-động chống lại Tộc-quốc, chống lại đồng-bào. Tội ác của họ, tôi chắc không ai có thể kể ra cho hết, nhưng lại nghĩ tình máu mủ, nghĩa đồng-bào, chúng ta không thể không mở ra cho họ một con đường trở lại.

Cho nên, như đồng-bào đã thấy, từ nhiều năm nay, ngay đang khi có chiến-tranh, tôi đã luôn luôn nêu cao và thực thi chủ trương Đại đoàn kết, lúc nào cũng mở rộng cửa cho những người biết tỉnh ngộ trở về. Chánh sách đó đã mang lại những kết quả rất tốt. Đến cuối tháng ba vừa qua, số người hồi-chánh đã vượt quá một trăm ngàn.

Một trăm ngàn người đã *hồi cải* trở về với Quốc-gia. Thành tích ấy đã giúp chúng ta tiết-kiệm được biết bao nhiêu là xương máu. Tuy nhiên, quyền-lợi của Quốc-gia, đòi hỏi của đồng-bào còn nhiều hơn thế nữa. Do đó, từ hơn một năm qua, tôi đã không ngừng cố gắng đưa ra những sáng kiến, những hành-động tranh-thú hòa-bình thật táo bạo và tích-cực.

Chúng ta muốn chấm dứt chiến-tranh, chúng ta muốn tạo lập hòa-bình. Và, để đạt tới mục tiêu ấy, chúng ta đã không ngần ngại dành cho những người vì lầm lạc mà chống lại Tộc-quốc một con đường danh-

đự tối đa có thể. Nhưng thật đáng tiếc, những người cầm đầu Cộng-sản đã không chịu hiểu rõ thiện-chí ấy, đã không chịu giác ngộ và đáp-ứng tương-xưng.

Để trả lời những sáng-kiến và sự đả-ngộ danh-dự mà chúng ta đã dành cho họ, những người cầm đầu Cộng-sản đã tỏ ra càng ngoan-cố, càng hung bạo hơn trước.

Họ đã lợi dụng thiện chí của chúng ta để gia tăng khủng bố, tăng gia phá hoại, tăng gia việc bán phá vào dân lành làm cho sự thiệt hại chết chóc mà đồng-bào phải chịu ngày càng thêm nhiều và, do đó, lòng căm phẫn của đồng-bào đối với họ cũng càng ngày thêm nhiều. Tôi mong mỗi những người Cộng-sản hãy kịp nhận thấy điều đó, hãy kịp tỉnh ngộ và ngừng lại. Tôi mong rằng con đường trở về và sự đả-ngộ danh-dự mà chúng ta đã mở ra cho họ sẽ không bị chính họ làm cho càng ngày càng hẹp lại, càng dài ra và thêm nhiều gai góc.

Vì quyền lợi của Quốc-gia, vì an vui, hạnh-phúc của đồng-bào, tôi đã thành thật và tích cực theo con đường hòa giải dân-tộc, tranh thủ hòa-bình. Và hôm nay, nhân ngày Giỗ Tộc, trước bàn thờ Quốc-Tộc, trước anh linh của các bậc tiên hiền liệt-sĩ, một lần nữa, tôi long trọng nhắc lại lời kêu gọi hiểu biết và tỉnh ngộ đối với những người chống lại, đang phá hoại Tộc-quốc bằng bạo lực.

Tôi muốn nhắc lại điều đó, tôi muốn nhắc lại rằng chúng ta đã dành sẵn cho họ một con đường an toàn và danh-dự tối đa. Nhưng tôi cũng muốn họ thấy rằng lòng kiên-nhẫn và tinh-thần nhường nhịn của chúng ta không phải là không có giới hạn. Những người cầm đầu Cộng-sản thách thức rằng họ sẽ có thể tiếp tục phá hoại 5 năm, 10 năm, 50 năm. Tôi muốn họ không quên rằng trong lịch sử, ông cha chúng ta từng chiến-đấu chống lại đó họ hàng ngàn năm và đã từng thành công hiển hách. Vì sự mất còn của Tộc-quốc vì sự thịnh suy của giống nòi, tổ-tiên chúng ta từng phải trả cái giá chiến-đấu ấy thì ngày nay chúng ta sẵn sàng để trả cái giá ấy.

Đó là những điều tôi muốn nói với những phần tử đang mê muội chống lại Tộc-quốc bằng bạo-lực.

Còn đối với những phần-tử khác, những phần-tử chỉ vì nhát sợ, vì sợ hèn mà trở thành phản-bội, mà có những hành-vi phá hoại, tôi cũng thiết-tha kêu gọi họ hãy tỉnh ngộ, hãy ăn năn hối cải về những hành-vi phản-bội, những phá hoại mà họ đã gây ra. Con đường của chúng ta là con đường dân-chủ, đồng-bào của chúng ta luôn luôn rộng lượng. Chánh-quyền của chúng ta luôn luôn khoan hồng nhưng, tất cả những điều đó đều phải được dừng lại nơi giới hạn sự an, nguy, còn, mất của Quốc-gia, của Dân-tộc. Và, đối với sự an, nguy, còn, mất của cả một Quốc-gia, của cả một dân-tộc, thì những cái danh-nghĩa giả tạm, vay mượn mà những phần tử phản-bội nội tại thường nhảm-danh đầu có thể đem mà so-sánh được.

\* \* \*

Thưa Quốc dân Đồng bào,

Nhân ngày Giỗ Tổ, mỗi người chúng ta hãy tưởng nhớ đến Tổ-Quốc, tưởng nhớ đến công ơn khai sáng của các bậc tiên hiền liệt-sĩ và hãy tự kiểm-điểm phần đóng góp của mình cho Quốc-gia Dân-tộc.

Tôi muốn được lấy những điều đó làm ý nghĩa cho ngày Giỗ Tổ của chúng ta năm nay.

Và, trong ý nghĩa ấy, xin toàn thể đồng-bào hãy cùng tôi cúi đầu tưởng niệm các bậc Quốc Tổ, các tiên hiền liệt-sĩ và cùng nhau quyết tâm hứa nguyện :

Thà chết cho Tổ-Quốc được sống

Quyết hy-sinh cho dân-tộc trường tồn bất diệt.

Thân ái cùng toàn thể Đồng-bào.

†

IV

## DIỄN - VĂN

của Quốc-Vụ-Khanh Đạc-Trách Văn-Hóa

Chủ-Tịch Ủy-Ban Tổ-Chức Liên-Bộ

đọc trong

Lễ Kỷ-niệm Quốc-Tổ Hùng-Vương

ngày 10 tháng 3 năm Kỷ-Dậu ( 26. 4. 1969 )

Kính thưa TỔNG-THỐNG,

Kính thưa Quý Liệt vị,

Lời tục nói : Cây có cội, nước có nguồn.

Cây có cội thì không đổ.

Nước có nguồn thì khỏi cạn.

Nguồn chỉ có một, còn nước thì vô cùng : sông, rạch, ao, hồ, biển to biển nhỏ . . . Ở đất có nước, thậm chí trên trời cũng có nước bởi lẽ

« Nước đi ra biển lại mưa về nguồn ».

Đó là luật phân-hóa đi từ cái Một đến cái Nhiều, từ cái Đồng đến cái Dị. Mỗi phần trong cái Nhiều tùy thời, tùy thế, tùy cơ mà thích-ứng riêng để tồn tại, nhưng đều thích ứng cách nào, vẫn mang trong lòng một phần tinh-anh của cái Một đại đồng.

Cái lẽ hợp quần tương ái « chị ngã em nâng » là vậy.

Ca-dao ta lại còn có câu :

« Bầu ơi thương lấy bí cùng,

Dẫu rằng khác giống nhưng chung một đàn ».

V



Khác giống mà còn lấy chữ thương đãi nhau, hà huống chàng khác giống. « Dân » của tất cả chúng ta, người Việt là đất Phong-Châu, nơi dựng nước của Hùng-Vương lấy tên là Văn-Lang, gồm 15 bộ, bao trùm miền Bắc nước ta hiện nay. Có Phong-Châu của Cờ Sĩ mới có Cờ-Loa. Thành của An-Dương-Vương, mới có Thăng-Long của nhà Lý, mới có Châu Ô Châu Lý của nhà Trần, mới có « Hoành sơn nhất đại » của Chúa Nguyễn, rồi hết mới có lưu- vực sông Cửu-Long. Còn « giống » là đàn con 50 người theo vua Rồng Lạc-Long xuống biển, 50 người theo mẹ Tiên Âu-Cơ lên núi. Vì có đàn con trăm đứa của Cờ Sĩ mới có người Việt ở lưu- vực sông Hồng-Hà, người Việt sống theo dãy Trường-Sơn, người Việt khai khẩn đất Đông-Nai, tất cả xuất phát từ một bọc, gần bó nhau bằng một ngôn-ngữ duy-nhất là điều hiếm có trên thế-giới, so với nhiều dân-tộc khác.

Lẽ dĩ nhiên, phần thuộc Cờ Sĩ có tính-cách huyền-thoại, nhưng thử hỏi lịch-sử nước nào mà chẳng có phần này ? Huống chi, đâu không phải là một sự-kiện chơn xác, huyền-thoại ít nhất cũng chứa đựng một thực tại tâm-lý hiển nhiên. Huyền-thoại là tiếng nói bằng thơ của thực tại tâm-lý ấy. Và thực tại tâm-lý ấy là gì, nếu không là truyền-thống của dân-tộc, là cái mà ai ai cũng đồng ý gọi là hồn nước. Vậy thiết nghĩ, khỏi ngược dòng thời-gian đi khám phá vị Quốc-Tổ ở tận thư, cỏ vật, đặt sử, chúng ta vẫn khám phá và hiện thực được vị Quốc-Tổ ngay ở chính ta. Mỗi người chúng ta há chẳng là một phần thân của Hùng-Vương, tượng-trưng cho giống nòi, là một hiện-thể của hồn nước sao ?

Kính thưa TÔNG-THỐNG,

Kính thưa Quý Liệt vị,

Một dân-tộc đơn nhất về nguồn gốc, ngôn-ngữ, truyền-thống... như dân-tộc chúng ta, nay lại lâm vào cảnh đại phân-hóa, tiểu phân-hóa tranh chấp nhỏ thì xung-đột nội bộ, tranh chấp to thì bắn giết nhau bằng súng đạn. Thật là một đại bất-hạnh chung, nhất là những tranh-chấp ấy không có lý-do chính-đáng. Cấu xé nhau để cho « dân » sắp thì bầu bí sẽ bám vào đầu để leo để sống ?

Đặt câu hỏi đau thương này ra để mà trách không bằng nêu lên để tìm phương giải đáp êm đẹp. Trong cuộc chiến mà người miền Nam chúng ta không phải là người thủ xướng, chúng ta đã và đang thực-hiện những bước hướng về điềm hòa giải dân-tộc. Các chiến-dịch chiêu-hồi liên tiếp chỉ có một tiếng gọi : Tiếng gọi trở về với thiên-lương, trở về với đồng-bào đồng-chung, trở về với nước của Tờ, nói tóm, trở về dưới mái nhà chung để sống cuộc sống chung dài mấy ngàn năm. Thêm vào phương chiêu-hồi này, còn sự chấp nhận tham-dự hòa hội ở Paris, còn lời tuyên-bố sẵn-sàng mật đàm, lại còn Lễ Giỗ Quốc-Tổ hôm nay mà mục-dích đặc-biệt là hiến cho toàn dân một cơ-hội giãc-ngộ, tình gần bó keo sơn của dân-tộc và sự ích-lợi vô song của thiện-chí hòa-bình. Rất mong tiếng gọi của hồn nước sẽ làm lạnh mọi gào thét của lòng tự-ái và mưu đồ chính-trị, để cho giang-san gấm vóc do Ông Cha ta dày công xây dựng khỏi điêu-tàn thêm và hạnh-phúc chung khỏi tiêu tan như mây khói.

Nguyễn hồn thiêng đất nước, hương linh Tờ tiên hộ trì cho điều mong ước này.

Trước khi dứt lời, tôi thay mặt Ban Tổ chức Liên-Bộ, trân trọng cảm ơn TÔNG-THỐNG đã hoan-hỷ đến chủ-tọa buổi Lễ và Quý Liệt vị đã đến tham-dự đông đảo.

LỜI GIỚI-THIỆU THI SĨ VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG  
CỦA GIÁM-ĐỐC NHA VĂN-HÓA

nhân dịp lễ kỷ-niệm Thi-hào Nguyễn-Du ngày 21.09.1969  
(tức 10-8-Kỷ-Dậu) tại Trường Quốc-gia Âm-nhạc Saigon

KÍNH THƯA THỦ TƯỞNG,

KÍNH THƯA ÔNG QUỐC-VỤ-KHANH,

KÍNH THƯA QUÝ-VỊ,

Hôm nay, tôi được hân-hạnh giới-thiệu Thi-sĩ Vũ-Hoàng-Chương.

Tôi xin mạn phép giới-thiệu Thi-sĩ với tư cách Đại-diện ban tổ chức trong buổi lễ này được lòng trong Tuần lễ Văn-hóa.

Thi-sĩ là chỗ bạn cố tri mà tôi quen biết từ lâu, ở những cuộc đàm đạo trực-tiếp hơn qua sách báo.

Tuy nhiên, tôi không nói một chút gì về tiểu-sử của Thi-sĩ mà chỉ nói sơ-lược về tác-phẩm, vì tác-phẩm liên-hệ mật-thiết đến văn-hóa.

Khi còn ở ngoài Bắc, Thi-sĩ cho xuất bản một số tác-phẩm có giá trị, như những thi-phẩm *Thơ Say*, *Thơ Mây*, *Thơ Lửa*, như những kịch-thơ ngắn *Truong-Chi*, *Vân-Muội*, *Hồng-Điện*, *Tâm sự kẻ sang Tần*...

Năm 1954, một biến cố lịch-sử xảy ra: quân Pháp triệt thoái khỏi Việt-Nam. Ông cùng một số văn-nghệ-sĩ di cư vào Nam.

Thi-phẩm đầu tiên ở Miền-Nam của Thi-sĩ là *Rừng-Phong*, do nhà in Phạm-Văn-Tươi xuất bản năm 1954. Năm năm sau (1959), thi-phẩm *Hoa-Đông* ra đời do Văn-Hữu Á-Châu xuất-bản.

Cũng năm ấy, Vũ-Quân được cử đi dự hội-nghị thi-ca Quốc-Tế tại Bỉ.

Năm 1960, ông cho ấn-hành thi-phẩm *Cảm-Thông* được ông Nguyễn-Khang dịch ra Anh-Văn.

Năm 1961, Thi-sĩ cho in tập thơ *Tâm-tình người đẹp* với tiêu-nhan-đề bằng tiếng Pháp *Les vingt huit étoiles*, xin dịch là *Nhị thập bát tú*, gồm những bài thơ thất-ngôn tứ tuyệt, mỗi bài gồm 4 câu, 28 chữ. Thi tứ được đúc kết trong một khuôn khổ nhất-định, và do nữ-thi-sĩ Bỉ Simone Kuhmen dịch ra Pháp-văn.

Từ năm 1962 đến nay, có những tập thơ *Trời một phương* (1962); *Lửa từ-bì* (1963); *Bút nở hoa đàm* (1967); *Cành mai trắng mộng* (1968).

Đặc điểm của thơ họ Vũ là dung-hòa cái cũ và cái mới; có ít nhiều bài thơ được tinh-chất cổ-kính xa-xưa, có một số bài mang chất, liệu mới lạ Tây-Phương.

Thi nhân tiêu-biểu cho hai thế-hệ hiện-tại: Thế-hệ trẻ-trung sống cuồng-nhiệt, yêu say-sưa; thế-hệ già cả khao-khát cuộc đời yên-tĩnh, luận-thường đạo-lý, theo quan-niệm cổ-truyền Đông-Phương.

Thế cho nên thơ của Vũ-Quân được lòng mến chuộng của giới cao tuổi trang-nghiêm cũng như của giới thanh-niên lãng-mạn.

Trong lễ kỷ-niệm Thi-hào Nguyễn-Du này, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa đã có nhã ý mời Thi-sĩ nói chuyện.

Sở dĩ thế, là vì chỉ một thi-nhân mới « cảm thông » được với một thi-nhân khác, mới nói lên được những tinh-tinh sâu-xa, những tư-tưởng cao đẹp trong vũ-trụ huyền-diệu của thơ.

Chúng ta chờ đợi những tinh-ý nhiệm-mầu ấy trong câu chuyện về « *Niềm-tin* ».

Tôi xin trân trọng nhường lời cho một văn-hữu thân-mến: Thi-sĩ Vũ-Hoàng-Chương.



một niềm tin \*

Kính thưa toàn thể Quý vị Thính giả,

Chỉ còn 5 đêm nữa là tới đêm Trung-Thu, nhưng ngay từ đầu tháng 7 Âm-lịch, với tiết mưa Ngâu sùi sụt, với mùa Vu-Lan hương khói u hoài, tâm hồn tôi đã không ngớt rung động trên nhịp cầu liên tưởng dẫn đến một vầng trăng khác ngự trị ở một vũ-trụ khác hẳn vũ-trụ của chúng ta, nhịp cầu mà tôi cảm thấy linh-diệu ngàn lần hơn bất cứ chiếc phi-thuyền không-gian nào do-bộ miền Biên Lặng hay Biên Giông-tổ, linh diệu hơn cả giải lụa dài vô tận đã đưa Đường-Minh-Hoàng lên thường - thức bản ca - nhạc Nghệ-thường-vũ-y theo truyền - thuyết Trung-Quốc, và hơn cả cây đa cổ-thụ do một sức đẩy thần-bí từ lòng Đất Mẹ đã bay vút lên trực-chỉ vùng Quảng-hàn, mang theo Chú Cuội đáng yêu của huyền-thoại Việt-Nam.

Thật thế, vầng trăng mà con người văn-minh đồ bộ được mà Vua Đường cách đây mười mấy thế-kỷ leo tới được, mà Chú Cuội trong cổ-tích của dân ta lên ngôi hóng mát được, vầng trăng ấy dầu sao cũng chỉ

\* Diễn - văn của ông Vũ - Hoàng - Chương đọc ngày 10 tháng 08 năm Kỷ - Dậu (21 - 9 - 1969) tức là ngày kỷ thứ 149 của Thi-hào Nguyễn-Du, tổ chức tại Saigon

là « vầng trăng hàng đêm », một hiện-tượng thiên-nhiên có chu-kỳ đều đặn, là vầng trăng của mọi người trên trái đất, vầng nguyệt-cầu khi tròn khi khuyết, vầng Thái-âm-tinh lạnh lẽo già nua. . . Còn vầng trăng khác mà tôi nói đây, mà tôi hàng liên tưởng đến ngay từ buổi sơ-thu, vầng trăng ngự-trị ở một vũ-trụ khác hẳn ấy, thì luôn luôn chỉ soi tỏ những đường nét trẻ trung, những màu sắc ấm-áp, những tư-thái bất biến, thuần-túy, hồn-nhiên. Vầng trăng đó, như tôi đã có hân hạnh đề cập trước một cử-tọa cũng đồng đảo và thanh-lịch như hôm nay, nhân dịp mùa Thu năm Giáp-Thìn, Tây-lịch 1964, vầng trăng đó, vầng, thưa toàn thể Quý vị, chính là « Núi vầng thi-bá » của Nguyễn-Du tác-giả Đoàn-Trường Tân.Thanh, và cái vũ-trụ đó cũng chính là thế-giới của THƠ, rất có thể được coi như một trong muôn vàn thế-giới song-song với thế-giới của chúng ta, nhưng nó vẫn biệt-lập, không hề chấp-nhận Thời-gian và ba chiều kích-thước của nó phải là : Toàn-Chân, Tuyệt-Mỹ, Chí-Thiện.

Vầng trăng NGUYỄN-DU, một biểu-tượng vượt lên trên cả ý-niệm về biểu-tượng ! Vầng trăng không ngắm được bằng cặp mắt loài người, nhưng hẳn không thiếu gì những ai trong chúng ta, giữa khi tình xuân chớm nở, đã tới được bằng ngã thần-giao, để thấy được qua 14 tiếng vang dội tiềm-thức :

« Gương nga chênh-chếch nhòm song,

« Vầng gieo ngân nước, cây lồng bóng sân.

Hoặc thấy được giữa khi đường dài thăm-thẳm, lòng quê một bước một đau, vầng bóng tối chấp-chờn những gian-nguy, cạm-bẫy :

« Đêm thu khắc lậu canh tàn,

« Gió cây trúc lá trăng ngàn ngậm gương.

Hoặc nữa, sau lúc chia tay cùng bạn tình, phâng-phật như cánh :  
Người lên ngựa, kẻ chia bào, rừng phong . . . để rồi cảm thấy :

« Vầng trăng ai sẽ làm đôi,

« Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường.

Ai kia trong cuộc, gổi chiếc sàu miên hay dậm trường thẳng ruồi, tôi tin rằng cũng đều có một vầng trăng sè nửa như vậy trong tâm-tư, bắt-chập hình-thể của nguyệt-cầu đang lơ lửng trước mắt : đầy khuôn rằm hay voi đến mức chẳng còn lấy một vệt cong, le.ló !

Vầng trăng NGUYỄN-DU quả nhiên đã gắn liền vào đời sống tình-cảm của chúng ta. Là trí-thức hay dung-phu, là dân thành-thị hay thôn-ấp buồn bán, và ngay cả những ai đang chịu cái số phận chìm Việt chưa bay được về cảnh Nam, tất cả đều ngấm chất men của thể-giới THƠ, và được NGUYỄN-DU, trong một cơ-duyên may mắn nào đó, soi đường cho nhạc-nhơn phàm-thân để họ có dịp sống đích thật giữa một hào-quang đích thật.

Kính thưa Quý vị,

Câu nói « NGUYỄN-DU là một vầng trăng khác ngự-trị một vũ-trụ khác », tôi đã phát-biểu trước đây 5 năm ; thật là hân hạnh cho tôi hôm nay lại được cơ-hội khai-triển câu nói đó trong buổi tưởng-niệm đặc biệt này, vì hôm nay, ngày 10 tháng 8 Âm-lịch năm Kỷ-Dậu của hậu-bán thế-kỷ 20, cũng là ngày kỵ thứ 149 của Tổ-Như-Tử, thi-bá làng Tiên-Điền.

Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa lại đứng ra tổ-chức và trao nhiệm-vụ « dâng-đàn » cho tôi, đủ biết điều hân-hạnh tôi vừa nêu lên càng phải được tô đậm ý nghĩa.



Ý nghĩa đầu tiên mà ai cũng nhận thấy rõ là buổi nói chuyện này thuộc phạm-vi TUẦN-LỄ VĂN-HÓA vừa khai-mạc xong, một tuần-lễ bừng sáng lên như một thông-diệp ngắn trên giông lịch-sử đang mơ về chiến-thắng oanh-liệt cách đây 180 năm nhưng đồng thời cũng đang chờ lắng dịu những tiếng vàng, tiếng sắt.

Vâng ! Kỷ-Dậu là một niên-biểu tỏ ra nhiều dư-âm gợi cảm bậc nhất, vì nó nhắc nhở trận Đông-Đa của Quang-Trung Hoàng-Đề : Mùa Xuân Kỷ-Dậu thuở nào xưa ! . . .

Vậy mà giữa mùa Thu Kỷ-Dậu năm nay chúng ta lại dựng Tuần-Lễ Văn-Hóa thành một hồ-âm, một vang-dội chính-thức của võ-công tối-thượng kia, thật là một bất ngờ thú-vị ! Đủ hiểu chúng ta nặng lòng với Văn-Hóa lắm. Và cũng bởi thế, tôi đã mạnh dạn đặt nhan-đề cho câu chuyện hôm nay là :

NGUYỄN DU, MỘT NIỀM TIN.

Thưa Quý vị,

Lẽ đương nhiên một NIỀM TIN phải được lồng vào một báu-vật mệnh-danh là CỬA TIN ; phần chứa đựng và phần chuyên-chở khó mà tách rời, chẳng khác linh-hồn với thể-phách. Cho nên tôi xin mời Quý vị cùng ngấm lên trong tâm-tưởng, trong ý-hướng cao-đẹp của một dân-tộc bất-khả-phân :

*Rằng : Trăm năm cũng từ đây,*

*Của Tin gọi một chút này làm ghi.*

Ngấm lên để cùng xác-tin rằng 2 chữ « Trăm năm » của tác-giả không hề đồng-nghĩa với khoảng thời-gian đúng một trăm lần trái đất xoay chung quanh mặt trời. Của Tin mà tác-giả muốn trao, ấy là trao về cho tất cả những ai đến sau tiên-sinh, đầu trăm năm, ngàn năm, vạn năm sau đi nữa !

Hệt như trường-hợp tiên-sinh đã mở vào thi-phẩm ĐOẠN-TRƯỜNG-TÂN-THANH cũng bằng 2 chữ ấy :

*Trăm năm trong cõi người ta*

*Chữ Tài chữ Mệnh khéo là ghét nhau.*

Đến đây, hẳn Quý vị đã cùng linh-cảm với tôi rằng Thi-hào NGUYỄN-DU trước khi nhắm mắt ngày 10 tháng 8 năm Canh-Thìn, tức là Minh-Mạng nguyên-niên, đã ước-vọng trao về các thế-hệ mai sau MỘT NIỀM TIN, và CỬA TIN lãnh phần chuyên-chở NIỀM TIN này chính là thi-phẩm ĐOẠN-TRƯỜNG-TÂN-THANH, cũng là huyết-lệ của tiên-sinh, là tinh-hoa của tiếng mẹ đẻ, xứng với phần chứa đựng, nó là

một bài học đa-diện, nhưng mặt nào cũng như tấm gương sáng nẻo cho mọi thế-hệ tiến tới đỉnh cao nhất của giá-trị con người; từ thế-hệ Cao-Bá-Quát cho đến những thế-hệ Nguyễn-Khuyên, Tân-Đà, rồi Nhật-Linh, Nguyễn-Bình, và thế-hệ chúng ta hôm nay... cùng biết bao thế-hệ con cháu chúng ta nữa.

Người trao NIỀM TIN quả nhiên đã thu-phục được lòng tin của đương-thời và hậu-thế. Không tin sao được, khi người ấy là NGUYỄN-DU! Giọng-giỏi ấy, thân-thể ấy, tâm-hồn ấy... « Còn điều chi nữa mà ngờ! »

Vâng, giọng họ NGUYỄN của tiên-sinh, ngay từ thế-kỷ 18 đã chói-lòa danh-vọng, chẳng những riêng vùng Nghệ, Tĩnh mà còn vào sâu đến Thuận-Hóa và tràn ra khắp giang-sơn của Vua Lê. Một dòng họ văn-chương lồi-lạc, tài-bộ tuyệt-vời, bao quát được cả 2 ngành: chữ Nôm, chữ Hán.

Thân phụ tiên-sinh, Cụ Hoàng-giáp Xuân Quận-Công, chẳng đã viết bài phú « Không-Từ mộng Chu-Công » để giải-bày chính-nghĩa, văn-khí hùng-hồn quán-tuyệt đó ư? Trường-huynh tiên-sinh, Ông Tiến-sĩ Kiều Nhạc-Hầu, chẳng đã cùng ngâm-vịnh xướng-họa với Chúa Trịnh-Sâm; thi-tài mẫn-tiếp còn khắp nơi truyền-tụng. Cả đến các cháu gọi tiên-sinh bằng chú ruột như Nguyễn-Thiện, Nguyễn-Đạm, cũng nổi tiếng về từ chương; người thi nhuận-sắc truyện Hoa-Tiên, kẻ thi sáng-tác Quan-Hải-tập, Minh-Quyên-phở, dự vào hàng « Ngũ-Tuyệt của phương Nam », cùng với tiên-sinh; nghĩa là 2 chú cháu tiên-sinh lúc bấy giờ đã chiếm hết 2 trong số 5 ghế dành cho các bậc thơ-văn lừng-lẫy nhất nước ta.

Đến như thân-thể tiên-sinh, thiết-tưởng bất cứ ai đã biết qua một vài nét chính-yếu cũng phải dốc lòng tin-nhiệm rồi.

Vâng! Con người càng từng-trải bao nhiêu, càng chìm nổi bao nhiêu, lời nói ra càng có sức nặng, câu thơ viết ra càng xúc-tích, lẽ thật muốn đời, giá-trị còn hơn cả châu ngọc.

Vậy mà, trong khoảng thời-gian từ niên-hiệu Cảnh-Hưng thứ 26 của triều Lê cho đến niên-hiệu Minh-Mạng thứ 1 của triều Nguyễn, hỏi

còn ai từng-trải việc đời hơn tiên-sinh, chìm nổi theo vận-mệnh dân-tộc hơn tiên-sinh, đủ uy-tin hơn tiên-sinh để hạ bút viết:

*Trái qua một cuộc bề dâu,*

*Những điều trông thấy mà đau đớn lòng...*

Tiên-sinh đã thanh gươm yên ngựa trong buổi loạn, đã không nhọc quân-mệnh khi lãnh cờ sứ-tiết trong thời bình. Cảnh gia-tộc lìa tan, sinh-ly nhiều ngang tử-biệt, giả dụ tiên-sinh phải viết một bài văn khố cháu ruột, hẳn phần thống-thiết lâm-ly còn hơn cả bài « Tế Thập-nhị-lang » của Hàn-Dũ đời Đường. Cảnh vợ con dối rách kéo dài hàng tháng hàng năm, giả dụ tiên-sinh chịu ghi lại tường-tận bằng lời thơ, dám chắc thơ Đỗ-Phủ khi lưu-lạc ở Ba-Thục nhớ về Trường-An cũng không bi-thảm hơn mấy nỗi!

Mà tiên-sinh quả nhiên đã ghi lại trong ít bài thơ Hán, và đây là mấy câu rút ở cuốn Nam-Trung tạp-ngâm, nghĩa là giữa khi thiên-hạ lâm tường tiên-sinh đang được chữa chạn ơn Vua lộc nước ở kinh-đô Phú-Xuân, áo mũ xênh-xang dưới triều Nguyễn:

*Đình-dông châm-chữ thiên gia nguyệt*

*Tiêu-táp ba tiêu nhất viện phong*

*Thập-khâu đề cơ Hoành-lĩnh Bắc*

*Nhất thân ngoại bệnh Đễ-thành Đông.*

Tạm dịch là:

*Tiếng chày nện nguyệt nao nao*

*Gió lay tàu chuối giạt-giào cơn mê*

*Gào cơn mừi miệng ngoài kia*

*Trong này thân bệnh kéo lê Cửa Trời.*

Ngay chính tiên-sinh cũng đâu có lạ gì cái cảnh « lừa cơ đốt ruột »! Chẳng vậy sao có những câu như:

*Táo đầu chung nhật vô yên hỏa*

*Song ngoại hoàng hoa tú khả san.*

Nghĩa là:

*Lạnh tan lừa bịp ngày qua*

*Hoa vàng bên cửa ngắm mà thấy ngon...*

Có thể nói bao nhiêu cảnh nào ở thế-gian này, tiên-sinh đều trải hết, đều thấu hiểu tận cùng. Lượng được mỗi phần-ứng của con người trong mọi cảnh ngộ, tiên-sinh đủ thâm-quyền hơn bất cứ ai đề nhắc đến chữ Nghiệp của nhà Phật và khuyên nhủ rằng :

*Đã mang lấy Nghiệp vào thân*

*Cũng đừng trách lẫn Trời gần Trời xa.*

Thuộc vào một giòng-giới như vậy, có thân-thể như vậy, tiên-sinh lại còn chứng tỏ một tâm-hồn thi-sĩ với những ý-nghĩa tốt đẹp nhất của danh-từ này. Để mà ai giàu tình-cảm hơn tiên-sinh, thứ tình-cảm tế-nhị, lãng-mạn của một công-tử phong-lưu, biểu-lộ qua những lời giả thác một gã trai phường nón gửi cho một cô gái phường vải xã Trường-Lưu, những lời đưa duyên bằng văn điệu :

*Trăng tà chênh chếch bóng vàng*

*Dừng chân thoạt nhớ đến đàng cửa trường*

*Thần thơ gói chiếc màn sương*

*Rối lòng như sợi ai giường cho xong !*

Những cô gái phường vải của Đông, Tây, Kim, Cờ, những giai-nhân của khung cửi máy dệt, thoi chỉ guồng tơ trên mặt đất này, cả ức, triệu cô chưa chắc đã có lấy một cô may mắn được tình-lang gửi cho những lời yêu-đương thi-vị mà sôi nổi đến thế ! Ai kia xã Trường-Lưu khoảng cuối thế-kỷ 18, đầu có đứt ruột vì tiên-sinh, tưởng cũng sẵn sàng coi đó như một diễm-phúc. Thật đúng với trường-hợp trong thơ Tây-Sương :

*Phong-lưu công-tử đa xuân-tú*

*Trường-đoạn tiêu-nương nhất chỉ-thư.*

Nghĩa là :

*Tình xuân cậu ấm vương tơ*

*Cô em đứt ruột mảnh tờ ai trao . . .*

Lạ ở chỗ tâm-hồn lãng-mạn này không hề tan vào biển ái, mà đã lớn dần lên, cao vút lên nhịp theo những đờ vờ ghé gớm của thời-cuộc. Đòi phen hơi may lạnh buốt, cõi Dương bắc cầu sang cõi Âm, tôi lần giờ

bài văn tế Thập-loại chúng-sinh của thi-hào NGUYỄN-DU mà bất-giác ngừng đầu lên cái thế-giới ở ngoài cả ba ngàn thế-giới kia, để chiêm-ngưỡng chiếc bóng lớn của tiên-sinh đang ngồi, trầm-mặc như một ngọn núi, đưa con số những đỉnh chót vót của giải Hồng-Linh từ 99 lên chẵn 100. Và tôi chờ nghe tiếng vọng của tâm hồn con người đóng vai Hồng-sơn-liệp-hộ 10 năm cô-đơn, tiếng vọng của một tâm-hồn cao-ngạo mà khoan-dung, cứng cỏi mà êm đềm, một tâm-hồn « xuất THI nhập ĐẠO ». Đã có ai cùng nghe với tôi chăng :

*Nhất thiên minh-nguyệt giao tình tại*

*Bách lý Hồng-sơn chính-khi đồng*

*Nhơn đề phù-vân khan thế-sự*

*Yêu gian trường-kiếm qudi thu-phong*

Tạm dịch là :

*Sánh vai một cõi trăng đầy*

*Non Hồng kia chính-khi này vắt ngang*

*Chuyện đời mây nổi chỉ màng*

*Giương đeo cả trận gió vàng sau lưng . . .*

Tâm-hồn tiên-sinh mới thật là sợi dây mắc trên cây độc-huyền-cầm của dân Việt, chỉ một dây mà ức, triệu cung bậc, khi hùng-dũng, khi bi thương, chính là cái Bi cái Dũng của đạo Phật, hết thầy đều thấm đượm tinh thần nhân-bản của Văn-hóa Á-Đông.

Tiên-sinh thừa biết, như Thánh-Thần đã từng biết rằng : « Người xưa không thầy ta, người sau cũng không thấy ta », nhưng tiên-sinh vẫn thành-khản, vẫn nghiêm-chỉnh hòa lệ than khóc Đỗ-Thiếu-Lãng, khóc Tam-Lưu-Đại-Phụ, khóc nàng Tiêu-thành bạc phận. Và trên giường bệnh, trước giây phút lìa đời, tiên-sinh còn ngâm lại 2 câu kết bài thơ hàng điếu « Người xưa » đề nhắc nhở cho những ai là « người sau » hãy trân trọng lấy « của tin một chút », đừng phụ lòng kẻ trao MỘT NIỀM TIN, đừng hồ-hững lãng xa nhịp cầu huyết-lệ dẫn đến Tô-Như-Tử :

Bất trí tam bách dư niên hậu  
Thiên-hạ hà nhân khắp Tố Như !

Tam dịch là :

Rồi ba trăm năm sau đây  
Còn ai khóc Tố-Như này nữa chăng !

Từ đó đến nay mới 149 năm, vừa 1 thế kỷ rưỡi, nhưng theo thiên-ý, dầu bao nhiêu thời gian đi nữa, nhịp cầu huyết-lệ dẫn tới vòng trăng NGUYỄN-DU vẫn rất đông người chen bước, vì những ai đồng-thời với tiên-sinh cũng như tất cả những thế-hệ nối tiếp, kể cả chúng ta hôm nay ai mà do-dự không tin, một con người hiện ra trước mắt Lịch-sử với giòng-giỏi như vậy, thân thể như vậy, tâm-hồn như vậy ?

Người tuy đã mất, của tin vẫn còn, vẫn được trân-trọng gìn-giữ và phát-huy từng khía cạnh hào-quang. Không phải trước tiên-sinh dân-tộc ta coi thường tiếng mẹ-đê, không phải trước tiên-sinh thế ca lục-bát chưa lưu-hành và được ưa thích, nhưng phải nhận rằng từ sau lúc tập truyện nôm mang nhan-đề KIM-VĂN-KIỀU tân-truyện dưới triều Vua Minh-Mạng, rồi nhan-đề ĐOẠN-TRƯỜNG TÂN-THANH dưới triều Vua Tự-Đức, dân-tộc ta vững tin vào ngôn-ngữ của mình hơn, và tin vào khả-năng truyền-cảm đặc-biệt của thể văn-văn « Trên 6 dưới 8 », chẳng còn nghi đó là thể « vè », thuận miệng là đọc ra được, « nôm-na mách-qué », trẻ con cũng làm nổi, v.v...

Chứng cớ là sau khi ĐOẠN-TRƯỜNG TÂN-THANH bay vút lên như một tiếng hô lớn vang dậy núi sông, đã có biết bao nhiêu tiếng hưởng-ứng tạo nên một hợp-tấu vĩ-đại chưa từng thấy bao giờ. Nào Mai-Đình-Mộng-Ký của Nguyễn-Huy-Hồ, Nhị-Thập-Tứ-Hiếu của Lý-Văn-Phúc, Lục-Văn-Tiên của Nguyễn-Đình-Cổ-lưu, Hà-Thành Chính-Khi-Ca của Nguyễn-Văn-Giai. Sang thế-kỷ 20, Tân-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu chẳng đã được đưa lên tột-đỉnh danh-vọng, nhờ những bài lục-bát đó sao ? Há chẳng phải vì Dân-Tộc ta vững tin ở thể văn này mà lời Từ-khúc của Tân-Đà mới đem ra vấn thể chiếu hôm sớm mai đã được chấp nhận ngay coi như bạn cố-tri lâu ngày cách xa, nay vừa có cơ-duyên tái-ngộ.

Từ vào thu đến nay  
Gió thu hiu hắt  
Sương thu lạnh  
Trăng thu bạch  
Khói thu xây thành  
Lá thu rơi rụng đầu gành  
Sông thu đưa lá bao ngành biệt ly . . .

Rối phong trào Thơ mới bùng lên như sấm-sét, lật đổ cái địa-vị gần như chính-thức của thơ Đường luật thất-ngôn bát-cú, để thay thế bằng những thể thơ gieo vần khác hẳn, đặt câu khác hẳn, lựa chữ khác hẳn . . . Phong-trào đã thành công rực-rỡ, quả là một cuộc cách-mạng thơ-ca khời không làm thì nhiều độc-giả chỉ mê Thế-Lữ qua bài Tiếng-sáo Thiên-Thai, và thường-thức Huy-Cận trong những bài Ngâm-ngộ, Thu rừng, Đạp xưa . . . Nghĩa là những bài viết theo thể « trên 6 dưới 8 » !

Cho đến chiều hôm qua tôi còn nghe đâu đó từ máy truyền-thanh, từ máy truyền-hình, từ vô số cuộn băng nhựa, vang ra những câu thơ-phò nhạc vi-vút tình-tử như :

Trời cao xanh ngắt, ô kìa  
Hai con hạc trắng bay về Bồng-Lai . . .

Hoặc :

Ngủ đi em, mộng bình thường  
Ra em sẵn tiếng thùy-dương mấy bờ . . .

Thì ra các nhà Thơ mới cũng đã hiểu cái giá-trị độc đáo tỏa ra từ « chút của tin » mà thi-hào NGUYỄN-DU trao về cho họ để họ trân trọng gìn-giữ, phát-huy, rồi trao lại cho những ai đến sau họ.

Cùng một lúc với Thế-Lữ, Huy-Cận, còn có cả Đình-Hùng, Hồ-Dzếnh, Lưu-Trọng-Lưu, Bằng-Bá-Lân, và nhất là Nguyễn-Bình. Tập Lữ bước sang ngang của nhà thơ này chẳng đã làm rơi lệ biết bao sinh-viên, học-sinh, thôn-nữ và được in đi in lại không biết đến lần thứ mấy mươi, bất

chấp mọi chủ-nghĩa, mọi chia cắt. Ngay bên tai tôi, người ta còn đang rót vào những câu như :

*Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông*

*Câu thôn Đoài nhớ trầu không thôn nào ?*

Từ 1956, Thơ tự-do nổi lên thành phong trào, nhất định gạt bỏ những thể thơ đã có từ trước. Nhưng chỉ một vài người là thật-sự có can-đảm quay lưng lại thể lục-bát cổ-hữu mà thôi. Và cũng chỉ một vài năm sau, trên thi đàn miền Nam lại tràn ngập những tiết điệu quen-thuộc, do những cây bút trẻ nhất, hăng hái đời mới nhất : Cung-Trầm-Tường, Huy-Lục, Tuệ-Mai v. v. . . , hàng ngũ vô cùng đông đảo. Rồi Trần-Tuấn-Kiệt, Bùi-Giang, 2 nhà-thơ hầu như chỉ gán bó với « lục-bát », coi đó là ngôn-ngữ chính thức của mình. Đến hôm nay thì có thể bảo thơ Lục-Bát đã trở thành « thơ hôm nay », vì lớp trẻ đang mê nó hơn cả mê sự-nghiệp, mê giai nhân. Tập « Lục-bát-ca » của Luân-Hoàn và Lê-Vinh-Thọ do Vinh-Điện phổ-nhạc, trình-bày tại Đà-Nẵng ngày 27 tháng 7 vừa qua, đông đảo ngoài dự-tính, gây xúc-động đến mức được coi như buổi « Thơ nhạc quê-hương », thiết nghĩ chẳng còn bằng chứng nào xác-đáng hơn thế. Không phải Thơ tự-do bị bỏ rơi ! không ! Thanh-Tâm-Tuyền, Nguyễn-Sa vẫn được ưa chuộng lắm. Nhưng điều cần ghi nhận là thơ lục-bát chẳng bao giờ ngớt tuôn trào tiếng nhạc trầm dịu tha-thiết của nó trong mạch máu dân-tộc này « Chút của tin » mà Nguyễn-Du trao lại chẳng bao giờ bị lãng quên. Nhất là trong lòng những cuộc bể dâu tàn-khốc đau đớn, nó càng đau đớn, nó càng sáng lên như mặt trời, mặt trăng, hay nói cho đúng hơn, như hàng hàng châu lệ của đất nước.

Quả nhiên là :

*Mắt người còn chút của tin. . .*

*. . . Cũng là máu chảy ruột mềm chỗ sao !*

Vâng, thưa quý vị, ĐOÀN-TRƯỜNG TÂN-THANH chính là một của tin viết ra bằng máu để chuyên-chở « tiếng kêu đứt ruột » của con người muốn vượt ra khỏi những tan-vỡ của nước Việt.

Tiếng kêu đứt ruột ấy mà : đầu tòa ra khắp 3254 câu thơ, nhưng điềm xuất phát chỉ nằm trong 14 chữ :

*Gấm từ gây việc binh đao*

*Đông xương vô-định đã cao bằng đầu*

Và những lời máu chảy ruột mềm của Thi-hào NGUYỄN-DU, những lời gửi nhân đau xót tới van nài kia, thiết tưởng cũng tóm tắt được vào 2 câu thơ kế tiếp :

*Làm chi để tiếng về sau*

*Ngàn năm ai có khen đầu Hoàng-Sào*

Vâng Thi-hào NGUYỄN-DU viết Đoàn-Trường Tân-Thanh, đầu phải chuyển 1 tháng, 1 năm ! Tiên-sinh đã « viết » cùng một lúc với « nghĩ » và « sống », nghĩa là ngay từ buổi chưa ra làm quan với nhà Nguyễn cũng nên ! Và, như thế, không lẽ nào Tiên-sinh chỉ vì cá-nhân mình mà viết. Nếu chỉ là tâm-sự cá-nhân : thờ than kẻ-lẽ biền-bạch v. v. . . thì dám chắc ông Tấn-sĩ triều Lê Phạm-lập-Trai, người nhất định từ chối sự hợp tác với triều Nguyễn, đã chẳng khi nào nhận lời ủy-thác của tiên-sinh, để cho ấn-hành ngay tập truyện nôm kia, chỉ vài ba năm sau lúc tiên-sinh buông tay nhắm mắt. Và cũng dám chắc rằng khi « bản Phường » đã được phổ-biến ít lâu, vua Tự-Đức đã không quan trọng hóa vấn-đề đến mức hạ lệnh thâu hồi những ấn-bản đó rồi thay thế bằng « bản Kinh », nghĩa là ấn-bản thực-hiện ngay tại kinh-đô Phú-Xuân, với nhiều đoạn, nhiều câu thêm bớt, sửa đổi, cắt sớt, chẳng khác gì 1 đơn thuốc do 1 lương-y trước kia đã thạo ra cho bệnh-nhân, nay bị ông thầy khác gia-giảm, điều-chỉnh lại cho vừa ý mình.

Xét như vậy, tập ĐOÀN-TRƯỜNG TÂN-THANH hoặc KIM-VÂN-KIỆU TÂN-TRUYỆN, hoặc nữa TRUYỆN-THỦY-KIỆU, hay TRUYỆN-KIỆU như cách gọi nôm-na của dân-chúng, tập truyện ấy tiên-sinh phải đã viết ra vì Dân-tộc, cho Dân-tộc. Và điều mong-mỏi lớn của tiên-sinh phải là :

*Vườn xuân một cửa đề bia muôn đời.*



Thật thế, tình-hình nước ta vào những năm cuối triều Tây-Sơn và những năm đầu tiên của triều Nguyễn là một tình-hình ra sao? Thái-độ của người dân nước ta lúc ấy là thái-độ nào? Thiết tưởng ngay đến chúng ta hôm nay lắng nghe về còn thấy đậm nhói tim óc cả 13 cái đỉnh nhọn mà danh-sĩ Ngô-Thì-Nhậm đã ụng-dung nện vào trang sử Giồng-nòi:

Thế Chiến-quốc, thế Xuân-thu, gặp thời thế thế thời phải thế.

Chúng ta còn nghe thầy qua thời-gian, hướng-hổ tiên-sinh lúc đó lại chẳng nghe thấy 13 âm-hương ghê-gớm kia hay sao! Tiên-sinh mặc dầu không thỏa-hiệp với triều Tây-Sơn như Ngô-Thì-Nhậm đã thỏa-hiệp, nhưng cái « thế » của thiên hạ, tiên-sinh đã cân nhắc kỹ-lưỡng hơn bất cứ ai, đã đặt thành cả một hướng suy-tư thường-trực. Biết bao đêm trắng, hoặc trên giải Hồng-Linh, hoặc ở Phú-Xuân, ở Thăng-Long, hoặc ở Trương-dàm, ở Yên Kinh bên Trung-Quốc!

Đó là cái thế « Hợp một » sau nhiều năm « chia lìa », và nếu cân nhắc phần ưu liệt thì hẳn là « Đàng Trong » đã rậm ru-thế rồi. Dân « Đàng Ngoài » không lo buồn sao được:

*Thế trong dầu lớn hơn ngoài  
Trước hàm sư-tử gửi người đàng-la  
Cái đầu luôn xuống mái nhà  
Đấm chua lại tội bằng ba lứa nông . . .*

Ngay cả những ai chẳng dính-liú gì với Tây-Sơn, triều-đại nhà Nguyễn gọi là « ngụy », coi là kẻ thù bất cộng đái-thiên, và sau khi đắc thắng đã theo đuổi cuộc trả thù một cách tàn-khốc, dai dẳng chưa từng thấy; những ai đó, dầu dân-chúng dẫu sĩ phu, bày tôi nhà Lê buổi trước, không nhiều thì ít cũng còn hãnh-diện về việc Lê-Thái-Tổ đánh đuổi giặc Minh, Lê-Thánh-Tôn mở mang Văn-hóa; những ai đó . . . bản số-phận cũng chỉ là:

*Bỏ thân về với triều-đình  
Hàng thân lơ lảo phận mình ra dẫu!*

Mặt khác, những bày tôi gan ruột, những khai-quốc công-thần của Nguyễn-triều, những người « Đàng Trong » từng đã theo phò vua Gia-

Long ngay từ thuở bôn-ba nguy-ngập, tránh sao khỏi một số hẹp lượng bao dung, thiếu lòng giác ngộ rồi bị thành kiến che mờ cả ý-thức Dân-tộc thiêng-liêng! Tránh sao khỏi một vài hành-động nói lên sự kỳ-thị của kẻ « mừng thắm cò đã đến tay » tha hồ « bắt khoan bắt nhặt...»

Tuy nhiên, vị Hoàng-đế sáng lập ra triều Nguyễn, gồm thâu cả Đàng-Trong Đàng-Ngoài, thì quả là khôn-khéo rất mực. Dân-sĩ Bắc-Hà còn mong rằng:

*Như chàng có vững tay co  
Mười phần cũng đắp điểm cho một vài.*

Mà . . . « Chàng » đã đắp điểm cho thật đầy! Di-hải Lê-Chiêu-Thống chàng đã được vua Gia-Long cho phép đưa từ Trung-Quốc về tận quê cha đất-tổ là vùng Lam-Sơn, và mai táng thật trọng-thể với nghi-thức bậc Vương-Công đó sao? Nhưng, « chàng » có đắp điểm cũng chỉ « một vài » thôi; hy-vọng nhiều quá . . . đâu có được!

Kết quả là tâm-trạng của dân-tộc ta lúc ấy chưa xót hoang-mang đến cùng cực, nhất là ở Đàng-Ngoài. Dễ gì người ta đã quên vua Lê chúa Trịnh, với thời vàng son của Thăng-Long nay bỗng trở thành cố-đô! Ngay cả Quang-Trung Hoàng-đế của triều Tây-Sơn, mặc dầu người ta không ưa ngay từ buổi đầu tiên ra Bắc dưới danh-nghĩa bào-đệ của Thái-Đức-Hoàng-đế Nguyễn-Nhạc, đem theo đoàn quân mũ lông áo đỏ, làm li xa lạ, có vẻ một đoàn quân viễn-chính nào, như Đại-Nam quốc-sứ đã chép:

*Quân dung đầu mới lạ như rồng  
Mũ mao áo đỏ chặt đường kéo ra . . .*

Nhưng chiến-thắng oanh-liệt ở Đông-Đa vẫn thỏa-mãn lòng tự-ái dân-tộc nên người ta vẫn ngắm-ngắm cảm phục; dễ gì ai sớm quên dẫu! Mầm rối loạn chia rẽ hầu như đang này nở một cách nguy-hiêm. Cái « thế » ấy thật không khác cái « thế » của nước Trung-Hoa, khi già đình-trưởng Lưu-Bang nhất thống được giang-sơn đề về sau được gọi là Hán Cao-Tô.

Vắng cuộc Hán Sở tranh hùng chấm dứt, người dân Trung-Quốc ai chẳng vui mừng trong giấc mơ « đại-định », nhưng bảo rằng họ mười phần ưa thích nhà Hán, căm thù triệt để bọn Tây-Sở Doanh-Tân, và lãng quên hết công nghiệp của nhà Chu thuở xưa, . . . thì điều đó nhất-định không đúng.

Cho nên thi-hào NGUYỄN-DU của chúng ta trên bước đường đi sứ Yên-Kinh năm Quý-Dậu niên-hiệu Gia-Long thứ 12, qua miếu Tây-Sở Bá-Vương Hạng-Vũ, từng đã ghi lại cảm-hứng vào lời thơ :

*Cờ kim vô ná anh hùng lệ  
Phong vũ không văn sắt sá thanh*

Nghĩa là :

*Xưa nay trên nẻo vẫy vùng  
Sa cơ biết mấy anh-hùng lệ rơi  
Ngàn sau hận ấy chưa vơi  
Còn nghe quát thét vang trời gió mưa.*

Trong chúng ta, ai đã đọc qua tập Truyền-Kỳ, Mạn-Lục hẳn chưa quên bài thơ của Hồ-Tôn-Thước riêu cọt mai mỉa Hạng-Vương như thế nào rồi giấc chiêm-bao đêm ấy họ Hồ bị Phạm-Tăng hiện hồn về thuyết phục ra sao. Phạm đã bênh vực chủ mình bằng cách so sánh tài đức của Hạng-Vương cùng Lưu-Bang, lý-luận chặt chẽ hùng-biến như chém đinh chặt sắt. Thì ra Lưu có hơn gì Hạng đâu ! Tài đức kẻ thắng còn kém cả người bại nữa là khác.

Suy ra Triều Nguyễn cũng chưa chắc đã hơn gì Tây-Son . . . Bởi vậy, các vua Minh-Mạng, Thiệu-Trị, Tự-Đức vẫn nổi trận lôi đình khi đọc tới đoạn :

*Chọc trời quấy nước mặc dầu  
Dọc ngang nào biết trên đầu có ai*

tuy rằng ngay ở đoạn tiếp theo, tác-giả Đoạn-Trường Tân-Thanh đã phải gián-tiếp vuốt-ve xưng-tụng

*Rằng ơn thánh-để đời-dào  
Trời ra đã khắp thấm vào đã sâu . . .*

Cơn lôi-đình từ trên chín bề dễ chuyển thành bữa riu thọ sự : tiên-sinh bị kết tội vắng mặt là « kẻ bày tội bất thần ». Dù thấy tiên-sinh cũng đã « trị bi tri kỷ » biết bao, khi quyết định chỉ cho Tiếng kêu đứt ruột kia được phép vang lên sau lúc chính tiên-sinh nằm xuống !

Tuy nhiên, mượn những diễn-biến của một sự-tích sẵn có để khơi gợi sao cho người đọc phải hướng giòng tình-cảm theo ý mình điều ấy đâu có dễ ! Nhất là khi tiên-sinh muốn xóa mờ cái mặc cảm tự-ti đau xót ghê-gớm của những ai nặng lòng với Lê-Chiêu-Thống, đồng thời hạ thấp cái thần-tượng cuối cùng này trong lòng một số người cố-chấp, như bọn Phạm-Thái chẳng hạn, bọn người khăng-khăng ôm chí « Tôn Lê Kháng Nguyễn » cho đến cùng, mặt khác nữa lại thuyết-phục một số người vẫn lớn tiếng khếp tội vua Lê, nào « công răn cản gà nhà », nào « rước voi dầy mã tề » . . .

Quả là khó thật ! Một điều thiên nan vạn nan ! Nhưng nếu đành chịu bó tay, hỏi có khác gì mặc sức cho bao nhiêu ý-nghĩ đen tối kể trên mỗi ngày một lan rộng vậy khắp ? Dân-tộc chừa-rẽ trầm-trọng, người có tâm huyết chẳng biết đem dùng vào đâu, bo-vơ giữa lòng một tàn kịch bi thảm bậc nhất của lịch-sử.

Vắng thừa Quý vị, điều thế tất phải làm ày quả là vô hạn khó khăn ! Vì ai đã đọc qua trang sử « những ngày tàn của Lê-Chiêu-Thống » đều thấy rõ Lê-Hoàng không xứng đáng với quốc-dân : nhà vua ra đón quân Mãn-Thanh, mượn sức chúng để hồng khôi phục cơ-nghiệp, rồi tự đặt vào tình-trạng lệ thuộc tới mức giầy tờ của nước mình mà phải dùng niên-hiệu Càn-Long, còn chính mình thì ngày ngày phải đi bộ sang châu chực viên Tổng-Đốc Lưỡng-Quảng Tôn-Si-Nghị. Dân-chúng đất « ngàn năm văn vật » lúc ấy đã tủi nhục uất-ức hơn bất cứ người dân vong-quốc nào. Lại nữa, nhà vua còn hiệu-hiệu tự đắc dựa vào Mãn-Thanh để tác oai, tác phúc trả thù, trả oán đến máu đồ thịt rơi, tàn-nhân một cách ầu-trĩ quá sức tưởng-tượng !

Kịp đến lúc gò Đống-Đa ngất cao xác giặc, nước sông Hồng nhuộm đỏ máu cường-lân, nhà vua lại bám vào cái bóng mờ hi-vọng nơi vật áo

Tôn Tông-Đức đi rồi sau đó, từ Lương-Quảng tới Yên-Kinh, phải gánh chịu đủ mọi lạng nhục khinh miệt, nào là cắt tóc ngắn, mặc theo lối Mãn-Thanh, nào là cúi lạy gào khóc xin viện binh dưới cặp mắt lạnh nhạt của họ, là nào vua tôi bị phân tán mỗi người một nơi . . . , còn chỉ thế-diện của một vị Hoàng-đế phương Nam nữa !

Ai cũng trách Lê-Hoàng sao lại bám theo Tôn-Sĩ-Nghị về Trung-Hoa. Phải chăng vì trước kia Thái-hậu đã trời giạt tới Long-Châu giữa lúc nhà vua còn long-dong ở quốc-nội, hết chạy về Chí-Linh lại bị cơn bão lớn đánh vào Thanh-Hóa, rồi hoảng-hốt bỏ trốn ra Bắc-giang, như Đại-Nam Quốc-Sử đã chép :

*Lê-Hoàng truân kiện nhiều bề  
Mẹ con cách trở biết về nơi đâu !  
Thái-tử lạc tới Long-Châu  
Thờ quan dò hỏi tình đầu thủy chung  
Cử lời đạt đến Quảng-dông  
Gặp Tôn-Sĩ-Nghị cũng lòng mục lôn*

do đó Lê-Hoàng phải vì đạo Hiếu đành dứt tình lia bỏ quê hương sau lúc họ Tôn đã thất bại về tay Quang-Trung đại-đế ! Dầu có thật như vậy, để gì thiên hạ thông cảm cho Lê-Hoàng !

Thi-hào NGUYỄN-DU hẳn đã suy-tư cạn lẽ, trước khi quyết định : Chỉ có cuộc đời luân-lạc của cô gái bán mình chuộc cha đời Gia-Tĩnh triều Minh trong Kim-Vân-Kiều-Truyện là đầy đó rải-rác nhiều quãng mang đậm tính chất bi-kịch đủ gọi cho độc-giả liên-tưởng đến Lê-Chiều-Thống mà thôi.

Cơn gia-biến của Thúy-Kiều dễ khiến người ta nghĩ đến cơn quốc-biến mà Lê-Hoàng bỗng dưng bị đặt vào tình-thế một nạn nhân phải gánh chịu mọi gian-nan thì-nhục, nào « cửa người đầy đọa. . . » « nào » rớt nhà nhờ lượng người thương. . . », rồi bị đặt tới mức :

*Sá chi thân phận tôi đời  
Dẫu rằng xương trắng quê người quân dẫu.*

Nhất là khi đọc qua đoạn :

*Nợ tình chưa trả cho ai  
Khởi tình mang xuống tuyền đài chưa tan*

Người dân thời bấy giờ tránh sao khỏi xúc động mãnh-liệt mà không hoang-nhiên tìah-ngộ về cái dụng-ý thác-ngụ của tiên-sinh. Vì Lê-Hoàng băng tạt Trung-Quốc từ 1793 ; vậy mà khi linh-cửu đưa về Lạng-Sơn bọn di-thần, trong đó có tiên-sinh, mặc áo tang lên đón, mở ra thầy giữa năm xương tâu rữa hết thịt hầy còn nguyên vẹn trái tim màu đỏ như son. Niềm uất kết rùng rợn này quả đã lấy lại được phần nào cảm-tình đối với « Ông vua bạc-mệnh » kia ; ngay đến những ai khác-nghịet nhất cũng sấn-sàng quên đi mọi làm-lỗi tày trời của « Ông vua » ấy để chỉ còn thầy hiện ra trước mắt những đau khổ tuyệt bậc của một « con người ». Thiên-hạ càng nhớ lại buổi đầu của tấn thảm-kịch diễn ra như Đại-Nam Quốc-sử đã chép :

*Văn-Nhậm kéo đến Thăng Long  
Lê-Hoàng thảng-thốt qua sông Nhị-Hà  
Bắc-Ninh cũng đất dân nhà  
Bạc thay Cảnh-Thước sao mà bất nhân  
Nữ nào quên nghĩa cổ quân  
Đóng thành không rước sai quân cướp đường*

Thì ra Lê-Hoàng, trước khi bị kẻ cường-lân dối gạt lợi-dụng, đã bị ngay cả lũ bầy tôi của mình trở mặt rồi. Tránh sao khỏi cái trường hợp như Thúy-Kiều :

*Ma dẫn lối quý đưa đường  
Lại tìm những chốn đoạn-trường mà đi*

Nếu quả thật tiên-sinh muốn gọi lòng thương xót Lê-Hoàng qua những gian-truân của cô gái đời Gia-Tĩnh thì chúng ta phải nhận rằng tiên-sinh đã chẳng ưỡng công. Nhưng điều quan-trọng gấp bội là tiên-sinh chẳng hề có ý-định, và cũng chẳng khi nào chịu để cho ý-định ấy lời cuốn rủ rê, cái ý-định nào chữa cho Lê-Hoàng đến mức-độ phục-hồi uy-tín cho một thần-tượng đã hết thiêng vậy. Cũng như Thúy-Kiều, Lê-Chiều.

Thống chỉ đáng được tha thứ và thương xót, thế thôi ! Nàng Kiều vẫn là một gái lầu xanh, Vua Lê vẫn là một ông vua ngu muội. Cả hai đều có những nét tâm lý và những hành vi đáng chê trách như nhau. Sự yếu hèn đến nỗi phải « Xin chừa lòng trinh bạch » của nàng Kiều, và nhất là sự yếu hèn đến nỗi phải « Sống nhờ đất khách, thác chôn quê người » của vua Lê, nghĩ đến lúc nào thiên-hạ còn hận lúc ấy. Cho nên tiên-sinh đã nhân nhủ hết lời rằng chớ bầy đặt cái chuyện « Vết hương dưới đất bẻ hoa cuối mùa » nữa chi ! Nghĩa là vận triều Lê đã tàn rồi, kẻ nào cố chấp gây ra phong trào « Tôn Lê » chỉ là xô đẩy dân chúng vào cảnh chiến tranh vô ích và phi lý.

Tóm lại, tác-giả ĐOẠN-TRƯỜNG-TÂN-THANH không mù quáng vì câu « Trung-thần bất sự nhị Quân » như nhiều người tưởng.

Nếu tiên-sinh nhắc đến chữ Trung, ấy là Trung với Quốc-gia với Dân-tộc. Có lẽ tiên-sinh buồn ở chỗ kẻ đương-thời chẳng mấy ai chịu hiều cho tiên-sinh, nên trong bài thơ Điều Tam-Lưu Đại phu, tiên-sinh mới hạ bút viết :

*Thiên cô thù nhân lân độc tình  
Tứ phương hà xứ thác cô trung.*

Tạm dịch là :

*Ngàn xưa « người tình một mình »  
Hỏi ai đâu kẻ niệm tình xót xa ?  
Bốn phương hồ hải giang hà  
« Lòng Trung đơn chiếc » gửi ra phương nào ?*

Biết gửi về đâu « lòng trung đơn chiếc », nếu không là gửi về mai sau ; Khuất Đại-phu với thê-diệu Sở-từ, Nguyễn Tồn-Như với thê-diệu Lạc-bát ? ...

*Mai sau dù có bao giờ  
Đốt lò hương ấy so tơ phỉm này ...*

Vâng, Đoạn-Trường-Tân-Thanh đối với người Việt chúng ta là cả một NIỀM TIN trường-cửu vượt thời-gian và phản-ảnh một lòng trung sáng suốt như vậy đó.

Thì-hào NGUYỄN-DU muốn rằng những thế-hệ sau tiên-sinh chẳng còn mang lấy thành-kiến chia rẽ « Đàng Trong, Đàng Ngoài » nữa, chẳng còn cố chấp về ý-tiệm « Triều đại » để rồi « ai vì chủ nấy », bùng mặt xâu xé lẫn nhau nữa. Triều Lê, triều Tây-Son, triều Nguyễn, triều-dại nào cũng chỉ một thời, và trưng ra một số khuyết điểm. Nhà Lê có công đánh đuổi ngoại-xâm để mở nước rồi biết dựa vào văn-trị để dựng nước, nhưng qua ba trăm sáu chục năm đàng-dăng khí-lực ngày một suy, chẳng khác ngọn đèn đọi tắt ; đến Lê-Chliêu-Thống càng nhu-nhược đại khờ, làm thất-vọng biết bao kẻ tôi trung và để lại sự xanh một vết ô-nhục khó bề rửa sạch. Nhà Tây-Son cũng có công tiêu-diệt bọn cường-lân mưu mô thâm độc, nhưng gẫm việc bỏ rơi Nguyễn-hữu-Chính, việc hạ sát Vũ-vân-Nhậm, ta thấy rõ tâm-địa hẹp-hòi, nhất là hai anh em đều tự xưng Hoàng-đế, mà còn tính chuyện vây thành cướp đất lẫn nhau, khiến cho ông Vua anh lâm vào thế yếu đã phải thốt ra câu nói từ đáy trở nên bìa miệng thế-gian : « Nồi da sáo thịt, lòng em sao nở ? » Nhà Nguyễn mở mang bờ cõi vào sáu phương Nam, tạo thành nghiệp Vương một cách đáng phục, rồi đến Nguyễn-Ánh thống-nhất được sơn-hà, công-trạng đối với quốc-dân đâu phải là nhỏ ; tuy nhiên Nguyễn-Ánh sau khi dựng xong nghiệp Đế cũng đi vào vết xe đổ là bạc đãi công-thần, giết bọn Đặng-trần-Thường, Nguyễn-văn-Thành, đều là danh-sĩ được dân chúng ái-mộ ; huống chi lại còn trọng-đãi người Pháp, vì chút ơn riêng mà để cho quyền-lợi chung bị đe-dọa hao-tồn dân, lót đường sẵn cho cả một đêm dài tám mươi năm đô-hộ.

Tuy nhiên công-cuộc đại-dịnh của triều Nguyễn vẫn là một đại-công ; nếu các vị Hoàng-đế nối tiếp vua Gia-Long biết sửa chữa một vài lầm lỗi của tiên-nhân, thiết tưởng cái thế cờ Xuân-Thu Chiếu-Quốc nói trên cũng có cơ vấn-hỏi được lắm. Tiên-sinh đã mong như thế ngay từ khi xuống núi, và càng tha-thiết mong mỗi khi viết tới những giòng cuối truyện Đoạn-Trường-Tân-Thanh. Vì lẽ tiên-sinh hiểu rằng phải lập cho được cái thế « cân-bằng đả-cố thống-nhất thật sự » trên tình thương

« máu chảy ruột mềm ». Chỉ có tình ấy mới giác-ngộ được mọi người, phá vỡ được những vòng đai « kỳ-thị » để mở lượng bao-dung biển rộng trời xa, cần-thiết cho dân-tộc, xoay lại thế cờ, như tiên-sinh đã khao-khát ôm-ấp :

*Hoa tàn mà lại thêm tươi  
Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa.*

Đó chính là NIỀM TIN sáng rực ngay trong lòng chúng ta, nó soi rõ con đường phải đi, trên muôn vạn ngã biến-thiên của lịch-sử.

Vàng, niềm tin ấy đồng nhất với vàng trắng NGUYỄN-DU, với hồn thiêng của văn-hóa dân-tộc này. Triều-đại, chế-độ, chính-thể, v. v. . . tất cả đều nối tiếp qua đi như từng lớp sóng ngoài khơi, trong khi văn-hóa dân-tộc vẫn là ngọn hải-đăng cao vút, tỏa chiếu.

Đoạn cuối bài Cầm-Giã-Dẫn của tiên-sinh có 4 câu thật kỳ-diệu chứng tỏ điều tôi vừa mạo-muội trình-bày. Xin phép được trích ra và lược dịch :

*Thành quách suy đi nhân sự cải  
Kỳ xứ tang điền biến thương hải  
Tây-Sơn công nghiệp nhất đán tận tiêu vong  
Ca vũ không lưu nhất nhân tại. . .*

Nghĩa là :

*Thành xưa phượng vị đổi dời  
Mấy phen lạ mặt lũ người vào ra  
Đó đây sóng biển tràn qua  
Nào ai nhớ trước kia là vương hầu  
Tây-Sơn vừa ngừng cao đầu  
Trắng tay một sớm về đâu cơ đồ  
Có chăng còn lại bây giờ  
Nếp ca, khuôn phách, đường tơ . . . một người !*

Thưa Quí vị, lời ca, nhịp phách, tiếng tơ há chẳng là cốt-cách, là tinh-thần của Dân-tộc đó ư ? Há chẳng là nền-nếp, là khuôn phép, là đường lối cho tư-tưởng và hành-động ?

Nếp ấy, khuôn ấy, con đường ấy, chúng ta lại chẳng đã từng thấu gồm vào hai chữ VĂN-HÓA, kết thành biểu-tượng rồi hay sao ?

Cho nên Thi-hào NGUYỄN-DU đã phải dùng VĂN, lấy áng « thiên-thu tuyết-diệu từ » đề HÓA-giải mọi đắng cay ngấm ngấm, hàn gán mọi vết thương tận đáy lòng, nhờ bật lên mọi chiếc gai tự-tôn cũng như tự-tí mặc-cảm, mong chặn đứng lại mầm kỳ-thị chia rẽ tranh-giành. . . May ra thoát được cơn ác mộng « kẻ lưng hùm sói » đề khỏi bị một nửa chìm sâu vào « trường dạ tối tăm ».

Nhìn lại khoảng thời-gian từ 1820 đến nay, nhiều vị hân-lắc đầu nghi hoặc : cái ước-vọng HÓA-GIẢI của tiên-sinh đã đạt được gì cụ-thể đâu ! Nay nhé : Vua Minh-Mạng vừa lên ngôi được 6 năm, giông-giới nhà Lê đã nổi lên ở Thanh-Hóa, rồi đến đời Vua Tự-Đức lại có lần quật-khởi thứ hai ở Sơn-Tây, Bắc-Ninh, thực-lực và thanh-thế đều đáng lo ngại hơn trước gấp bội. Chính bậc kỳ-tài Cao bá-Quát đã gia-nhập « loạn-dâng » và bị kết tội « phản-thần », cả nhà cả họ mắc vạ lây, máu lệ tràn ngập trên pháp-trường rồi cô-động lại nơi vãn-diều. Mà xét kỹ thì con người được dân-chúng Bắc-Hà kính-phục tài văn-chương đến mức xưng-tụng là Thánh Quát, con người ấy đã đậu Á-nguyên năm Minh-Mạng thứ 12, rồi 6 tháng sau lại bị các quan Đại-thần ở Đố-đô mang bài thi ra tái-duyet đề vắn vào những lý-luận viên-vong hạ tuốt cái địa-vị Á-nguyên xuống tận hàng Cử-Nhân đọi bằng. Thật là một điều hi-hữu trong lịch-sử thi-cử nước nhà. Mặc dầu vua Tự-Đức về sau có ý-định giải-hòa cả Đàng Ngoài, Đàng Trong bằng 2 câu ngự-bút :

*Văn như Siêu, Quát vô Tiền-Hán  
Thi đáo Tùng, Tuy thất Thịnh-Đường*

Nhưng bát nước đầy bỗng không đổ xuống đất, để gi vết lại cho nguyên vẹn được đâu ! Lòng người vẫn chia rẽ, mở lối cho thực-dân Pháp thành-công : và vết dấu xâm-lược loang mãi, thấm sâu mãi, cùng với chính sách « Chia để trị » mà Pháp tin rằng ở đây có thể áp-dụng dễ dàng.

Trong sử ngoại-thuộc, gần trọn một đêm dài thế-kỳ, nay đã giở qua, và đã 149 năm từ buổi Thi-hào NGUYỄN-DU buông tay nhắm mắt. Liệu cái ước-vọng nói trên còn có cơ-duyên nào thành-tựu được chăng? Hay chỉ là ảo-vọng?

Thiết tưởng những câu hỏi này, giới Văn-Hóa phải tự đặt ra để trả lời hơn ai hết, và có bốn-phận thập sàng lên NIỀM TIN mà gió bão thời-đại đang đe dọa, cát bụi chiến-cuộc đang vây phủ bốn bề.

Riêng hôm nay, giữa ngày kỷ thứ 149 của tác-giả Đoàn-Trường-Tân-Thanh, tôi rất lấy làm hân-hạnh được cùng toàn thể Quý vị đốt nến tâm-hương, lắng nghe về Tiếng kêu đứt ruột, để mong thấy từ nơi tiềm-thức vang dậy một lần nữa lời nhắc nhở tha-thiết:

*Rằng trăm năm cũng từ đây*

*Của tin gọi một chút này làm ghi.*

Và, trước khi ngừng lời, tôi xin phép được gửi tới Quý vị lòng cảm tạ của kẻ mạo-muội đấng-đàn. Mong rằng với sự hưởng-ưng của toàn thể Quý vị giữa tuần-lễ VĂN-HÓA đặc-biệt này, tôi sớm được thấy vầng trăng NGUYỄN-DU bừng lên ánh hào-quang đẹp nhất, chứng tỏ thi-bá làng Tiên-Điền chẳng còn bấn khoăn ngờ vực như trên giường bệnh trước đây 149 năm, chẳng còn đặt dấu nghi-vấn nữa về giọt lệ cảm-thông về NIỀM TIN của thế-hệ « Tam bách dư niên hậu ».

Ngày tương-niệm... cũng cho phép mỗi người trong chúng ta dự-phóng về tương-lai để thấy tất cả đều cố-gắng trước, sao cho khỏi phụ lòng kẻ đã gieo vãi thơ bằng chính huyết-lệ của mình. Chúng ta sẽ cố-gắng gìn-giữ và phát-huy NIỀM TIN đến mức chẳng còn giống-tổ nào, khời lửa nào gây thương-tồn được Văn Hóa Dân-Tộc ta, một nền Văn-Hóa phải càng ngày càng rực-rỡ tinh-thần « chở che đùm bọc » đi đôi với một « cốt-cách » « đôn-hậu thuần-lương ». Vì lẽ định đoạt số-phận của Loài Người, cũng chính là tinh-thần ấy, cốt-cách ấy.

VŨ - HOÀNG - CHƯƠNG

*Viết tại Saigon mùa Thu năm*

*Kỷ - Dậu ; Tây - lịch 1969*

Tô Nam

NGUYỄN ĐÌNH DIỆM

## lược khảo về nguồn gốc tuồng cổ

Căn cứ trong lịch-sử thì ngành Tuồng cổ mà ta quen gọi là Hát-bội tự bên Trung-Quốc truyền bá sang ta từ đời nhà Trần, mà ai cũng cho là một món dùng để mua vui, chứ có biết đâu rằng chính nó đã được một triều đại xưa dùng làm khuôn vàng thước ngọc cho chế độ khoa-cử để tuyển dụng nhân tài, mà hậu quả của nó đã đưa triều-đại ấy lên địa vị quật cường vô địch, từng làm nghiêng ngửa châu Á, châu Âu, tức là triều đại Mông-Cổ.

Vậy nay muốn biết triều-đại ấy đã làm một cuộc cải cách chế độ khoa-cử táo bạo như thế nào, dưới đây chúng tôi xin dịch thuật những thiên « Nguyên-nhân Tập-kịch lược luận » để đọc - giả nhận xét, thiết tưởng cũng có bổ ích cho nền Quốc-gia Âm - nhạc nói riêng, Văn-hóa nước nhà nói chung được một phần nào. Nhưng tiếc rằng trong những thiên khảo luận ấy bao gồm rất nhiều danh từ mới, cũ của Âm nhạc mà chúng tôi không phải là tay chuyên môn, nên phần chú giải chưa được theo ý muốn. Mong rằng các vị thức-giã sẽ chỉ dẫn để phụ vào những chỗ thiếu sót, chúng tôi rất lấy làm hân hạnh.

Thiên khảo luận dưới đây, nguyên văn chữ Hán do La-cầm-Đường tiên-sinh soạn thảo, đăng tải trong báo « Đại-Lực-Tạp-Chỉ » kỳ thứ 9 quyền thứ 35.

### LỜI DẪN ĐẦU

Tiếng rằng Tập - kịch của nhà Nguyên, nhưng nó cũng là một loại ca-kịch của Trung-Quốc, mà đời xưa gọi là Nguyên-khúc. Đối với cái danh từ Nguyên-khúc đây, một số người có quan niệm mơ hồ vẫn

cho là một loại Hý-khúc, phải chăng thực tế ở trong bốn-chất của hai loại đó, về phần văn-thê có khác biệt nhau? Bởi vì một loại thuộc về Tân-khúc, một loại thuộc về Tạp-kịch, mà Tân-khúc chính là Thơ mới của đời nhà Nguyễn, Tạp-kịch chính là ca kịch cũng của thời ấy.

Tân-khúc thì bên trong có bao hàm những Tiểu-lệch (điệu ngắn) rồi một số điệu ngắn ấy kết hợp lại với nhau thành ra hai thứ gọi là: Đới-quá-khúc (khúc móc nối lại), và Sáo.số (câu đoạn hậu hay là câu hát cuối cùng). Tức là khúc hát hợp với khúc nhạc mà chủ yếu dùng để hát xướng trong lúc thanh vắng, chứ không biểu diễn ở trên vũ-đài, mà tính chất của thơ từ, cũng không khác nhau mấy. Đại khái là những tác phẩm dùng để trữ tình mà thôi.

Còn như Tạp-kịch thì bởi các thứ: Tân, bạch (hai người đứng ra đối thoại gọi là Tân; một người đứng nói gọi là bạch) và Ca-khúc lấy sự tích cùng những động tác của các nhân vật thời xưa đem ra trộn trộn với nhau để dựng thành vở kịch, thuần túy là do những hi-kịch cổ điển của nước nhà truyền lại và được phát triển thêm ra.

Đại thể thì những khúc hát ở trong các bản Tạp-kịch thông thường mỗi bản gồm có 4 chiết (cắt ra từng đoạn, cũng như từng xen scène), mỗi chiết lấy một số cuối làm đơn-vị. Bởi thế trước kia mới gọi nó là Nguyễn-khúc, nhưng đem so với Tân-khúc, tuyệt nhiên nó chẳng giống nhau chút nào. Thế thì điểm này chúng ta cũng nên đặc biệt chú ý, chứ đừng câu nệ vào thuyết vu vơ của người trước mà sa vào chỗ sai lầm vậy.

Tiểu-lệch (điệu ngắn) và Sáo.số (khúc cuối) ở trong Tân-khúc, cứ theo sự diễn tiến của thể văn mà nói, thì bất luận về chữ, về câu, về âm thanh, về vần chẳng hạn, cũng đều có thể bảo là một loại giải-phóng và phát triển của Từ-khúc đó thôi.

Còn như Tạp-kịch thì nó cũng là Tân-khúc và hi-kịch, sau khi tiếp hợp cả hai cái lại rồi sản sinh ra. Từ khúc ở bên trong đầu là một bộ phận chủ yếu để tổ chức ra nó, nhưng vẫn không phải là bộ phận đại biểu.

Tân-khúc chỉ là hình thức đã được biến đổi của thi ca, và có quan hệ với âm nhạc lại sâu xa hơn nữa. Tạp-kịch là một thứ phát-triển lớn trên lịch-sử Hý-kịch của nước ta. Có thể nói thời-kỳ văn-học hý-kịch chính thức bắt đầu xây dựng và xuất hiện vậy.

Nội dung của Tân-khúc, phần nhiều lấy ở những chuyện dùng để trữ-tình « chính là chữ Thư-tình: cõi mở mối tình » của cá nhân, còn Tạp-kịch thì có phần sâu sắc hơn về chỗ nó phản ánh được mặt trái của xã hội lúc bấy giờ, và biểu hiện cả bộ mặt thực của đời sống lúc ấy.

Vậy nay căn cứ vào những thứ đã trình bày ở trên, cũng đủ cho ta nhận thấy cái gì đã làm đại biểu cho tác phẩm của văn học thời đó. Chính là Tạp-kịch, chứ không phải Tân-khúc vậy.

Theo quan niệm truyền thông của dĩ vãng đều lấy thể chế, hình thức và văn từ v.v. của khúc làm tiêu chuẩn cho lời bàn đề đặt nó vào hàng « Nguyễn Tạp-kịch »; trái lại, trên tập quán thì vẫn gọi tất cả « Nguyễn khúc ». Cái danh từ Nguyễn-khúc xét thấy quả không thích đáng chút nào. (Tham khảo bài « Nguyễn nhân Tạp-kịch tuyên của Cồ triệu-Thương »).

#### NGUYỄN NHÂN HUNG THỊNH CỦA TẠP-KỊCH

Tạp-kịch ra đời phỏng chừng vào khoảng năm đầu niên hiệu Đoan-Bình đời Tống Lý-Tôn (D.L. 1234), tức là thời kỳ Mông-Cổ đã diệt nhà Kim Nếu đem cái quá trình phát triển của Hý-kịch ra mà xét, thì coi rõ của Tạp-kịch đã có từ lâu. Ngay đời nhà Đường, trong những khúc nhạc, bài ca, điệu múa, lời diễn, lời bạch cũng đã bao hàm những hình thái hi-lộng (đùa bỡn). Coi đó thì ta có thể bảo rằng: cái nền Hý-kịch nó đã khai sinh từ lúc ấy rồi.

Hai là, lại đem những văn chương ghi chép có quan hệ đến nó ra mà xét thì phần lớn Hý-kịch lúc ấy cũng gần với kịch cười của tính chất mỉa mai, và phối hợp với kịch múa của âm nhạc. Những thứ đó đầu rằng chủ chốt là để diễn ở trong cung đình nhà Vua, nhưng cũng

được lưu hành ở chôn dân gian. Đến đời nhà Tống thì những ghi chép có liên quan đến Hý-kịch cũng khá kỹ càng, có thể nói là ca-kịch lúc ấy đã tiến triển một bước khá dài vậy.

Từ đời nhà Đường về sau, những giảng thuyết văn học của Phật giáo được lưu hành từ thành thị đến thôn quê, hòa hợp với những khúc ngâm vịnh ở chốn cung đình và của các sĩ phu, tạo thành những khúc ca xướng để thay cho lời nói và đạo đạt tư tưởng tình cảm của các nhân vật. Hai là nó tổng hợp hình thức tiểu-kịch (kịch cưỡi), vũ-kịch (kịch múa) v.v. để diễn ra những tình tiết phức tạp của sự tích xưa.

Căn cứ vào những căn bản kể trên cho thấy nền hí-kịch của nước nhà lấy khúc ca làm chủ yếu, đề tồ chức thành ra hình thức của các bộ phận, mà những hình thức đó mãi đến trước khi điện ảnh của thoại-kịch được xuất hiện từ thời Dân quốc trở lại đây, thấy chung vẫn không biến đổi chút nào. Bởi vì lúc ấy, thương nghiệp và ngành thủ công đã phát triển mạnh ở các đô thị, các tầng lớp dân chúng ở đó cần phải có sự mua vui bằng văn hóa, cho nên ngành hí-kịch không thể thu hẹp trong vòng cung đình của quý tộc và bọn quan liêu được hưởng thụ riêng, mà quần chúng trong nước cũng đều ham thích và hoan nghênh vậy. Rồi sau đó chỉ trong vòng 130 năm, thì ngành Tạp-kịch đã biến thành con cưng của giới Hý-kịch, và nó áp đảo cả cái từ xưa còn lại tức là ngành Nam-hí, để mỗi ngày một thêm bông bột tiến lên.

Nói về nguyên nhân chủ yếu nào đã làm cho ngành Tạp-kịch được hưng thịnh, người xưa bàn luận đã nhiều, nhưng tóm tắt lại thì cũng không ngoài 4 cái đầu mối sau đây :

1) Sự phát triển về bản-thân của văn-thê ; 2) Sự trừ bỏ chế độ khoa cử ; 3) Sự nhu yếu về hoàn cảnh xã hội ; 4) Sự kích thích của dân tộc bị áp bức. Vậy xin lần lượt giải thích như sau.

Điều 1 - Theo công lệ của sự phát triển về văn học, thì bất cứ một thứ văn-thê nào nó cũng có đủ mấy giai đoạn, từ khi nảy mầm, đến lúc khai hoa kết quả, đến lúc toàn thịnh, đến khi héo rụng.

Vương-quốc-Duy thường nói : Văn-thê thông hành đã lâu, xuyên tạc cũng nhiều, tự nhiên thành ra tập-quán, khiến cho các nhà học giả hào kiệt cũng khó tìm kiếm ra được cái gì mới lạ ở trong cái mở tập quán cũ kia, nên chỉ mới phải lẩn tránh mà làm ra một thể khác để tự giải thoát vậy.

Đối với thuyết trên, cuốn « Nhân-gian Từ-thoại » có phê rằng : Thuyết pháp của họ Vương kể cũng trong đương hợp lý. Bởi vì bất cứ một loại văn-thê nào đã trải qua nhiều năm và nhiều nhà sáng tác, nội dung của nó sẽ đi đến chỗ trần hủ (cũ nát), tác phẩm phần nhiều biến ra một thứ đạo văn (ăn cắp văn), vì thế mà tình hoa khô kiệt, dần dần mất hết cả sức hoạt động và sinh mạng của nó ở trên Văn-đàn. Tới giai đoạn đó, tự nhiên nó sẽ hun đúc ra một thứ văn-thê mới lạ để thay thế vào.

Ở phương Bắc, khởi thủy do người Kim thống trị, bọn chúng từ một xã hội của dân du-mục (làm nghề chăn nuôi), nay ở chỗ này, mai ở nơi khác, tiến triển đến xã hội phong-kiến của nền nhà thống. Đối với văn hóa Hán-tộc, một mặt thì phá hoại đi, một mặt thì mở phòng đề tiếp nhận.

Bọn chúng cướp đoạt và tóm thâu được Biện-Kinh là đô thị phần thịnh nhất của nhà Bắc-Tống (tức là tỉnh Khai-Phong) ; rồi sau lại chiếm lãnh cả cái tự mình xây dựng một đô thị xán lạn tức là Yên Kinh. Trong khoảng đó, thì cái mà nhà Tống đã khai triển được rộng lớn như ngành Văn-học ở đó thì, cũng được bảo tồn và tiếp tục. Chúng ta cứ xem ở phần danh mục trong Kim-viện-bản hiện đã ghi chép thì sẽ thấy rõ ràng : Về phương diện Tạp-kịch, trên đại thể nó cũng giống hệt như danh-mục của đời Nam-Tống mà phần mới thêm vào cũng không phải ít vậy.

Căn bản của nó, sự thực không phải một cái danh-từ về thể chế Văn-học, mà chỉ nói là một thứ ứng dụng của ngành xướng-ru (hát bội) ở trong hàng-viện (các rạp), đã được lưu truyền do đó mà ta có thể nhận thấy rằng nền Hý-kịch của phương Bắc Trung-Quốc nó được phát triển trong



thời loạn lạc, và đã thay thế cho Tạp-kịch nhà Nguyên để đánh bại cái nền móng trước đó, rồi sau khi nhà Nguyên diệt được nhà Kim, thì ngành Tạp-kịch của nhà Nguyên mới chính thức thành hình.

Nhà Nguyên hay nhà Kim cũng thế, cũng đều do một xã hội của dân tộc du-mục tiến lên xã hội phong-kiến nhất thống vì thế nền Văn-hóa của bản thân nó đều không được cao, văn vật chế độ phần nhiều rập theo khuôn khổ của người nhà Hán. Ngay đến cái được mệnh danh là Nguyên-Tạp-kịch, đại để cũng chỉ dùng những khúc hát của phương Bắc để làm nền tảng, rồi sau trải qua thời kỳ hun đúc của nhà Kim, và lại chịu thêm ảnh hưởng của những cung-điệu tân mạt dài dòng, và thể tự thuật, miêu tả việc cũ của những nhân vật, cùng các thuyết về văn học cổ để sáng tạo ra hình thức mới của Hý-khúc, mà cái hình thức mới đã được triều đại nhà Nguyên giữ gìn và tiếp thụ để nó đứng vào địa vị lưu hành rất phổ biến, trở nên một ngành Hý-kịch có tính đại biểu cho Bắc phương vậy.

## 2) VIỆC BÃI BỎ CHẾ ĐỘ KHOA CỬ

Đời nhà Minh Vương-ký-Đức trong sách Khúc-Luật quyển thứ 3 có nói rằng: Các vở kịch của người nhà Nguyên, khúc nào cũng hay, riêng có phần bạch thì quê kịch nhảm nhí, chẳng giống câu nói của nhà văn. Bởi vì lúc ấy đều do những nhạc-công trong giáo-phường soạn trước ra những câu thuyết và bạch, còn bỏ cách quãng rồi sai từ thần (lãng thơ) trong viện Hàn-lâm tạo thành ra khúc gọi là điền-từ (điền-thêm lời vào). Nhưng với những cái mà nhạc-công soạn ra thì bọn văn sĩ lấy làm xấu hổ về việc sửa đổi, cho nên sự việc trong kịch đều thấy trái lẽ, câu nói phần nhiều bất thông, chẳng như văn-hí ngày nay đều do một tay soạn thảo. Như vậy thì sự kém cỏi kia không thể đổ lỗi cho các văn nhân được.

Trâm-đức-Phù trong cuốn « Cô-khúc Tạp-ngôn » có nói rằng: Trước khi nhà Nguyên chưa diệt nhà Nam Tống, vẫn lấy môn này để định sự ưu liệt của thí sinh, mỗi khi ra một đầu bài, thí sinh tự ý điền vào chỗ trống cho thành ra khúc. Tỳ như đời Tống (Huy-Tôn)

niên hiệu Tuyên-Hòa « 1119-1125 ». Có thi về môn hội-họa, đầu bài ra bằng một câu ở trong Đường-thi, để cho sĩ tử tô màu thành một bức họa; sĩ-tử nào làm này được lý thú bên ngoài bức họa thì được đỗ cao. Nên mới có câu « Tống họa Nguyên khúc, thiên cổ vô thất »: Bức họa đời Tống, khúc hát đời Nguyên ngàn xưa không thể so sánh ».

Trâm-Sùng-Tuy trong cuốn « Độ-khúc Tu-Tri » có nói: Từ nhà Nguyên dùng môn Điền-từ để mở khoa thi, tất cả 12 khoa, đầu đề chỉ có một chữ văn cuối cùng, và những âm bằng bằng, trắc trắc còn tên đầu bài thi được giấu kín, để cho sĩ tử suy đoán xem chữ nào hợp thì đặt vào những chỗ bằng trắc ở trên cho đủ một chương, tất cả 4 chiết (đoạn) cũng như kiểu thi văn sách; hễ ai làm đúng phương thức thì được nêu tên ở giáp bằng (đỗ cao), còn ai không đúng thì sẽ bị trượt.

Lại như Tang-Tân.Thúc trong bài tựa cuốn « Nguyên-khúc-Tuyên » cũng nói: Dùng khoa Điền-từ, để thi học trò, cũng chẳng khác gì với cách bắt thăm ngày nay. Vì muốn tuyển lấy tài mẫn tiệp (lanh lẹ) trong giây phút ở nơi trường thi, cho nên danh sĩ thứ nhất trong đời như bọn Mã-tri.Viễn Kiêu-mộng-Phủ, khi làm đến đoạn thứ bốn cũng thường bị đuối sức.

Lại có thuyết bảo: Đề mục do trường định sẵn, ngoài ra chỉ có tên khúc gì, văn gì mà thôi. Còn những câu Tân, Bạch thì lúc diễn kịch, bọn kép hát tự ý làm ra, nên mới có nhiều câu thô bỉ nhảm nhí như vậy.

Lại còn có thuyết: Nhà Nguyên dùng khúc (kịch) để tuyển nhân tài, đặt ra 12 khóa thi, mà bọn Quan-Hán-Khanh cũng tranh nhau đem kỹ thuật sở trường ra hiển, đến nỗi nhảy lên sân khấu, bôi son vẽ phấn vào mặt, tự cho mình là nhà nghề, đứng lẫn với phường hát bội cũng chẳng nề hà. Hoặc giả như bọn « Trúc-lâm thất-hiền (1) ở đời Tây-Tấn mượn chén rượu để thỏa tình phóng túng thì tôi không dám biết đến.

1) Đời nhà Ngụy bên Tàu vào khoảng 260 năm trước D. L. có bọn Kê-Khang, Nguyễn Tịch, Sơn-Đào, Hương-Tú, Vương-Nhung, Lưu-Linh; Nguyễn-Hàm vì chán ghét đời nên rủ nhau vào trong rừng trúc uống rượu tiêu sầu, người lúc ấy gọi là « Trúc Lâm thất hiền: 7 người hiền sĩ trong rừng trúc ».

Đối với những thuyết của các nhà tôi đã dẫn ra trên đây, có người vội cho rằng nhà Nguyễn dùng Tập-kịch để thi học trò, tức là nguyên nhân thúc đẩy ra cuộc hưng thịnh, nhân đó đến đời nhà Thanh thì Mao-kỳ-Linh trong bài « Luận-định Tây-Sương-ký Tự-lệ (2) mới có câu rằng :

« Kịch của nhà Nguyễn diễn ra truyện gì cũng có lai lịch, mà lai lịch nhất định tức là vở kịch « Lý-Bạch Hách-Man » ( 3 ), thì trong bản truyện lại không có, hai là bản kịch « Trương-Nghi khích Tấn » (4), thì lại trái với lịch-sử. Như vậy thì ta cũng không thể nào không đối chiếu với lai lịch. Cho nên cái để tài mà khảo quan trao cho sĩ tử, tức là trao cái ấy đó. »

Đồng thời còn thấy ở trong bài tựa cuốn « Bắc-từ - Quảng-chính-Phổ của Ngô-mai Thôn cũng có nói rằng : Bởi vì bấy giờ thường dùng cái ấy để tuyển học trò, và các thí sinh cũng đều bôi phấn, bôi mực mà lên sân khấu, thành ra văn nhân lúc ấy đua nhau vẽ mày vẽ mặt, cười cợt, khôi hài để làm bước tiến thân, cho nên môn kịch mới chiếm địa vị tuyệt hảo ! Bởi thế nên Đàm-chính-Bích trong bài lược khảo cuốn

2) Tây-Sương-ký là một vở kịch có tiếng của nhà Nguyễn, nội dung tả mối tình duyên của nàng Thôi Oanh Oanh đời nhà Đường và chàng Trương-quân-Thụy. Có thuyết bảo bản kịch này do người Nguyễn phỏng theo chuyện Hội-Chân-ký của Nguyễn-Chân đời nhà Đường mà soạn ra. Xem Từ-Nguyên bộ Sơn, 7 nét, mục Thôi Oanh Oanh.

(3) Vở tuồng số 1, đời Đường Huyền-Tôn, nước Phiên gửi quốc thư đến, cả triều thần không ai biết chữ Phiên, vua phải triệu Lý Bạch vào hỏi. Bạch tâu với Vua ra lệnh cho Cao-Lực-Si phải cỡi giày, Dương-quốc-Trung phải mài mực để rửa hận khi trước hai người làm khảo quan đã đánh hồng oan và đuổi ông ra khỏi trường thi. Truyện này ở trong cuốn Kim-Cổ Kỳ-Quan mà cụ cử Nguyễn-Tạo đã dịch và đăng trong báo Văn-Hóa số 41-42 trong năm 1959.

(4) Vở tuồng số 2, Trương-Nghi và Tô-Tán đời Chiến-Quốc là đôi bạn thân cùng học Quý-Cốc tiên-sinh Khi Tấn làm Tề-Tướng nước Triệu, Nghi đến nhờ tiền cũ, bị Tấn bạc đãi, phấn khích bỏ đi, may nhờ có người giúp đỡ về vào nước Tấn, rồi cũng làm đến Tề-Tướng, bấy giờ mới biết người của Tô-Tán sai đi. Cõi đó thì vở kịch diễn Trương-Nghi khích Tô-Tán là sai sự thực.

« Nguyễn-khúc Lục-đại-gia bèn căn cứ vào khúc « Lăng-Ba-Tiên » trong cuốn « Tục-lục-Quý-bạ », của Giả-trọng-Danh, với mấy văn thơ như sau : « Văn-hoa từng li Mã thần tiên, Bách thế tập trung thuyết Tri-Viên. Tứ phương hải nội giai đàm tiện, Chiến văn trường Khúc Trạng-Nguyên, Tánh danh hương quán mần Lê-Viên. » Trong khóm vườn hoa có thần tiên. Trong tập bách thế có Tri-Viên, Bốn phương bốn bề đều ngợi khen. Là Văn chiến-trường, Khúc trạng-nguyên, Họ tên lừng lẫy khắp Lê-Viên (5). Vì có mấy câu thơ trên, người ta vội bảo Mã Tri-Viên từng đỗ Trạng nguyên khoa thi Kị-h.khúc đời Mông-Cổ, chứ sự thực thì thuyết ấy không có một chút căn cứ nào cả. Bởi vì sau khi nhà Nguyễn diệt nhà Kim thì chỉ thấy ở đời Nguyễn Thái-Tôn vào năm thứ 9 (1238, nhà Kim mất đã 3 năm rồi) mùa thu tháng 8, thì mới mở khoa thi có một lần, rồi sau đến thời Nhân-Tôn niên hiệu Diên-hựu năm đầu (1313) mới thấy mở thêm một khoa nữa, tính ra cách nhau đến 78 năm. Trong khoảng thời gian ấy, không thấy có việc đem Tập-kịch ra thi học trò.

Nhưng việc khoa cử có bị phế bỏ hay lại thi hành, nó cũng chỉ là cái nhân tố để giúp cho ngành Tập-kịch được phát triển, bởi vì các sĩ tử đã sống trong thời đại tập kịch, ngày đêm phải nghiên cứu về thơ phú cổ-văn để kiếm con đường làm quan hưởng lộc. Hoặc giả tiến xa ít nữa mà thăm dò học thuyết của Khổng Mạnh, đem ra ứng dụng vào việc kinh thế trị dân. Chỉ vì triều đại nhà Nguyễn thì lại khinh nhà nho, bi các văn sĩ, bỏ trường Tích-ung ( trường học nhà Vua), phế kỳ khảo sát, phá hoại hết cả chế độ giáo dục ngày xưa. Những sáng tác của các đại gia ngày trước, như sách giáo khoa, thơ phú, cổ-văn và sách của các thánh hiền đều biến thành vật vô dụng, thì cũng vừa lúc Tập-kịch gặp thời nổi dậy, có thể dùng nó để cời mở mối oán tình, diễn tả những việc xưa, và lại có thể là một nghệ thuật thực tế để mua vui. Chính là món ăn vừa miệng của các văn nhân sầu muộn và bất đắc chí trong thời

(5) Đường Minh-Hoàng tập hợp mấy trăm thiều nữ ở trong Lê-Viên để dạy múa hát, nên đời sau gọi con hát là Lê-Viên tử đệ ; Con em trong vườn lê.

đại. Từ đây họ mới đua nhau đem cái tinh thần khí lực làm thơ, làm văn ngày trước ra để chuyên vào việc soạn Tập-kịch, bởi thế nên chất và lượng của Tập-kịch mới được đề cao, đủ biết hai bên có quan hệ mật thiết với nhau vậy.

Rồi cũng từ đây, các nhà đại sáng tác, cũng như các tác phẩm hay đúng với vận hội được sản sinh ra, và những từ hay khúc đẹp làm cho hoa mắt người coi, nên các sĩ từ ùa theo như bị gió cuốn !

« Vương-quốc-Duy, trong tập « Tổng Nguyên Hý-khúc-sử » cũng bàn « rằng : Từ đời Đường Tống về sau, học giả ganh đua về đường khoa mục, « chẳng phải công việc 1 sớm 1 chiều, thế mà một chốc bỏ đi khiến cho tài lực « của họ thành ra vô dụng, chỉ còn một lối từ-khúc để phát triển mà thôi. Và « lại cái học khoa cử của đời nhà Kim rất là thiên lậu, hạng văn sĩ ấy một « khi thất nghiệp, đối với công việc của ngành học thuật đã không làm nổi, « mà việc sáng tác lại không tập luyện từ xưa, thì nay gặp dịp tập-kịch ra « đời, dĩ nhiên họ phải đở xê cả vào mặt ấy, thế mà trong ấy cũng có một số « thiên tài dồi dào năng lực, nên những tác phẩm về kịch khúc của nhà « Nguyên mới trở thành những áng văn chương tuyệt diệu của ngàn xưa vậy.»

Coi những lời bàn của họ Vương trên đây, ta có thể chứng minh rằng : việc phế bỏ chế độ khoa cử, đúng là một nhân tố làm cho Nguyên-kịch được nổi bật lên.

Còn như trong cuốn Tỳ-Bà-Ký của Cao-Minh hồi thứ 8, mục Văn-trường tuyển-sĩ chép rằng : « Khoa thi ấy có vị chủ-khảo sẵn tính phong lưu không theo lệ cũ, vào kỳ thứ 1 bắt các thí sinh phải làm câu đối ; đến kỳ thứ 2 bắt giải thích Thi-Mê (đánh đố chữ trong thơ) ; kỳ 3 khảo về khúc hát, 3 kỳ đều giỏi cả, có thể được đỗ Trạng-Nguyên. Còn thí-sinh nào làm không hợp cách thì sai lấy mực bôi vào hai má đuổi ra ngoài trường !

Cái trường thi trên đây, chẳng qua nó là một lối khôi hài điều cợt ở trên sân khấu, chúng ta không thể căn cứ vào những ghi chép ấy mà cho nó là sự thực.

( còn nữa )

## GIỚI THIỆU SÁCH

### sơ thảo ngữ pháp việt-nam

LÊ VĂN LÝ, ( Tủ sách Đại-học ) Sài Gòn

Trung-tâm Học-liệu Bộ Giáo-dục, 1968-232 trang 60\$00.

Thường thường, nói đến ngữ-pháp (hay văn-phạm) là người ta nghĩ ngay đến một cuốn sách trong đó tác-giả — là người biết chữ Hán, chữ La-tinh hoặc chữ Hi-lạp — dạy ta phải nói, phải viết thế này, chứ không được nói, không được viết thế kia. Sách đó sẽ có những lời dặn như « không được nói *đề-cập đến* hay *đề-cập tới*, vì *cập* đã có nghĩa là *đến tới rồi* », hoặc « không được nói *sông Hồng-hà*, vì *hà* đã có nghĩa là *sông rồi* ». Những nhận xét đó cốt dạy ta nói và viết cho « đúng mẹo-luật. »

Trong Chương Dẫn đầu nhan-đề « Phương-pháp mô-tả ngôn-ngữ », Linh-mục Lê văn Lý đã nhấn mạnh rằng : Ngài ưa-thích tự-ngữ (tức danh-từ) « ngữ-pháp » hơn là « văn-phạm », vì lý-do :

« Quan-niệm « văn-phạm » trước kia thường có tính-cách « quy-phạm ». Trước kia, người ta thường định-nghĩa văn-phạm là một môn dạy những mẹo luật để viết và nói một ngôn-ngữ cho đúng. » (Tr. 5)

Tác giả *Sơ-thảo Ngữ pháp Việt-Nam* nói rằng những câu văn, những câu thơ mà người ta thường trích-dẫn từ một tác-phẩm nào đó (nhiều khi lại lấy ở trong thi phú, ở truyện Kiều chẳng hạn), tuy « có giá-trị của chúng, nhưng không phải là đại-đa số người Việt-Nam nói tiếng Việt-Nam như vậy. » (Tr. 6, chữ ngã trong nguyên-tác) Ngài nói nếu theo những ví-dụ như *lý-trưởng*, *tình-trưởng* mà ta nói *ấp-trưởng* (thay vì *trưởng*

áp, hay là học-ngữ (thay vì ngữ-học), hay là học đại (thay vì đại-học), thì « sẽ không được quần-chúng noi theo, nếu như không bị người ta chê cười ». (Tr. 7)

Giáo sư Lê văn Lý, Trưởng Ban Ngữ-học tại Trường Đại-học Văn-khoa Sài-gòn, có đủ thẩm-quyền cũng như bối-cảnh để đặt tiêu-chuẩn cho công-trình nghiên-cứu ngữ-pháp tiếng Việt, và Trung-tâm Học-liệu của Bộ Giáo-dục đã có công trình-bày một cuốn có giá-trị trong Tủ sách Đại-học. Vì ngữ-pháp có nhiệm-vụ miêu-tả một cách « trung-thành và hệ-thống-hóa những kiểu nói thông-thường, dựa trên những tỉ-dụ lấy ở trong ngôn-ngữ được sử-dụng hàng ngày » nên G. s. Lê văn Lý đã so-sánh nhà ngữ-pháp » như một nhà nhiếp-ảnh, cò-gắng chụp hình lấy hết mọi khía cạnh của ngôn-ngữ mình muốn mô-tả, để rồi nhận-định xem ngôn-ngữ đó kết-cấu như thế nào. (tr.7)

Công việc chụp hình đó thật ra bắt đầu từ luận-án tiến-sĩ của L.M. Lê văn Lý đệ-trình tại Viện Đại-học Ba-lê năm 1948. Cuốn *Le Parler Vietnamien* do Hươg-Anh xuất-bản tại Pháp, về sau đã được tái-bản tại Sài-gòn năm 1960 : đó là cuốn số 1 trong Tủ-sách Viện Khảo-cổ. Sơ-bản có ghi thêm sau nhan sách *Le Parler Vietnamien : sa structure phonologique et morphologique fonctionnelle*, nghĩa là « cấu-tạo âm-thanh và ngữ-thái theo chức-năng » và còn thêm một nhan-đề nữa là *Esquisse d'une grammaire vietnamienne « Phác qua ngữ-pháp tiếng Việt »*. Tái-bản 1960 thì không có nhan-đề phụ đó, và theo tác-giả có sửa chữa những lỗi ấn-công và xếp đặt lại một vài đoạn trong một vài chương, chứ nội-dung thì không thay đổi. Phần ngữ-thái đã được Tàn-sĩ Nguyễn đăng Liêm dịch ra Anh-văn : *The functional morphological structure (in roneo)*, trong khuôn-khố Chương-trình Anh-ngữ Địa-phương Đông-Nam-Á (South East Asia Regional English Project, viết tắt là SEAREP) : Saigon : USOM Education Division, không ghi năm nào. Nay chúng ta có được bản Việt-văn, thật là đáng quý.

Sự huấn-luyện chính-thống của G.s. Lê văn Lý được biểu-hiện rõ-rệt trong phương-pháp phân-tích mà kết-quả được trình-bày trong cuốn

*Le Parler Vietnamien* cũng như trong cuốn *Sơ-thảo ngữ-pháp Việt-Nam*. Sách này gồm ba phần : âm-vị-học, hình-thái-học và cú-pháp, tương-ứng với ba bình-diện phân-tích âm-pháp, từ-pháp và cú-pháp.

Trong phần phân-tích những âm-vị Việt-Nam, G. s. Lê văn Lý đã dùng định-nghĩa sau đây : « một âm-vị là tổng số những điểm xác đáng được thực-hiện trong một trật, và một điểm xác-đáng là bất cứ một nét âm-thanh nào tự nó có thể thay đổi ý-nghĩa của một từ-ngữ. » (tr.13) Hệ-thống âm-vị tiếng Việt, theo G.s. Lê văn Lý gồm 22 từ-âm và 14 mẫu-âm. Nhóm thứ hai này gồm có 11 mẫu-âm và ba nhóm *ie, uô* và *ươ*, mà G.s. Lý cho là những âm-vị đơn-độc, chứ không phải là nhị-trùng-âm, vì hay lý-do : 1) yếu-tố thứ nhất hẹp hơn yếu-tố thứ hai, và 2) thình — tức thanh-điệu — cảm-nhiệm vào yếu-tố thứ hai nhiều hơn. (tr.16) Trong bảng từ-âm trình-bày ở trang 20, tôi hơi thắc-mắc vì thấy loại tác-âm thiếu *th*, còn loại sát-âm lại thiếu *x* chính-tả viết *kh* và *ç* chính-tả ghi *g* hoặc *gh*. Âm mà chính-tả ghi là *th* thực ra là tác-âm răng, điếc, có hơi gió, thì lại được xếp vào loại xuy-âm. Âm *kh* cũng được xếp vào loại xuy-âm, còn *g* hay *gh* thì lại được xếp vào loại tác-âm.

Các thanh-điệu trong Việt-ngữ được nghiên-cứu theo âm-thanh-học, và ta thấy lần đầu tiên đầu nhấn được trình-bày trong phần âm-vị-học.

Trong phần thứ hai của cuốn sách « Ngữ-thái-học kết-cấu hay là Ngữ-vị-học », G.s. Lê văn Lý đã đề-cập tới một vài khái-niệm căn-bản, như khái-niệm « ngữ-vị », khái-niệm « tự-ngữ », liên-hệ tới huyền-thoại « đơn-âm », khái-niệm « chứng-tự », và khái-niệm « chức-năng ».

#### A. Ngữ vị là gì ?

Tác-giả lấy ví-dụ một ngữ-tuyến như *Cái phòng này có nhiều ghế bằng gỗ*. Những yếu tố (tác-giả gọi là tự-ngữ) « mang ý-nghĩa của câu » thì là « ý-nghĩa-vị » (*sémantèmes*) : *phòng, có, ghế, gỗ*. Còn những yếu-tố như *cái, này, nhiều, bằng*, chỉ diễn-tả những tương-quan giữa những ý-nghĩa-« vị ở trên » thì gọi là « ngữ-vị » (*morphèmes*) (Tr. 31). Phân biệt như vậy

cũng như phân biệt *thực-từ* và *hư-từ* (theo các nhà ngữ-pháp Trung-quốc), *content words* và *function words*, *contentives* và *functors* (theo một vài nhà ngữ-pháp Anh-Mỹ).

Trường-phái miêu-tả ở Mỹ dùng danh-từ « morpheme » để chỉ đơn-vị ngữ-thái nhỏ nhất mà có ý-nghĩa : ví-dụ, *quan*, *sát* và *viên* trong *quan-sát-viên* ; *sing* và *-er* trong *singer* ; *good* và *-ness* trong *goodness* ; *donn-* và *-ons* trong *donnons* ; *ver*, *vert* và *-e* trong *verte*. G.s. André Martinet đã đề-nghị danh-từ « monème » để chỉ đơn-vị nói trên, và phân biệt hai loại « monème » : đơn-vị từ-vựng thì gọi là « lexème » (thay cho « sémantème »), còn đơn-vị chỉ quan-hệ ngữ-pháp thì vẫn gọi là « morphème » như cũ. Danh-từ « morpheme » (Anh-Mỹ) hoặc « monème » (Pháp), lúc đầu chúng tôi từng đồng-ý với cha Lý đề-kêu là *ngữ-vị* nhưng về sau đã sửa lại thành *ngữ-thái-vị*, tức « đơn-vị hình-thái ngôn-ngữ ». Danh-từ cũ từ-tổ xem ra cũng đ.đáng.

#### B. Tự-ngữ là gì ?

Trong các sách nghiên-cứu về ngữ-pháp tiếng Việt, không có tác-giả nào phủ-nhận sự tồn-tại của đơn-vị ngữ-pháp là « từ ». Lẽ tất-nhiên, có sách gọi là *tiếng*, có sách gọi là *từ*, và cuốn sách ta đang bàn tới lại gọi là *tự-ngữ*.

G.s. Lê văn Lý thuộc số ít các tác-giả có nêu lên một định-nghĩa cho từ. Ở trang 34, G.s. Lê văn Lý định-nghĩa *tự-ngữ* Việt-Nam (Tiết 42) như là một « âm-hiệu mang một ý-nghĩa riêng biệt, có một phạm-sự ngữ-pháp nhất-định. » Một vài điều trước đã thuộc vào định-nghĩa ở trong cuốn *Le Parler Vietnamien* \* (Tái-bản 1960, trang 152) nay lại được trình-bày trong một tiết riêng (Tiết 43, *Tự-ngữ đơn và kép*) :

\* « Le mot en vietnamien se présente comme un signal vocal dont la formation peut partir d'un simple phonème ou de la combinaison de plusieurs phonèmes, dont l'expression vocale se fait en une seule émission de voix ou une seule syllabe que l'écriture présente par une unité distincte et que offre un sens intelligible possédant par ailleurs une fonction grammaticale déterminée ».

« Trong số những âm-hiệu của Việt-ngữ, một số khá nhiều được làm thành bởi một âm-vị mà thôi hay là bởi nhiều âm-vị kết-hợp với nhau, nhưng được đọc ra bằng một âm-tiết. Dựa theo sự nhận-xét này, từ xưa tới nay, nhiều người cho Việt-ngữ là một ngôn-ngữ đơn-âm. Sự thực là bên cạnh những âm-hiệu đơn-âm có những âm-hiệu đa-âm, hay là *tự-ngữ kép* ». (Tr. 34)

G. s. Lê văn Lý dùng phương-pháp giao-hoán để phân biệt từ kép. Ví-dụ, trong khuôn khổ. . . . . có *khách*, ta có thể có những đơn và từ yếu-tổ sau đây làm chủ-ngữ :

nhà, hàng, tôi, nó, tiệm cơm, nhà trường, người làm vườn, ông Tỉnh - trường v. v. . .

Vậy thì *nhà, hàng, tôi, nó* là từ đơn, còn *tiệm cơm, nhà trường, người làm vườn, ông Tỉnh trường v. v. . .* là từ kép « diễn-tả một quan-niệm độc nhất, có phạm-sự ngữ-pháp nhất-định » (Trang 37).

Từ kép được chia ra làm hai loại chính : « phân-phức » và « tồ-hợp » Loại phân-phức (tức láy) như *ba.ba, đom-đóm, đèn đui, gay go, lạnh lẽo, cây cối, sung sướng, (áp.a áp.úng)*. Loại tồ-hợp (tức ghép) như *cờ bạc, rượu chè ; máy bay, khó tính*,

#### C. Chứng tự là gì ?

Chứng-tự của Giáo-sư Lê văn Lý chính là những từ kiểm-nghiệm « làm chứng rằng một tự-ngữ ( từ ) nào đó có thể phối-hợp với chúng và thuộc về một loại tự-ngữ ( từ-loại ) nào. » (Tr. 47)

Ví-dụ : những từ nào đang trước có thể có *những, mấy, lắm, nhiều, đông, đầy, các, mọi, cả* thì thuộc tự-loại ( từ-loại ) A hay danh-tự ( danh-từ ).

Đang trước một A, còn có thể có một loại-tự ( loại-từ ) như *cái, con, người, kẻ, sự, đồ, việc v. v. . .* hoặc một tự-ngữ ( từ ) chỉ vị-trí, như *trên, dưới, trong, ngoài, trước, sau v. v. . .*

Nhờ việc áp dụng những từ kiểm-nghiệm như vậy — cả về phương-diện tích-cực lẫn tiêu-cực — mà G. s. Lê văn Lý đã đi tới được một

hệ-thống từ-loại mới mẻ, có căn-bản khoa-học chứ không dựa vào ngữ-cảm. Phương-pháp phân-định từ-loại này căn-cứ vào quan-hệ cú-pháp, vào hoàn-cảnh của từng từ, vào khả-năng kết-hợp (hoặc chỗ không có khả-năng kết-hợp) của các từ với nhau, nên ranh-giới giữa các từ-loại rất là dứt-khoát. G. s. Lê văn Lý đã chia ra như sau (Chương II, Trang 47-53) :

Loại A, còn gọi là danh-tự ;

Loại B, còn gọi là động-tự ;

Loại B', còn gọi là tính-tự ;

Loại C, chia ra làm C<sub>1</sub> hay ngôi-tự, C<sub>2</sub> hay số-tự, và C<sub>3</sub> hay phụ-tự. Riêng loại C<sub>3</sub> là loại không có chứng-tự.

Phương-pháp của G. s. Lê văn Lý đã được nhiều người phê-bình khen là độc-đáo, vì thật là mới lạ đối với khoa ngữ-học ở Việt-Nam. Phương-pháp này dùng bảng - chứng khác - quan, chứ không dựa vào ức-thuyết hay dịch từ ngữ-pháp ngoại-quốc ; tác-giả có nói rằng « mỗi ngôn-ngữ có một kết-cấu riêng, cho nên muốn xếp các từ-ngữ nào từng loại cũng phải theo những tiêu-chuẩn riêng cho mỗi ngôn-ngữ. » (Tr. 47) Khảo-hướng của tác-giả là tránh « sự mô-phỏng trên một hệ-thống ngôn-ngữ nào khác để mô-tả một ngôn-ngữ mà mình muốn khảo-cứ » (Tr 7).

Đứng về phương-diện phương-pháp-luận, chúng tôi đã có nhiều dịp -- trong lớp học và trên mặt báo-chí tập-san -- ca-ngợi thành-tích của L. M. Lê văn Lý, là một nhà ngữ-học Việt-Nam mà học-giới quốc-tế đều đã biết tiếng. Tuy-nhiên, chúng tôi cũng phải nhận-định rằng, về chi-tiết, thì hệ-thống từ-loại của bạn đồng-nghịệp chúng tôi có một vài khía-cạnh không làm cho mọi người mãn-ý. Điền-hình là việc xếp tất cả những từ như *bởi, vì, đầu, tuy, v. v. . .* (rõ-ràng là liên-tự) cùng những, *mày, các, mọi, v. v. . .* (rõ-ràng là lượng-từ) vào loại « phụ-tự khởi đầu ». Ngoài ra, những từ chỉ - định như *nào, này, ấy, nó, v. v. . .* cũng được xếp vào cũng loại « phụ-tự tận-cùng » như *nhà, nhé, cơ, mà, v. v. . .* Đó là chưa kể một điểm về su-phạm-học, là các chứng-tự (tức từ kiểm-nghiệm) của mỗi từ-loại quá nhiều, nên sinh-viên thường kêu là khó nhớ.

#### D. Chức - năng là gì ?

Vấn-đề phân-định từ-loại là một vấn-đề then chốt trong ngữ-pháp-học. Phần cú-pháp bao giờ cũng gồm có việc liệt-kê, định-tính, phân-tích từng từ-loại, rồi sau đó nghiên-cứ đầy đủ các mô-thức xếp-đặt từ thành từ-tổ và thành câu. Việc phân-định từ-loại của một ngôn-ngữ có khi dùng tiêu-chuẩn hình-thái (tức là phải xét cách tạo-từ), có khi dùng tiêu-chuẩn hoàn-cảnh (tức là phải xét cách tạo-cú), có khi dùng cả hai loại tiêu-chuẩn. Đã có lần, một vị mới xem một phần bài giảng của chúng tôi tại Viện Đại-học Sài-gòn in thành Tập I, *Ngữ-học, Nhập-môn* (Sài-gòn : Đại-học Văn-khoa, 1962) đã hấp-tấp nêu câu hỏi « Tại sao nói đến cú-pháp mà chỉ bàn tới từ-loại mà thôi ? » Chúng tôi hi-vọng sẽ có dịp trình bày Tập 2 của giảng-khoa nói trên, trong đó có nhiều chương bàn tới vấn-đề dùng từ-tổ, dùng mệnh-đề và dùng câu Việt-ngữ và các ngôn-ngữ khác (theo những khảo-hướng mới nhất là ngữ-pháp biến-tạo của G. s. Chomsky và ngữ-pháp « tagmeme » của G. s. Pike ).

Trước đây, các nhà nghiên-cứ ngữ-pháp tiếng Việt hoặc theo truyền-thống (như Alexandre de Rhodes 1651, Aubaret 1864, Trương Vinh Ký 1867, Diguet 1924, Chéon 1904, Bouchet 1908, Barbier 1925, Nguyễn Hiệt Chi và Lê Thuộc 1935, Trần Trọng Kim, Bùi Kỳ và Phạm Duy Khiêm 1940, Trà-Ngân Lê Ngọc Vương 1942, Bùi Đức Tịnh 1952) nên kê ra các từ-loại như hệt trong tiếng La-tinh và tiếng Pháp, hoặc căn-cứ vào tính không biến-hình của từ trong Việt-ngữ hay khả-năng thay-đổi từ-loại mà phủ-nhận luôn rằng không thể phân-định các từ-loại trong Việt-ngữ (đó là các ông Maurice Grammont và Lê Quang Trinh 1911, Hồ Hữu Tường 1949, Nguyễn Hiến Lê 1952). Khuynh-hướng mới nhất, dùng khả-năng kết-hợp của từ, thì mới có Lê văn Lý 1948, Murray E. Emeneau 1951, Patrick Honey 1959 và Phạm Xuân Thái 1960 áp-dụng cho tiếng Việt để tìm ra các từ-loại.

Cũng những nhà nghiên-cứ truyền-thống kê trên kia thường chỉ chú-trọng đến từ-pháp, chứ không nói mấy về cú-pháp. Mãi trong vòng

20 năm nay, ta mới thấy ảnh-hưởng của trường-phái chức-năng (tại các viện đại-học bên Âu) và trường-phái miêu-tả (tại các viện đại-học Anh-Mỹ). Linh-mục Lê văn Lý rõ-ràng chịu ảnh-hưởng của G. s. André Martinet. Ông này đã có giảng dạy nhiều năm tại Viện Đại-học Columbia bên Mỹ trước khi quay về quê ông tiếp-tục giảng dạy tại Viện Đại-học Ba-lê. Chính ông đã có sáng-kiến mời chúng tôi làm Giảng-viên Việt-ngữ tại Viện Đại-học Columbia từ 1953 tới 1957.

Ảnh-hưởng của chư-ngĩa chức năng, nghĩa là đi tìm công-năng (hay phận-sự) ngữ-pháp của mỗi từ, ta càng thấy rõ-rệt trong Phần thứ ba (Cú-pháp), nó theo sau Phần thứ hai, Chương III nói về Loại từ (Loại-từ), tr. 54-68, Chương IV nói về Hạng-mục (Phạm-trù) Ngữ-pháp, tr. 69-98, Chương V nói về các hư-tự (hư-từ), tr. 99-128, và Chương VI, dành cho các phụ-tự (trợ-từ), tr. 129-155.

Điều đáng chú-ý là, trong cuốn *Le Parler Vietnamien*, Cha Lý chỉ nghiên-cứu hệ-thống âm-vị và xét đến khả-năng kết-hợp của các từ-loại, ví-dụ :

Sáu A : Sáng cháo gà tôi cháo vịt. ( tr. 271 )

Bảy B : Muốn biết được thua phải đi hỏi. ( tr. 272 )

Ba B' : Thật tài giỏi ! ( tr. 272 )

Chín C : Dù sao chẳng nữa cũng tại chúng mày cả. ( tr. 273 )

Trong *Sơ-thảo Ngữ-pháp Việt-Nam*, những ai đã theo các bài giảng của Cha Lý ở tòa nhà Văn-khoa Saigon (từ khuôn viên Trường Pétrus Ký, tới đường Nguyễn Trung Trực, rồi lại tới Thành Cộng-hòa cũ) đều nhận thấy những kiến-giải minh-bạch của Cha nay được đem in ra để công-hiến cho một số đồng-độc-giả, thật là một điều đáng mừng cho học-thuật nước nhà.

Trong những trang 157-192, Linh-mục Lê văn Lý nghiên-cứu xem « các tự-ngữ Việt-Nam thường phối-hợp với nhau thế nào để diễn-đạt ý-tưởng, ý muốn và tình-cảm của người nói, trong những nhóm

tự-ngữ và những câu nói. » ( tr. 157 ) Ngài còn dành riêng một chương cho loại câu cảm-thán ( tr. 193-206 ), và một chương cho « những quy-tắc chung của cú-pháp Việt-Nam » ( tr. 207-210 ). Cuối cùng là một chương phụ thêm nói về « cách sử-dụng các số-tự Việt-Nam. » ( tr. 211-216 ).

G. s. Lê văn Lý phân-tích nhóm tự-ngữ ( từ-tổ ) trước khi phân-tích câu nói. Tuy-nhiên, ta chỉ thấy G. s. Lê văn Lý dẫn những từ-tổ danh-từ như nhà gạch, công sắt, bao-từ con ba ba, nhà thương Chợ Rẫy, cái bánh xe gắn máy của ông thợ kỹ Trường Trung-học Chu văn An, mà quan-hệ giữa hai thành-phần trực-tiếp chỉ là một thứ quan-hệ bổ-xung (qui-tắc « minh-xác » của tác-giả).

Ta không thấy tác-giả nói tới những từ-tổ bổ-xung khác như :

Ăn cơm ; làm bài ; thương con ( quan-hệ chi-phối ) hoặc chóng no ; khó bảo ( quan-hệ phụ-gia ).

Đó là chưa kể quan-hệ liên-hợp trong những từ-tổ như anh em ; vợ chồng ; cơm nước ; anh và tôi ; cả với lẽ ; cả trung học lẫn tiểu học ; hay quan-hệ tương-thuật trong những từ-tổ như Đê vỡ ; Khanh then ; Tàu cời, Tây khóc, Nhật lo ; v. v...

Ta cũng không thấy nói đến trường-hợp từ-tổ gồm một thể-từ (nhà) cố định-ngữ kèm theo như :

Tất cả / ba / ngôi / nhà / gạch / hai tầng / cao ngất / đằng kia.

Vấn-đề từ-tổ trong Việt-ngữ rất phức-tạp vì tính-cách đa-loại của các kết-câu. Tiếc rằng tác-giả Lê văn Lý không bàn tới những câu-thức có một thể-từ làm trung-tâm như :

( 1 ) Tất cả ba ngôi NHÀ gạch hai tầng cao ngất đằng kia ( là của ông Lý Chính ) ; hoặc những câu-thức có một vị-từ làm trung-tâm như :

( 2 ) ( Anh Tám ) LÀM Chủ-tịch một ủy-ban xét các đơn xin thăng-thưởng ; hay

( 3 ) ( Nó ) MUA sách ở Hiệu Khai-Trí ; hay

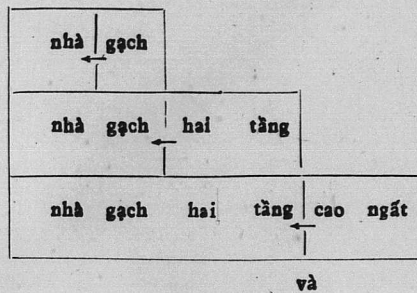
( 4 ) ( Miền này ) GIÀU nguyên-liệu.

Trong câu-thức (1), vị-trí của mỗi yếu-tố định-nghĩa thêm cho danh-từ trung-tâm *nhà* đều phân-định rõ-ràng : *tất cả, ba, ngôi* đặt đằng trước theo thứ-tự đó, còn *gạch, hai tầng, cao ngất, đằng kia* đặt đằng sau và cũng theo một thứ-tự nhất-định : kết-qua là cả từ-tổ *Tất cả ba ngôi nhà gạch hai tầng cao ngất đằng kia...* làm chủ-ngữ cho câu.

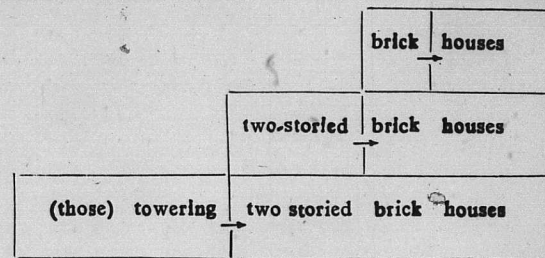
Ta có thể chỉ các quan-hệ ngữ-pháp giữa 12 thành-phần tối hậu của từ-tổ như sau :

|     |    |    |      |     |      |     |      |     |      |      |     |
|-----|----|----|------|-----|------|-----|------|-----|------|------|-----|
| 1   | 2  | 3  | 4    | 5   | 6    | 7   | 8    | 9   | 10   | 11   | 12  |
| tất | cả | ba | ngôi | nhà | gạch | hai | tầng | cao | ngất | đằng | kia |
| tất | cả | ba | ngôi | nhà | gạch | hai | tầng | cao | ngất | đằng | kia |
| tất | cả | ba | ngôi | nhà | gạch | hai | tầng | cao | ngất | đằng | kia |
| tất | cả | ba | ngôi | nhà | gạch | hai | tầng | cao | ngất | đằng | kia |
| tất | cả | ba | ngôi | nhà | gạch | hai | tầng | cao | ngất | đằng | kia |
| tất | cả | ba | ngôi | nhà | gạch | hai | tầng | cao | ngất | đằng | kia |
| tất | cả | ba | ngôi | nhà | gạch | hai | tầng | cao | ngất | đằng | kia |

Mũi tên ở mỗi bình-diện đều chỉ quan-hệ bổ-sung, đi từ yếu-tố phụ đăm vào yếu-tố chính. So-sánh :

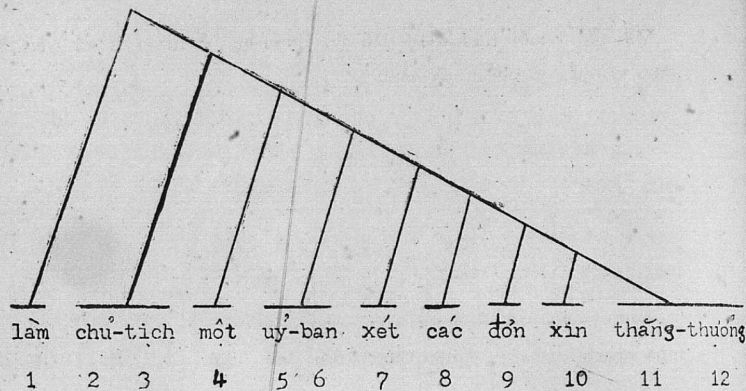


và



Trong ví-dụ (2), từ-tổ đứng làm vị-ngữ là từ-tổ... làm chủ-tịch một ủy-ban xét các đơn xin thăng-thưởng, trong đó vị-từ trung-tâm là động-từ làm theo sau có một bổ-ngữ dài, chính nó là một từ-tổ danh từ có quan-hệ bổ-sung trả lời câu hỏi : « làm gì ? » :





↓  
thăng / thường  
thăng - thường

xin / thăng - thường  
đơn / xin thăng - thường  
các / đơn xin thăng - thường  
xét / các đơn xin thăng - thường

↓  
ủy / ban  
ủy - ban

ủy - ban / xét các đơn xin thăng - thường  
một / ủy - ban xét các đơn xin thăng - thường

↓  
chủ / tịch  
chủ - tịch

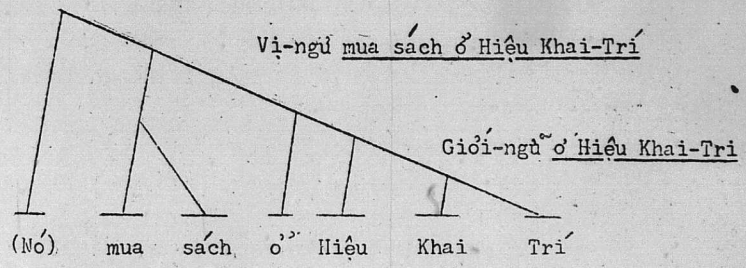
chủ - tịch / một ủy - ban xét các đơn xin thăng - thường  
làm / chủ - tịch một ủy - ban xét các đơn xin thăng - thường

Ba ô vuông là trường-hợp tạo-từ : hai từ-tò *thăng* và *thường* cấu-thành từ kép *thăng-thường* ; hai từ-tò *ủy* và *ban* cấu-thành từ kép *ủy-ban* ; hai từ-tò *chủ* và *tịch* cấu-thành từ kép *chủ-tịch*. Còn lại đều là các kiến-trúc từ-tò.

Nếu đảo sâu hơn nữa thì lại cần phân-biệt nhiều động-từ *làm*.  
Vi-dụ :

- làm<sub>1</sub> trong *làm nhà, làm bài, v.v.*
- làm<sub>2</sub> trong *làm chủ-tịch, làm giám-đốc, v.v.*
- làm<sub>3</sub> trong *làm tôi khó chịu, làm nó phật-ý, v.v.*
- làm<sub>4</sub> trong *làm cháy nồi cơm, làm hư cái xe đạp, v.v.*

Vi-dụ (3) có chủ-ngữ nó và vị-ngữ mua sách ở Hiệu Khai-trí (trong đó lại có giới-ngữ ở Hiệu Khai-Trí) :



Còn trong ví-dụ (4), *Miền này giàu nguyên-liệu*, từ-tò *làm* vị-ngữ được tạo nên bởi một tính-từ (*giàu*) kèm theo sau có một danh-từ (*nguyên-liệu*). Kiến-trúc /tính-từ + danh-từ/ rất Việt-Nam, vì ta nói *giàu của, giàu con, mát tay, sáng trí, tối dạ, to đầu v. v.*

Giới-ngữ thì L. M. Lê văn Lý gọi là « túc-từ gián-tiếp », có hư-tự dựa vào, ví-dụ : *bút chì* trong *Nó viết bài với bút chì* ( tr. 162 ), *hiệu Khai-Trí* trong *Nó mua sách ở Hiệu Khai-Trí* ( tr. 171 ).

Còn như trong câu *Nó cho người nghèo quần áo*, thì cả người nghèo lẫn quần áo đều được coi là « túc-từ trực-tiếp » cho thuật-từ *cho* » ( tr. 171 ).

Giáo-sư Lê văn Lý phân chia các câu nói trong Việt-ngữ ra làm tám loại (tr. 162) : câu tự-loại (gồm các từ thuộc cùng một loại : *Miếng, trầu đầu câu truyện Ăn có nhai, nói có nghĩ, v.v.*); câu đơn-giản, câu phức-tạp, câu khẳng-định, câu phủ-định, câu nghi-vấn, câu khuyên-lệnh, câu cảm-thán. Nhưng ở những Tiết 289 tới 302, Giáo-sư Lê văn Lý lại xác-nhận rằng « câu khẳng-định là câu thông-thường hay được sử-dụng nhiều nhất, được dùng và làm căn-bản cho các loại câu khác » (tr. 164); rồi lần-lượt khảo-sát những yếu-tố cấu-thành câu khẳng-định (chủ-từ + thuộc-từ + túc-từ). Chúng tôi thiết tưởng, trong việc phân-loại các kiểu câu, cần nêu rõ xem ta căn-cứ vào tiêu-chuẩn nào : ý-nghĩa hay loại-hình của câu ? Nếu chia theo mục đích, ta có những loại như : (a) câu tường-thuật, (b) câu nghi-vấn, (c) câu khuyên-lệnh, (d) câu cảm-thán; và trong mỗi loại này, ta lại có thể có (1) câu đơn-giản hay (2) câu phức-hợp, tùy theo cách cấu tạo. Riêng loại câu đơn-giản có thể chia nhỏ thành :

IA : câu hai thành-phần (chủ-ngữ + vị-ngữ)

IB : câu một thành-phần, có vị-ngữ mà không có chủ-ngữ (thường gọi là « vô-nhân-xưng »)

IC : câu thệ từ (Bộ Giáo-dục, Nha Văn-hóa, xe lỏi, v.v.)

ID : câu tỉnh-lược (*Mưa - thay vì Trời mưa ; Tôi - thay vì Tôi dịch, trả lời câu hỏi Ai dịch đây ?*)

Còn câu phức-hợp thì một là có quan-hệ liên-hợp (*Anh không đi thì cũng chẳng đi*) hai là có quan-hệ tùy-thuộc (biểu-hiện bằng liên-từ : *Nếu anh không đi thì tôi cũng chẳng đi*)

G.s. Lê văn Lý dành một chương cho bốn qui-tắc chung của cú-pháp Việt-Nam : qui-tắc tiết - điệu (tr. 208), qui-tắc minh-xác (tr. 209), qui-tắc bất-định và qui-tắc liên-tục (tr. 210).

1. Muốn cho « êm tai, dễ nghe », người Việt nói *Nó gửi thư cho tôi*, chứ không nói *Nó gửi cho tôi thư*. Còn nếu « túc-từ trực-tiếp » *thư* mà nói rộng ra thành *hai cái thư, cái thư này, v.v.*, thì ta có thể đặt nó hoặc trước hoặc sau cho tôi :

Nó gửi hai cái thư cho tôi.

Nó gửi cho tôi hai cái thư.

Nó gửi cái thư này cho tôi

Nó gửi cho tôi cái thư này.

Đó là « qui-tắc tiết-điệu. »

2. « Qui-tắc minh-xác » là « yếu-tố đi sau định-nghĩa cho yếu-tố đứng trước : *nhà / gạch / hai tầng / cao ngất / đằng kia.*

3. Theo « qui-tắc bất-định », thì những kiểu nói « không có xác-định rõ-ràng » : không có chủ-từ, không có những phụ-từ chỉ thời-giờ, lý-do, điều-kiện, v.v. Đây là đặc-điểm của các thành-ngữ, được tạo nên bằng phương-pháp cố-định : *Ăn quả phải nhớ kẻ trồng cây, Ăn cây nào rào cây ấy, Cha nào con nấy, Vạch áo cho người xem lưng, v.v.*

4. « Qui-tắc liên-tục » là câu nói diễn ra theo thứ-tự thời-gian : *Cậu Hai đi dạo ngoài bờ sông / câu cá / trượt chân / ngã xuống nước / chết đuối.*

Một lần nữa, kho tư-liệu về tiếng Việt đã được giàu thêm nhờ một cuốn sách có giá-trị trong lãnh-vực ngữ-học miêu-tả. *Sơ-thảo Ngữ-học Việt-Nam* xứng-đáng với tên tuổi của nhà ngữ học Lê văn Lý : nó sẽ có mặt trong bất cứ một tủ sách gia-đình nào chú-trọng tới nền văn-hóa Việt-Nam ta.

Bác Sĩ  
NGUYỄN - VĂN - THỌ

## văn - hóa là gì ? \*

Kính thưa Quý vị,

Năm trước đây, một vị giáo-sư ngoại quốc đã tới thăm Việt-Nam. Ông rất thông-thạo Việt viết và nói như một nhà văn vì ông đã học-tập ngôn-ngữ nước nhà tại quê hương ông từ lâu. Ông đã nhờ người đồng-hương của ông ở đây mua báo-chí và sách, vở và đã lưu-trữ được khá nhiều những tác phẩm giá-trị Việt-Nam. Ông tới thăm chúng tôi để nói chuyện về văn-hóa và mua mấy số báo Văn-Đàn của chúng tôi mà ông thiếu để cho đủ bộ. Ông rất ngạc-nhiên khi biết chúng tôi tự-động ngừng xuất-bản tờ tuần-báo này vì tình-hình chính-trị và chiến-tranh trong nước. Ông đã thân mật nói với chúng tôi:

« Ông bạn ơi ! Nhiều người ngày nay cũng nhầm-lẫn như ông. Họ tưởng tình-hình xáo-trộn và chiến-tranh lan rộng làm cho người ta không nghĩ gì đến các vấn-đề khác liên-quan đến con người. Điều đó đúng nhưng họ không ngờ rằng chỉ dăm ba tâm-hồn thiện-chí cũng đủ xây-

\* Buổi nói chuyện của Bác-sĩ Nguyễn-văn-Thọ do Tinh-Việt Văn-Đoàn cùng Trung-Tâm Nghiên-Cứu và Thông-Tin Tân-Định tổ chức tại Trường Quốc-Gia Âm - Nhạc Saigon hồi 17 giờ ngày Chủ - nhật, 3 - 7 - 1969. Lời giới thiệu của Phạm-dinh-Tân, Đoàn-Trưởng Tinh - Việt Văn - Đoàn và Tổng Thư - ký Trung - Tâm Nghiên-Cứu và Thông-Tin Tân-Định.

dựng tương-lai. Một tư-tưởng trong báo ông chỉ cần được một phần trăm số độc-giả hàng ngày của nó lưu-tâm cũng đủ cho ta hi-vọng, vì ông nên nhớ, dầu quân-sự chính-trị có thắng mà văn-hóa không tiến hay suy-đổi thì phần thua ta đã nắm chắc và sự suy-vong của xã-sở không còn nghi-ngờ gì nữa ».

Lời nói của vị giáo-sư ngoại quốc này đáng chúng ta suy-nghĩ vì nó nói lên sự quan-trọng của Văn-hóa. Chính nhà bình-luận trứ danh Pháp, Julien Benda, cũng đã nhấn-nhủ đồng-bào ông hồi đầu thế-kỷ này :

« Cuộc chiến-tranh chính-trị bao-hàm cả chiến-tranh Văn-hóa, đó thực là một phát-mình của thời-đại chúng ta và nó bảo-đảm cho thời-đại này một địa-vị đặc-biệt trong lịch-sử trong tinh thần của nhân-loại » (1)

Quả đúng vậy. Cũng như sự tiến-hóa của con người đã chuyển từ địa-hạt vật-chất sang địa-hạt tinh-thần như nhà bác-học Lecomte du Nouy đã nhận-định thì cuộc tranh-đấu ngày nay của các dân-tộc cũng đã lan sang địa-hạt Văn-hóa. Và cái thắng ở khu-vực đó là cái thắng cuối cùng, cái thắng quyết định vì quân-sự, chính-trị thắng mà Văn-hóa thua thì cũng không ích gì.

Vậy Văn-hóa là gì ?

Theo thành-kiến thông-thường, ở giới trí-thức cũng như trong dân-gian, Văn-hóa biểu-hiệu cho tất cả những sự phong-phú tinh-thần, là vật đặc-hữu của giới thượng-lưu mà người hường dân khó mà thu-thập được. Cho nên, ngày xưa, những vị khoa-bảng, các ông Nghè, ông Cử, ông Tú đều được coi là hiện-thân của Thánh-hiến. Lời nói của các ngài là khuôn vàng, thước ngọc, chữ viết của các ngài là những thánh-tự không được đề vương-vãi trên mặt đất hay dầy-đạp dưới chân !

(1) La guerre politique impliquant la guerre des cultures, cela est proprement une invention de notre temps et qui lui assure une place insigne dans l'histoire morale de l'humanité.

JULIEN BENDA : La trahison des cleres.

Ngày nay, quan-niệm về Văn-hóa cũng không được may-mắn lắm. Người ta lẫn-lộn Văn-hóa với văn-chương, văn-hóa với giáo-dục, văn-hóa với văn-minh, văn-hóa với kiến-thức... Viết một bài văn, giảng một đoạn sách, sống một cách thời-trang, nói được nhiều chuyện, người ta đã tưởng đó là văn-hóa rồi. Điều đáng chú ý nữa là mặc dầu không hiểu rõ văn-hóa là gì và coi văn-hóa như một sự phủ-phức, khi nói đến hai tiếng này người ta vẫn có mặc-cảm tự-tôn đối với các ngành học-thuật khác như kinh-tế, kỹ-thuật, khoa-học...

Tình-trạng đó thật đáng lo-âu và khiến chúng ta cần xem xét lại, nhất là trong giai-đoạn này vì Việt-Nam hàng tự hào có 4 ngàn năm văn-hiến và Việt-Nam đang phải phát-triển mau lẹ để theo kịp hoàn-cầu về mọi phương-diện, vật-chất cũng như tinh-thần.

Vì vậy, đã mấy năm nay, chúng tôi vẫn hằng bàn-luận về văn-hóa với ông bạn thân là bác-sĩ Nguyễn-văn-Thọ mà chúng tôi được hân-hạnh giới-thiệu với Quý vị hôm nay. Bác-sĩ Nguyễn-văn-Thọ chắc cũng không phải là người lạ với nhiều Quý vị vì ông vừa là Giảng-sư ở Đại-học Văn-khoa Saigon, vừa là người đầu tiên được giải-thưởng văn-chương « Lecomte du Nouy » của Tinh Việt Văn-Đoàn chúng tôi về bộ môn biên-khảo với tác-phẩm *Trung.Dung Tân-khảo* năm 1960-1961. Ông cũng là người đang chuyên tâm nghiên-cứu các học-thuyết Đông-Tây như Khổng-học, Phật-học, Lão-học v.v... và đã viết cuốn « Lecomte du Nouy và học-thuyết viễn-dịch », một tác-phẩm rất công-phu trong đó ông đã đối-chiếu các tư-tưởng và học-thuyết của nhà bác-học này với các tư-tưởng và học-thuyết cổ-kim.

Nhờ thông-thạo nhiều thứ tiếng: chữ La-tinh, Hán-tự, Pháp-ngữ, Anh-ngữ, Đức-ngữ, v.v... ông đã lần mò vào kho tàng văn-học của cổ-nhân cũng như của ngoại-quốc để tìm nghĩa văn-hóa. Công-phu đó đã giúp ông thu-thập được khá nhiều quan-niệm của các danh-nhân đồng thời suy-nghĩ và ấn-định cho mình một quan-niệm riêng.

Những quan-niệm ấy thế nào? Chỗ nào diễn-giã sẽ trình-bày cùng Quý vị. Những quan-niệm đó có đúng không? Có đầy đủ không? Ai mà

dám chắc vì ở đời này có cái gì hoàn-toàn và văn-đề văn-hóa nó cũng phức tạp như chính con người. Cho nên người tổ-chức và diễn-giã trông mong chốc nữa Quý vị sẽ góp ý-kiến cho cuộc hội-hợp hôm nay thêm phần phong-phú.

Tuy nhiên công-trình của diễn-giã thực đáng ghi-nhận và sẽ góp phần đắc-lực vào việc xây-dựng tương-lai.

Nhà triết-học và sử-gia Đức OSWALD SPENGLER đã viết ở đầu thế-kỷ này, trong cuốn « Ngày suy-tàn của Tây-Phương » :

« Mỗi nền văn hóa trải qua những giai-đoạn tiến-hóa của con người tách riêng. Nền văn-hóa nào cũng có thời thơ-ấu, thời thanh-niên, thời trưởng-thành, thời già-cổi (1) »

Vì vậy, nền văn-hóa cổ xưa của chúng ta có đẹp đến đâu, chúng ta cũng cần phải xem-xét lại và phải tích-cực hoạt-động để cho nền văn-hóa Việt-Nam ngày nay thích-hợp với sự tiến-triển của dân-tộc nói chung.

Và chúng ta cũng đừng bao giờ quên rằng văn-hóa cũng đang lăn vào cuộc chiến như nhà binh-luận Julien Benda đã nhắc-nhủ trên kia.

Với những ý-tưởng đó, chúng tôi xin nhường lời cho diễn-giã hầu chuyện Quý vị.

(1) Chaque culture traverse les phases évolutives de l'homme en particulier. Chacune a son enfance, sa jeunesse, sa maturité et sa vieillesse.

OSWALD SPENGLER : Le déclin de l'Occident.

Thưa Quý vị,

Cách đây mấy năm, ông Phạm-dình-Tân đã có ý muốn tổ-chức một loạt bài nói chuyện về văn-hóa, và từ độ ấy ông đã có nhã ý mời tôi nói về một trong những đề-tài văn-hóa của ông.

Mặc dầu tôi đã hết sức thoái-thác, từ-nan, mà vẫn không được, nên rút cuộc phải nhận lời.

Tuy nhận lời, nhưng thực sự tôi rất ngại nói về văn-hóa, một vấn-đề khô-khan như sa-mạc, mơ-hồ như sương thu, và khó-khẩn như con đường vào Ba-Thục.

Giờ đây, được hân-hạnh ra trước Quý vị, để nói về đề-tài tổng-quát « Văn-Hóa là gì ? », tôi cảm thấy bồi-hồi và lạc-lõng, lên-tưởng đến mấy câu Kiều :

« Bầy giờ đất thấp trời cao,

Ăn làm sao, nói làm sao bầy giờ ? »

Biết ăn làm sao, biết nói làm sao, khi mà đã đường quang không đi, lại bắt quàng đường rậm, khi đã không biết tự lượng sức mình mà mua lấy cái khó vào mình.

Đã tới nông-nổi này, tôi chỉ còn biết xin Quý vị khoan-dung mà bỏ qua cho những điều lầm-lỗi cũng như những điều sơ-xuất của tôi trong buổi nói chuyện hầu Quý vị hôm nay.

Để tìm hiểu Văn-hóa là gì, tôi sẽ lần lượt :

- 1/ - Khảo-sát xem hai chữ Văn-hóa xuất-sinh từ đâu, từ thời-kỳ nào.
- 2/ - Bình-luận về ít nhiều định-nghĩa Văn-hóa.
- 3/ - Triết-tự Văn-hóa, và phân-tách nội-dung Văn-hóa.
- 4/ - Bàn về sự thăng-trầm của một nền Văn-hóa, cũng như về ba nền Văn-hóa chính trong hoàn-vô từ trước tới nay.
- 5/ - Thử đưa ra một định-nghĩa về Văn-hóa, một quan-niệm về Văn-hóa.

## 1) — XUẤT-XỨ VÀ KHỞI NGUYÊN CỦA HAI CHỮ VĂN-HÓA

Thoạt tiên trước khi khảo-sát về hai chữ Văn-hóa, thiết tưởng cũng nên tìm hiểu xem lý-lịch của hai chữ Văn-hóa ra sao, nó đã phát-sinh từ phương nào, thời nào, ai đã khai sinh ra 2 chữ Văn-hóa v.v... Nhưng đó là một công-trình thiên nan, vạn nan. Tôi tuy đã tốn công tìm-tòi, nhưng tới nay, vẫn chưa gọi được thông-tò vấn-đề. Cho nên đây tôi chỉ xin trình-bày hồ-sơ lý-lịch tạm thời của chữ Culture bên trời Tây, và chữ Văn-hóa bên trời Đông.

Bernard Chabonneau cho rằng chữ Văn-hóa đã được GOETHE (1749-1832) khai-sinh đầu tiên trong tiếng ĐỨC với chữ Bildung, và có nghĩa thuần-túy là văn-chương, nghệ-thuật chứ không có dính-dấp gì đến đạo-giáo, kinh-tế hay chính-trị (1).

Harry Levin chủ-trương ngược lại rằng chữ Kultur của Đức đã được và mượn trong tiếng Pháp (2).

Thê là, về phương-diện xuất xứ của chữ Văn-hóa, ta đã bị đánh đồng đưa giữa hai chủ-trương tương-phản.

Đến như vấn-đề chữ Culture phát-sinh từ năm nào, thời nào, thì lại càng khúc-mắc, nan-giải hơn nữa.

Bernard Chabonneau cho rằng chữ Culture chỉ được thông-dụng ở Anh và Pháp sau năm 1918 (3).

1) La Culture naît dans le langage en Allemagne avec la « Bildung » goethienne, qui identifie cette culture avec l'humanisme classique, en la distinguant de la religion et de la pratique économique ou politique... Plus tard, dans cette même Allemagne, on commencera à parler de la Kultur, opposée à la civilisation qui est matérielle...

Bernard Chabonneau, Le Paradoxe de la Culture, p. 40

2) The word had already taken its artistic and intellectual turn when the Germans borrowed it from France... and gradually change its initial C to the more aggressive K. (Harry Levin, Science and Culture, edited by Gerald Holton, p. 2)

3) En Angleterre et en France, ce terme de Culture ne passera vraiment dans le langage courant qu'après 1918.

Bernard Chabonneau, Le Paradoxe de la Culture, p. 40

Harry Levin cho rằng chữ Culture với nghĩa là Văn-hóa đã xuất hiện trong tiếng Pháp vào cuối thế-kỷ XVIII.

Bằng chứng là trong Bách-Khoa Tự-Điền của Diderot, chữ Culture chỉ có nghĩa là trồng-trọt đất-đai, chưa có nghĩa là Văn-hóa.

Mãi đến năm 1777, Tự-Điền Hạn-lâm-Viện Pháp mới chua thêm rằng: « Culture cũng còn được dùng theo nghĩa bóng là chau-đồi nghệ-thuật và tâm-trí » (4).

Ruth Emily Memury cho rằng trong tiếng Anh, chữ Culture xuất hiện lần đầu tiên trong tự-điền Oxford vào năm 1875 (5).

Bộ Bách-Khoa Tự-Điền Anh cho rằng chữ Culture với nghĩa là Văn-hóa đã được Matthew Arnold dùng trong quyển Culture and Anarchy từ 1869 (6).

Harry Levin cho rằng từ năm 1510, Thomae More đã dùng chữ Culture với ý-nghĩa là giáo-dục, là đào-luyện tinh-thần (7).

4) Thus in the article in Diderot's Encyclopedia is limited to « culture des terres », but in the Dictionnaire de l'Académie française of 1777 subjoins to this agricultural definition a figurative sense l. se dit aussi au figuré, soin qu'on prend des arts et de l'esprit (Harry Levin, Science and Culture, p.2).

5) It is first recorded by the Oxford English Dictionary from the year 1875, when Whitney spoke of « a more incident of social life and of a cultural growth ». (Ruth Emily Momury and Muna Lee. The cultural approach, p. 2).

6) Matthew Arnold responded to John Bright's dismissal of culture as « a smattering of the two dead languages of Greek and Latin », in Culture and Anarchy (1869), defining Culture as a pursuit of our total perfection by means of knowledge of the best which has been thought and said in the world and the development thereby of all sides of our « humanity ».

Encyclopedia Britannica, Culture and Humanity, Vol. I, p. 745 ... and not till 1876, did Matthew Arnold use the noun: « Culture the acquainting ourselves with the best that has been known and said in the world ».

R. Emily and Memury and Muna Lee, The Cultural approach, P.2.

7) The Oxford English dictionary cites a phrase employed by Thomas More in 1510: The culture and profits of their minds ... (Harry Levin, Semantics of Culture) in Gerald Holton, Science and Culture, p. 1.

Như vậy, chữ Culture với nghĩa là Văn-hóa đã sinh ra từ năm nào? 1818, 1875, 1869, 1777 hay 1510? Nó đã ra chào đời đầu thế-kỷ XX, hay cuối thế kỷ XIX, cuối thế-kỷ XVIII hay đầu thế-kỷ XVI? Ai sẽ là trọng tài để đoán-định rút-khoát về sự sai-biệt sơ-sơ non bốn thế-kỷ này?

Nhưng thế cũng chưa lạ. Nếu ta truy nguyên, thì trong tiếng Latin, chữ Culture đã được dùng từ thời đế-quốc La-mã ít ra hơn 100 năm trước Công-nguyên.

Thời ấy chữ Culture đã có 3 nghĩa:

1) — Phương pháp làm ruộng.

2) — Phương-pháp làm người.

3) — Phương-pháp làm thần-minh, hay sự thờ-phượng thần minh (8).

Quay sang Đông-Phương, chúng ta cũng vấp phải những khó-khăn tương-tự.

Ở Trung-Hoa, chữ Văn-hóa có gần đây, nhưng chữ « Văn » đã có từ lâu và bao-hàm mọi ý-nghĩa của văn-hóa (9).

Một học-giả Trung-Hoa, Ông Shih-Hsiang-Chen viết: « Văn là tất cả những gì đẹp-đẽ của nhân-quần. Văn sự sáng-tạo của tinh-thần, có mục-dịch kết-hợp mọi phần-tử rời rạc vô nghĩa thành một đoàn-thê ».

8) The term Culture and Cult have the same derivation and were applied by the Romans to the cultivation of the field (agri cultura or cultus), the cultivation of the mind (ani-mi cultura or cultus) and the cultivation of religion and God (Dei cultus or cultura). Cicero thus defines philosophy as the « culture of the mind » and argued that philosophy first educated men to the cult of Gods.

Encyclopedia Britannica, Culture and Humanity, Vol. I, p 743.

9) L' équivalent chinois du mot littérature, Wen, ne signifiait à l'origine, rien de moins que l' ensemble de la civilisation humaine telle que la conçoit les Chinois.

L'Originalité des Cultures (Unesco), p. 43.

có tổ-chức, đời sự xung-đột thành hòa-mục, đời loạn thành trị, thực-hiện cái hay, cái đẹp... (10).

J. Laloup và J. Néllis cũng cho rằng: Chữ Văn của Trung-Hoa hàm ngụ tất cả công-trình cải-thiện con người. Nó bao- quát văn-chương, đạo-giáo, triết-học, nghệ-thuật, tóm lại tất cả mọi thủ-tác trên bình-diện tâm-thần, ngược lại với chữ Vũ, Tượng-trưng cho guồng máy hành-chánh và quân-sự (11).

Trong Kinh-Thư, chữ Văn hay chữ Văn-giáo đã được dùng thay vì chữ Văn-hóa. Ngoài ra ta còn thấy những cử-chỉ hết sức đẹp-dẽ của Vua Chúa thời ấy, muốn dùng văn để trị đời, như vua Đại Võ phò-trương đức-độ, lễ-nghi, nghệ-thuật nơi triều-ca đề cảm-hóa rợ Miêu, khiến họ phải tự-động thần-phục, như Võ Vương sau khi đã diệt được Trụ vương, liền thả trâu trận, ngựa chiến nơi miền núi Hoa-Dương và miền đông Đào-Lâm để tỏ ý sẽ dùng Văn mà cai-trị, cải-hóa thiên-hạ thay vì dùng Võ, dùng bạo-lực (12).

10) Le mot chinois qui désigne la littérature, Wen, symbolise aussi bien dans sa graphie étymologique que dans son premier emploi, l'idée de la création intellectuelle, qui change les éléments informés en un tout organique, les contraires en harmonie, le chaos en ordre, donnant ainsi une forme saisissable au bon et au beau... 1b p. 43

11) Depuis les conquêtes mongoles, le Chinois cultivé s'est désintéressé de la politique et de l'appareil militaire et juridique dans lesquels il ne voit que l'expression d'une force extrinsèque à l'esprit ou d'une violence méprisable, qu'il désigne du mot Wu. Pour lui, l'effort d'humanisation réside dans le Wen, vocable par lequel il désigne la littérature ainsi que les croyances religieuses et philosophiques, les efforts culturels et artistiques, bref, toute acquisition intérieure de l'esprit; c'est pourquoy, le Wen, agent unique de vraie culture, doit s'opposer au Wu et lui faire échec.

J. Laloup et J. Néllis, Culture et Civilisation p. 80.

12) Tam bách lý qui Văn-giáo.

(Trong vòng ba trăm dặm các ngài thi-hành chủ-trương văn-hóa giáo-dục) Kinh Thư, Vũ công hạ, câu 20).

— Xem Đại Vũ mô, tiết 21.

— Xem Kinh Thư, Vũ thành, tiết 2.

Độc Tam-quốc, ta thấy Phó-Cán khuyên Tào-Tháo không nên mãi mãi điều động binh-mã để binh Ngô, diệt Thục, mà phải biết dùng văn để củng-cố vương-quyền... Tào-Tháo nghe theo bèn bãi việc Nam-chiếu, rồi lo chấn-hưng các trường học, ưu-đãi văn-sĩ... (1)

Như vậy chữ Văn ít nhất là đã chông-chất trên mình 4000 năm tuổi hạc nhưng ngược lại, hai chữ Văn-Hóa thì chắc là mãi tới đầu thế-kỷ XX mới xuất-hiện trong từ-ngữ Trung-Hoa.

Bằng chứng là trong quyền Pháp-Hoa tự điển của Séraphin Couvreur, xuất-bản tại Trung-quốc năm 1890, ta chưa thấy bóng-dáng hai chữ Văn-Hóa.

Ở Việt Nam, vì chúng ta chịu ảnh-hưởng Trung-Hoa, nên chữ Văn cũng đã có từ lâu đời, trái lại, chữ Văn-Hóa chắc-chắn là một tiếng mới được thông dụng. Lục-soát các tự-vị, tự điển Việt, hay Pháp-Việt xuất-bản trước 1918 đều không thấy tung-tích hai chữ Văn-Hóa (2).

Nếu tôi không nhầm, thì tuy tập-chí Nam-phong bắt đầu xuất-bản từ 1917, nhưng mãi đến năm 1924, trong số 84 mới thấy Ông Thượng-Chi viết một bài nhan đề là Bàn phiếm về văn-hóa Đông Tây (3).

Tổng-kết lại, nếu ta khảo-sát các tự-điển PHÁP, HOA, VIỆT, ANH, ta có thể kết luận một cách khá chắc-chắn rằng chữ Văn-Hóa là một tiếng mới-mẻ. Nó đã ra chào đời khoảng cuối thế-kỷ XVIII, nhưng chỉ được thông-dụng ở bên Đông cũng như ở bên Tây, sau đệ nhât thế chiến (4).

1) — Xem Tam quốc-chí, Từ-Vi-Lang dịch-thuật tập V, trang 1218.

2) — Trong các Tự-điển cổ sau đây ở Việt-Nam, đều không có chữ Văn-Hóa: — Dictionnaire élémentaire annamite-français, par l'Abbé Le Grand de la Liraye Saigon, Imprimerie impériale, 1868.

— Dictionnaire annamite français, par J.F.M. Génibrel Mission apostolique, Saigon, Imprimerie de la Mission à Tân-Định, 1898.

— Đại-Nam quốc âm tự-vị, Huỳnh-tịnh-Paulus Cửa, Imprimerie Curial et Cie, Rue Catinat et d'Ormay, 1898.

— Petit Dictionnaire français-annamite, P.J.B. Trương-Vinh-Ký Saigon, F.H. Shreider éditeur, 1911.

— Dictionnaire français-annamite, Masseron, 1916.

3) — Xem bài: Bàn phiếm về Văn-hóa Đông Tây của Thượng-Chi, Nam-Phong số 84, trang 447 - 453.

4) — Both terms Culture and Civilisation came into European and English usage, with something of their current sense, about the 18th century (Encyclopedia Britannica, Tome I, p. 742).

### 11) — BÌNH-LUẬN VỀ ÍT NHIỀU ĐỊNH-NGHĨA VĂN-HÓA.

Sau khi đã biết sơ qua về lai lịch chữ văn-hóa, thiết tưởng nên tìm hiểu về ít nhiều định-nghĩa văn-hóa.

Chữ văn-hóa ngày nay tuy hết sức thông dụng, nhưng vẫn khó định-nghĩa cho chính xác. Hơn nữa mỗi người hiểu văn-hóa một cách cho nên bộ mặt Văn-hóa biến-thiên, có đủ hình dung sắc thái: có người cho nó mung lung phiêu diêu như tinh-thần, có người cho nó thiên-cận, thực-tiền như vật-chất.

Tùy nơi, tùy thời, tùy người, chữ Văn-hóa lại có một nội-dung hay một hình-thức hoàn toàn mới mẽ, khác lạ.

Cũng vì vậy mà các nhà học-giả chân chính rất ngại ngần khi phải định-nghĩa Văn-hóa.

Trong bài phê lộ quyền Culture, a critical review of Concepts and Definitions, hai nhà nhân-chủng-học trứ danh là Ông Kroeber và Clyde Kluckhohn đã mượn lời của Lowell mà thú nhận rằng:

« Tôi đã được ủy nhiệm nói về Văn-hóa. Nhưng ở trên đời này không có gì phiêu diêu, mung lung hơn là hai chữ Văn-hóa. Người ta không thể phân-tách Văn-hóa, vì thành-phần nó vô cùng tận... Người ta không thể mô tả Văn-hóa, vì nó muôn mặt, muôn hình. Muốn có động ý nghĩa Văn-hóa thành lời lẽ, thì cũng y như tay không bắt không-khí, ta sẽ thấy không-khí ở khắp nơi, mà riêng trong tay ta, thì chẳng nắm được gì ». (1)

Cũng vì vậy, mà có nhiều nhà đại Văn-hóa lại không muốn định-nghĩa Văn-hóa.

Trong cuộc hội-thảo về Văn-hóa ở Venice từ ngày 25 đến 31 tháng 3 năm 1956, do Âu-Châu Văn-hóa hội tổ-chức, qui tụ một số triết-gia, văn gia các nước Âu-Châu gồm cả hai phe Tự-Do và Cộng-Sản, trong đó có những nhân-vật lừng danh như Karl Barth, Campagnolo, Jean Paul Sartre, Maurice Merleau Ponty, Vercors, Silone, Fédine, Boris Polévoï Kampov, Jaroslaw-Iwaszkiswioz v. v. . . người ta đề-nghị không nên đưa ra một định-nghĩa về văn-hóa trong bản tuyên-cáo chung. (2)

(1) — Thus in their introduction to the Volume Culture: A critical Review of concepts and definitions, the anthropologists L. Kroeber and Clyde Kluckhohn quoted Lowell's confession: « I have been entrusted with the difficult task of speaking about culture. But there is nothing in the world more elusive. One cannot analyse it, for its component are infinite. One cannot describe it, for it is a Protean in shape. An attempt to encompass its meaning in words is like trying to seize the air in the hand, when one finds that it is everywhere, except in one's grasp ». — Cf. Gerald Holton, Science and Culture, Houghton Mifflin Co, Boston, The Riverside Press, Cambridge 1955, p. VII.

Các tác-giả bộ Le Bilan du Monde (tức là bộ Bách-Khoa Công-giáo về thế-giới Cơ-Đốc Giáo) cũng tránh không đưa ra một định-nghĩa về Văn-hóa.

Họ không muốn có thái-độ dứt khoát như nhiều người, coi văn-hóa đối lập với văn-minh, mà chỉ muốn nói như Jacques Maritain rằng:

« Trong Văn-hóa có hàm nghĩa phát-triển con người và nhất là phát-triển về lý trí, tâm thần, còn trong văn-minh có khía cạnh xã-hội chính-trị và kỹ-thuật của sự phát-triển về con người. (1)

Thomas Sterns Eliot, một văn-gia người Anh, đã đoạt giải thưởng Nobel về văn-chương năm 1948 đã viết một quyền sách với một nhan-đề hết sức khiêm-tốn là « Những ghi-chú đề tiền tới định-nghĩa về văn-hóa (2)

Thế là T.S. Eliot cũng không muốn trực-tiếp định-nghĩa Văn-hóa.

Những thái-độ dè-dặt nói trên, xét cho cùng, hết sức là khôn-ngoan, vì định-nghĩa là giới-hạn, là thắt buộc (3), mà giới hạn quá, thắt buộc quá, ta sẽ khó quan, khó gỡ.

(2) (Tiếp theo chú-thích trang trước):

— Mr Vercors propose, en retenant la suggestion de M. Sartre de ne pas définir la Culture. — Cf. Comprendre 16, Rencontre Est-Ouest, cinquième séance, p. 263.

(1) — Sans craindre, nous renonçons ici à donner une définition philosophique de la culture. Ce terme, nous ne l'opposons pas comme certains l'ont fait à celui de « civilisation ». Sullivant Jacques Maritain, Religion et Culture, Paris 1930, p. 13, nous distinguerons seulement dans la Culture « un développement véritablement humain et donc principalement intellectuel, moral et spirituel, et dans la civilisation, l'aspect social, politique et technique du même développement humain. (Le Bilan du Monde, I, p. 91).

(2) — T.S. Eliot, Notes towards the Definition of Culture, Faber and Faber limited, 24 Russell Square, London.

(3) — Definition: I. The setting of bounds, limitation (rare)-1483, Oxford English dictionary. — Cf. T.S. Eliot, Notes towards the Definition of Culture, p. 5.



Quần-chúng thì trái lại, có thể định-nghĩa và bàn cãi về văn-hóa một cách hết sức dễ-dàng. Trước đây hơn 10 năm, Ông Đặng-văn-Ký đã mở cuộc phỏng-vấn về 2 chữ văn-hóa và đã ghi kết-quả cuộc phỏng-vấn ấy trong Văn-hóa Á-Châu số 9, tháng 12, 1958.

Giữa 2 thái-cực ấy, còn có những học-giả khác không cầu thủ đê-dãi, nhưng cũng không tích cực tránh né, đã dám « dấn thân », đã dám định-nghĩa về văn-hóa. Nhờ vậy, mà nếu chúng ta chịu sưu-tầm, thì cũng có thể có cả trăm định-nghĩa về Văn-hóa. Năm 1952, Ông A.L. Kroeber và Clyde Kluckhohn trong quyển Culture: a Critical Review of Concepts and Definitions đã viện-dẫn hơn 400 tác-giả và thảo luận được 130 định-nghĩa về văn-hóa. (1)

Sau đây chỉ xin bình-luận về ít nhiều định-nghĩa thông-thường về văn-hóa.

1) - Có người cho rằng VĂN-HÓA là TRÌNH-ĐỘ KIẾN-THỨC, KIẾN-VẤN của mỗi người.

Cho nên nói: người này có trình-độ văn-hóa cao, người kia có trình-độ văn-hóa thấp. Theo định-nghĩa này, thì văn-hóa có nghĩa tương-đương như trình-độ học-vấn. (2)

2) - Có người cho rằng VĂN-HÓA là SỰ ĐÀO-LUYỆN TÂM-TRÍ CON NGƯỜI ĐỂ HỌ TRỞ NÊN THANH-LỊCH.

T.S. Eliot cho rằng: Văn-hóa là sự cải-thiện tâm-trí con người. (3)

Tự điển Oxford cho rằng: Văn-hóa là sự đào-luyện, là sự phát-triển tâm-trí và tài-năng, phong-thái v.v... Văn-hóa là huấn-luyện, là giáo-dục con người để cải-thiện con người cho họ trở nên thanh-lịch. (4)

Tự điển của Bác-sĩ Johnson cũng thích nghĩa văn-hóa là nghệ-thuật cải-thiện, nghệ-thuật tiến tới hoàn-mỹ (5).

(1) - Cf. Edmund R. Leach, Culture and Social Cohesion: An Anthropologist's view. - In Science and Culture edited by Gerald Holton, p. 24.

(2) - Câu chuyện Văn-hóa của Đặng-văn-Ký đăng trong Văn-hóa Á-Châu, số 9, tháng 12, 1958.

(3) - The improvement of the human mind and spirit.

(Eliot, Notes towards the Definition of Culture, p. 21)

(4) - The Cultivating or development (of the mind, faculties, manners etc...), improvement or refinement by education and training.

(5) - The art of improvement or melioration (Cf. Harry Levin, Semantic of Culture. - In Science and Culture edit. by Holton, p. 9... Culture: - Improvement, refinement or development by study, training etc...

- The training and refining of the mind, emotions, manners, tastes.

- The results of this refinement of thoughts, emotion, manners, tastes... (Webster's New 20th Cent. Dict).

Như vậy, những người có văn-hóa là những người có tác-phong thanh-lịch, có giáo-dục, học-vấn, những người mà con tim, khối óc đã được chau-chuốt đã được dũa mài, những người có tâm-hồn nghệ-sĩ biết thưởng-thức nghệ-thuật. Những người có văn-hóa là những tao-nhân mặc khách, những chính nhân quân-tử, mà Kinh Thi đã khen-tặng như sau:

Kìa xem bên khuỷu sông Kỳ  
Tre non mới mọc xanh rì vườn ai  
Người dân văn vẻ hơi người  
Nhường như cắt đánh rửa mài bấy nay  
Lâm-liệt thay, rực-rỡ thay  
Hỡi người quân tử biết ngày nào quên. (1)

3 - Có người hiểu VĂN-HÓA là CÔNG-TRÌNH GIÁO-HÓA CON NGƯỜI. Chữ Culture trong tiếng PHÁP, ngoài nghĩa Văn-hóa ra còn có nghĩa là dạy-dỗ, mở-mang, khai-hóa. (2)

Và như vậy, chữ Văn-hóa được gắn liền với chữ giáo-hóa, giáo-dục, với chương trình giáo-dục của quốc-gia.

Chữ Văn-hóa hay giáo-hóa ở đây, chẳng những có nghĩa là đào-luyện tâm-trí con người cho họ trở nên những người có nhân cách xứng-đáng với danh-vị con người, mà cũng còn có nghĩa là huấn-luyện cho con người trở nên những người tài-trí, hữu-dụng cho đất nước.

Nói thế tức là xưa và nay, đường-lối văn-hóa, giáo-dục khác nhau.

Xưa thì Đông cũng như Tây, giáo-dục cốt là cải-hóa tâm-hồn con người cho họ trở nên những người chính nhân, quân-tử. Chương-trình giáo-dục thiên về nghĩa-lý, đạo lý.

Nay Đông cũng Tây, giáo-dục cốt là để mở-mang tài-trí con người để cho họ trở thành những thầy, những thợ, những chuyên-viên. Chương-trình giáo-dục thiên về khoa-học và kỹ-thuật. Mỗi đường lối có cái hay cái dở của nó.

(1) - Cf. Kinh Thi Tân-Đà, trang 168.

(2) - Cf. Pháp-Việt Tự điển Đào-Duy-Anh nơi chữ Culture.

... Trong bài báo: Góp ý về Độc-lập của văn-hóa và giáo-dục của Hoàng-văn-Ngũ, đăng trong nhật báo Hoà-Bình ra ngày thứ tư 14 5 69, tác-giả viết như sau: « Riêng ở lãnh-vực Văn-hóa, Giáo-dục, những tệ-trạng thời Thực, Phong cũng chưa chấm-dứt.

1 - Người làm văn-hóa chưa được chăm-sóc quý-trọng đúng mức. (Các nhà văn thường bị thiếu-hồn và câu-thức về vật-chất lẫn tinh-thần).

2 - Người làm Văn-hóa, Giáo-dục (giáo-chức) biến thành một hạng viên chức có quy-chê của thời xưa để lại. »

Như vậy theo Hoàng-văn-Ngũ, chữ Văn-hóa gồm hai phương-diện văn-nghệ và giáo-dục. Đó cũng là hai nghĩa thông-dụng của Văn-hóa trong dân-gian.

Làm chính-nhân quân-tử, mà không có nghề-nghiệp, mưu-sinh, thì dĩ-nhiên sẽ lâm cảnh bần cùng, túng thiếu. Làm thầy, làm thợ mà vô lương-tâm, thời sẽ trở thành họa hại cho quốc-gia.

Cái hay, chính là biết dung-hòa hai đường-lối giáo-dục nói trên, để đào-tạo nên những con người tại-đức song-toàn.

Cách đây 45 năm, Thượng-Chi tiên-sinh cũng đã viết: « Có khoa-học mà không có đạo học, thời như vô, mà không có ruột, không thể thành-lập được ở đời. Nếu có đạo học mà không có khoa-học thời như có ruột mà không có vô, không thể xông pha được với đời. Cho nên hai bên cần phải điều-hòa với nhau, điều-hòa khoa-học với đạo-học lòng công-lợi với bực chân - thành tức là điều-hòa văn-hóa Đông Tây vậy (1) ».

4. — Có người hiểu VĂN-HÓA là VĂN-CHƯƠNG, NGHỆ-THUẬT, hay nói tắt là VĂN-NGHỆ.

Đó là một trong những định-nghĩa phổ-thông nhất của Văn-hóa. Hiện nay, văn-hóa và văn-ngệ thường đi đôi với nhau như bóng với hình.

\* Thực vậy văn-ngệ là công-cụ để phổ-diễn văn-hóa, đề bác cầu thông-cảm giữa con người, để truyền-thụ và cũng là để bảo-tồn văn hóa,

Nếu con người có hai phương-diện: một phương-diện lý-tưởng-siêu-việt, vượt tầm không-gian và thời gian, và một phương-diện thực-tại, còn mắc-mưu trong dòng thời gian, lịch-sử, xã hội, địa-dư, thì văn-hóa, văn-ngệ cũng có hai chiều, hai mặt như vậy.

Những nhà văn-hóa cao-siêu dùng văn-chương, nghệ-thuật phức họa cho nhân-quần một viễn-tượng, một viễn-dịch cao-siêu, một nếp sống lý-tưởng.

Những nhà văn-hóa thông-thường, những văn nhân, tài-tử thông thường dùng văn-ngệ, dùng tài-hoa minh để làm cho đời thêm tươi, cho đời bớt sầu bớt não, hoặc là để ghi lấy những sắc-thái biến-ảo của nhân-tình thế-thái, phơi bày tâm-tư mình hay tâm-tư quần-chúng, nói lên những nỗi éo-le cả cuộc đời, những cảnh phủ-phàng của đời sống, nói lên những uất-ức của nhân gian, hay những niềm sung-sướng vui-tươi của nhân-quần, những ước-mơ của thế-hệ, chung qui muốn ghi chép lại tất cả những cái hay, cái đẹp của mọi hoàn-cảnh, ghi lại bộ mặt chân-thực của con người trong một khung-cảnh lịch-sử, địa-dư nhất định nào đó, để cho mọi người lấy đó làm gương, hoặc lấy đó làm răn để rồi ra biết xử-trí với hoàn-cảnh một cách khéo-léo hơn, biết sống một đời sống hữu-lý hơn, hạnh-phúc hơn. . .

(1) — Xem bài: Bàn phiếm về Văn-hóa Đông, Tây-Nam-Phong số 84, trang 452.

Vì cho rằng Văn-hóa là văn-ngệ, nên nhiều người mới tưởng rằng văn-hóa thấp hơn đạo giáo. Đạo giáo là thiên-văn, thiên đạo, còn văn-hóa chỉ là nhân-văn, nhân-đạo. (1)

Nhưng thực ra văn-hóa là một danh-từ bao-quát hơn chữ đạo-giáo. Bằng-chứng là phạm-khi đề cập đến văn-hóa của một nước, một dân, người ta chẳng những đề-cập đến đạo-giáo mà còn đề-cập đến nhiều vấn-đề khác như văn-ngệ, thể-chế chính-trị phong-tục, lễ-tết, du-hí v.v...

Vì coi văn-hóa là văn-ngệ, một thứ văn-ngệ « trà dư, tửu hậu » đề tiêu sấu, khiêu muộn, cho nên các chính-trị-gia thường muốn tách văn-hóa ra khỏi phạm-vi chính-trị. Các chính-trị thường sẵn-sàng muốn đóng vai trò Mạnh-Thường-Quán để bảo vệ cho các nhà văn-hóa, miễn họ cứ việc bàn đên những chuyện vô thưởng, vô phạt, miễn là họ cứ việc khơi sâu dĩ-vãng, mơ màng tương-lai, hoặc đả-kích những thể-chế đối-lập, những ca-tụng, ủng-hộ khuôn khổ đương-thời, nhưng khuyên-nhủ mọi người vui sống trong khung cảnh hiện-tại sẵn-có, là đừng đòi-hỏi thêm chi, mơ-ước thêm chi, đừng có xúi-gục quần chúng vùng lên tranh-đấu đòi cải-thiện, cải cách.

Nhưng thực ra, văn-hóa cũng bao-trùm luôn cả chính-trị. Văn-hóa không phải là một công-cụ chính-trị, mà chính-trị mới đích-thực là công-cụ đã thực-thi một nền văn-hóa nào, một chủ-nghĩa nào.

1 — Pour l'évêque d'Hippone (St Augustin), l'âme comprend sept degrés. Les deux premiers sont communs aux végétaux et aux êtres animés; le troisième degré, au contraire, est propre à l'homme: il lui permet de jouir de la culture humaine, avant de parvenir au septième degré, qui est celui de la contemplation de la vérité, et donc de la sainteté, l'âme doit avoir accompli tout un voyage travers la création. Il faut être devenu entièrement homme par esprit avant d'espérer connaître la paix et la joie céleste.

(Cf. CRITIQUE, Octobre, 1961, No 173 p. 863. )...

Avec Saint Augustin, s'installe déjà le dualisme: culture ou sainteté, qui allait se substituer à ce qu'il avait espéré instaurer: culture et sainteté. Ib. 864:

... Averroès, Sieger de Brabant, Boèce de Dacie tendront à un séparatisme radical, il y aura pour eux deux vérités: celle de la connaissance et celle de la foi. Pour Averroès, ces deux vérités peuvent être contradictoires: l'oeuvre d'Aristote demeurerait raisonnable même si la foi y contredit. ( Ib. 864 )

... Au monde sacré ses premiers siècles, chrétiens, succède une séparation des domaines profane et sacré et le triomphe à partir du XVI<sup>e</sup> siècle environ du profane. La tentative occidentale d'union de la culture et de la sainteté s'est soldée par l'échec de la sainteté: la culture s'est développée d'une manière autonome en dehors du sacré, puis à son détriment. ( Ib. 835 )

5. - Có nhiều người định nghĩa Văn-hóa là sinh-hoạt tinh-thần, đối nghịch với văn-minh là sinh-hoạt trên bình diện vật-chất. Họ cho rằng cái gì thuộc về đạo-đức, văn-nghệ là văn-hóa, cái gì thuộc về kỹ-thuật khoa-học là văn-minh, cái gì đẹp, cái gì hay là Văn-hóa, cái gì ích, cái gì lợi là văn-minh (1)

Nhưng thực-tế không giản dị như vậy.

Người ta đã cãi - vã nhau rất nhiều về phạm vi văn - hóa với văn - minh.

- Người thì cho rằng văn-hóa thuộc phạm-vi tinh-thần; văn-minh thuộc phạm-vi vật-chất (Đa số học-giả Đức, Mỹ) (2)

- Người thì cho rằng văn - hóa cao, văn-minh thấp (Á-Đông thường có quan-niệm này) (3)

- Người thì cho rằng văn-hóa thấp, văn-minh cao (Ý-kiến của ít nhiều nhà nhân-chúng-học) (4)

1)- 1)- Xem Sự mạng văn-nghệ của Nguyễn-Nam-Châu, thiên III. Địa-vi văn-nghệ trong văn hóa và văn-minh, từ tr. 23 đến 43.

... The concept (of culture) could be defined by the Oxford editors, as nothing less than « the intellectual aide of civilization (Harry Levin, Semantics of Culture, in Gerald Holton Science and Culture, p. I).

2- Several German and US scholars have sought to endow the pair with contrastive meanings civilization to denote technology and that objective information which is socially cumulative; culture to indicate subjective religion, philosophy and art which are non additive.

Encyclopedia Britannica-Civilization and Culture, p. 742

| CIVILIZATION        | CULTURE                |
|---------------------|------------------------|
| Manual work         | Intellectual work      |
| Working day         | Holiday                |
| Labor               | Leisure                |
| Realm of necessity  | Realm of freedom       |
| Nature              | Spirit ( Geist )       |
| Operational thought | Monoperational thought |

( Herbert Marcuse ), Gerald Holton, Science and Culture, p. 421

3)... Culture refers to some higher dimension of human autonomy and fulfillment while « civilization » designates the realm of necessity, of socially necessary work and behavior, where man is not really himself and in his own element but is subject to heteronomy, to external conditions and needs.

( Herbert Marcuse ) Gerald Holton, Science and Culture, p. 221

4- It may be said that civilization is that kind of culture which includes the use of writings, the presence of cities, and of wide political organization and the development of occupational specialization.

( Encyclopedia Britannica, Civilization and Culture,

Người thì cho rằng văn-minh là phân-bộ của văn-hóa (Ý-kiến của ít nhiều nhà nhân-chúng-học) (1)

- Người thì cho rằng văn-hóa là phân-bộ của văn-minh (i. Olague) (2).

- Người thì cho rằng văn-hóa, văn-minh đồng-nghĩa nhau, và cùng chỉ một lẽ-lời sống thanh-lịch. (Đa-số học-giả Anh, Pháp)

Trong một cuộc hội-thảo về văn-minh, văn-hóa tại Salzburg (1) từ 8 đến 15 tháng 10, 1961, gồm rất nhiều học-giả trứ-danh như Sorekin, Toybee, Spengler, Northrop v. v. người ta đã dùng hai chữ văn-minh và văn-hóa lẫn lộn nhau, đồng nghĩa với nhau (3)

1) Durant le Moyen-Age, des cultures entre elles apparentées ont coexisté dans les anciennes provinces de Byzance, sur les bords de l'Euphrate, de l'Indus et du Guadalquivir. Les historiens et les linguistes démontrent leur particularités : les styles d'un art plus ou moins local, le fait d'un esprit littéraire indépendant, les cultures de la Syrie, de la Mésopotamie, de l'Iran, de l'Inde, ou de l'Andalousie n'en demeureront pas moins unies par une conception supérieure de l'existence, par les idées religieuses et intellectuelles. Elles composeront malgré leurs différences un tout : la civilisation arabe...

On peut envisager comme des structures mineures, les cultures et comme des structures supérieures, les civilisations.

Cf. Les Problèmes des civilisations, p. 68.

2)- Do Quốc-tê đòi chiều văn-minh học hội tổ-chức (S.I.E.C.C. ; Société internationale pour les études comparées des civilisations).

Cf. The Problemes of civilisations, edited by F. ANDERLE, P. 147.

3)-... Cultural wholes (ganzheiten). N. Danilevsky calls them « The culture-historical-types », O. Spengler terms them « the High Cultures » (die Hochkulturen) ; A Toybee refers to them as the civilizations or « the uni's and intelligible fields of historical study », A.L. Kroeber as « the high value culture patterns », N. Berdyayev, as « the great cultures » ; F.S.C. Northrop, as « cultural systems » or the « world cultures ». 1 (Sorokin) call them the social and cultural supersystems (Sorokin) (The Problems of the Civilisations, Preface by Sorokin, p. 5.

Toyngce giải thích rằng có sự-kiện này xảy ra là vì trong tiếng Đức thời văn-hóa có nghĩa là tiến-bộ, tinh-thần văn-minh có nghĩa là tiến-bộ vật-chất, còn trong tiếng Anh, tiếng Pháp thì không có sự phân-biệt ấy, vì thế mới dùng chữ văn-minh với hai nghĩa văn-hóa lẫn văn-minh. (1).

1) — If we begin now with the rather trite and important point of terminology : the German language has the rather useful distinction, which the English language does not have, I think, between « Hochkultur » and « Civilisation ». If I am right, in German, « Zivilisation » has rather a depreciatory sense, meaning the mere material apparatus of one of these life-histories of a culture-the stage in which the culture is in decay. In French or English, we have not the words to make this distinction, so when we say « civilisation », we mean a « Hochkultur », including the later stages in which a « Hochkultur » is in decay, as well as the earlier stages, in which it is in growth (Toynbee). — The Problems of civilisations P. 50 — 51.

... Digression historique sur l'origine du concept moderne de civilisation

Culture et civilisation mis ainsi sur le même plan définis comme étant « la qualité (spécifique) de l'existence humaine prise dans son ensemble » et confrontés comme équivalents de la langue et de la religion. — Nouvelle définition.

(A. Hilckman). — The problems of civilisations, p. 61

... Sorokin cũng dùng hai chữ văn-hóa và văn-minh đồng-nghĩa với nhau :

« La civilisation ou la culture est la totalité des significations des valeurs et des norme qui sont celles des individus ou interaction réciproque et la totalité des institutions (on verra plus loin que Sorokin les nomme véhicules) qui objectivent, socialisent et transmettent ces significations.

Cf. Pitirim A. Sorokin, Comment la civilisation se transforme, Préface d'Armand Cuvillier, p. 19.

Sorokin, Society, Culture and Personality, p. 63.

... Romano Guardini, tác giả quyển Christianisme et Culture cũng dùng hai chữ văn-hóa và văn-minh lẫn lộn nhau. Ông viết : « Le terme de « culture » ou civilisation se présente à nous lui aussi, en de multiples acceptions.

Dans un sens très général, la culture représente ce que l'homme a transformé, accompli, fait, produit : tantôt le terme désigne le résultat, l'oeuvre ; tantôt l'état où elle met son auteur, d'où culture soit objective, soit subjective...

Ensuite, il comporte une idée de valeur et devient l'antonyme de barbarie. Alors la culture ne désigne plus tout ce qu'a fait l'homme, mais seulement ce qu'il a bien fait : ce qui est tel que cela devrait être, mettant en règle, et la tâche et la personne. — Christianisme et Culture, p. 198.

Những tranh-luận, những quan-niệm trái ngược nhau về Văn-hóa với Văn-minh làm cho chúng ta thấy rõ rằng những sự-kiện sau đây :

— Con người cần phải cải-tiến về mặt tâm-thần để trở nên cao-siêu, thanh-lịch, và giúp cho người khác cũng trở nên giống như mình.

— Ngoài ra con người cũng cần phải cải-thiện hoàn-cảnh để cho cho đời sống thêm tươi, thêm đẹp, thêm hương-vị.

— Tóm lại con người cần phải tiến-hóa không ngừng về mọi phương-diện.

Như vậy những người không cố-gắng tiến tới, không cố gắng cải-thiện mình, cải-thiện hoàn-cảnh, mà chỉ lo hưởng-thụ hoặc sống đoạn-tháng qua ngày, là những người đã bị loại ra khỏi trào-lưu tiến-hóa, và cũng chẳng đóng góp được gì vào công-trình xây-dựng văn-minh và văn-hóa.

Suy cho cùng, thì văn minh hay văn-hóa cũng chỉ là sự tinh luyện con người, để biến cái cái dở thành cái hay, cái xấu thành cái tốt, cái tầm-thường thành cái cao-đại. (1)

Công-trình này có hai chiều, hai mặt : mặt nội-tâm và mặt ngoại-cảnh, hai chiều, hai mặt này mới trông tưởng chừng tương-phản nhau, nhưng kỳ thực đều góp công-trình vào đại-nghiệp, đại sự của đất trời, đó là hoàn-thiện-hóa, thần-thánh-hóa con người. Dịch-kinh đã nói :

« Trời đất nghịch nhau, nhưng cùng một công việc, trái gái nghịch nhau nhưng cùng chung một ý-chí, vạn vật nghịch nhau nhưng công việc cũng giống nhau. » (2)

Nghịch nhau, đối nhau, chống nhau, kinh nhau mới sinh ra được mọi biến-hóa. Mà biến-hóa cốt là để muôn loài đạt được bản tính chí thiện, định-mệnh sang cả của mình, và thực-hiện được sự hiệp-hòa lý-tưởng. (3)

1) Telle que le comprit le Moyen-Âge. l'oeuvre de civilisation chrétienne était bien en effet, un « grand oeuvre » au sens que donnaient à ce mot les alchimistes, c'est-à-dire, la transformation de toute chose de l'état vil à l'état précieux, de l'état impur à l'état pur, de l'état sombre à l'état lumineux, symbolisée par la transformation du plomb en or. « Pierre de l'angle », le Christ était pour eux, la suprême « pierre philosophale » selon que la puissance du Verbe est l'agent du grand oeuvre universel de la rédemption.

Louis Lallement, La Vocation de l'Occident, p. 134, Note 1.

2) — Thiên địa khuê nhi kỳ sự đồng dã. Nam nữ khuê nhi kỳ chí thông dã. Vạn vật khuê nhi kỳ sự loại dã, khuê chi thời dụng đại hi tai !

Dịch Kinh, quẻ XXXVIII, KHUÊ.

3) — Cần đạo biến-hóa các chính tính-mệnh, bảo hợp Thái hoà nãi lợi trình. Dịch, Càn quẻ, Thoán truyện.

Gosala, một triết-gia Ấn-độ cũng nói :

« Tất cả vũ-trụ đều tiến tới trên con đường biến-hóa. Nhờ sự biến hóa này, người hiền cũng như người ngu, theo bản tâm mình tiến tới, rồi ra sẽ đạt được sự toàn-thiện một cách tự-nhiên, nhờ ở sự tuân-tự biến-hóa. (1). »

6/ - Có nhiều người đặt nặng vấn-đề sáng-tạo trong văn-hóa nên đã định-nghĩa VĂN-HÓA là SÁNG-TẠO.

Campagnolo chủ-trương : VĂN-HÓA là sáng tạo những giá-trị mới, không nhất thiết nó-lệ quá-khứ, không nhất thiết chạy theo những cái đã có, mà phải luôn luôn hướng về sự đổi mới. (2)

Francisco Romero, một tác giả người Tây Ban-Nha, định-nghĩa văn-hóa là sự sinh-hoạt của tinh-thần, sự sáng tạo không ngưng-nghi của tinh-thần, được thể-hiện bằng văn-chương, nghệ-thuật khoa-học, triết-học, và các tập tục, luật-lệ xã-hội. (3)

7/ - Cũng có người cho rằng VĂN-HÓA là MỘT SỰ CẢM-THÔNG, TRUYỀN-THỤ. (4)

Như vậy, văn-hóa là một hiện-tượng xã-hội, có hô, có ứng có san-sẻ, chia-sớt, chứ không phải là sở-hữu của một cá-nhân.

Nếu văn-hóa là một sự cảm thông, truyền thụ, hấp thụ, rồi lại được bảo-tồn qua nhiều thế hệ. Như vậy nếu một nhà văn-hóa mà có những nhận-định lệch-lạc, những tư-tưởng sai-lầm sẽ di-hại đến nhiều đời. Nói thế, tức muốn khuyến-cáo các nhà làm văn hóa phải hết sức thận-trọng trong tư-tưởng, cũng như trong ngôn từ.

1/ - Tout l'univers progresse sur le chemin de l'évolution au cours de laquelle, l'humanité entière, le fou tout comme le sage, en obéissant à la loi prédéterminée de la nature, atteindra la perfection d'une façon spontanée sans fournir d'effort, grâce à une transformation graduelle...

Cette transformation se nomme « samsara suddhi », elle consiste essentiellement en une purification au moyen de la transmigration... (Gosala).

Lillian Silburn, Instant et Cause, p. 134.

2/ Je ne sais pas si l'on peut définir toute culture comme la fonction de créer des valeurs qui ne sont ni la reproduction, ni la dérivation des valeurs existantes.

Comprendre No 16, Rencontre. Est Ouest, 5ème séance, p. 267.

3/ - La cultura es la vida del espíritu, su crecimiento continuo, su manifestación en formas y novimientos. El espíritu se realiza y objetiva en las letras y las artes y las proposiciones del saber científico y filosófico, en las instituciones y regulaciones de la convivencia civil.

Ib p. 116 (La Cultura la libertad de expresión. - Bài của Francisco Romero.)

Dịch kinh viết :

Dạy rằng : Quân-tử trên đời,  
Ngồi nhà nói phải muốn người vắng theo.  
Dặm nghìn con phải hướng chiều,  
Thời gần gang tấc đầu chiều lần khần.  
Nói lời sai lạc nhỏ nhãng,  
Ngàn xe vẫn thấy bắt bằng nổi lên.  
Nữa là gang tấc kẻ bên,  
Nói sai, ai kẻ họa thêm với người.  
Khi được quân tử nói lời,  
Nói ra ảnh hưởng đến đời đến dân.  
Hành vi phát-động tuy gần,  
Nhưng mà ảnh-hướng dần dần lan xa.  
Việc, nhờ, ấy chính động-cơ,  
Động-cơ đã phát, hãy chờ nhục vinh.  
Mới hay quân-tử ngôn hành,  
Đủ làm trời đất rung rinh mấy hồi.  
Cho nên trong việc trọng nhờ,  
Cố sao thận-trọng đáng người hiền-nhân... (1)

8. - Cũng có người cho rằng VĂN.HÓA là tất cả những gì làm cho đời thêm đẹp, thêm tươi, thêm hương vị, thêm màu sắc, thêm thích-thú, tóm lại tất cả những gì làm cho CUỘC ĐỜI TRỞ NÊN THI VỊ và ĐÁNG SỐNG.

Eliot viết : « Đối với xã-hội văn-hóa bao gồm tất cả những hoạt-động đặc-biệt của một dân-tộc, như đối với dân-tộc Anh ngày đua ngựa ở Derby, đua thuyền ở Henley, đua du-thuyền ở Cowes, cuộc đua chó, trò chơi phóng tên, hoặc là ăn phở mát Wensleydale, bắp cải luộc xắt thành miếng, củ cải đỏ ngâm dấm, đi nhà thờ làm theo kiểu Gothic thế kỷ XIX, nghe âm-nhạc Elgar... (2)

4 - (Chú-thích tr. trước) - La Culture se définit essentiellement par ce qui est partagé et transmis.

... Toute la question est de savoir si cette culture sera la communication de tous ou la complicité de quelques-uns.

(Claude Roy, Notes sur la Culture, la politique et la communication) Cf. Comprendre (Revue politique de la Culture) (Société européenne de Culture pour la biennale Venise) No 16, P. 67.

1 - Cf. Dịch kinh, Hệ-từ thượng, chương VIII.

2 - It includes all the characteristic activities and interests of a people : Derby day, Henley Regatta, Cowes, the twelfth of August, a cup final, a dog races, the pin table, the dart board, Wensleydale cheese, boiled cabbage cut into sections, bœtroot in Vinegar, nineteenth-century Gothic churches and the music of Elgar....

TS. Eliot Notes towards the Definition of Culture p. 21.

Theo chủ-trương này, thì những bài dân ca ni-non trong khóm lúa, những câu hò thành-thót trên dòng sông, những căn nhà tre-trúc chơi-vơi nơi sườn non, giữa những hàng bách tùng, đào-liều ăn ước trong khói mây, hoặc rực-rỡ dưới ánh tà-huy, những lễ-tết, những hội-hè, những thú vui-chơi, những tà áo thêu hoa thêu phượng phát phơ trước làn gió đều là những biểu dương văn-hóa, chứ không phải riêng gì những lời giáo-huấn trang nghiêm nơi giáo đường hay trường học, hay những lầu-đài, những kiến-trúc hoặ: cổ-kinh hoặ: tân-kỳ ngạo-nghe vươn mình lên như muốn tranh cùng phong-sương tuế-nguyệt mới là những công-trình văn-hóa.

9/— Cũng có người hiểu văn-hóa là đà tiến của nhân-loại từ thô đến tinh, là NỖ LỰC CỦA NHÂN-LOẠI ĐỂ TIẾN TỚI MỘT ĐỜI SỐNG LÝ-TƯỞNG và TẤT CẢ NHỮNG THÀNH-QUẢ ĐÃ THỰC-HIỆN ĐƯỢC TRONG CÔNG-TRÌNH HƯỚNG THƯỢNG ẤY.

Người Ấn-độ chẳng hạn gọi văn-hóa là Sanskriti, Sanskriti là một danh từ mà gốc chữ có nghĩa là thanh-lọc, biến-hóa, rèn-luyện và cải-thiện.

Một người có văn-hóa ở Ấn-độ là một người chịu theo một kỷ-luật, và đã chế-ngự được thú-tính, đã hoán-cải được mình để sống hợp với nhân-luân. (1)

Arnold cho rằng: Văn-hóa là sự cố-gắng của con người để vươn lên tới mức độ cao-siêu hơn, hoặ là vươn lên cho tới hoàn-thiện.

Phương-tiện của sự siêu thăng này chính là văn-chương và nghệ-thuật và sự học-hỏi về những tư-tưởng và hành-động cao-đẹp của tiền-nhân. (2)

Arnold cũng đã phân-tách văn-hóa thành hai phương-diện:

1/— Sự cố-gắng của con người để vươn lên cho tới toàn-thiện.

2/— Tất cả những công-trình ghi-chép lưu-lại những cái hay cái đẹp của tiền-nhân (3).

1/— Les Indiens désignent la Culture sous le nom de Sanskriti, mot dont la racine veut dire purifier, transformer, exalter, façonner et perfectionner. Un homme cultivé est pour eux, un homme qui s'est soumis à une discipline, qui est parvenu à maîtriser des instincts et qui s'est façonné lui-même conformément à sa morale... Manou, l'un des théoriciens sociaux de l'Inde, dit que, de nature (de naissance), nous sommes tous des barbares, étrangers à la culture et à la civilisation. (B.L. Atreya). L'Originalité des cultures. (Unesco), p. 141.

Cụ Nguyễn-Đặng-Thục gắn liền văn-hóa với tiến hóa. Tiến sinh viết: Văn-hóa có nghĩa là tiến-hóa, tiến từ trình-độ thô-sơ đến trình-độ văn-vẻ từ thấp đến cao, từ vật-chất hữu-hình lẫn tinh-thần vô-hình. (1)

Tất cả các tư-tưởng trên đây tuy lời-lẽ không hoàn toàn giống nhau, nhưng đều quan-niệm văn-hóa đại-khái như là một quá-trình nhân cách-hóa con người (2), siêu-thăng-hóa (3) con người, coi văn-hóa như là một nỗ-lực tiến tới tinh-hoa, khác hẳn với sự thô-sơ, mộc-mạc lúc ban đầu (4). Đó cũng là một trong những nhận-định cổ-diễn nhất về văn-hóa (5).

2/— (Chú thích trang trước):

Arnold is concerned primarily with the individual and the « perfection » at which he should aim.

(Cf. T.S. Eliot, Notes towards the Definition of Culture p. 22)

... The effect, therefore, is to exhort the individual who would attain the peculiar kind of perfection which Arnold calls « Culture » is to raise superior to the limitation of any class rather than to realize its highest attainable ideals. (Ib 22). ... Arnold ... defining culture as a pursuit of our total perfection by means of knowledge of the best which has been thought and said in the world and the development there by of all sides of our « humanity » — Encyclopedia Britannica, Culture and Humanity p. 743.

3/— He (Arnold) saw culture both as a form of personal activity (the study and pursuit of perfection) and as a collection of works to be studied (the best which has been thought and said in the world).

(Harry Levin, Seman. of Culture, in Science and Culture, edited by Gerald Holton, p. 4).

1/— Cf Văn-Hóa Á-Châu, tập VI, 3.3.1961, tr. I, nơi bài Văn-hóa kinh-tê, của NGUYỄN-ĐẶNG-THỤC.

... Xin đọc thêm: Đặt lại vấn-đề Văn-minh với Lévi-Strauss của Nguyễn-văn-Trung, đăng trong Hành-trình vào dân-tộc-học của Lê-văn-Hào, tr. 137-163.

2/— We should define Culture as a process of humanisation. (Herbert Marcuse, Remarks on a Redefinition of Culture, in Science and Culture, edit. by Gerald Holton, p. 218.

3/— Culture is a social process of sublimation ... Ibid, 218.

4/— Que veut dire Culture? Le terme s'oppose d'abord à nature ...

(Romano Guardini, Christianisme et Culture, p. 150)

... đưa con người từ tình-trạng tự nhiên lên địa-vị làm người, đưa con người từ con vật « độn mạt » đến chỗ thành con người văn minh và không có sinh-hoạt văn-hóa không phải là người. Sau cùng, sinh-hoạt văn-hóa cần hơn sinh-hoạt làm ăn.

(Xem: Đặt lại vấn-đề văn-minh với Claude-Lévi Strauss của Nguyễn-văn-Trung. — Hành-trình vào dân-tộc tr. 137).

10 - Các nhà xã-hội-học, nhân-chúng-học hiện nay thường tránh những chữ tinh thần, những ý-niệm chủ-quan, những mục-đích thâm-vĩên nêu thường chỉ-định-nghĩa văn-hóa là LỀ-LỐI SỐNG CỦA MỘT DÂN-TỘC, MỘT XÃ-HỘI CON NGƯỜI.

Malinowski chẳng hạn cho rằng học về văn-hóa tức là học về tất cả lề-lối sống của một xã-hội. (1)

Henri de Man chủ-trương « văn-hóa » là một lề-lối sống dựa trên một niềm tin công-cộng, vào một hệ-thống và một tôn-ti, trật-tự, thứ-bực giá-trị, làm cho đời sống có một ý-nghĩa nhất định (2).

Linton cũng chủ-trương tương tự, ông viết :

« Văn-hóa » của một xã-hội là lề-lối sống của các phần tử trong xã-hội ấy. Đó là toàn-bộ những ý tưởng và tập tục mà họ đã thấu lược chia-sẻ và lưu-truyền từ thế-hệ này sang thế-hệ khác « văn-hóa » đem lại cho mỗi người của mỗi thế-hệ những cách giải-quyết hữu-hiệu và lập-thành về tất cả các vấn-đề mà họ sẽ gặp phải. Những vấn-đề này được nêu lên vì những nhu-cầu cá-nhân sống trong một đoàn thể có tổ-chức (3).

5/- Chú-thích trang trước :

... The Traditional concept of culture as improvement.

(Harry Levin, Semantics of Culture.) Cf. Science and Culture edited by Gerald Holton, p. II.

1/- For Malinowski, the study of culture meant the study of a total way of life.— Science and Culture, p. 28. (Edmund R. Leach Culture and social cohesion).

... It (Culture) obviously is the integral whole consisting of implements and consumers' good, of constitutional charters for the various social groupings of human ideas and crafts, beliefs and customs. (Văn-hóa là một tổ-hợp bao-quát hết mọi khí-cụ, vật-phẩm, qui-chương, quan-niệm, kỹ-thuật, tín ngưỡng, và phong-tục.)

Cf. Bronislaw Malinowski, A scientific theory of culture, p. 36.

(Xem bản dịch chữ Hán trong Hiện-đại dụng ngữ tự điển, tr. 339)... Định nghĩa văn-hóa của E.B. Tylor :

Văn-hóa là toàn-thể những tri-thức, những tín ngưỡng, kỹ-thuật, đạo-đức, pháp-luật, phong-tục cũng như các tập quán, các khả-năng, mà con người sống trong xã-hội đã thấu lược được. (That complex whole which includes knowledge, belief, art, law morals, customs, and any other capabilities and habits acquired by man as member of society. (E.B Tylor).— Harry Levin, Semantics of Culture in Science and Culture, edited by Gerald Holton, p. 9)

Như vậy văn-hóa không phải là một lề-lối sống sùng. Nó còn là một QUAN-NIỆM VỀ ĐỜI SỐNG (une conception de la vie), và MỘT LỀ LỐI SỐNG (manière de vivre).

Một môn phái xã-hội Anh viết : « Văn hóa xưa kia chỉ sự chải chuốt, thanh lịch về phương-diện lý-trí và tâm-thần, và sự phát-triển của nghệ-thuật, ngày nay là toàn-thể nếp ăn, thói ở của một dân-tộc (5).

2)- (Chú thích trang trước) :

La Culture est donc une configuration de la vie reposant sur la croyance commune à une hiérarchie de valeurs déterminées. Cette hiérarchie de valeurs donne à la vie une signification précise, elle s'incarne en un style de vie particulier à travers des besoins et des normes communes de jugements. Henri de Man, l'Idée socialiste, p. 35)

3)- La Culture d'une société est le mode de vie de ses membres, c'est l'ensemble des idées et des habitudes qu'ils acquièrent, partagent et transmettent de génération en génération.

... La Culture fournit aux membres de chaque génération des solutions efficaces et toutes prêtes pour la plupart des problèmes qui se poseront vraisemblablement à eux. Ces problèmes sont eux-mêmes soulevés par les besoins d'individus vivant au sein d'un groupe organisé.

L'originalité des Cultures (Unesco) p. 12, note I.

... Đào duy Anh cũng định-nghĩa văn-hóa là LỀ-LỐI SINH HOẠT của một dân-tộc. Ông viết :

« Người ta thường cho rằng văn-hóa chỉ là những học-thuật, tư-tưởng của loài người, nhân thể mà xem văn-hóa vốn có tính-chất cao-thượng, đặc-biệt. Thực ra không phải như vậy. Học-thuật tư-tưởng cơ-nhiên là ở trong phạm-vi của văn-hóa nhưng phạm sự sinh-hoạt về kinh-tê, về chính-trị, về xã-hội cũng hết thảy các phong-tục, tập-quán tâm-thường lại không phải ở trong phạm-vi văn-hóa hay sao ? Hai tầng văn-hóa chẳng qua là chỉ chung tất cả các phương-diện sinh-hoạt của loài người cho nên ta có thể nói rằng : văn-hóa tức là sinh-hoạt.

Đào-duy-Anh, Việt-Nam Văn-hóa sử-cương, tr. 13

4) Chacun de nous a donc sa métaphysique ou pour s'exprimer en termes plus modestes, chacun de nous a sa conception de la vie qui fait partie de sa manière de vivre.

Crane Brinton, La formation de l'esprit moderne, p. 13

5)- Toute une école de sociologues anglo-saxons a été conduite à donner une définition de la Culture, Pour eux, « le mot Culture qui évoque le raffinement intellectuel et moral, le développement des arts, désigne maintenant la totalité des comportements de tout un peuple. »

Le Paradoxe de la Culture p. 171, 172.

Thế nghĩa là, đối với các nhà nhân-chúng-học, chữ Văn-hóa ngày nay có một ý-nghĩa hoàn-toàn mới.

Xưa kia thì Văn-hóa là một tinh-thần, là những công-trình, những nghệ-phẩm, thoát ly hẳn với đời sống thực-tại, thường nhật của quần-chúng. Nó là một lý-tưởng, một đời sống lý-tưởng cho quần-chúng vươn lên. (1)

Còn ngày nay, người ta cho rằng Văn-hóa là phản-ảnh của một đời sống thực-tại, thường ngày với tất cả những cái hay, cái dở của đời sống ấy. (2)

Hơn thế nữa, các nhà nhân chủng học, trong đó có Claude Lévi-Strauss, ngày nay dần-dà bỏ cái quan-niệm hẹp-hòi xưa là cho văn-hóa mình hay, văn-hóa người dở, văn hóa nay hay, văn hóa xưa dở.

1) — La culture bourgeoise, même celle qui a été transmise aux sociétés socialistes consiste en un esprit et des oeuvres qui se distinguent de la pratique du peuple et du quotidien. Ainsi dans des sociétés qui se veulent démocratiques, cette culture reste aristocratique, et tout effort pour y élever les masses doit sur monter une inertie presque invincible lb 171

2) — A ce compte... ce sont les comportements les plus répandus et par conséquent les plus vulgaires qui mériteraient le nom de culture ..

Le Paradoxe de la Culture, p 171.

... Dans tous les cas, la critique socialiste repose sur une conception de la culture dont l'extension est beaucoup trop vaste pour correspondre véritablement à l'idée d'une superstructure spirituelle. Tous les écrits socialistes, qui s'occupent de la théorie de la culture — peu importe que leurs auteurs se déclarent marxistes ou non, considèrent en réalité la culture comme un concept total, répondant au comportement déterminé de l'être humain, réglé par les normes collectives envers son milieu. — Henri de Man, L'Idée socialiste, p. 33

3) — Lý văn Hùng, Tây Sơn dữ Gia-Long tr. 45.

Thái-độ ấy, quan-niệm ấy ngày nay đã trở nên lỗi thời. Người ta dần-dà nhận ra rằng xưa và nay cũng vẫn chỉ là một con người, cũng vẫn một lý-trí ấy, một tâm-trí ấy, cũng vẫn những khả-năng ấy, nhưng vì thời-vận khác nhau, hoàn-cảnh khác nhau, quan-niệm về cuộc sống khác nhau, cho nên đã có những phản-ứng, những thái-độ, những lẽ-lẽ sống khác nhau, những tổ chức, những thể chất khác nhau.

Nhận-định này làm ta liên tưởng đến hai câu đối đáp giữa Đặng-trần-Thường và Ngô-thời-Nhiệm đời G.a-Long :

« Ai công hầu, ai khanh tướng, trong trần ai, ai dễ biết ai ! »

« Thế Chiếu-quốc, thế Xuân-thu, gặp thời thế, thế thời phải thế . »

Ngày nay người ta đã bắt đầu nghiên-cứu các nền văn-hóa với một thái-độ thông-cảm và cởi mở, mong tìm ra những nét dị biệt mang những màu sắc không-gian, thời-gian và nhân sự cũng như những điềm chính yếu, đại đồng, dưới những hình thái biến ảo bên ngoài. (1)

Và lại, người ta bắt buộc phải nhận chân rằng ngay từ thời tiền sử, cũng đã có thể đã có những nền văn-hóa cao rồi, chứ không phải như người ta đã lầm tưởng rằng văn-hóa mới phát sinh từ thời Hy-Lạp nhất là từ khi người ta tìm ra được những bích-họa siêu-thoát thần-kỳ của các dân tộc xa xưa ở trong những hang động ở Âu-Châu như ở Altamira (Tây ban Nha), La Mouthe (Dordogne-Pháp) Pont de Gaume hay Lascaux ... (2)

1) — Cf. Đặt lại vấn đề văn-minh với Claude Lévi-Strauss của NGUYỄN-VĂN-TRUNG, trong Hành trình vào dân tộc học của Nguyễn Văn-Hào, tr. 141.

2) — As news of the drawings and paintings began to reach experts throughout Europe, disbelief mounted. To the 19 century mind, progress was charted in a straight line, ascending from crude unskilled barbarism to the apex of its own technical achievement. Culture stemmed exclusively from the Greeks. It has been revived in the Renaissance and perfected by contemporary artists.



Thậm chí, đã có những nhà nhân-chủng-học như Claude Lévi Strauss đã dám nói rằng nền văn-hóa thời TÂN-THẠCH, là nền văn-hóa cao-siêu, hoàn-mỹ nhất từ trước tới nay. (1).

— Ta có thể dùng màu sắc tôn-giáo, hay chủ-nghĩa để hóa trang văn-hóa. Ta nói Văn-hóa Khổng-Giáo, Văn-hóa Công-giáo, Văn-hóa Phật-giáo, Văn-hóa Hồi-giáo, Văn-hóa Cộng-sản v.v...

— Ta có thể đem quan-niệm triết-học mà vẽ vời văn-hóa.  
Ta nói: Văn-hóa duy-linh, văn-hóa duy-vật . . .

— Ta có thể lấy sở-thích của từng thời-đại mà đoán định về văn-hóa. Ta nói: Văn-hóa nhân-văn, Văn-hóa kỹ-thuật v.v...

— Ta cũng có thể lấy sơn-phấn thời-gian mà điếm tô văn-hóa. Ta nói Văn-hóa cũ, Văn-hóa mới . . .

— Ta cũng có thể khoác cho văn-hóa một màu sắc chính-trị, như nói: Văn-hóa tiểu tư-sản, văn-hóa vô sản.

Scattering to the cherished Victorian picture of its own importance, would be the admission that drawings as fine as any by their own artists had come from brutes living over 15.000 years ago . . .

Impossible to ignore was the evidence that culture developed in a succession of peaks and hollows. Some authorities even developed a theory that in the course of evolution man had lost certain faculties possessed by prehistoric man.

The primitive ability to grasp forms as a whole, and retain eidetic images, had been lost by succeeding cultures, was only slowly being regained, modern artists developed a consuming interest in primitive art, were more excited by a tribal painting or carving than by a classical Venus. Lost for ever was what English critic Roger Fry called « the right little, tight little, round little world », which believed that all culture stemmed from Greeks . . .

Original Art ( The wonder of prehistoric cave art ) in Pacific M. D. No 11 August, 1968, pp. 3 et ss.

1) — C'est au Néolithique que se confirme la maîtrise, par l'homme des grands arts de la civilisation : poterie, tissage, agriculture, et domestication des animaux... ( La Pensée sauvage tr. 22 )

Cf. Trần-thái-Dũng, Luận lý về tư tưởng trong huyền thoại tr. 197, 200.

— Ta cũng có thể lấy những phát-minh, những dụng-cụ chính yếu của từng thời-đại mà phò-diễn Văn-hóa, như nói :

- Văn-hóa cổ thạch (Culture paléolithique)
- Văn-hóa trung thạch (Culture mésolithique)
- Văn-hóa tân thạch (Culture néolithique)

— Ta cũng có thể lấy hướng, địa-dư, địa-lý, quốc-gia chủng-tộc mà phân-định các nền văn-hóa, như khi nói :

- Văn-hóa Đông-phương
- Văn-hóa Tây-phương
- Văn-hóa Tàu
- Văn-hóa Tây
- Văn-hóa Việt
- Văn-hóa Chăm v.v...

Đối với bất kỳ môn phái nào, chủ-trương nào, văn-hóa cũng bao hàm những nỗ-lực, những phương thức, để cải-thiện con người, để phát huy năng khiếu con người để hướng-dẫn họ theo một đường hướng nào, một chủ-trương nào. Văn-hóa có mục-đích cảm-hóa, canh-tân, rèn-luyện con người.

Đề đúc kết lại, ta có thể nhận định về VĂN-HÓA như sau :  
VĂN-HÓA là LỀ-LỜI SỐNG riêng biệt của cá-nhân, đoàn-thể, xã-hội hay dân-tộc,

đã được PHÁT SINH nhờ những ý-niệm, tình cảm, khuyến-hướng đặc-biệt làm nóng cốt và dẫn đạo ;

đã được PHÁT-HUY, THỂ HIỆN qua những công trình văn-chương, nghệ thuật, đạo giáo, chính-trị, xã-hội ;

đã được LÒNG VÀO TRONG NẾP SỐNG HÀNG NGÀY, nhờ những phong-tục, luật-lệ, tổ-chức, y-phục, dụng-cụ điển-hình,

đã được TRUYỀN THỤ, LƯU-LAI nhờ ngôn-ngữ và giáo-dục.

VĂN-HÓA là tất cả những cố-gắng của con người để cải-thiện nội tâm, gia-đình, quốc-gia, xã-hội và hoàn-cảnh để con người có thể sống một cuộc đời khác biệt với muôn thú, một cuộc đời thanh-cao, đầy đủ nhân-cách, nhân-vị, và nếu có thể một đời sống tự-do, khinh-khoát, thần-tiên.

Văn-hóa này sinh do những ước mơ về chân-thiện-mỹ và là nỗ-lực của con người để vươn lên cho tới chân-thiện-mỹ, để thực hiện chân-thiện-mỹ . . .

( Còn nữa )

TRẦN - VĂN - TUYẾN

## ảnh hưởng cái chết \*

*Bài Thuyết trình của L.S. Trần-văn-Tuyến  
đọc trong ngày lễ kỷ-niệm Yên - Bái 17 - 6 - 69  
tại rạp Thống Nhất Saigon.*

L.T.S.— Đây là đề tài của ông Trần-văn-Tuyến đã thuyết trình trong dịp lễ truy-điệu anh hùng dân tộc Nguyễn-Thái-Học và các liệt-sĩ tại rạp Thống-Nất, Saigon, ngày 17-6 1969. Cũng tôi xin dâng nguyên văn dưới đây đề quý vị có tài liệu tham khảo.

✦

Thưa quý vị Quan khách.

Thưa các Chiến hữu,

Thưa các Đồng chí,

Ba mươi chín năm trước đây, cũng ngày nay, tháng này, tại một pháp trường thành lập ngay trong trại lính Khố Xanh và nhà tù tỉnh Yên-Bái, 4 tiếng

\* của Anh hùng dân tộc Nguyễn-Thái-Học và các liệt-sĩ đời với công cuộc Cách Mạng Giải-Phóng Dân Tộc.

## VIỆT NAM MUÔN NĂM

đã vang dội 13 lần trong lặng lẽ một buổi sáng mờ sương.

Lần lượt 13 người cách-mạng, lãnh tụ, đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng, đã bước lên đoạn đầu đài, ung dung tửn nghĩa !

— Người thứ nhất là Bùi-tư-Toàn

— Người cuối cùng là Đảng-Trưởng NGUYỄN THÁI HỌC

— Người áp chốt là Phó Đảng Trưởng Phó-Đức-Chính, đã đòi nằm ngửa để được coi lưỡi dao.máy chém rớt xuống cổ mình.

— Lớn tuổi nhất là Bùi-tư-Toàn, 37 tuổi.

— Ít tuổi nhất là Nguyễn-như-Liên, 20 tuổi.

— Cố Đảng Trưởng Nguyễn-Thái-Học thọ được 28 tuổi.

✦

Ba năm trước đó, vào ngày lễ Giáng sinh năm 1927, đáp lời kêu gọi của Non Sông, của Cách Mạng, chính những người tửn nghĩa đó đã tổ chức thành hàng ngũ Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Bốn tháng trước đó, vào đêm mùng 9 rạng mùng 10 tháng 2 năm 1930, VNQDD đã kéo cờ khởi nghĩa đánh đuổi giặc Pháp tại khắp nơi miền Bắc-Việt : Yên-Bái, Hưng-Hóa, Lâm-Thao, Sơn-Tây, Ninh-Giang, Vinh-Bảo, Phù-Dực, Kiến-An, Hà-Nội . . .

Cuộc khởi-nghĩa thất bại !

13 vị tửn-nghĩa ở Yên-Bái chỉ là phần nhỏ trong hàng ngũ đông đảo những người VNQDD đã lần lượt lên đoạn đầu đài, vì đã tranh đấu cho quyền lợi của Quốc-Gia, cho tự-do của Dân Tộc.

Trước ngày 17 tháng 6, và sau đó, hàng trăm người đã hy-sinh cho đại-nghĩa, hàng vạn người đã bị bắt và đưa ra xử trước một tòa án đặc biệt ; « Tòa Đê-Hình ».

Theo tài liệu chính thức của Pháp thực dân, sau cuộc Tổng khởi nghĩa 10-2-1930 thì :

- 80 người VNQDD bị án tử hình.
- 383 người VNQDD bị kết án khổ sai chung thân và biệt xứ, bị lưu đày đi Côn Lôn, đi Guyane (Nam Mỹ).
- Trên 3 ngàn người VNQDD bị án cấm cố, khổ sai có hạn.
- Các làng Ch. Am, La-Hòa, Võng-La, Xuân-Lãng, Kha-Lâm, Sơn Dương; Khúc-Thủy, đã bị tàn sát và triệt hạ bởi bom của giặc Pháp.

Cuộc Tổng khởi- nghĩa 1930 đã thất bại !

Thất bại, vì, mặc dầu tinh thần các chiến sĩ « Việt Nam Cách Mạng Quân » rất anh dũng, nhưng bom đất, súng lục, dao găm, mã tấu đã không thắng được liên thanh, đại bác của quân đội thực dân Pháp.

Tuy nhiên, những chiến sĩ VNQDD 1930 đã ghi vào lịch sử Việt-Nam và lịch sử nhân loại những trang sử oanh liệt huy hoàng.

Cuộc Tổng khởi- nghĩa năm 1930 của VNQDD đã làm chấn động dư luận quốc tế, và làm cho nhân dân thế giới biết rằng : « trong cái khu vực được gọi là Indochine Française (Đông Pháp), dưới những danh-hiệu thực dân như Tonkin (Bắc-Kỳ), Annam (Trung-Kỳ), và Cochinchine (Nam-kỳ), vẫn còn có :

**MỘT NƯỚC VIỆT NAM BẤT DIỆT !**

vẫn còn có : **MỘT DÂN TỘC VIỆT NAM BẤT KHUẤT !**

Những tiếng súng lục, bom đất, nổ không lớn, nhưng đã đủ sức cảnh tỉnh những kẻ bán nước cầu vinh, đã thức tỉnh — những người đáng thương hơn — những kẻ cam phận tôi đòi nhục nhã.

Máu các vị liệt sĩ tuấn tiết ở Yên-Báy, ở Phú-Thọ, Hải-dương, Thái-Bình, Kiến-An... đã nhuộm cờ Độc-Lập, đã tưới cây Tự-do, để cờ Độc-Lập không phai màu Cách Mạng, để cây Tự-Do không héo hon, tươi tốt trường thành.

Và từ năm 1930 tới nay, cuộc khởi- nghĩa Yên-Báy đã được coi là tượng trưng cho tinh thần Cách-mạng của dân-tộc Việt-Nam. Ngày giỗ Yên-Báy, 17 tháng 6, vẫn được coi là ngày « kỷ-niệm yêu nước » trong lòng tất cả mọi công dân Việt-Nam.

Và cương lĩnh chính-trị của các vị tiên liệt VNQDD năm 1930 đã là những điều tâm niệm của tất cả mọi người chiến sĩ cách-mạng dân tộc.

Cương lĩnh đó là chủ-thuyết « Dân-Tộc Dân chủ Xã-Hội », đã được tóm tắt trong mấy câu hết sức giản dị, bình dân, nhưng đầy ý-nghĩa :

- « Đuổi giặc Pháp về nước Pháp
- « Trả nước Nam cho người Nam
- « Cho trăm họ khỏi làm than
- « Được thêm phần hạnh-phúc.

Trên hết là di-ngôn của cờ Đảng-Trưởng Nguyễn-Thái-Học mà cũng là châm ngôn của mọi chiến-sĩ VNQDD :

**KHÔNG THÀNH CÔNG THÌ THÀNH NHÂN**

Cái « NHÂN » của VNQDD là cái « NHÂN » của những người CHÍ-SĨ, NHÂN NHÂN.

- « Vô sát nhân dĩ cần sinh.
- « Hữu sát nhân dĩ thành nhân.

Cái « NHÂN » của VNQDD là lòng khoan-dung, độ-lượng của dân-tộc :

- Không thành kiến đối với người khác ý-kiến, khác tôn-giáo, khác thế-hệ, khác địa-phương.
- Bao dung, thương xót cả những kẻ thù của mình, những kẻ đã làm hại mình, chơi xấu với mình.

Do đó hàng ngũ VNQDD bao gồm :

- Người tất cả các địa-phương : Bắc, Trung, Nam.
- Người tất cả mọi tầng lớp : Sĩ, Nông, Công, Bình.
- Người tất cả các thế-hệ từ 70 tới 15.

(Đoàn-trần-Nghiệp tức Kỳ-Con, 18 tuổi, Nguyễn-thị-Vân 15 tuổi đấu tranh bên cạnh Xứ Nhu, Sư Trạch, các vị lão thành).

Theo truyền thống đó, V.N.Q.D.Đ. đã liên tục tranh đấu trên 40 năm nay.

Có người trách, trong những giờ phút nghiêm trọng của lịch-sử, ít khi thầy mặt VNQDD, và trái với sự hoạt động rầm rộ của một số đoàn thể quốc dân không nghe thầy VNQDD khua chiêng, gióng trống.

Những người đó quên rằng VNQDD là một đoàn thể cách-mạng tranh-đấu trong bí mật, và thành công không phải là ở chỗ tuyên-truyền phổ trương.

Ngay sau cuộc khởi-nghĩa Yên - Bái, mặc dầu bị Pháp thực dân tìm cách tiêu diệt, VNQDD vẫn tiếp tục công cuộc đấu tranh.

VNQDD đã tranh đấu — ở trong nước, ở ngoài nước, ở Bắc, Trung, Nam

VNQDD đã tranh đấu — trong những Mặt-Trận Phản Đế

— trong những Vận Động Dân Quyền

— trong Phong-trào Đông-Dương Đại-Hội.

VNQDD đã tranh đấu trên diễn đàn ngôn luận, trên các

- tờ :
- Tân Báo
  - Dân
  - Hồn Trẻ
  - Bọn Dân
  - Tiếng Trẻ

Từ 1940 đến nay, VNQDD tiếp tục tranh đấu không ngừng.

— Năm 1940, VNQDD đã cùng Phục-Quốc-Quân chiến đấu chống Pháp tại Lạng-Sơn.

— Đã tham gia việc thành lập Đại-Việt Quốc-Xã, Đại-Việt Quốc-Gia Liên-Minh để chống Pháp mà không mang tiếng thân phát-xít Nhật.

— Năm 1945, đã tham dự Ủy-Ban Chánh-Trị Bắc-Việt để ngăn chặn Việt - Minh cướp chánh quyền, nhưng thất bại vì Khâm sai Phan-Kế-Toại phản bội, đầu hàng Việt-Minh Cộng-Sản.

— Đã tổ chức Đệ Tam Sư Đoàn đánh quân xâm-lược Pháp tại Miền Đông Nam-Bộ và Đông-Tháp.

— Năm 1945-46, đã lập chánh - quyền cách-mạng ở Hà Giang, Hải-dương, Vinh-yên, Thái-bình, Thanh-Hóa, Moncáy, Tiên-Yên, Đầm-Hà chống lại bọn Cộng-Sản đội lốt Việt-Minh.

— Năm 1946 48, VNQDD đã võ trang đánh Pháp và Việt-Minh Cộng-Sản tại Lào-Kay, Phong-Thò Lal-Châu, Mưòng-Hum, v. v.

— Năm 1948 - 54. VNQDD đã đóng góp vào việc xây dựng nền tảng của chế độ quốc-gia này, và đã đấu-tranh chống bọn tay sai định đầu hàng Pháp thực dân.

— Năm 1954 63, VNQDD đã chống độc tài gia-đình trị. Điền binh là vụ lập chiến-khu Nam Ngãi chống lại bạo chúa Miền Trung.

— Năm 1964 - 66, VNQDD đã chống độc tài quân - phiệt, đòi Quốc-Hội Dân Cử, đòi Hiến-Chương Dân-Chủ.

— Và từ 1930 tới nay, tất nhiên VNQDD luôn luôn tích cực chống Cộng - Sản.

— Và không một hoạt động chánh-trị, cách-mạng nào chống đế- quốc, phong-kiến, mà lại không có VNQDD tham gia.

— Ở hải ngoại, VNQDD đã hoạt động ở Trung-Hoa, Ai-Lao, Miến-Điện và Thái-Lan trong giới Việt-Kiểu vận động các nước lân bang ủng hộ công cuộc cách-mạng giải phóng dân tộc.

‡

Tuy nhiên, với bao nhiêu hy sinh ấy, chương-trình VNQDD mới chỉ thực hiện được có một phần :

Nhân dân Việt-Nam { — Đã đuii được giặc Pháp về nước Pháp  
 { — Đã trả được nước Nam cho người Nam

N H Ư N G

Nhân dân Việt-Nam { — Vẫn chưa khỏi lầm then  
 { — Vẫn chưa được Hạnh-Phúc

— VÌ —

— Quốc gia Việt Nam vừa mới thoát ách đế quốc thực dân thì nhân dân Việt-Nam lại phải sống quân quai trong bao nhiêu năm dưới chế độ độc-tài Trắng, Đỏ.

— Rồi trên năm 1954, miền Nam Việt-Nam thân yêu đã bị lôi cuốn vào một cuộc chiến tranh tương tàn, không tiền khoáng hậu, do Cộng-Sản gây ra. Cuộc chiến tranh đó hiện còn đang tiếp diễn và không biết sẽ tiếp diễn tới bao giờ.

— v i v a y —

V.N.Q.D.Đ. CHƯA THÀNH CÔNG

t u y

ĐÃ THÀNH NHÂN

‡

Thưa quý vị Quan Khách,

Thưa quý vị Chiến-Hữu,

Đối với người VNQDD, hôm nay không phải chỉ đơn giản là ngày tưởng niệm những vị tiên-liệt, mà là ngày để anh em chúng tôi, những đảng viên VNQDD :

- lập lại lời thề
- ôn lại những lời di-huấn
- xét lại các kết quả
- hoạch định công việc của ngày mai.

Trong tinh thần Cách-Mạng Dân-Tộc, chúng tôi thân ái kêu gọi các chiến hữu quốc gia, cùng chung lý-tưởng tranh đấu cho :

*Trăm họ khỏi làm than*

*Nhân dân được hạnh-phúc*

hãy sát cánh với chúng tôi để thực hiện một mục tiêu mà chúng tôi theo đuổi trên 40 năm nay mà chưa đạt được.

Chúng tôi kêu gọi cả những người, vì ý-thức hệ, vẫn chống chúng tôi từ 40 năm nay, hãy đặt quyền lợi Dân Tộc lên trên hết, ngưng ngay cuộc chiến đấu bằng không bố, bom đạn, để tranh đấu bằng những phương pháp hòa-bình, dân-chủ, để thực hiện một xã-hội, lấy

QUYỀN LỢI CỦA DÂN TỘC

HẠNH PHÚC CỦA NHÂN DÂN

HÒA BÌNH CỦA NHÂN LOẠI

làm mục tiêu, trong đó tất cả mọi người, không phân biệt chánh kiến, tôn giáo, giai cấp, đều được sống trong tự-do, trong nhân phẩm, đều được góp phần vào sự-nghiệp cách-mạng, trong đó

- không còn ai làm than
- và ai ai cũng được hưởng một phần hạnh-phúc.

‡

Thưa các đồng chí,

Trong khi tưởng niệm gương hy-sinh của những người đã khuất, chúng ta hãy hướng về tương lai-tâm niệm lại — để làm khẩu hiệu tranh đấu — lời hiệu-triệu của tổ Đảng-Trưởng VNQDD khi phát cờ khởi-nghĩa :

« Toàn thể đồng bào,

Các anh chị em,

*Chúng ta đem xương máu ra để đòi Tự-do, Hạnh-phúc cho nhân dân.*

*Chúng ta hãy gia-nhập đạo quân cách-mạng, chiến đấu để thực hiện mục đích của chúng ta ».*

NGÀY HÔM NAY,

— Trước Quốc Dân,

— Trước anh-Emh các vị Tiên-Liệt,

Chúng ta, những người VNQDD, hãy lập lại lời thề : HY SINH XƯƠNG MÁU ĐỀ ĐÒI TỰ DO HẠNH PHÚC CHO NHÂN DÂN

- Vì nhân dân còn làm than
- Vì sự-nghiệp cách-mạng chưa hoàn tất
- Vì thành NHÂN chưa đủ
- V.N.Q.D.Đ. còn phải thành-công

VIỆT - NAM QUỐC-DÂN ĐẢNG SẼ THÀNH CÔNG

VIỆT-NAM MUÔN NĂM

## văn tế nguyên-thái-học và 12 liệt sĩ yên bái \*

Hỡi ôi ! Sóng dợn tâm kinh,  
Mây che án nguyệt.  
Bốn nghìn năm Tô-quốc, xót xa thay vận nước chông chênh ;  
Ba mươi triệu Đông-bào, ngạo ngán nổi tình đời cay nghiệt.  
Giang-san thê thảm, Đất có nào hay,  
Phong-vũ u sầu, Trời e khôn biết !  
Nhớ tiên-sinh năm xưa,  
Dòng giống Lạc-Hồng,  
Quê nhà Nam-Việt.  
Gặp lúc nhà tan nước loạn, giang-sơn toan gánh vác chẳng nài ai ;  
Dù khi gió đập mưa dồn, tông-bá giữ vững bền không đổi tiết.  
Hy-sinh cùng nghĩa-vụ, vào sanh ra tử, chí anh-hùng không ngại bước  
gian-lao ;  
Kết hợp bạn đồng-tâm, giục trống phật cò, đoàn nghĩa-hiệp chẳng sờn  
lòng cương-quyết.  
Tại Vinh-Bắc giết viên Tri-Huyện, bọn thực-dân kinh khủng biết là bao ! ?  
Chốn Hà-Thành bán lão Đồn-Điền, dân lao-động hoan hô không kể xiết ! ...  
Hải-Dương, Bắc-Ninh khởi nghĩa, kẻ Đông-chinh người Bắc phật, tuốt  
gươm lính mà thi mạng lẫn vào ;

\* NĂM THỨ 39 (17. 6. 1930 — 17. 6. 1969)

Lâm-Thao, Yên-Báy tập công, đoàn hậu tiếp đội tiền-phong, châu sủng  
lại quyết liều mình chàng tiếu.  
Vĩ có binh-lương đầy đủ, giặc đầu còn ghé mắt lâm le ;  
Cũng vì chiến-cự thấp hèn, ta lại phải ôm lòng tha thiết !  
Tức tởi cho người đồng-loại, chỉ muốn mua danh cầu lợi, làm việc  
ma-tà ;  
Gớm ghê thay bọn độc-tài, chỉ toan cướp nước hại dân, bày trò qui-quyết.  
Nào suu cao, nào thuế nặng, chúng thu hẹp con đường kinh-tế, đem  
quốc-dân đến cảnh tượng điêu tàn ;  
Những nghĩa-sĩ, những trung-thần, chúng truyền rao bản án tử hình, đưa  
Tô-quốc đến phong trào tiêu diệt.  
Đài vinh-quang nửa chừng xây mọc, gió mưa một trận, nước non chan  
chứa lệ tang thương ;  
Gươm dã-man ba thước kẻ đầu, khẳng khái mấy lời, trời đất chứng minh  
lòng tiết liệt.  
Cố Đảng-trưởng thung dung khí tỵ-nghĩa, giọng ngâm tiếng hát, trước  
pháp-trường tấm mắt lá trung can ;  
Các Đảng-viên khí khái lúc quyền sinh, gla tức lòng căm, lửa Yên-Báy  
sự: sôi nhiệt huyết.

Ôi thôi thôi ! Núi khóc bề rên,  
Trời nghiêng đất khuyết.

Nhập vãi ba tấc đất, phách anh-lianh sáng chiếu giữa trời Nam ;  
Vùng vẫy bốn phương trời, hồn chánh-khí chói loà trên đất Việt.  
Mong hồn đến non Bồng nước Nhược, trở về đây mà chung gánh sự  
tôn-vong ;  
Mong hồn về chùa Phật cửa Thiên, trở về đây mà đóng góp phần kiến-thiết.  
Lễ bạc đời tuân rựu lạt, chúc ngàn thu khích-phách trường tồn ;  
Lòng thành một nén hương tàn, cầu muôn thuở tinh-thần bất diệt.

Việt-Nam . . . vạn tuế !

HỒNG - LIÊN

LÊ - XUÂN - GIÁO

## những năm mậu-thân lịch-sử

*« Số cả bi thời thì đến thái.*

*Cơ thường đồng hết lại sang xuân ».*

Trên đây là hai câu thơ của Cụ Hy-văn Nguyễn-công-Trứ nói về lẽ tuần-hoàn tự-nhiên của Tạo-hóa, và đây cũng là một đặc-điểm về vũ-trợ-quan của người Đông-phương xưa.

Năm Mậu-thân — năm con khỉ — nhưng lại là cái năm có thể có những chuyện bất ngờ xảy đến, và cũng có thể có những việc trọng-đại liên quan đến vận-mệnh quốc-gia, dân-tộc.

Theo lẽ tuần-hoàn tự-nhiên mà nói, hễ nắng hạn lâu thì có ngày mưa to, hỗn-loạn lâu thì có lúc thịnh-trị, cũng như chiến-tranh mãi thì phải tới hội thanh-bình. Nay nước ta đã trải qua hai mươi năm binh đao khùng khiếp, dù kẻ thù cộng-sản có ngoan-cố đến đâu, thì chúng cũng không đủ sức để theo đuổi chiến-tranh lâu hơn nữa. Vì thế cho nên chúng ta đặt tin-tưởng về cuộc đại Chiến-thắng Mậu-thân để đưa đất nước ta đến chỗ thống nhất, và dân-tộc chúng ta đến chỗ hoàn-toàn dân-chủ trong vinh-quang thịnh-vượng.

Một quốc-gia có bốn ngàn năm văn-hiến, với truyền-thống anh-dũng bất-khuất, với một quá trình tranh-đấu hào-hùng phải được trường-tồn và tự chủ. Do đó, chúng ta đã có những trang sử thật cam-go, nhưng cũng thật oai-hùng.

Trong quá-khứ, tuy nước ta bị mấy lần Bắc thuộc, nhưng rồi non sông anh-linh của ta lại được tươi-sáng, quét sạch xâm-lãng, nếu cao ngọan cò độc-lập. Từ Bà Trưng, Bà Triệu, Ngô-Quyền, Mai-bác-Đế, Lý-thường-Kiệt, Trần-hưng-Đạo, Lê-Lợi, Nguyễn Quang-Trung... cho đến ngày nay... đất nước chúng ta đã được biết bao nhiêu công-lao, mồ hôi và xương máu của tiền-nhân chúng ta từng đóng góp bảo-vệ.

Vì vậy, trong lúc mọi người chúng ta vừa bước sang năm Mậu-thân này, chúng tôi muốn trình bày ra đây một vài dòng lịch-sử quan-trọng của dân-tộc trong những năm Mậu-thân đã qua để làm quà cống-hiến bạn đọc và cũng là dịp để chúng ta ôn lại những trang sử nước nhà qua những năm Mậu-thân về trước.

Trước hết, năm Mậu-thân 1128, niên hiệu Thiên-Thuận nguyên niên đời vua Lý Thần-Tôn là một năm quân ta hai lần đại thắng quân Chân-lạp. Lần đầu, Chân-lạp mang quân công phá Nghệ-an, vua Lý Thần-Tôn bèn sai Lý-công-Bình đem quân ra chống và được cả thắng. Cùng năm ấy, Chân-lạp lại đem quân nhập khẩu lần thứ hai, nhà vua lại sai Nguyễn-hà-Viêm ra đánh và Chân-lạp thất-bại nặng-nề.

Năm Mậu-thân 1428 là năm cuộc trường-kỳ kháng Minh của Lê-Lợi thành-công, cũng là năm Ngài lên ngôi Hoàng-đế với lời « bình Ngô đại cáo thiên hạ » là một áng thiên cổ hùng-văn.

Ngài sinh ngày 6 tháng 8 năm Ất-sửu (1385) niên hiệu Xương-Phù Trần Phế-Đế, con của vị hào-trưởng ở đất Lam-son, huyện Lôi-dương, phủ Thiệu-hóa (Thọ-xuân bây giờ), tỉnh Thanh-hóa được dân-chúng quanh vùng kính mến và được tôn lên làm chúa. Ngài mất ngày 22 tháng 8 năm Quý-sửu (1433), tại vị được 6 năm, thọ 49 tuổi, Ngài là vị vua sáng nghiệp ra nhà Hậu Lê.

Nói đến võ công oanh-liệt của Ngài trong 10 năm kháng-chiến diệt thù cứu nước thật là không tiền khoáng-hậu. Ngài đánh đuổi quân Minh lúc bấy giờ còn khó-khăn và gian-lao hơn cả Trần-hưng-Đạo Đại-vương đánh quân Nguyên về cuối thế-kỷ thứ 13, bởi vì quân Minh

lúc ấy đã thâm nhập nội địa nước ta từ lâu ngày, đã chia cắt đất nước ta thành quận, huyện để bề cai-trị, đã quen thuộc thủy thổ và phong tục đất nước ta. Còn quân xâm-lăng Mông-Cò thời từ cõi ngoài thừa thế kéo tới, cho nên phong-thổ chưa quen, là một điều bất lợi cho giặc.

Trong những trận đại thắng quân Minh của Bình - định - vương Lê-Lợi, người ta không thể không nhớ đến trận Chi-Lãng là trận thắng vẻ-vang nhất và oai-hùng nhất trong lịch-sử chống ngoại-xâm để bảo-vệ nền tự-chủ của nước nhà. Trận đại thắng ấy được diễn tiến như sau :

Nguyên tháng giêng năm Đinh-mùi ( 1427 ), Bình-dịnh-vương tiến quân lên đóng ở Bồ-đề ( phía Bắc sông Nhị-hà ), uy-hiệp cả thành Đông-quan do tướng và quân nhà Minh trấn đóng. Sau đó Ngài sai tướng và quân đến tấn công thành ấy thắng lợi, giết được quân giặc và thu được nhiều quân nhu, quân dụng với nhiều chiến thuyền của địch. Đại-tướng nhà Minh Vương-Thông được cử đem 50.000 quân sang cứu nguy cho thành Đông-quan ấy. Nhưng Vương-Thông bị đại bại ở Cồ-lâm và ở Tụy-Động rồi giả lập kế xin bãi binh để chờ quân tiếp viện đến cứu. Đại-tướng Liễu-Thăng được lệnh chỉ-huy 100.000 quân và 20.000 ngựa hợp với đạo quân của tướng Mộc-Thạnh xâm nhập để tiếp tay với Vương-Thông mà đánh chiếm nước ta cho kỳ được. Nhưng ở cửa ải Chi-Lãng, quân của Bình-dịnh-Vương đã mai phục và đánh rất mạnh, khiến tên Đại-tướng Liễu-Thăng bị chém rơi đầu ở núi Đào-mã-pha ( thuộc châu Ôn tỉnh Lạng-Sơn ) ; tướng Lương-Minh cũng bị hạ sát ; tướng Lý-Khánh phải tự tử ; Thượng-thư Hoàng-Phúc và Đô-đốc Thời-Trụ đều bị bắt sống ở Xương-giang ( nay thuộc Lạng-Sơn ). Còn tướng Mộc-Thạnh thì chạy trốn mất vía. Quân lính nhà Minh bị tán-loạn kinh hồn thất đờm vì các tướng của họ đều bị giết hoặc tự-vẫn hoặc bị bắt giam, hay bỏ chạy kiếm đường trốn-tránh.

Cùng đường hết kế, Vương-Thông bắt-buộc phải viết thư xin hưu chiến để cầu hoà cho khỏi bị chết một cách thê-thảm như bọn Liễu-Thăng.

Vua Lê không muốn kéo dài việc chinh-chiến thêm nữa, nên chấp thuận lời trần-bạch khẩn-thiết của Vương-Thông, nhưng Ngài bắt-buộc y phải lập đàn xin thề và xin ước-hẹn đến tháng chạp năm ấy ( tức năm Đinh-mùi ) phải triệt-thoái cho hết quân lính nhà Minh ra khỏi lãnh-thổ nước ta. Vương-Thông xin chịu nhận hết mọi điều-kiện do vua Lê đưa ra. Cuối cùng Vương-Thông và 86 000 quân nhà Minh phải cấn răng nuốt hận cuộn gói trở về Tàu một cách cay đắng và nhục-nhã vô cùng.

Xét trong lịch-sử kháng-chiến chống ngoại-xâm để bảo-vệ nền tự-chủ của dân-tộc ta xưa nay không có trận chiến thắng nào vẻ-vang và hiển-hách bằng trận Chi-lãng năm 1427, vì tại trận này, quân ta đã giết và bắt được nhiều tướng giặc hơn tất cả các trận khác. Và cũng không có trận nào mà đại-tướng bên địch phải chịu nhận điều-kiện nhục-nhã là lập đàn xin thề như trận Chi-Lãng cả. Thật là một trang sử được ghi những nét son đỏ chói của dân-tộc ta vậy.

Chính vua Lê Thái-Tổ đã cảm-tác bài thơ « tự-thuật » trong lúc văn cảnh có nói đến trận thắng Chi-lãng ấy như sau :

« Lự-khỵ này ông lão xứ quê,  
Xưng vương, xưng đế đủ trăm nghề.  
Mùi grom Thang Vũ چرا chời Liễu,  
Kín nước Lê Đà tươi gốc Lê.  
Quận huyện không cho quân Khách đặt,  
Non sông thu lấy nước Nam về.  
Nghĩ ta, ta lại khen ta nhỉ,  
Ta nghĩ như ta thật gớm-ghe !

Ta nghĩ như ta thật gớm-ghe !  
Long trời, lở đất, lộn sơn khe.  
Tha đầu Hoàng-Phúc không thềm chém.  
Bắt cả Vương-Thông phải chịu thề.  
Tờ cáo viết cho Tuyên-đức biết,  
Mùi grom chữ vẫn Thuận-thiên đề.  
Cho hay cái bệnh anh hùng lạ,  
Đánh giặc, làm vua cũng máu mê ».



Và dưới đây là mấy bài thơ « Cảm-tưởng nhân lễ kỷ-niệm vua Lê Thái-Tổ » của chúng tôi, xin dẫn ra đề hầu thêm bạn đọc :

*Giận Minh tàn-bạo lại kiêu-công,  
Không lẽ anh-hùng chịu khuất chông ?  
Khởi nghĩa phát cờ hồ dũng-cảm.  
Quyết tâm mài kiếm diệt xâm-lãng.  
Vòng vây bắt cả phường Thôi-Trụ,  
Lát chém rơi đầu giặc Liễu-Thăng.  
Khởi phục từ đây nền tự-chủ,  
Gần trăm ngàn địch chạy băng-băng,*

*Gần trăm ngàn địch chạy băng-băng.  
Cuốn gói về Tàu chịu cảnh ràng.  
Mất vía, Vương-Thông thề nhục-nhũ,  
Nuốt hờn, Tuyên-đức hết hung-hăng.  
Mười năm kháng chiến quân thù bại,  
Bao trận oai hùng thế nước tăng.  
Vĩ nghiệp bình Ngô lời đại-cáo,  
Tài cao, chí lớn, khí lẫm-tàng.*

*Tài cao, chí lớn, khí lẫm-tàng,  
Rửa sạch non sông hận bất-bằng.  
Võ-lược đã thấu nhiều thắng lợi,  
Văn-chương lại đủ mọi tài-năng.  
Ban hành nhân chính trừ gian bạo,  
Thu phục dân tâm giữ mặc-thăng.  
Hào-kiệt Lam-son hờn bất tử,  
Muốn đời lừng-lẫy tiếng Chi-lãng.*

Năm Mậu-thân 1788 là năm Nguyễn-Huệ đem quân ra Bắc trừ khử quân Thanh.

Ngày 25 tháng 11 năm Mậu-thân (1788), niên hiệu Lê Chiêu-Thống năm thứ 2, Bắc-bình-vương Nguyễn-Huệ, sau khi trai-chiến lập đàn kinh

cáo trời đất và Thần-linh tại núi Bàn-son đất Thuận-hóa, đường đường lên ngôi Hoàng-Đế và lấy niên-hiệu là Quang-Trung. Ngài bèn thống-linh thủy lục đại binh Bắc-tiến diệt-trừ 20 vạn quân Thanh.

Vua Quang - trung Nguyễn - Huệ, tục danh là Thơm, sinh năm Nhâm-thân (1752) niên-hiệu là Lê Cảnh-Hưng năm thứ 13, nguyên quán ở Thái-xá, tỉnh Nghệ-an, sinh quán ở ấp Kiến-thành, xã Bình-thành, huyện Bình-kê, tỉnh Bình-định, mất năm Nhâm-tý (1792), hưởng thọ 40 tuổi, là vị anh-hùng khoáng thế, bách chiến bách thắng vậy.

Ngày 29 tháng 11 năm Mậu-thân (1788), đại binh của Ngài từ Thuận-hóa ra đến tỉnh thành Nghệ-An. Ngài nghỉ lại 10 ngày để tuyển mộ thêm và luyện-tập tân binh Bình lực của Ngài lúc bấy giờ gồm có độ 100.000 người và 300 con voi đã quen dợt chiến trận.

Ngày 20 tháng chạp năm ấy, đại binh của vua Quang-trung rầm-rộ kéo đến núi Tam-diệp, rồi liền kết hợp với quân-số của ta từ Bắc-thành đến đây đã mấy ngày, nhà vua truyền lệnh sát sanh khao-đãi các tướng sĩ.

Vào hôm 30 Tết năm ấy, vua Quang - trung hạ lệnh cử đại - binh tiến gấp ra Bắc-hà và quyết-định đến ngày mùng 7 Tết thì tiến quân vào thành Thăng-Long cho kỳ được.

Vua Quang-trung chia quân thành 5 đạo, tự mình điều-khiển đạo Trung-quân, tiến gấp về hướng Thủ-đô Thăng-long như vũ bão.

Ngày mùng 3 Tết, nhà vua dùng kế hư binh, không phải mất một viên đạn mà hạ được đồn Hà-hồi (gần Hà-nội) trong giây phút.

Ngày mùng 5 Tết, quân ta giao chiến kịch-liệt với quân nhà Mãn-Thanh tại Ngọc-hối (thuộc tỉnh Hà-tống về phía Tây-Nam Hà-nội), rồi cuộc quân ta đại thắng, giết được nhiều quân địch.

Tại gò Đống-đa (cách trung-tâm Hà-nội độ 3, 4 cây số), tướng giặc là Sâm-nghi-Đông, vì quá sợ-hãi, đã tự ái đề khởi bị bắt sống, rồi hàng vạn quân xâm-lược tán loạn chạy bạt về phía Đám-Mực đều bị voi ta giày chết hết.

Hạ được đồn quan-trọng Điện-châu xong rồi, vua Quang-trung hạ lệnh kéo quân vào kinh-thành Thăng-long gấp rút.

Vì quá hoảng-hốt, Tôn-sĩ-Nghị (Tổng-độc Lương-Quảng thống-lĩnh quân Mãn-Thanh) bỏ chạy dài về mạn Bắc và đến địa-phận huyện Phượng-nhãn (thuộc phủ Lạng-giang tỉnh Bắc-ninh), thì y phải liều vớt bỏ cả ân tín dọc đường để cầu mong giải thoát lấy thân. Còn quan quân nhà Mãn-Thanh thì hàng-ngũ hỗn-loạn, mạnh ai nấy chạy, và tranh nhau chạy qua cầu phao trên sông Nhị-hà; vì quá nặng, cầu bị sập đổ, làm cho hơn nửa số binh sĩ bại trận của Mãn-Thanh phải rơi xuống sông và bị cuốn trôi theo giòng nước xiết.

Vua Chiêu-Thống cũng theo Tôn-sĩ-Nghị chạy sang Tàu nương-náu rồi sau 5 năm mệnh chung tại đây.

Sau khi đánh bật quân ngoại-xâm ra khỏi bờ cõi đất nước, vua Quang-trung lại khiêm-tôn vận-động với triều-đình nhà Mãn-Thanh để nối lại tình bang-giao giữa hai nước, và lo tích cốc trữ binh để một ngày kia khôi-phục đất Lương-Quảng (Quảng-tây và Quảng-đông).

Vua Càn-Long nhà Thanh tự biết không thể làm gì hơn được, nên hoan-hỉ tặng vua Quang-trung một bài thơ tỏ tình thân-thiện, và vui lòng bỏ lệ cũ bắt nước ta phải cống-hiến người vàng từ đây.

Nói về võ-công oanh-liệt, thì vua Quang-trung là vị anh-hùng khoáng thế vậy. Trong hai mươi một năm cung kiếm tung-hoành, vua Quang-trung không hề bị thua một trận nào. Trái lại, Ngài đã bao lần đánh bại quân ngoại-xâm.

Về phương Nam, vua Quang-trung đã đánh bại quân Xiêm-la mà Chúa Nguyễn-phước-Ánh đã rước về.

Về phương Bắc, nhà vua đã phá tan hai mươi vạn quân Mãn-Thanh do vua Lê Chiêu-Thống cấu-viện, làm cho nhà Mãn-Thanh phải hết lòng kiêng nể. Một điều đáng đề ý là nước Trung-hoa vào thời-đại Càn-Long là một nước phú-cường vào bậc nhất thế mà Quang-trung cả thắng thì chiến-công ấy quả là thật oai hùng.

Nói về cương-glori nước ta, thì từ đây trở về trước, chưa bao giờ đất-đai của nước ta được mở-mang rộng-rãi như ở dưới triều-đại vua Nguyễn Quang-Trung vậy.

Đề kết-luận, xin dẫn thêm hai bài thơ liên-hoàn « Vịnh vua Quang-Trung » của chúng tôi sau đây đề hầu bạn đọc :

« Chí lớn, tài cao, chiến lược già,  
Sa trường trăm trận đã xông-pha.  
Kinh hồn tán-loạn quân Tôn-sĩ,  
Khét tiếng oai-hùng trận Đống-đá.  
Xác giặc phơi đen đăm Mặc-thủy,  
Máu thù nhuộm đỏ nước Hồng-hà.  
Võ công hiển-hách chưa từng thấy,  
Oanh-liệt bừng trang ở nước nhà.

Oanh liệt bừng trang sử nước nhà,  
Uy-danh chấn-động khắp Trung-hoa.  
Bao phen đại thắng thành Gia-định,  
Mấy trận thân chinh cõi Bắc-hà.  
Đất Bắc yên dân trừ Trịnh-Chúa,  
Trời Nam dựng nước đuổi Xiêm-la,  
Tung hoành cung kiếm không lùi bước,  
Dòng-dõi Tiên Long thế mới là. »

## việc bang giao giữa cao-miên và việt-nam từ ngày tiên khởi đến ngày pháp đô hộ

*Hoàng gia Cao-Miên bắt đầu bang giao chính thức với Việt-Nam vào đầu thế kỷ thứ 17 dưới triều vua CHEY CHETTA II (1618-1628) và chấm dứt vào năm 1866 dưới triều vua ANG DUONG (1845-1859) trước khi người Pháp được mời đến đặt nền bảo hộ.*

*Trải qua 228 năm đã có biết bao biến cố mà mỗi quốc gia ghi lại trong quyền sử của mình có đoạn không giống quyền sử của nước bạn.*

*Chúng tôi trích phần này trong quyền Sử Cao Miên (sắp xuất bản) trình bày theo Niên giám của Hoàng Gia Cao-Miên và đối chiếu từng mục với Việt-Nam sử lược của Ông Trần-trọng-Kim.*

Năm 1618, Quốc Vương Cao-Miên SREL.SORYOPOR thoái vị, nhường ngôi cho con là CHEY CHETTA. Thái Tử lên ngôi tức là Quốc Vương CHEY CHETTA II (1618-1628). Ngài thay đổi tất cả những điều bố buộc của người Xiêm và từ chối việc xưng thần. Ngài dời đô về OUDONG thuộc tỉnh Kompong Luông, xây cất cung điện dưới chân một ngọn đồi. (1)

(1) Thủ đô OUDONG tồn tại đến năm 1867, hiện thời là vùng mộ vua, có nhiều ngôi tháp dựng tro tàn các đấng Tiên vương Cao Miên.

Vua Xiêm (1) muốn tại lập uy quyền trên đất Cao-Miên, xa binh tấn công. Năm 1623, có một đạo quân từ phía Bắc xâm nhập lãnh thổ, bị Quốc vương Chey Chetta II thân chinh đánh tan rã ở BÀRIBAUR cách Bền hồ lối 50 cây số. Đạo quân thứ nhì tiến vào tỉnh BANIEI-MEAS bị Hoàng đệ PRAH OUTEY đẩy lui. Năm sau, 1624, quân Xiêm theo đường biển đổ bộ miếu duyên hải bị phản công dữ dội phải rút về. (có thuyết cho rằng Quân Xiêm tấn công trong năm 1621 và 1622).

Đề quân Xiêm không dám quấy nhiễu nữa, Quốc vương CHEY CHETTA II cưới một Công Chúa Việt-Nam hầu dựa vào thế lực của Triều đình Huế. Bấy giờ họ Nguyễn tránh nanh vuốt họ Trịnh ở triều nhà Lê đóng đô ở Hà - Nội vào đóng ở Tỉnh Quảng - Trị, Thừa-Thiên, Quảng-Bình, Quảng-Nam, và Quảng-Ngãi. Họ Nguyễn chiếm nước Chiêm Thành và lập thành tỉnh huyện sát ranh giới Cao-Miên.

Năm 1623, một phái đoàn Sứ giả ở Huế vào triều kiến Quốc Vương Chey Chetta II xin cho người Việt vào cư ngụ trong tỉnh PREY KÔR (2) và lập một cơ quan thu thuế (3). Nhà Vua chấp thuận. Triều Đình Huế khuyến khích dân chúng di cư vào Nam và lấy danh nghĩa là để giúp Vương quốc Cao Miên giữ gìn trật tự. Họ Nguyễn cử một vị Tướng Lãnh đóng tại thành phố này.

Khi Quốc vương Chey Chetta II thăng hà, tất cả vùng thuộc miền Nam từ PREY KÔR đến ranh giới Chiêm Thành, các tỉnh Bắrija và KAMPÉÁP SRÉKATREY (Biên-Hòa) đều bị người Việt-Nam cai trị (4).

(1) Vua Xiêm bấy giờ là INT'ARAJA (1610-1628) con của vua EKAT'OTSAROT (1605 - 1610).

(2) Đúng tên là PREY NOKOR : thành phố ở giữa rừng, nay là Saigon.

(3) Tập Niên giám viết tay ở thư viện Hoàng-Gia Cao-Miên dưới triều Vua CHEY CHETTA II, trang 369 ghi sự việc này như sau : « Năm 2 69 Phật lịch, tức là năm 1623 DL một Sứ giả của Vua Annam dâng lên Vua Cao Miên Chey Chetta một phong thư, trong đó Vua Annam ngõ ý « mượn » của nước Cao Miên xứ PREY NOKOR và xứ KAS KROBEY (Bền nghệ) để đặt làm nơi thu quan thuế. Vua Chey Chetta sau khi tham khảo ý kiến của đình thần đã chấp thuận lời yêu cầu trên và phúc thư cho Vua Annam biết. Vua Annam bèn ra lệnh cho quan chức đặt sở Quan thuế tại PREY NOKOR và KAS KROBEY và từ đó bắt đầu thu quan thuế ».

(4) Theo sử Việt-Nam, Quốc vương Chey Chetta II cưới Công Chúa NGOC VAN con Chúa Nguyễn SẮC VƯƠNG (1613-1645) vào năm 1620. Nhóm người Việt-Nam đầu tiên di cư vào miền Nam ngụ ở MÔ-XOÀI (ngọn đồi nhỏ trồng xoài) gần Bắrija ngày nay.

Sau khi Quốc vương Chey Chetta II thăng hà, nước Cao Miên trải qua ba triều Vua, đến đời Quốc vương PONHEA CHAN (1642 - 1659) mới có sự liên lạc với Việt-Nam.

Năm 1658, hai vị Hoàng thân SÔ và ANG TAN, con của Ông Phụ Chính Prah Outey đã thoát nạn lú: Quốc vương Ponhea Chan tàn sát gia đình mình 16 năm trước cầm quân nổi loạn đánh nhà Vua. Bị quân Triều phân công mãnh liệt, hai vị chạy trốn trong cung Hoàng hậu Ngọc Vạn, vợ của Tiên Vương Chey Chetta II. Hai vị nhờ Hoàng Hậu xin binh nhà Nguyễn đến giúp khôi phục ngai vàng. Chúa Nguyễn Hiền Vương nhận lời phái một đạo binh viễn chinh vào tháng 10 năm 1658 đến giúp hai Hoàng thân. Một hạm đội Cao Miên do một vị Hoàng thân chỉ huy chặn đánh đạo binh Việt-Nam bị thua to ngoài khơi Bàrja. Quân nhà Nguyễn tiến vào bắt Quốc vương Ponhea Chan nhốt trong cái cũi sắt đem về tỉnh QUẢNG BÌNH. Quốc vương thăng hà ở đấy (1). Quân Việt-Nam đặt Hoàng thân Sô lên ngôi Vua tước hiệu là BATOM RÉACHÉA (1660-1672).

Nhờ người Việt-Nam mới được làm Vua, Quốc Vương BATOM RÉACHÉA ký hòa ước nhận triều cống Chúa Nguyễn hàng năm và cho người Việt định cư trong lãnh thổ, được làm chủ phần đất khai hoang và hưởng quyền lợi ngang hàng với người Miên.

Năm 1672, Quốc vương Batom Réachéa bị người rề tên CHEY CHETTA III (đệ tam) ám sát chết rồi lên ngôi (1672-1673).

Hoàng đệ ANG TON chạy trốn ở Việt-Nam, xin Triều Đình Huế giúp khôi phục cơ đồ.

(1) Theo Việt-Nam sử lược của Trần-trọng-Kim thì sự việc xảy ra không giống sử Cao Miên. Trong mục: « MỞ ĐẤT NAM VIỆT VÀ SỰ GIAO THIỆP VỚI CHÂN LẬP », tác giả viết:

... « Năm Mậu Tuất (1658) vua nước Chân Lạp mất rồi, chú cháu tranh nhau sang cầu cứu bên Chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn bấy giờ là Chúa Hiền sai quan đem 3.000 quân sang đánh ở Mối Xuy (nay thuộc huyện Phước Chánh, tỉnh Biên-Hòa) bắt được Vua nước ấy là NẶC ONG CHÂN đem về giam ở Quảng-Bình một độ, rồi tha cho về nước bắt phải triều cống và phải binh vực người Việt - Nam sang làm ăn ở bên ấy.

Giữa lúc ấy, CHEY CHETTA III bị người Mã Lai, bộ hạ của Tiên vương PONHEA CHAN giết chết.

Bá quan tôn Hoàng Tử ANG CHEY nối ngôi (1673-1674). Ngài là con của Tiên vương BATOM RÉACHÉA, cháu nội của vị Phụ chính Prah Outey, năm ấy vừa được 21 tuổi. Vừa tức vị không bao lâu, Ngài phải thân chinh xuống miền Nam chống trả cuộc tấn công của đạo binh Việt-Nam (1) do Hoàng thân ANG TON đưa về. Chiến cuộc kéo dài gần một năm, trong một trận giao tranh Ngài bị giết giữa sa trường. Hoàng thân Ang Ton thắng nhưng lại nhuốm bệnh bỏ mình, giao binh quyền cho Hoàng thân ANG NON là người em con chú.

Hoàng thân ANG NON (1674-1675) làm Phụ chính giúp ANG TON cầm quân về thủ đô OUDONG tức vị đăng quang.

Năm tháng sau, Hoàng thân ANG SAUR em của Tiên vương ANG CHEY cầm quân đánh đuổi đạo binh viễn chinh người Việt. Quốc vương ANG NON chạy trốn ở Việt Nam.

Hoàng thân ANG SAUR bấy giờ được 19 tuổi. Ngài lên ngôi, tước hiệu là CHEY CHETTA IV (đệ tứ). Suốt đời, Ngài thoái vị bốn lượt nhưng các vị Quốc vương thay Ngài không cần đăng nối, Ngài lại phải trở lại gánh vác việc nước.

#### LÊN NGÔI LẦN THỨ NHẤT (1675-1695)

Từ năm 1675 đến 1691, Quốc Vương Chey Chetta IV phải chống trả những cuộc nổi loạn của người em họ; ANG NON.

(1) Việt-Nam sử lược viết: « ... Năm Giáp Dần (1674) nước Chân Lạp có người NẶC ONG ĐÀI đi cầu viện nước Tiêm La để đánh NẶC ONG NỘN.

NẶC ONG NỘN bỏ chạy sang cầu cứu ở dinh Thái Khang (nay là Khánh-Hòa). Chúa Hiền bèn sai Cai cơ đạo Nha Trang là Nguyễn-dương-Lâm cùng với Nguyễn-dinh-Phái làm Tham Mưu đem binh chia làm 2 đạo sang đánh NẶC-ÔNG-ĐÀI phá được đồn Saigon rồi tiến quân lên vây thành Nam Vang NẶC-ÔNG-ĐÀI phải bỏ thành chạy vào chèo ở trong rừng. NẶC-ÔNG Thu ra hàng. NẶC-ÔNG Thu là chính đồng con trưởng cho nên lại lập làm Chánh Quốc vương đóng ở Long-Ûc để NẶC-ÔNG-NỘN làm đệ nhị Quốc Vương đóng ở Saigon, bắt hàng năm phải triều cống ... ».

Sau khi thất trận, Hoàng thân ANG NON chạy xuống miền Nam, thỏa thuận với Chúa Nguyễn cho người Việt vào định cư ở Tỉnh Baria và DAUNG NAY (Đông-Nai) và 3.000 người Trung-Hoa tị nạn. Nướm người này trung thành với nhà Minh vừa bị MÃN THANH lật đổ không muốn sống dưới chế độ ngoại lai. Hoàng thân ANG NON chiêu mộ người Việt và người Trung Hoa lập thành một đạo binh tấn công Quốc vương Chey Chetta IV vào năm 1682. Bị đánh bất ngờ, quân đội Hoàng gia Cao Miên bỏ cả tỉnh KAN KAN (tiếng Việt gọi Ba Sác) và PRÉAH TRAPEANG (Trà-Vinh) rút lui về phía Tây thủ đô OUDONG. Nhờ quân Xiêm trợ lực và binh sĩ Miên gia nhập thêm, quân đội Hoàng gia phản công vào năm 1684 và đuổi được kẻ phản nghịch khỏi nước. Hoàng thân ANG NON đi đầu đình với Vua Xiêm (1) làm trọng tài giúp đỡ mình nhưng bị từ khước. Hoàng thân lại ra Huế nhờ Chúa Nguyễn Hiến-Vương (2) Năm 1688, Chúa Nguyễn cấp Hoàng thân một đạo binh 20.000 người do hai tướng THUYEN KHUON và THOUM MOU (?) chỉ huy, tiến đến Oudong, chiếm thủ đô. Còn Hoàng thân dặt 5 000 binh sĩ đến VEAL HONG bị quân đội Hoàng gia đánh tan rã. Quân Việt-Nam hay tin này liền rút về. Năm 1689, Hoàng thân lại đem quân về đánh Chey Chetta IV lần chót. Hoàng thân chỉ huy một đại đội Việt và vài tên Trung-Hoa chiếm thành Phnom Penh. Quốc vương Cao Miên chạy về Kompong Luong xin điếu đình. Vài ngày sau, một hiệp ước ra đời, nhian nhận vương quyền của Việt-Nam.

Khi tái lập hòa bình vào năm 1689 xong, Quốc vương Chey Chetta IV mới làm lễ đăng quang.

Năm 1695, tuy vẫn còn trẻ, Ngài thoái vị nhường ngôi cho người cháu (con của anh) tên PRAH OUTEY.

Quốc Vương PRAH OUTEY I (đệ nhất) ở ngôi được 10 tháng. Năm 1696, Ngài thăng hà.

(1) vua Xiêm bây giờ là Quốc vương NARAI (1657-1688).

(2) Trong Việt-Nam Sử-Lược không có ghi việc này Chúa Nguyễn bây giờ là NGUYỄN PHÚC TRẦN.

### CHEY CHETTA IV LÊN NGÔI LẦN THỨ NHÌ (1696-1699).

Quốc vương Chey Chetta IV phải tức vị lần thứ nhì. Năm 1697, Ngài gả Công Chúa cho Hoàng thân ANG EM, con của vị Phụ chính ANG NON.

Năm 1699, một viên quan Cao Miên tên EM nổi loạn. EM nhờ người Việt giúp cho 20.000 quân chia làm hai đạo ngược giòng sông Mékong tiến đến tỉnh Kompong Chhnang. Bị quân Cao Miên đánh lui, quân Việt-Nam rút về, đóng trong các tỉnh PREY KOR (Saigon), KAMPÉAP SRÉKATREY (Biên-Hòa) và Baria bấy giờ thuộc quyền kiểm soát chánh thức của triều đình Huế (1) Chính EM hứa nhường cho Việt-Nam để nhờ giúp về mặt quân sự. Trong trận giao phong, EM bị tử thương.

Chấn nản trước cảnh nổi da xáo thịt, Quốc Vương Chey Chetta IV lại thoái vị, nhường ngôi cho rể là ANG EM.

Quốc-Vương ANG EM trị vì được hai năm. Đây là lần thứ nhất Ngài ở ngôi Vua. Trong trận đánh với viên quan phản loạn, Ngài tỏ ra rất dũng cảm. Nhưng vì tánh tình hơi hợt và hơi dãn, Ngài không gánh nổi trách nhiệm. Năm 1701, Quốc Vương Chey Chetta IV lại phải nắm giữ quyền hành lần thứ ba.

### CHEY CHETTA IV LÊN NGÔI LẦN THỨ BA (1701-1702).

Bấy giờ có tên KIM nhờ người Việt-Nam (2) giúp sức nổi loạn tấn công vào Oudong Quốc Vương Chey Chetta IV phải dặt Hoàng tộc và Triều thần chạy tránh ở tỉnh PURSAT. Sau đó, Ngài chỉnh tu binh mã kéo về chiếm lại thủ đô và bắt giết tên KIM.

(1) Việt-Nam Sử-Lược ghi: "... Thời bấy giờ dặt Chấn Lạp cứ loạn lạc luôn. Năm Kỷ Mão (1699). Vua nước ấy là NẶC ONG THU đem quân chống với quân Chúa Nguyễn, Chúa sai quan Tổng Suất Nguyễn-hữu-Kính sang đánh. Quân ta sang đến thành Nam Vang. NẶc Ong Thu bỏ chạy, con NẶc Ong Nộn là NẶc Ong Yem mở cửa thành ra hàng. Sau NẶc Ong Thu cũng về hàng, xin theo lệ triều cống như cũ, quân ta rút về. Được ít lâu, Vua thứ hai là NẶc Ong Nộn mất, Vua thứ nhất là NẶc Ong Thu phong cho con NẶc Ong Nộn là NẶc Ong Yem làm quan và lại gả con gái cho. Sau NẶc Ong Thu già yếu, truyền ngôi cho con là NẶC ONG THAM.

(2) Việc này không có ghi trong Việt-Nam Sử-Lược.

Năm 1702, Ngài thoái vị nhường ngôi cho con là THOMMO RÉACHÉA.

Quốc Vương THOMMO RÉACHÉA bấy giờ mới được 12 tuổi. Đây là lần thứ nhất Ngài tức vị, ngồi làm vị chứ không làm gì cả. Chính Vua cha tiếp tục điều khiển việc nước.

#### CHEY CHETTA IV LÊN NGÔI LẦN THỨ TƯ (1702 - 1706).

Quốc Vương Chey Chetta IV ở ngôi lần thứ tư đến năm 1706, thì Hoàng tử được 16 tuổi, Ngài thoái vị hẳn nhường lại cho con.

Quốc Vương THOMMO RÉACHÉA I (đệ nhất) ở ngôi lần thứ nhì từ năm 1706 đến 1710.

Năm 1706, nhóm kiều dân Lào do Tiên Vương CHEY CHETTA IV cho định cư vài năm trước ở tỉnh BATI nổi loạn chống chính quyền địa phương. Chính Hoàng thân ANG EM, sau khi bị bắt buộc phải thoái vị năm 1701 đã rời triều đình đi cầm đầu cuộc tạo phản này. Hoàng thân kêu gọi người SAMRÈ và người KOUY là hai sắc dân thiểu số ở miền Bắc tỉnh Angkor và Kompong Thom, đồng thời được một lực lượng Việt-Nam ở miền Nam ủng hộ. (1) Ngài chỉ huy người Lào, Samrè và Kouy tiến xuống thủ đô OUDONG, toàn quân Việt-Nam chiếm các Tỉnh miền Đông. Quốc Vương THOMMO RÉACHÉA bị vây ở giữa suốt ba tháng mới thoát được giữa đêm với người em tên ANG TONG chạy qua Xiêm.

Năm 1710, sau khi Quốc Vương Thommo Réachéa bỏ thủ đô, ANG EM lên ngôi (1710 - 1722) Đây là lần thứ nhì Ngài trị nước. Trong 3 năm 1711, 1716, và 1722, Ngài đầy lui được 3 lần tấn công của Thommo Réachéa nhờ quân Xiêm trợ giúp. Ngài nhờ Triều đình Huế che chở và giúp về mặt quân sự. Ngài phú thác việc phòng thủ các tỉnh PEAM (Hà-Tiên), KAMPOT và KOMPONG SOM cả cũ lao Phú Quốc cho một người Trung Hoa tên Mạc Cửu. Họ Mạc gốc ở Quảng-Đông di cư sang Cao Miên sau khi nhà Minh bị nhà Thanh lật

(1) Việc này Việt-Nam Sử lược không có ghi.

đổ. Ông gây dựng được một sự nghiệp to tát nhờ mở sòng cờ bạc. Ông xây một cái pháo đài ở PEAM, tuyển mộ quân sĩ và thủy thủ. Có lần một hạm đội Xiêm đến gần thị trấn định đổ bộ giúp Thommo Réachéa bị Mạc Cửu tiêu diệt gần hết. Tuy nhiên, đến năm 1715, Mạc Cửu qui phục Chúa Nguyễn, Quốc Vương ANG EM thuận cho người Việt-Nam kiểm soát bờ biển từ miền Nam đến Xiêm. Về sau, Hoàng Triều Cao Miên lấy lại quyền hành trực tiếp hai tỉnh Kampot và Kompongso, nhưng tỉnh PEAM và cũ lao Phú Quốc đến năm 1867 vẫn còn bị hâu duệ của Mạc Cửu « cai trị » cho Vua Việt-Nam. (1)

Để tránh cuộc tấn công của người Xiêm, Quốc vương ANG EM điều đình với vị Đại tướng Xiêm chịu thần phục nước Xiêm nếu Vua Xiêm loại trừ các vị Hoàng thân vừa mất ngôi. Vị Đại Tướng Xiêm chấp thuận. Đây là một hành động có ảnh hưởng rất tai hại cho Vương quyền Cao Miên. Người Xiêm từ ngày ấy có quyền can thiệp vào việc quốc sự. Chỉ vì tham vọng cá nhân mà Quốc vương ANG EM đã chính thức làm mất nền độc lập của Cao Miên.

Năm 1722, Ngài thoái vị, nhường ngôi cho con.

Thái tử PRAH SOTHA lên ngôi tức là Quốc Vương SOTHA II (đệ nhị) (1722-1736), Ngài vừa được 20 tuổi. Tình hình rối loạn trong nước là một gánh nặng cho ông Vua còn trẻ. Nước Cao Miên bấy giờ

(1) - Về diêm Mạc Cửu qui phục Chúa Nguyễn, ông Trần-trọng-Kim viết trong năm Mậu Tí (1708).

- Về sự can thiệp của ta thì trong Việt Nam Sử Lược ghi có một lần như sau : « .. Năm Giáp Ngọ (1711), quân của NẶC ỒNG THẨM về lấy thành La-Bích và vây đánh NẶC ỒNG YÊM nguy cấp lắm. NẶc Ồng Yêm sai người sang Gia định cầu cứu. Quan Đô Đốc Phiến trần (Gia-Định) là Trần-thượng-Xuyên và quan Phó tướng Trần Biên (Biên - Hòa) là Nguyễn-cửu-Phú phát binh sang đánh, vây NẶc Ồng Thu và NẶc Ồng Thẩm ở trong thành La Bích. NẶc Ồng Thu và NẶc Ồng Thẩm sợ hãi, bỏ thành chạy sang Tiêm La. Bọn Ông Trần-thượng-Xuyên lập NẶc Ồng Yêm lên làm Vua Chân Lạp.

có bốn vị Quốc Vương cấu kết và cấu xé lẫn nhau, vị thì nhờ người Xiêm, vị nhờ người Việt giúp đỡ để đạt ý muốn của mình mà không cần phân điều lợi, hại. Đó là CHEY CHETTA II đến năm 1725 thì thăng hà, THOMMO RÉACHÉA bị ANG EM và SOTHA II cướp ngôi.

Năm 1730, một người Lào tị nạn tự xưng là tiên tri xúi dục một nhóm người Miên cưỡng tía hạ sát tất cả Việt-Kiêu nào chúng bắt gặp trong vùng Banam. Quốc Vương SOTHA II phái quan quân đánh dẹp nhưng không có kết quả. Chúa Nguyễn hay tin, nắm lấy cơ hội cho rằng dễ sắp xếp trật tự, gọi một đạo binh tiến đến Phnom Penh (1). Quốc Vương SOTHA II bỏ kinh thành chạy trốn ở tỉnh SÂNTOUK. Năm 1741, Ngài chịu nhượng cho người bảo hộ mình hai tỉnh ở miền Nam: MÉSA (Mỹ-Tho) và LONG HỜ (Vinh Long).

Năm 1736, một cuộc nội loạn trong Hoàng cung lật đổ Quốc Vương SOTHA II. Nguyên do Ngài nghi Hoàng hậu và mấy người em con chú ám mưu hại Ngài mất ngôi. Ngài định bắt giết. Được mật tin Hoàng hậu và mấy vị Hoàng thân chạy tìm Cựu vương THOMMO RÉACHÉA và nhờ quân Xiêm đánh SOTHA. Một đạo binh từ tỉnh KORAT ở miền Bắc chiếm vùng Angkor, một đạo khác do THOMMO RÉACHÉA chỉ huy đổ bộ ở Kampot. Quốc vương SOTHA II chỉ còn một ngã đường: trốn về Việt-Nam. THOMMO RÉACHÉA làm chủ tình hình, lên ngôi Vua. (2)

Quốc Vương THOMMO RÉACHÉA (1738 - 1748) đóng đô ở KAMPOT, của người con trai trưởng và người em con chú là ANG

(1) Việt-Nam Sử Lược không có ghi biên cô này chỉ có đoạn về năm 1729: ... « Năm Tân Hợi (1729), quân Chân Lạp sang quây ở hạt Gia Định, Chúa Nguyễn bèn đặt Sĩ Điều Khiển để thông nhiệm việc binh ở mạn ấy.»

(2) Về biên cô này, Việt Nam Sử Lược ghi khác ngày tháng: ... « Năm Bính Thìn (1736) NẶC ỜNG YÊM mất, con là NẶC ỜNG THA lên làm Vua. Đến năm Mậu Thìn (1747) NẶC ỜNG THAM lại ở bên Tiêm La về, cử binh đánh đuổi NẶC ỜNG THA đi, rồi chiếm lấy ngôi làm Vua. NẶC ỜNG THA phải bỏ chạy sang Gia. Định.

TONG chiếm miền Tây nước Cao Miên nhờ quân lực của Xiêm. Năm 1738, Quốc Vương THOMMO RÉACHÉA làm lễ đăng quang lần thứ ba. Hoàng thân ANG TONG làm Phụ chính. Quốc vương cố gắng tái lập trật tự trong nước và ngăn ngừa sự xâm chiếm của người Việt-Nam. Trong tỉnh SROK TRÉANG, người Việt nổi dậy. Nhiều cuộc đụng độ quan trọng xảy ra giữa người Việt và người Miên. Nhóm người Việt thua trận chạy trốn trên một cù lao giữa sông MÉ KONG tên là HONG PEAM MISA và đặt cơ cấu cai trị luôn, bất chấp sự phản kháng của Quốc vương Cao Miên. (1).

Quốc vương THOMMO RÉACHÉA không thể lấy lại quyền kiểm soát trực tiếp vùng PEAM, Nguyên vào năm 1735, Mạc Cửu chết, Quốc vương SOTHA II nhân cơ hội đòi lại quyền hành thì người con Mạc Cửu là MẠC THIÊN TỬ cho biết đã chịu lệnh Chúa NGUYỄN MINH VƯƠNG cai trị đất này. Chúa Nguyễn phái quan văn và võ tướng, quân sĩ đến tổ chức cơ cấu hành chính và quân sự. Năm 1739, Quốc vương THOMMO RÉACHÉA thân chinh đánh chiếm vùng PEAM bị Mạc Thiên Tứ đẩy lui. Chúa Nguyễn ban khen họ Mạc và phong chức Đại Tướng.

Năm 1747, Quốc vương ngã bệnh thăng hà. Sau đó nhiều vụ thanh toán gia tăng trong Hoàng tộc.

Vị Thái Tử bảy giờ được 42 tuổi nối ngôi cha, tức là Quốc vương THOMMO RÉACHÉA II (đệ nhị) (1747). Sau khi tức vị, Ngài bị người em tên ANG HING ám sát chết. Triều đình bắt khẩn trước hành động vô nhân đạo này không đồng ý cử kẻ giết anh lên ngôi và chọn một người em khác của nhà Vua xấu số tên ANG TONG.

Quốc vương ANG TONG lên ngôi lần thứ nhất, trị vì đến năm 1749.

Năm 1748, Cựu vương SOTHA II tị nạn ở Việt-Nam 10 năm trước, chỉ huy một đạo binh người Việt tấn công Cao Miên, chiếm thủ đô

(1) Việt Nam Sử Lược không ghi rõ.

OU Dong. SOTHA II ngự trong Hoàng cung, Quốc vương ANG TONG và vài vị Hoàng thân tin cần chạy trốn ở Xiêm. Bấy giờ các Tướng lãnh Việt-Nam dưới sự che chở của SOTHA II, cầm quyền trong Triều, ấn định các sắc thuế, đề cử và thay đổi các quan Chủ Tỉnh, áp dụng đường lối cai trị của Triều đình Huế.

Một vị quan đại thần Cao Miên, phụ trách về chuyên vận, tên OK không bằng lòng, bèn võ trang nông dân trong tỉnh PURSAT kéo về thủ đô đánh đuổi SOTHA II và quân Việt-Nam khỏi lãnh thổ. OK tái lập trật tự, đoạn tôn vị Hoàng tử con Vua CHEY CHETTA II lên ngôi. Ông không mời Quốc vương ANG TONG về nước vì Ông trách nhà Vua không chống cự đối phương vội bỏ thành chạy trốn. (1)

Vị Hoàng tử lên ngôi là CHEY CHETTA V (đệ ngũ) (1749-1755). Suốt 7 năm ở ngôi, Ngài phải luôn luôn dàn xếp hoặc phá vỡ những cuộc mưu toan ám hại Ngài do những vị Hoàng thân trong gia đình Ngài. Ngoài ra, Ngài còn phải ngăn ngừa những cuộc thanh toán giữa những vị Hoàng thân con cháu Vua Thommo Réachéa và Ang Em.

Năm 1755, Ngài thăng hà. ANG TONG lại lên ngôi.

Quốc vương ANG TONG lên ngôi lần thứ nhì (1755-1757). Triều đại của Ngài còn thảm hại hơn trước rất nhiều. Những sự xung đột trong Hoàng cung gia tăng đến mức khủng khiếp chưa bao giờ có từ xưa đến nay.

Hoàng thân OUTEY cháu nội của Ngài bắt Hoàng thân ANG HING (2) và người em là ANG DUONG đang tu trong chùa đem đi cắt cổ. Outey lại giết bà vợ của ANG HING và đưa con lớn, lại ra lệnh

(1) Về việc này, Việt-Nam Sử Lược ghi: "... Được ít lâu, NẶC ONG THAM mất, con là NẶC ĐỒN, NẶC HIÊN và NẶC YEM tranh nhau Chúa Nguyễn bèn sai quan Điều Khiển là Nguyễn-hữu-Doãn đem quân sang đánh bọn NẶC ĐỒN và đem NẶC ONG THA về nước.

(2) Người đã ám sát Quốc vương THOMMO RÉACHÉA II trong năm 1747.

bắt hai đứa cháu nội của Quốc vương Thommo Réachéa II nhốt trong cũi sắt. Đứa nhỏ bị giết chết, còn đứa lớn tên ANG NON nhờ một viên quan cứu thoát trong lúc giải về OUDONG rồi cùng chạy trốn ở Xiêm.

Bên này, người Việt-Nam gây rối trong những vùng thuộc miền Nam Cao Miên, giữa nhánh sông Mékong về phía Tây, vùng Hà-Tiên và Cao nguyên BAC LIM (?). Các tay gián điệp xúi dục dân chúng ở tỉnh TREANG, BANTAY MEAS, BATI, PREY KRABAS nổi loạn. Quốc vương ANG TONG bị áp lực của người Việt phải nhượng tỉnh PHSAR DEK (Sadec) vào năm 1757 và hai thị trấn thuộc tỉnh LONG HOR (Vinh-Long) và tỉnh MEAT CHROUK (Châu đóc). (1)

(1) Việt-Nam Sử Lược ghi: "... NẶC ONG THA về được mấy tháng lại bị người con thứ hai của NẶC ONG THAM là NẶC NGUYỄN đem quân Tiêm La sang đánh đuổi đi. NẶC Ong Thà chạy sang chèo ở Gia-Định. NẶC NGUYỄN về làm Vua Chân Lạp thường hay hà hiếp rợ CÔN MAN, (người Chiêm Thành di cư ở Cao Miên) và lại thông sứ với Chúa Trịnh ở ngoài Bắc để lập mưu đánh Chúa Nguyễn Chúa Nguyễn biết tình ý ấy, đến năm Quý Dậu (1753) sai Nguyễn Cư-Trình sang đánh NẶC NGUYỄN. Năm Ất Hợi (1755), NẶC Nguyễn thua bỏ thành Nam Vang chạy sang Hà-Tiên nhờ Mạc Thiên Tứ. Năm sau (1756) Mạc Thiên Tứ dâng thư về nói rằng Nguyễn xin dâng hai phủ TẮM BỒN và LÔI LAP để chuộc tội, và xin cho về nước, Chúa Nguyễn không muốn cho. Bấy giờ ông Nguyễn cư Trình dâng sớ bày tỏ cách khai thác nên dùng kế « tâm thực » nghĩa là nên lấy dần dần như con tằm ăn lá, thì mới chắc chắn được. Chúa Nguyễn nghe lời ấy bèn nhận hai phủ và cho NẶC NGUYỄN về Chân Lạp. Năm Đinh Sửu (1759), NẶC Nguyễn mất, chú họ là NẶC NHUẬN làm giám đốc. NẶC Nhuận còn đang lo để xin Chúa Nguyễn phong làm Vua thì bị người con rể là NẶC HINH giết đi, rồi cướp lấy ngôi Vua, quan Tổng Suất là Trương phúc Du thừa thế sang đánh. NẶC HINH thua chạy bị thuộc hạ giết chết, bây giờ con NẶC Nhuận là NẶC TÔN chạy sang nhờ Mạc Thiên Tứ ở Hà Tiên. Mạc Thiên Tứ dâng thư về xin lập NẶC TÔN làm Vua Chân Lạp. Chúa Nguyễn thuận cho, sai Thiên Tứ đem NẶC Tôn về nước. NẶC TÔN dâng đất TẮM PHONG LONG để tạ ơn Chúa Nguyễn. Chúa bèn sai Ông Trương-phúc-Du và Nguyễn-cư-Trình đem dinh LONG HỒ về xứ TẮM BÀO, tức là chỗ tỉnh lý, tỉnh Vinh Long bây giờ, và lại đặt ra ba đạo là ĐÔNG KHÁU ĐẠO ở Sadec, TÁN CHAU ĐẠO ở Tiền Giang và CHÁU ĐỐC ĐẠO ở Hậu. Giang NẶC TÔN lại dâng 5 phủ là Hương Úc, Cán Bột, Trục-Sâm, Sài-Mạt và Linh Quỳnh để tạ ơn Mạc Thiên Tứ. Mạc Thiên Tứ đem những đất ấy dâng Chúa Nguyễn. Chúa cho thuộc về trấn Hà-Tiên cai quản vậy, đất ở 6 tỉnh Nam Việt bây giờ là đất của Chân Lạp mà người Việt-Nam khai thác ra.



Thêm một nỗi khổ nữa, Quốc vương bị Hoàng thân OUTEY nổi dậy chống Ngai. Không thể đương đầu, Ngai phải rời cung OUDONG chạy trốn ở PURSAT. Khi vừa đến nơi, Ngai chẳng há vì quá đau buồn, hưởng thọ 65 tuổi.

Quốc Vương OUTEY (đệ nhị) (1758-1775) vừa tức vị đã lập tức nhờ Chúa Nguyễn bảo hộ và đề tỏ lòng biết ơn, Ngai nhượng hẳn hai tỉnh SROK TRÉANG (Sóc Trăng) và PRÉAH TRAPEANG (Trà Vinh). Lúc ấy toàn thể miền Nam Việt-Nam ngày nay bị tách khỏi lãnh thổ Cao Miên. Quốc vương là người có nhiều tham vọng và cương quyết.

Bây giờ ở đất Xiêm có một người lai Trung Hoa tên TAK SIN (1) nổi loạn chiếm thủ đô AYUTHYA, hạ sát Vua Xiêm và đoạt ngôi. TAK đóng đô ở BANGKOK và từ đó trở thành thủ đô nước Xiêm đến ngày nay. Ngai buộc Quốc vương OUTEY II phải nhìn nhận Ngai và nộp cống lễ như trước. Nhưng Vua Cao Miên từ chối, cho rằng Ngai không phải là dòng dõi Hoàng tộc Xiêm. Ngai bèn dựng Hoàng thân ANG NON lên làm địch thủ của Quốc vương OUTEY II. Năm 1769, Ngai xua quân tấn công Cao Miên lấy danh nghĩa là đưa ANG NON về nước, nhưng bị đánh lui. Năm sau, 1770, Ngai đưa hai đạo binh, một từ phía Bắc tràn xuống chiếm ANGKOR, BATTAMBANG và PURSAT, một do chính TAK SIN và ANG NON do bộ ở Hà Tiên đẩy lui cuộc phản kích của Mạc Thiên Tứ tiến đến PHNOM PENH sau 6 ngày đường. Thủ đô OUDONG bị kẹp giữa như nằm trên đé, Quốc vương OUTEY II và Triều thần theo đường thủy tẩu thoát.

Bây giờ Trương-phúc-Loan, Phụ chính giúp Chúa Nguyễn Định Vương mới được 12 tuổi, đem quân giúp Quốc vương Outey II. Quân Việt-Nam đánh bại quân Xiêm buộc chúng rút một mặt theo ngã Hà-Tiên,

(1) Theo « HÀ TIÊN MẠC THỊ SỬ », ông ĐÔNG HỒ viết: người Trung Hoa tên TRINH YẾN chiêu mộ hơn vạn quân nổi loạn. Việc chưa thành thì bị bệnh chết, con là TRINH TÀN nối nghiệp cha, xưng làm Vua XIÊM. Có nơi gọi là TRINH QUỐC ANH. Sự việc xảy vào năm 1764.

một mặt theo ngã Battambang. Hoàng thân ANG NON không theo qua Xiêm, ở lại trong vùng KAMPOI với 500 binh sĩ Xiêm. Chúa Nguyễn đặt nền bảo hộ ở Cao Miên. Để trả ơn sự can thiệp này thay vì nộp lễ cống như thường lệ, Quốc vương Outey II phải nhận một viên quan Việt-Nam ở tại Triều coi sóc việc trị dân, (1) tên là LAO HO.

Nạn ngoại xâm đã dứt, nhưng nội loạn vẫn còn. Hoàng thân ANG NON ở Kampot chiêu mộ dân chúng trong các tỉnh gần đó lập thành đội ngũ. Bây giờ trong nhiều vùng, các vị Tỉnh Trưởng có tinh thần quốc gia không chịu thuận phục Quốc vương Outey II dưới sự bảo hộ của Việt-Nam và Hoàng thân Ang Non mà họ cho là một kẻ phiến loạn, tay sai của Vua Xiêm. Nạn nghèo đói lan tràn khắp nơi, dân chúng bỏ nhà, bỏ đất đi mất. Ruộng rẫy không người cấy vì nông dân trốn biệt trong rừng để tránh nạn bắt đi làm lính. Trong các tỉnh Pursat và Battambang, chỉ có người già yếu và trẻ con vì lúc rút lui, quân Xiêm đã bắt hết đàn ông và đàn bà còn mạnh khỏe. Bệnh dịch tả và đậu mùa lại nổi lên phụ họa thêm.

Năm 1775, trước cảnh tang thương của nước nhà và sự đau khổ của thần dân, Quốc vương Outey II không thể cầm lòng được bèn thoái vị nhường ngôi cho Hoàng thân ANG NON.

Hoàng thân ANG NON tự mình làm lễ đăng quang, tức là Quốc vương ANG NON II (đệ nhị) (1775-1779). Trong 4 năm Ngai ở ngôi, nước Cao Miên chìm ngập trong khói lửa và kết thúc bằng một cuộc nổi loạn. Vương quyền thoát khỏi sự đô hộ của người Việt, lại mang ách thống trị của người Xiêm. Nhà Vua rất ghét người Việt đến nỗi có lần Ngai nghĩ sẽ tàn sát tất cả Việt Kiều trên đất Miên. Và lại Ngai không có gì phải sợ nữa vì từ năm 1774 quân Tây Sơn chiếm Huế đuổi Chúa Nguyễn chạy vào miền Nam và bắt giết vào năm 1777. Viên Tổng trấn ở Saigon chạy lên Cao Miên xin tị nạn bị Ngai từ chối. Sau

(1) « Việt-Nam Sử Lược » ghi: sự can thiệp của Việt-Nam đúng như sứ Miên, còn viên quan ở triều Cao Miên có lẽ tên HỒ VĂN LẤN.

đó, viên Tổng trấn đánh đuổi được Tây Sơn có ý định trả thù kéo binh đến Phnom Penh bị Ngai đẩy lui. Nhân đó, Ngai bèn xua quân chiếm lại hai tỉnh Mỹ Tho và Vĩnh Long. Nhưng Ngai không thể tiến xa hơn nữa vì trong Triều có cuộc âm mưu hại Ngai do em Ngai là ANG THAN và Cựu vương OUTEY II. Kẻ chủ mưu là viên quan coi về việc chuyên chở tên SREY cùng với ANG THAN và OUTEY bị Ngai bắt xử tử. Bà mẹ của tên SREY tìm cách trả thù nhà Vua. Bà có 4 người con trai đều làm Tỉnh Trưởng; bà gọi 3 người giả vờ đem quân theo người Xiêm đánh nước Lào là một quốc gia bạn của Cao Miên từ khi mới dựng nước, để bắt thỉnh linh kéo về tấn công thủ đô.

Quốc vương ANG NON II lại phạm một điều lầm lỗi là giao quyền trừng phạt kẻ phản bội cho người em thứ tư của chúng tên MU, Tỉnh trưởng tỉnh TREANG. (1) Tên này liên kết với ba người anh, thỏa thuận với người Việt-Nam nhờ làm hậu thuẫn, bắt 4 người con của nhà Vua đem giết chết. Quốc vương ANG NON II chạy trốn giữa đồng ruộng với vài người thân tín không khí giới, không lương thực bị tên MU bắt đem về OUDONG. Tháng tám năm 1779, MU nhận nước nhà Vua chết dưới cái ao trước cửa Bắc Hoàng thành.

MU tự phong làm Đại thần đệ nhất phẩm. Ông chọn Hoàng Tử ANG ENG (1779-1796) con Tiên vương OUTEY II tôn lên ngôi. Bấy giờ ANG ENG mới được 6 tuổi, việc triều chính đều do ông quyết đoán, hợp với hai viên quan khác tên BÊN và SÛR.

Vua Xiêm nhân cơ hội này khởi binh can thiệp, đưa ba đạo quân tiến vào đất Miên. Nhưng năm 1780, Vua TAK SIN nổi dậy, Triều thần phải nhốt trong chùa. Viên Đại thần người Xiêm tên SÊK đang cầm quân đánh Cao Miên hay tin, hối hả trở về lật đổ và tự xưng làm Vua. (2) Ngày 2-4-1782, Tân vương xử tử Tak Sin và các con. Nước Miên được tạm thời yên ổn.

(1) Có thuyết cho là tỉnh KOMPONG SVAY.

(2) Tức là Quốc Vương RAMA I (đệ nhất) 1782-1809.

Tháng 6 năm 1782, hai viên Đại thần MU và SÛR nghịch lẫn nhau. SÛR kết liên với viên quan tên BÊN vừa ở Xiêm được triệu về, cả hai kéo quân chiếm thủ đô OUDONG, bắt MU chém đầu. BÊN làm quan lớn nhất, cầm quyền trong nước, SÛR đâm ghen ghét, cầm quân đánh lại bạn. BÊN cho người ám sát SÛR chết. Dù SÛR bị hại, nhưng binh sĩ vẫn tấn công BÊN khiến ông phải dạt vị Quốc Vương tí hon chạy qua Xiêm lánh thân.

Năm 1794, BÊN xin Vua Xiêm (RAMA I) phong vương cho ANG ENG và chịu thần phục nước Xiêm để xin được che chở. Đoạn ông đưa vị Quốc vương về OUDONG bằng một đạo binh người Xiêm do ông chỉ huy. BÊN được Vua Xiêm phong chức Tỉnh Trưởng Battambang và Angkor với điều kiện mình bạch là mấy tỉnh này thuộc quyền nước Xiêm và nhận lệnh của Vua Xiêm. Quốc vương ANG ENG bất lực không thể chống báng nổi. Ngoài ra Vua Xiêm còn chiếm luôn vùng Mongkol Borei, Sisophon và Korat. (1) BÊN còn bắt dân Miên làm phu dịch cho người XIÊM. Năm 1792, ông đưa qua Xiêm 10.000 dân Miên để đào một con kênh ở Bangkok; những người còn sống sau công tác này ở lại thủ đô Xiêm lập thành một xóm người Miên gọi là « Xóm Mười Ngàn ».

Tháng 8 năm 1796, Quốc Vương ANG ENG nhuốm bệnh thặng hà, hưởng thọ 24 tuổi. Người con trưởng là Thái Tử ANG CHAN mới lên 4 tuổi đang ở bên Xiêm. Hoàng tộc Cao Miên đã bị tiêu diệt gần hết sạch.

Quốc vương ANG CHAN (1796-1834) được làm lễ đăng quang 10 năm sau khi Tiên Vương ANG ENG thặng hà. Trong khoảng thời gian ấy, một viên quan Cao Miên tên POC tạm coi việc Triều chính. Nguyên do Vua Xiêm không chấp thuận việc lựa chọn một ông Vua khác để tránh việc rắc rối có thể gây chuyện không hay cho sự bảo hộ của mình, mới giao cho POC lãnh trách nhiệm Phụ chính. POC quả là một

(1) Các tỉnh này bị Xiêm chiếm đến năm 1907 mới giao hoàn lại Cao Miên.

công bộc trung thành của Vua Xiêm. Năm (1798), Ông bắt một đạo quân Cao Miên nhập vào đoàn quân Xiêm chống trả cuộc tấn công của người Miên Điện. (1)

Năm 1800, theo lệnh Vua Xiêm, POC gọi một đạo quân Miên giúp Nguyễn Ánh đánh Tây Sơn để chiếm lại thành Huế. Nhiều binh sĩ không chịu giúp một người Việt đánh một người Việt bị POC ra lệnh xử tử. Thắng trận này, Nguyễn Ánh lên ngôi tức là Vua Gia - Long, gọi trả lại Cao Miên hai khẩu súng đồng để cảm ơn.

Năm 1806, POC từ trần, ANG CHAN được 15 tuổi, Vua Xiêm làm lễ dâng quang ở Bangkok trước hiệu là ANG CHAN II (đệ nhị) và gả con gái của ông quan tên BÊN cho Ngài. Nước Việt-Nam nhận Tân vương khi Cao Miên chịu xưng thần với Triều đình Huế, ba năm cống tiến một lần.

Vừa trở về Cao Miên, nhà Vua lại tranh chấp với các em của Ngài tên ANG SUGUON, ANG DUONG và ANG EM mà Vua Xiêm đã phong chức gia trưởng các Hoàng tộc Cao Miên. Ngài bèn nhờ Vua Gia Long và được gọi 500 binh sĩ Việt. Vua Xiêm không muốn một nhà hai chủ xua hai đạo quân một theo ngã Battambang, một theo ngã Kompong Svay và Stung Treng tiến đến thủ đô OUDONG. Sau hai trận chiến trên bộ và trên sông, Quốc vương ANG CHAN thua chạy xuống Saigon. Hoàng đế ANG SUGUON không dám lên ngôi. (2) ANG DUONG và ANG EM lập một Chánh phủ lâm thời gồm phần nửa quan lại người Xiêm và phần nửa quan lại người Miên; đoạn cả ba trở qua Xiêm vào tháng 7 năm 1811.

(1) Trong trận này những tù binh Miên bị giải về Cao Miên được ở vùng PAILIN, hiện thời dòng dõi của họ vẫn còn ở đây làm nghề mài đá quý.

(2) Hoàng đế ANG SUGUON từ trần ở Xiêm vào năm 1813 Bangkok.

Ngày 14-5-1813, Quốc Vương ANG CHAN II trở về OUDONG với một đạo binh Việt và Miên. (1)

Vua Xiêm chấp thuận việc này bằng cách buộc Vua Miên giao hết cho mình vùng đất giữa dãy núi Dangrek và vùng PROHM TEP, các tỉnh MLOU PREI và TONLÉ REPOU cùng STUNG TRENG. Nước Cao Miên không còn biên giới sát đất Lào nữa.

Về phía Việt-Nam, sự phản ứng có vẻ mãnh liệt hơn vì Quốc vương ANG CHAN chịu thần phục Xiêm thái quá. Vua Gia-Long ban cho viên Tổng Trấn ở Saigon được quyền về quân sự và dân sự trên

(1) Việt Nam Sử Lược ghi: ... « Năm Bính Thìn (1796) NẶC ÔNG AN mất, truyền ngôi lại cho con là NẶC ÔNG CHÂN. Vua Tiêm la sai Sứ sang phong, như thế là Vua Chân Lạp phải thần phục Vua Tiêm La. Đến năm Đinh Mão (1807), NẶC ÔNG CHÂN lại bỏ Tiêm La mà xin về thần phục Vua Việt-Nam ta, theo lệ công tiến, cứ ba năm một lần. Đồ cống vật là: Voi đực cao 5 thước 2 cùn, sừng tê giác 2 chiếc, ngà voi 2 cái, hạt sa nhân 50 cân, đậu khấu 50 cân, hoàng lap 50 cân, cánh kiến 50 cân, sơn đen 20 lạng. NẶC ÔNG CHÂN có ba người em là NẶC ÔNG NGUYỄN, NẶC ÔNG LEM, NẶC ÔNG ĐÓN muốn tranh quyền của anh sang cầu cứu nước Tiêm La. Tiêm La bắt NẶC ÔNG CHÂN phải chia đất cho các em. NẶC ÔNG Chấn không chịu, quân Tiêm La bèn sang đánh thành La Bích. NẶC ÔNG CHÂN chạy sang Tân Châu rồi dâng biểu cầu cứu. Quan Tổng Trấn Gia Định thành bấy giờ là NGUYỄN VĂN NHÂN đem việc ấy tâu về Triều đình. Năm Tân Mùi (1811), Vua Thê Tô (Gia-Long) cho Sứ đưa thư sang trách nước Tiêm La sinh sự. Năm sau, Vua Tiêm La sai Sứ sang phúc thư lại rằng: « Việc ấy là muốn giảng hòa cho anh em NẶC ÔNG Chấn chứ không có ý gì cả. Vậy xin để Việt-Nam xử trí thế nào, Tiêm La cũng xin thuận. » Qua năm Quý Dậu (1813) Vua Thê Tô sai quan Tổng Trấn Gia Định thành là LÊ VĂN DUYỆT đem hơn 10.000 quân, hội đồng với Sứ nước Tiêm La, đưa NẶC ÔNG CHÂN về nước. Nước Tiêm La tuy không dám kháng cự, nhưng vẫn lưu quân ở lại giữ tỉnh Battambang nói rằng để đất ấy phong cho các em NẶC ÔNG CHÂN. Lê-văn-Duyệt mới viết thư sang trách nước Tiêm La về điều ấy, quân Tiêm mới rút về. Lê-văn-Duyệt dâng sớ xin xây thành Nam Vang (Phnom Penh) và thành La-Lem. Khi những thành này xây xong, thì Vua Thê Tô sai Nguyễn-văn-Thụy đem 1.000 quân ở lại bảo hộ nước Chân Lạp. Từ đó quyền bảo hộ Chân Lạp lại về nước ta.

khắp nước Miên. Nhà Vua bắt buộc nhiều ngàn dân Miên làm xâu đào một con kinh dài 53 cây số từ Hậu giang đến vịnh Thái-Lan, tên là kinh Hà Tiên. Công tác này bắt đầu từ năm 1815 đến 1820 đã làm hao hết một số người. Nước Việt-Nam cắt hẳn phần đất bờ phía Nam con kinh coi đó là ranh giới (1).

Năm 1818, một số Việt Kiều bị dân Miên giết trong tỉnh BAPHNOM, các tướng lãnh Việt Nam đóng ở Cao Miên, được sự thỏa thuận của nhà Vua, đến nơi can thiệp để tái lập trật tự.

Năm 1830, một viên quan trong Triều nội loạn gây thành cuộc can thiệp mới của người Xiêm. Quân đội Cao Miên thất trận. Quốc Vương ANG CHAN II rời khỏi lãnh thổ. Hai vị Hoàng đệ ANG EM và ANG DUONG vào thú - đồ với Tướng Xiêm tên BODIN, rồi thừa thắng kéo đến Châu Đốc. Tại đây, quân Xiêm bị quân Việt Nam đánh tan rã phải rút về nước. Quân Việt Nam đưa nhà Vua trở về Oudong.

Năm 1834, Ngai đau kiết, thăng hà. Bảy giờ Cao Miên hoàn toàn nhờ Việt-Nam bảo hộ.

Theo lệnh của Vua MINH MẠNG (1820-1840) hai vị Hoàng đệ ANG EM và ANG DUONG không được nối ngôi vì thân người Xiêm, cả đến người con trưởng của nhà Vua quá cố cũng không được chọn vì Hoàng hậu là con gái của viên quan tên BÊN là người thân Xiêm. Vua Việt-Nam cử Công chúa ANG MEY (1834-1841) là con giong thứ lên ngôi. Quyết định này không được thông báo cho Vua Xiêm biết.

Nữ Vương ANG MEY được 20 tuổi, bị các Tướng lãnh Việt-Nam cầm giữ trong Hoàng cung một cách khắt khe khiến Ngai bực tức muốn phát điên. Việc Triều chính đều do các Tướng lãnh và quan lại

(1) Đây là kinh VĨNH TỀ ở Châu Đốc. Theo sử nước ta thì Vua Cao Miên hợp tác với ta vào công cuộc đào kinh chứ không phải bị bắt buộc.

Việt-Nam điều khiển, thay đổi tất cả hệ thống hành chính Cao Miên, phong tục, ngôn ngữ và tín ngưỡng của người Miên. Theo lệnh của Vua Minh Mạng, quyền cai trị tối cao thuộc về ba viên quan Việt-Nam dưới sự chỉ huy của một vị Tướng lãnh. Tổng số tỉnh trong nước là 56 bị giảm xuống còn 33 và mang tên Việt. Ở mỗi tỉnh có một quan Việt bên cạnh vị Tỉnh Trưởng Miên để kiểm soát. Tất cả quan lại Miên phải mặc sắc phục Việt và bới đầu tóc. Quân đội được tổ chức lại thành một toán địa phương quân đặt dưới quyền một vị Tổng Thanh tra Việt-Nam. Nữ vương ANG MEY cũng bị mất vương hiệu, chỉ được gọi là: « THỦ LÃNH ĐẤT MY-LÂM ». Người Việt dùng chữ Việt trong nền hành chính, ngược đãi Sư Sãi nào bị tình nghi có tinh thần quốc gia, đốn các cổ thụ lịch thiêng, phá chùa, lật đổ tượng Phật.

Năm 1840, vị Tướng lãnh chỉ huy cuộc bảo hộ muốn loại hẳn ảnh hưởng của các vị Hoàng đệ ANG EM và ANG DUONG đang ở Xiêm, mới lập mưu cho người nói riêng với ANG EM nên về Cao Miên để nối ngôi Nữ vương ANG MEY vì không đủ khả năng trị nước, ngoài ra lại còn vu khống ANG DUONG âm mưu hại ANG EM. Hoàng đệ ANG EM tin thật, tố cáo với Vua Xiêm rồi trở về nước. Vị Tướng Việt-Nam bắt Hoàng đệ nhốt trong cái cũi sắt giải về Saigon, đoạn đem thăng về Huế. Tại đây, Hoàng đệ từ trần vào năm 1843.

Năm 1841, vị Tướng này bắt các quan Miên thân Xiêm giải về Huế, và đưa Nữ vương cùng cô em là Công chúa ANG POU (đã được đề cử làm Phó Vương) về Saigon. Công chúa lớn tên ANG PEN cháu ngoại của quan BÊN, 32 tuổi nổi tiếng ghét người Việt bị bắt đem về Vinh Long và nhận nước chết vào năm 1842. Từ năm 1841 đến năm 1845 ngôi Vua Cao Miên không có người, nước Cao Miên bị sáp nhập vào Việt-Nam việc Triều chính hoàn toàn do Tướng TRƯƠNG MINH GIANG quyết đoán.

Tất cả hành động của người Việt-Nam làm phật ý giới Sư Sãi và dân Miên. Năm 1845, toàn dân quá phần uất đứng lên chống đối chế độ cai trị mới của Tướng Trương Minh Giảng như kiểm tra dân số, đo đạc đất ruộng. Nhiều cuộc ám sát cá nhân hay tập thể gia tăng trong các giới người Việt. Tỉnh trưởng Pursat kêu gọi dân chúng yêu cầu người Xiêm giúp đỡ và đưa Hoàng đế ANG DUONG về cầm quyền (1845-1859). Vua Xiêm (1) sai viên Tướng già BODIN cầm quân cùng ANG DUONG đánh quân Việt-Nam. Nhờ các phần tử khởi nghĩa dẫn đường, quân Xiêm giải thoát các tỉnh miền Tây, đến PURSAT và vào thủ đô OUDONG. Hoàng đế ANG DUONG tức vị lên ngôi. Bây giờ quân Việt chiếm các tỉnh miền Đông. Quốc vương ANG DUONG nhờ Tướng Xiêm bố phòng xung quanh thị trấn Phnom Penh. Quân Việt bèn tấn công chiếm thị trấn, rồi tiến đến LOVEK. Nơi đây quân Việt thất trận bị thiệt hại nặng nề. Tháng 12 năm 1845, Quốc vương ANG DUONG đề nghị ngưng chiến nhưng viên Tướng Việt-Nam kiêu căng từ khước. Quân Việt đánh vào thủ đô Oudong không phá nổi thành. Viên Tướng Việt xin điều đình. Bây giờ Quốc vương ANG DUONG chấp thuận.

Thỏa ước ký kết vào năm 1846, Triều Đình Huế nhìn nhận Quốc vương ANG DUONG trị vì Cao Miên, cũng như Vua Xiêm. Các vị Hoàng thân, Công chúa như Nữ vương ANG MEY, Công chúa ANG POU và các vị Hoàng thân, quan lại bị giữ ở Huế và Saigon sẽ được về Cao Miên đổi các tù binh Việt-Nam. Các tỉnh bị Xiêm chiếm từ 50 năm nay thuộc về Xiêm; nước Việt-Nam chiếm hẳn miền Nam và địa danh tỉnh, thành phố theo Miên được thay bằng tiếng Việt. Cây grom vàng và cây giáo tượng trưng cho vương quyền Cao Miên bị người Việt lấy được trả lại cho Quốc vương ANG DUONG để trong Hoàng cung ở

(1) RAMA III (P'RA-NANG-KLĀO) 1824 - 1851.

Oudong. Bây giờ, Quốc vương ANG DUONG mới làm lễ đăng quang trước các Tướng lãnh đại diện Vua Việt-Nam và Vua Xiêm. Sau đó, các Tướng lãnh, quan lại và binh sĩ Việt-Nam rút khỏi Cao Miên. (1)

( ) « VIỆT NAM SỬ LƯỢC » ghi : « . . . Ở nước Chân Lạp thì từ khi quan quân phá được giặc Tiêm rồi, Tướng quân là Trương-minh-Giảng và Tham tán là Lê-dại-Cương lập đồn An Nam ở gần Nam Vang để bảo hộ Chân Lạp. Cuối năm Giáp Ngọ (1834), Vua nước Chân Lạp là NẶC ỜNG CHÂN mất không có trai, quyền cai trị trong nước về cả mấy người Phiên liêu là bọn Trà-Long và La-Kiên. Những người này đều là người Chân Lạp mà lại nhận-quan chức Việt-Nam. Đến năm Ất Vĩ (1835), Trương-minh-Giảng xin lập người con của NẶc-Ờng-Chân tên là ANG MEY lên làm Quận chúa, gọi là NGỌC VĂN CÔNG CHÚA rồi dời nước Chân Lạp ra làm Trấn Tây Thành chia ra làm 32 phủ và 2 Huyện, đặt một Tướng quân, một Tham Tán đại thần, một Đề Đốc, một Hiệp táu và 4 Chánh, Phó Lãnh binh để coi mọi việc quân dân. Ở các chỗ yếu hại, lại đặt chức Tuyên Phủ, An Phủ để phòng ngự. Năm Canh 71 (1840), nhà Vua sai Lê-văn-Đức làm Khâm sai Đại thần, Doãn Uẩn làm phó và cùng với Trương-minh-Giảng để kinh lý mọi việc ở Trấn Tây Thành, khám xét việc buôn bán, đo ruộng đất, định thuế đinh, thuế thuyền bè buôn bán dưới sông. Nhưng vì quan lại Việt-Nam ta sang làm nhiều điều trái lẽ, nhưng nhiều dân sự, lại bắt Ngọc-Văn Quận Chúa đem về ở Gia-Định, bắt bọn Trà-Long và La-Kiên đày ra Bắc Kỳ, dân Chân Lạp ai cũng oán giận, chỗ nào cũng có giặc giả nổi lên đánh phá. Lại có em NẶc Ờng Chân là NẶc-Ờng-Đôn khởi nghĩa, có người Tiêm La giúp đỡ, thành ra quan quân đánh mãi không được. Về sau đến khi Vua Thánh Tô mất rồi, quan quân phải bỏ thình Trăn Tây mà rút về An-Giang ».

PHAN - DU

## giác mộng « kinh sư » dưới mái chùa « linh mục »

(xin đọc V. H. N. S. từ Số 3 & 4, Tháng 11 & 12, 1967)

Công cuộc tu-trúc *Thiên-mụ-tự* dưới thời *Minh-vương Nguyễn-Phước-Châu* sở dĩ đạt tới cái tầm quan-trọng như vậy, ngoài lý-do đã nói trên, còn có một lý-do khác nữa bắt nguồn từ việc thiên-di trị sở. Vào năm 1712, mặc dù đã có cái bề-thể và khí-tượng của một Thủ-phủ và tuy hội đủ những yếu-tố « *giai-thắng* » về địa-lý, Phú-xuân vẫn không giữ vững được cái địa-vị trọng yếu mà *Ngãi-vương Nguyễn-Phước-Trần* đã dành cho nó. Đến đây nó phải nhường cái vinh-dự này lại cho xã *Bát-vọng* ở huyện *Quảng-diền*. Dời trị-sở, nhưng vốn sùng mộ giáo-lý Phật-đà, lại nặng tình với ngôi cổ-tự ở vùng *Hà-khê*, vị chân-chủ từng mang pháp-danh là *Hưng-long* (158) và thường xưng là « *Quốc-chủ Thiền-túng đạo-nhân* » (159) đã chọn cảnh thiên-quan có nhiều liên-hệ mẫu-nhiệm với đại-nghiệp của dòng họ mình làm nơi đi-đứng tinh-thần, tìm những giây phút siêu-thoát trong hương thơm, sắc đẹp của án Phật, hoa đàm cùng cái cảnh-trí thơ mộng nơi này. Việc xây cất *Điền-đài* chứng tỏ *Quốc-chúa* thường lui tới *Thiên-mụ-tự* (160), và vườn *Côn-gia* nhờ đó mà có được cái cảnh-sắc nguy-nga, tráng-lệ đề, sau này, khi lâm vào cái thế điều-tàn, đổ nát theo với cảnh ngửa-nghiêng của đại-nghiệp họ Nguyễn vì cái họa xâm tấp của quân nhà *Trịnh* và quân *Tây-sơn*, khiến cho du-khách, mỗi khi viếng thăm chùa cũ, đối cảnh sinh tình, mới sầu hoài cảm thêm triu nặng và có người đã vì tiếc rẻ mà thốt nên câu :

*Nguyễn-gia thất thế bài không tại,*

*Tăng-xá thiên gian ngoả bán linh. (161)*

Nhưng đó là chuyện về sau, cái họa khuyh-đảo còn những trên nửa thế-kỷ về sau mới xảy ra cho dòng họ chân-chủ phương Nam, chứ ngay lúc bấy giờ thì cái thế thăng-hóa *Thiên-mụ-tự* vẫn còn nương theo vận-hội long-hưng của đại-nghiệp Nguyễn-chúa, như điều nương theo gió. Sau ngày hoàn-tất công cuộc đại-trùng-tu này, *Thiên-mụ-tự* lại được Quốc-chúa trang-bị cho hàng ngàn pho Kinh mua tậu Trung-quốc. Quốc-chúa còn cho dựng một tấm thạch-bì cao những sáu thước rưỡi, rộng ba thước, nằm trên lưng một linh-quì bằng cẩm-thạch dài năm thước, rộng ba thước rưỡi, cao một thước bảy tấc năm phân (162). Nội-dung của bì văn đã nói lên cái chủ-ý của Quốc-chúa, vị chân-chủ muốn lấy nghiệp tu để gầy nghiệp-bá, coi đời sống vương-giả ở cung điện không thoải mái bằng đời sống ở thiên-quan, ngựa thăng yên cương nạm vàng giác ngọc không qui bằng một chiếc gậy *Kim-cang*, cầm y hoàng bào rực-rỡ thường làm cho mắt thế-nhân không giá-trị bằng chiếc áo cà-sa, và những kho ngọc vàng châu báu xét cho cùng chỉ là những trò hư-áo » (163), nhân đó mà phát-khởi cái ý-nguyện xây cất một ngôi Phật-tự, rồi do cái ý-nguyện này đã đi tới quyết-định công cuộc đại-trùng-tu *Thiên-mụ-tự* vốn đã tọa-lạc giữa một đồng ruộng đẹp tự thâm thù lại được bọc quanh bởi những dãy núi trông xinh như rừng bay phượng múa. (164).

Cảnh thịnh - đạt của Phú - xuân dưới thời

Võ - vương Nguyễn - Phước - Khoát

Trong lúc *Thiên-mụ-tự* được hưởng-thụ đời-đào-ân-sủng, thì Phú-xuân, kể từ năm 1712, phải lâm vào cái số-phận hãm-hưu như *Kim-long* thuở trước. Từ cái cương-vị một Thủ-phủ rạng vẻ phần-vinh, đồ-hội, nó phải thềm lặng rút lui vào cái tư-thế khiêm nhường của những lộc-dã, hoa thôn. Đã có lúc cuộc đất quí này đâm ra nghi ngờ cả những yếu-tố « *giai-thắng* », mà các tay phong-thủy tài-danh từng gán vào cho nó. Phải chăng cái vị-trí nó cung-hiến cho Thủ-phủ chưa xứng và chưa đúng với diêm-kết cạc của long mạch ở gò *Hà-khê* để bảo-đảm sự củng-cố và trường-cửu của đại-nghiệp ? Phải chăng Quốc-chúa đã bị ám-ảnh, ngay từ ngày kế thừa nghiệp lớn, về sự thăng-hà quá vội của *Anh-tôn Hiếu-nghĩa hoàng-đế* sau ngày xây dựng tân-phủ Phú-xuân mới được ba năm ?

Sử-văn hoàn toàn thịnh lặng về những nghi-vấn trên đây. Chỉ biết Phú-xuân phải chờ tới trên một phần tư thế-kỷ, qua hai đời chúa — Minh-vương và, sau đó, Ninh-vương Nguyễn-Phước-Trú (1725-1738) — mới thu hồi lại được ưu-thế để vươn lên tột đỉnh thịnh-đạt dưới thời Võ-vương Nguyễn-Phước-Khoát, tức *Thế-tôn* Hiếu võ hoàng-đế (1738-1765).

Võ-vương Nguyễn-phước-Khoát — công-tử cả của Ninh-vương, mẹ là Trương-thị, sinh năm Giáp-ngọ Lê-Vinh-thịnh năm thứ mười (1714), hiệu là *Từ-tế đạo nhân* — kể-vì năm hai-mươi-bốn tuổi, là một vị chúa thông-minh, cương nghị, biết quan-tâm đến chính-sự, nhưng lại có tính tàn-nhẫn, tham-lam, và ham đắm cái thú yến ca, tửu-sắc.

Ngay sau khi kế-vị, một sớm, có một kẻ sĩ hào hoa, tuấn-sân, lấy tư-cách là thư-sinh đến xin bệ-kiến *đề hiển sách*. Võ-vương cho được bài-yết. Xem qua sách-lược và hỏi qua nhiều vấn-đề quan-trọng về chính-sự, Võ-vương biết ngay kẻ hiển-sách quả là hạng người xuất-chúng, kiến-chúng uyên-bác, kinh-luân, thao lược gôm tào, lại tỏ ra tinh-thông về Lý-số. Bèn hỏi họ tên. Được biết tên họ là Nguyễn-Đặng-Đàn, người huyện Hương-trà (165). Võ-vương cả mừng, phán bảo :

— Thì ra chính là Siêu-quần tiên-sinh đây sao ? Ta đã từng được nghe chúng dân ca tụng tài đức của nhà thầy từ lâu, nay lại được nhà thầy hiển-sách thực là một may mắn lớn cho ta . . .

Siêu-quần tiên-sinh vội nghiêng mình, từ tởn :

— Thân Chúa-thượng, chẳng qua vì quá yêu mà có số người đã xưng tụng một cách quá đáng như vậy, khiến kẻ dật-dân này phải tự thẹn rất nhiều vì cái danh hư-truyền của thiên-hạ gán cho.

Nhân sẵn mối tru-tư vì một câu sấm truyền chẳng lành, Chúa hỏi :

— Gần đây trong dân-gian có đồn-đãi về câu sấm-văn « *Bát thế hoàn trung đế* », nhà thầy nghĩ sao về chuyện đó ?

— Thân Chúa-thượng, quả có như vậy. Đó là sự chuyển-vận của Thiên-cơ do rất nhiều nguyên-nhân sâu xa tích-lũy từ trước. Theo sấm-văn, đại-nghiệp này chỉ vững được tám đời, rồi mất. Nhưng bên cạnh cái lý « *Thiên-định* » còn có cái lý « *nhân-định thắng thiên* ». Chính vì đó mà kẻ dật-dân này mới xin hiển-sách, nhằm mong tránh được cái họa chung cho trăm họ.

— Nhưng có chắc là thành-sự hay không ?

— Thân Chúa-thượng, cớ kim đã từng chứng minh muốn được lòng trời không gì hơn làm đẹp ý dân, muốn làm đẹp ý dân không gì hơn là rộng đức nghĩa, xa truyền oai lệnh, lấy trung-tín làm giáp trụ lo cảnh yên vui, no ấm cho sĩ thứ như lo cho chính thân mình.

Võ-vương tỏ vẻ hoan-hỉ :

— Nhà thầy đã vì ta mà đến, há chẳng vì ta mà vui lòng vứt bỏ cần câu Vị-thủy, ở lại giúp đời hành-đạo hay sao ?

Siêu-quần tiên-sinh vội tâu :

— Kẻ dật-dân này vốn đã bén mùi hương mây, cảnh khói, quen vui với tời, nón, cá, tôm, lại xét thấy những hạng khối nhỏ, lương đồng phò tá đặc-lực không hiếm gì người, xin Chúa-thượng thể tình mà tha cho cái khổ phải xa lìa trúc mai, rừng, suối. Khi cần, sẽ xin tìm đến.

Trong số môn-đệ đông-đảo của Siêu-quần tiên-sinh từng theo thọ-giáo từ ngày tiên-sinh mở trường dạy học ở chân núi Thanh-thủy (166), có người hỏi tiên-sinh vì lẽ gì đã chịu hiển-sách lại không chịu phò-tá Võ-vương, tiên-sinh thở dài mà đáp :

— Khi chưa gặp mặt Chúa, ta có nhiều tin tưởng là những sách-lược của ta sẽ được nghe theo. Nhưng trong lúc bệ-kiến, thường đề ý đến dung-mạo, thần-sắc, lại xét qua ngôn-ý của Người, ta nhận ra Chúa không phải là hạng thực sự ưa chuộng vương-đạo, nhất là không đủ kiên-nhẫn đề tin tưởng vào phương-sách chuyển đổi vận-số, cứu-vãn nguy-cơ bằng đường lối trung-chính. Chúa là hạng quyền-xảo, thích cơ-mưu . . . chỉ cầu chuyện thành-tựu ngay trước mắt mà không nghĩ được chuyện lâu dài về sau. Đã vận-dụng cơ-mưu thì dù có thành-công cũng là tạm bợ. An thua ở một chữ « thành » mà thôi.

Người môn-đệ cầu xin được biết rõ hơn, Siêu-quần tiên-sinh tỏ dáng ngậm-ngùi :

— Con hư đã đến lúc phải số, dù có trói buộc bằng xiềng xích chặt chẽ đến đâu rồi nó cũng thoát ra. Đại-nghiệp của họ Nguyễn dù có được cõ gắng duy-trì bằng những cơ-mưu đánh tráo thiên-cơ, cũng chỉ kéo dài thêm một đời nữa là cùng.

Tương-truyền rằng : đúng như điều dự-đoán của Siêu-quần tiên-sinh, Võ-vương, sau đó, vì nghe theo lời giải-thích năm văn của một thuật-sĩ người xứ Nghệ-an cho rằng qua tám đời chúa — chỉ tám mà thôi — đại-nghiệp sẽ lọt vào tay người khác, phương Nam sẽ nằm dưới ách thống-trị của những người lạ » (167) và muốn thoát được cái họa này cần phải sớm có cơ-mưu để cải đổi mạng Trời, đánh lạc được sự ứng-nghiệm của Thiên-cơ.

Võ-vương lại suy-nghiệm kỹ về mấy chữ « hoàn-trung-đô » càng lo ngại về nỗi Đàng Trong sẽ có thể bị sáp-nhập với Đàng Ngoài, thuộc uy-quyền vua Lê, chúa Trịnh như xưa nên càng tin và nghe lời thuật-sĩ.

Trị-sở, từ xã Bát-vọng, huyện Quảng-diên, liền được dời trở về Phú-xuân. Phủ chánh được lập ngay bên tả phủ cũ và hoàn-thành vào tháng giêng năm Kỷ-mùi (1739). Vào tháng sáu năm sau, triều-thần dâng Chúa tôn-hiệu Thái-phó quốc-công.

Việc lập phủ chánh tuy đã hoàn-tất, nhưng với cái ý hướng đổi mới theo cơ-mưu của thuật-sĩ, Võ-vương còn ra lệnh xây dựng Đò-ấp. Công cuộc kiến-tạo này kéo dài trên năm năm trời và được coi như là hoàn-thành vào năm Giáp-tí (1744).

Từ cái thế bị thất-súng, Phú-xuân đột-nhiên gặp tuần thái-lai. Không những chỉ được phục-hồi phong-độ xưa, mà còn được tiến xa hơn theo vận-hội thăng-hoa, đạt tới cái bề thế tráng-lệ, huy-hoàng chưa từng có của một Thượng-đô.

Xét về phong-thủy, cái khí-tượng « thiên phủ » thực đã biểu-hiện rõ ràng : « Đất bằng phẳng như bàn tay, rộng hơn mười dặm, ở giữa là chánh-dinh — đất cao, bốn bề đều thấp — tức là chỗ nội-bật ở giữa đất bằng, ở vị Càn (tây-bắc), trông về hướng Tốn (đông-nam), đặt ngang sông đất (long-tích), trông xuống bên sông, đằng trước là quần-sơn, châu về la-liệt, thu hết nước ở bên hữu nên của cải và vật-lực giàu thịnh » (168)

Lầu son, gác tía, điện các nguy-nga, cảnh-sắc trù-mật, phần-vinh, phong-khí văn-vật, hoa lệ, so với xưa khác hẳn một trời, một vực (169). Ngay tại Vương-phủ mọc lên biết bao công-trình kiến-trúc qui-mộ : nào điện Kim-hoa, điện Quang-hoa, điện Quang-văn, nào là Diên-trì-các, Triều-

ương các, nào là Trụ-lạc đường, Chinh-quan-đường, Trung-hòa-đường, Di-nhiên-đường, Swong xuân-đường, nào là đình Thủy-vân, đình Giáng-hương lại có hiên Đông-lạc, có am Nội-viên, lối kiến-trúc rất công-phu, cầu-kỳ, phò-diễn được tất cả về cao sang, vương-giả (170). Khuôn-viên của Vương-phủ hình vuông, có ba lớp thành bao bọc, có bảy cửa thành ra vào, cửa chính trông thẳng ra sông có xây vọng-lâu. Một trăm năm chục đại-bác cỡ nhỏ đặt rải-rác quanh thành, ba khẩu thần-công lớn đặt cách Vương-phủ không xa, về phía tả, làm tăng thêm vẻ uy-nghiêm, đường-bệ (171).

Vì dụng ý đổi mới, đổi lạ lại ưa chuộng việc chlach-nghi hình-thức khoa-trương cái khí tượng vương-giả của Đò-ấp, nên ngoài những công-trình kiến-trúc này, Võ-vương còn cho sửa-sang lại điện cũ ở phủ Dương-Xuân — vốn được gọi là Ân-phủ dưới thời Minh-Vương vì vào năm Canh-thịa (1700), nhân trùng-tu cơ Tả-thủy của Phủ linh đảo đất đã bắt gặp một ấn đồng có khắc chữ « Trấn Lỗ tướng quân chi ấn » (172) — và xây cất điện Trường-lạc cùng hiên Duyệt-võ ở phía áp thượng-lưu sông Hương với hậu-uyển có đặt giả-sơn kỳ thạch, đào ao vuông, hồ cong, cất nhà thủy-tạ, chấp nối phi kiêu, xây tường bao quanh có tạc hình có hoa, long, hổ, lân, phụng để làm nơi thừa-lương, yến hội (173)

Phía trên cũng như phía dưới Đò-ấp, quân-trại, quan-xá được xây cất la-liệt, . . . bày hàng như bàn cờ Nhà của Thủy-quân nằm trên bờ bên kia sông. Xưởng thuyền, kho lúa tạ lạc ở các xã Hà-khê, Thọ-khương Nhà vườn của công, hầu, qui thần nằm men hai bờ thượng-lưu. . . Các nhà đều lát nền bằng đá, trên lát ván kiền-kiền, có xối thiếc để hứng nước » (174). Tiếp theo là tại-phố trù-mật, đường xá rộng-rải, chợ búa đông-đào, nhà cửa san-sát, mái ngói dăng hàng, quang-cảnh trông thực tung-bừng, rộn-tấp. Dưới sông ghe câu, đò, nôt, thuyền buôn, thuyền chài qua lại lên-miền, tấp nập. Từ hữu-ngạn sông Hương nhìn qua, hay từ Triều-đương-các phóng xuống một cái nhìn bao quát, cảnh-trí của một vương-phủ ở Phú-xuân thời bấy giờ quả là cảnh trí của một Thượng-đô uy-nghiêm nằm giữa một vùng địa-thể vừa hùng-tráng lại vừa u-nhã với sự phối-hợp tuyệt-mỹ của núi sông thanh tú.



Công cuộc kiến-tạo Đò-ấp vừa hoàn-tất thì tám quan-trọng của Phú-xuân lại được tăng thêm bởi một biến cố tốt lành xảy ra ngay tại Thượng-đô. Biến-cố này đã từng xảy ra một lần dưới thời Minh-vương cách năm-mười-mốt năm về trước, vào ngày Ất-mẹo, mười-một tháng ba năm Quí-dậu ( 13-4-1693 ). Vào ngày lành ấy, quần-thần đã triều-bái, tung hô vạn-tuế và suy-tôn Minh-vương lên ngôi vị Quốc-chúa ( 175 ). Cảnh-tượng này lại được tái-diễn ở Vương-phủ, tại Phú-xuân, vào tháng tư năm Giáp tí, tức năm 1744 (176), trong một khung-cảnh trang-nghiêm huy - hoàng.

Nhân vì đúng lúc công cuộc kiến-tạo Đò-ấp vừa hoàn-tất, có một cây sung trong Vương-phủ bỗng nở hoa chi chít đầy cành, trông cực kỳ rực-rỡ, ngoạn-mục, người người đều cho là cát-triệu ( 177 ). Quần-thần do Lễ-bộ kiêm Lại-bộ Chuyết-traí Nguyễn-đăng-Thạnh cầm đầu, bèn cùng dâng biểu xin Thế-Tôn nghi đến việc chính-thức đăng Vương-vị. Trước bộ ngọc bày tỏ cùng khăn-khoản tâu bày :

— Các sao đã châu về tử-vi, mặt trời đã lên đến hoàng-dạo. Chi với chực dặm bờ cõi, nhà Thương đã dựng nền « Huyền-điều », hưởng hồ ba nghìn dặm đư-đờ sao còn chịu đứng địa-vị hoàn-khuê. ( 178 )

Điều thỉnh-cầu này quả rất hợp ý của Võ-vương, nhưng bề ngoài Chúa vẫn cố tỏ vẻ khiêm-nhường, từ tốn.

— Ta vừa kế thừa việc lớn chưa được bao lâu ngày đêm những còn lo ngại về nỗi đức tại non kém chưa xứng đáng vào đâu với cái trọng trách vỗ yên trăm họ, giữ vững giềng mối, làm sao ta dám nghĩ tới chuyện tự đặt mình vào ngôi vị cao cả như vậy mà không sợ đọa tội với các đấng Tiên-vương.

Ngoại-tả ( 179 ) Trương-Phúc-Loan vội tâu bày những lẽ thiệt hơn :

— Thân Chúa, Chúa-thượng vì đức khiêm-nhường mà phân truyền như vậy, chứ xét ra cho thấu lý thì việc thế theo ý-nguyện của quần-thần đề chính-thức đăng vương-vị là một chuyện chính-đáng, phù-hợp với ý-chỉ và di-chỉ của các đấng Tiên-vương. Quốc-chúa xưa đã cho đức Quốc-tỷ, dùng vương-hiệu « Đại-Việt quốc-vương » cách đây những bốn-

mươi-tám năm về trước (180) là một bằng chứng. Và lại hiện nay, tình-hình nội-trị, ngoại-an, nhờ thánh-đức của Chúa thượng đã đạt tới cho đn-cổ vững chắc trong ngoài, đem lại cảnh hoan lạc, âu ca cho bách tính. Công cuộc mở-mang bờ cõi cũng tiến-triển khả-quan, uy-danh, thanh-thế của Chúa thượng đã lan rộng về Nam tận vịnh Xiêm-la và dinh Long-hồ. Còn về phương Bắc, tình-thế càng có lợi cho ta hơn trước. Trịnh-Giang đã hoang-dâm, bạo ngược lại kiêu căng, lộng quyền. Hiền-tôn thì sụn hèn, nhu nhược. Việc Trịnh - Cương trước kia mưu lập Duy - Phường làm Thái-tử, ép buộc Dũ-tôn trao ngôi (181) không còn che mắt được ai. Rồi đến Trịnh-Giang cùng tề-thần Nguyễn-công-Kháng âm-mưu đổi thay chế-độ, lại đoạt tước của Thái-thường tự Khanh Bùi-sĩ-Tiêm vì cái tội dám vạch rõ mưu gian (182) sau đó lại ngang nhiên phế bỏ, ám hại Hòa-đức-công cùng các triều-thần có tiết tháo (183). Những hành-động này đã làm sởi sọc cảm thù khắp nơi ở Đàng Ngoài và đã tạo oan cho nhiều vụ nổi loạn. Mặc dù âm-mưu đốt phá kinh-thành và vợ Lê-Duy-Mật bị đàn áp kịp thời, nhưng cái cơ loạn lạc vẫn không vì đó mà ngăn chặn nổi, trái lại có thể còn bành-trướng vì tình-trạng đói kém và cái thế thao-túng của giặc Nguyễn-Hữu-Cầu ở khắp cả một vùng Đò-son (184). Trường đó cũng là thêm một lý-do để có thể coi việc đăng vương-vị của Chúa thượng vào lúc này không những đã hợp lý, hợp tình mà còn rất đời hợp thời.

Võ-vương nghe xong liền đồng ý. Lễ chính-thức đăng vương-vị được định vào ngày mười-hai tháng tư (185) và được tổ-chức với tất cả sự huy-hoàng, long-trọng chưa từng thấy ở Thủ-phủ từ trước đến nay.

Chung quanh vương-phủ, nhất là ở mặt tiền trông về phương Nam, dưới sông cũng như trên bộ, cờ xí rợp đất, đèn kết, hoa đăng, nhan-nhan phường-môn, hương án, Năm chục thốt voi phủ nhung màu, thất lựa màu (186) mang bành vàng có lót thảm đỏ, có tàn che, linh hầu, có quân-tượng mặc đồng-phục điều-kiển, và bốn trăm kỵ-binh (187) nón đầu màu vàng, áo đầu đỏ màu ráng pha, xếp thành đội-ngũ, đứng dàn hai bên cửa chính, phía dưới vọng-lầu. Tất cả chiến thuyền đều được tập-

trung về Đò-thành. Một chiếc hồng-thuyền lớn cùng một đội thuyền hộ giá đậu ngay bến chính, trước mặt Vương-phủ. Quang-cảnh sông Hương, từ phủ *Dương-xuân*, qua điện *Trường-lạc*, đến tận thôn *Vi-dạ* trông thực là tung-bừng, hùng-tráng.

Vào ngày nói trên, một chiếc đại-xá ban ra khắp trong toàn cõi. Sau khi đã cử-hành lễ dâng Vương-vị bên trong Vương-phủ, giữa những tiếng thần-công vang nổ rền trời, Quốc-vương ngự ra cửa thành, trên chiếc kiệu sơn son, thếp vàng có tám lính khiêng (188), có các Thượng-quan cưỡi ngựa theo sau hộ-giá, đi giữa hai hàng cận-vệ áo đỏ, mũ đỏ thếp vàng và đoàn lính hầu đông-đào, mang tàn, lọng, cờ, quạt. Dĩa đầu xa giá là bốn thớt Kinh-tượng cao lớn nhất và hai đội *Thần-quân* gồm toàn những hạng lực-sĩ, có trang bị đao thương.

Tiếng loa truyền lệnh dẹp đường, tiếng thanh-la, tiếng trống long chuyễn không-khí thị-phò, chea lầy tiếng tung hô vạn-tuế nổi lên như sấm dậy từ những rừng người chea chúc hai bên chính-lộ, cách xa vệ đường những năm sáu thước, và khép nép, thu hình phía sau đám bỏ lã, chức sắc mặc lễ-phục, chầu chực bên các hương-áo nghi-ngút hương trầm để bái nghinh xa-giá.

Vì điện *Trường-lạc* là nơi được chọn để Quốc-vương cùng quần-thần hội-yến, nên sau khi xa-giá đã diễn hành qua khắp Đò-ấp để chúng dân được thỏa lòng chiêm-mộ, Quốc-vương ngự xuống hồng-thuyền cùng đám quốc-thần và các thượng-quan. Những cuộc vui chung dành cho sĩ-thứ cũng được bắt đầu ngay từ giờ phút đó. Không-khí rộn rịp, vui nhộn hơn cả ngày xuân, ngày Tết kéo dài suốt tháng. Tại điện *Trường-lạc* thực không còn bút mực nào tả xiết được cái cảnh-sắc nghiêm-lễ, xa hoa, lộng-lẫy của những cuộc yến ẩm, ca vũ mà Quốc-vương muốn dành cho quần-thần vào dịp khánh-điện cực kỳ trọng-đại.

Và Phú-xuân lễ tự nhiên phải được hưởng nhiều ân sủng. Cảnh-nội toàn cõi chia làm mười hai dinh, riêng Phú-xuân được gọi là *Chánh-dinh*, đò-ấp được xưng là *Đò-thành* (189). Phong-khí của Phú-xuân càng trở nên tôn-nghiêm theo vận-nội mới.

Võ-vương, sau khi chính-thức đăng vương-vị, với cái chủ-đích cải đổi mạng trời, liền ủy - thác cho *Chuyết-trai* Nguyễn-dăng-Thạnh tham-chước chế-độ các triều-đại, sáng-dinh việc đổi mới chế-độ (190). Quốc-tý được đúc. Các vị Chúa đời trước truy-tôn và mạng cho xây cất nhà Tôn-miếu. Những danh xưng thuộc về Chúa đều được đổi thay. Phủ gọi là *Điện*. Khi khai-trình lên Chúa việc gì phải dùng chữ *tấu* thay cho chữ *thần*. Văn-thư tuy vẫn dùng niên-hiệu của vua Lê, nhưng đổi với thuộc-quốc thì xưng là *Phiên-vương*. Trong việc bỏ quan-lại vẫn dùng hai chữ *thị-phò* hoặc *lệnh-truyền* như trước, nhưng phía dưới kiêm àn Quốc-vương chứ không kiêm dẫu *Thái phó quốc-công* và *Tổng-trần tướng-quân*. Trước kia bà con của Chúa dù được trọng-đọng tín-nhiệm đến đâu, khi còn sống vẫn không được tặng *Quận-công*. Sau ngày đăng vương-vị, cải đổi lệ này và phong tặng *Quận-công* cho các bậc quốc-thần. Con trưởng của Chúa vẫn gọi là *Thái-công-tử*, nhưng vợ chánh của Chúa trước kia gọi là chánh phu-nhân, nay đổi là *Tả-hành-lang* và vợ lẽ là *Hữu-hành-lang* (191).

Để làm tỏ rạng phong-thê của một vương-quốc, Võ-vương ra lệnh tổ-chức lại các cơ-quan chính-quyền ở Trung-ương và định lại triều-phục. Ở Chánh-dinh, chức *Ký-lục* đổi thành *Lại-bộ*, *Nha-úy* đổi thành *Hộ-bộ*, lại đặt thêm *Binh-bộ* và *Công-bộ*. Thân-quân đổi thành *Vệ-lâm-quân*, Văn-chức đổi thành *Hàn-lâm-viện* (192). Về triều-phục, Văn-quan từ chức *Quản-bộ* đến chức *Chiêm-hậu huấn-đạo*, võ-quan từ chức *Chưởng-dinh* đến *Cai-đội*, mũ đội phải trang-sức vàng bạc, măng bào phải dùng thái-đoạn. Bạc bang thì áo măng-bào có thêu thủy-ba, mũ cũng giắc vàng, giắc bạc (193). Việc thay đổi triều-phục này càng làm rạng-rỡ thêm văn-vật của chốn Thượng-đô và càng nâng cao giá-trị của những ơn mưa móc ban ra từ cửa khuyết, đến độ những hạng hào-phú ở xa-xôi tận cùng bờ cõi, như cha con *Lâm-tổ-quan* — ông ngoại *Trịnh-hoài-Đức* — ở *Đại-phổ-châu* *Nộng-hải* cũng nô - nức dâng vàng lạp - quyên để cầu được phong - chức *Nội - viện thị - hàn* chỉ vì lòng hâm mộ sự vinh - hoa của *cân đai áo mũ* (194). Việc chiêu nạp hiền - tài cũng vì đó mà

càng được các tầng lớp sĩ-thứ nô-nức hưởng ứng đông-đảo hơn xưa bởi-phần qua các khoa thi mở ngay trong Vương-phủ. Từ năm Canh-thân (1740) Võ-vương đã cho định lại phép thi. Những người đậu về đệ-nhất gọi là *Nhiên-học* được miễn sai năm năm, đậu kỳ đệ-nhị và đệ tam được miễn sai chung thân, đậu kỳ đệ-tứ gọi là *Hương-công* được bỏ đi làm Tri-phủ, tri-huyện (195). Cũng về y-phục, về phần nhân-dân, Võ-vương đã cho thực hiện một sự cải-cách lớn trong lối trang-phục, trai gái đều mặc áo ngắn, theo kiểu gần giống như người Tàu (196). Lại càng với sự cải phụ sắc, còn « *đổi phong-tục trong dân gian theo lối mới, trừ tập tễ ở Bắc hà từ xưa nay* » (197)

Phủ-xuân không những được tăng thêm cái phong-khí văn-vật mà còn là một nơi đô-hội rộn rịp vì cái không-khí hi-lạc, ưu-du. Vì ngoài những cuộc yến-hội, xướng ca trong Vương-phủ, Võ-vương còn cho tổ-chức nhiều cuộc hội hè hay những cuộc giải-trí qui mô, đáng kể nhất là những trận đấu giữa voi với cọp tại cồn Dã-viên, mỗi khi các dinh bắt được mãnh-hổ đem dâng cho Chúa. Không-khí, quang-cảnh của cuộc đấu sức giữa hai loài mãnh-thú này là không-khí, quang-cảnh của một ngày đại-hội. Từ các thôn mạc xa xôi, dân chúng cõm đùm, cõm gói đổ về. Võ-vương ngự đến đầu cồn trên một chiếc thuyền có lọng đỏ, đi giữa đoàn thuyền hộ-giá. Chúa dùng hai thanh tre khổ mạnh vào nhau để ra hiệu khai-mạc cuộc vui. Trên cồn, một bên là hai hàng voi gồm bốn chục thớt, một bên là những mãnh-hổ bị nhốt trong cũi lớn. Sau khi Võ-vương đã ra hiệu lệnh, mãnh-hổ lần lượt được thả ra, và tùy theo số hồ, một số voi được rời khỏi hàng ngũ, hùng hổ tiến tới dùng vòi quật ngã địch thủ, và khi đã quật ngã được rồi, phải dùng ngà mà xúc, tung mãnh-hổ lên cao và rất nhiều lần cho đến khi hồ chết. Những cuộc đấu sức này thực ra không gây được nhiều hối-hợp trong đám khán giả đông như kiến cỏ, và sự đắc-thắng của đám thị-tượng cũng không có gì vẻ-vang, oanh-liệt, vì mãnh-hổ trước khi được thả ra

để tranh hùng, đã bị nhốt sạch nanh, vuốt, chặt mõm lại, đồng thời còn bị vướng vấp vì một sợi thừng buộc lòng-thông, đầu thừng lại cột chặt vào một cây trụ lớn (198).

Những diềm lạt và những dòng chữ vô-hình ở vách chùa Thiên-mụ

Chính giữa lúc Võ-vương cùng quần-thần đang tin tưởng vào cái thế bền vững và hưng-phát của đại-nghiệp, chính giữa lúc Phủ-xuân đang tỏa rạng về nghiêm-lệ, huy-hoàng, đặc-y với cái địa-vị tôn-quí của nó đối với các dinh trong toàn cõi, và chính giữa lúc Thiên-mụ tự đang hân-hoan chứng kiến cái thành-quả rực-rỡ của công cuộc gây dựng bá-nghiệp do hiệu-lực của long-mạch ở gò Hà-khê, thì bỗng có rất nhiều điềm lạ xảy ra.

Trước tiên là một ngọn núi ở cách Đô-thành không xa, tự dưng rung chuyển, nổ tung và sụp đổ. Rồi một cửa bể bị cát bồi lấp, thuyền bè không thể nào còn qua lại được. Tiếp theo là nạn chuột hoành-hành. Chuột bầy, chuột lũ hung-nhúc từng đàn hàng ngàn, hàng vạn con, phá hại tất cả mọi thứ hoa lợi ở nơi lục-dã (199).

Tuy đám say nữ-sắc, triền-miên trong thú yên ca giữa đám tử, hữu hành-lang, Thế-tôn cũng không khỏi giật mình kinh ngạc và lo âu khi được nghe nội-giám tâu bày về những hiện tượng dị-thường như vậy. Chúa liền cho vời các bậc quốc-thân và thượng-quan vào Điện ban hỏi ý-kiến về những sự việc xảy ra.

Theo một số các vị quốc-thân thì những điềm gở này báo hiệu những tai họa còn đáng lo ngại hơn nhiều cho quốc-vận, mà nguyên nhân là việc tà-đạo của bọn người Tây-dương đã được du-nhập vào nội-cảnh, được dung-túng để có cơ bành-trướng. Trong dân-gian đã có một số đáng kể vì bị mê hoặc tà-đạo, dám cả gan dẹp bỏ bàn thờ gia-tiền, quên chuyện hương khói, dám khinh-mạo đối với chính-giáo, coi nhẹ đạo-ngũ, luân thường. Muốn giải-trừ hậu quả chằng lành và khó tránh của những thứ hung-triệu này thì việc cấm ngặt tà-đạo chưa đủ mà còn phải trục-xuất cả bọn người Tây-dương ra khỏi đất nước mới yên.

Thế-tôn rất đổi phân-vân, khó nghĩ, vì nhà Chúa tuy không bao dung tà-đạo của bọn ngoại-nhân, nhưng vẫn có cảm-tình với một số thương-gia và giáo-sĩ Tây-phương. Hầu hết các vị triều-thần cũng như các vị quốc-thần thời đó vốn sùng mộ Phật-giáo và giàu óc kỳ-thị nên rất bất-mãn về việc Thế-tôn thường cho bọn ngoại-nhân ra vào Vương-phủ. Quần-thần đã xôn-xao nhiều về chuyện một thương-gia người *Phủ-lăng-sa* được Chúa đón tiếp niềm-nở, đưa đi xem khắp các điện, đường, am, các trong Vương-phủ và chỉ dừng lại ở trước hậu-cung (200). Trường-hợp của giáo-sĩ Koffler còn đáng phân-nân hơn nữa. Giáo-sĩ đã từng được Thế-tôn cho phép ở lại, được giữ nguyên giáo-đường ngay trong lúc lệnh trục-xuất các giáo-sĩ, bắt bỏ giáo-dân và triệt-hạ giáo-đường được ban-hành khắp trong toàn cõi. Và cũng đã hơn một lần, vị Giáo-sĩ này được gọi vào Vương-phủ để xem mạch, chữa bệnh cho Chiêu-nghi — tức Mẹ Hòm — một cung-phi rất được Chúa sủng-ái, khi các tay ngự-y, các danh-y trong hàng tăng-lữ và cả bọn pháp-sư đã chịu đầu hàng. Tuy ngại nỗi Giáo-sĩ có thể trả thù về những vụ đàn-áp đã xảy ra và mặc dù nặng thành-kiến đối với phép trị-bệnh và các thứ được-phẩm của bọn người Tây-dương vốn thường được chế-tạo bằng những chất độc-địa, gồm gấu như bột xương người, rắn độc, nên có sự công-phạt dữ dội đến độ con bệnh mà thoát chết được là chỉ nhờ ở phép lạ mà thôi. . . Thế-Tôn vẫn phải dùng Giáo-sĩ này, và, khi thấy bệnh có chiều thuyên-giảm đôi chút, Chúa đã vui-vẻ hứa quyết với Giáo-sĩ là sẽ cho xây cất lại các giáo-đường bị đập phá, nếu Chiêu-nghi bình-phục hoàn-toàn. Nhưng rủi thay cho Giáo-sĩ, vì bệnh tình Chiêu-nghi thuyên-giảm dần rồi lại trở nặng bất thân, và ngôi sao sáng chói trong giới cung-phi ấy, vào một đêm thu, đã nghe theo tiếng gọi của rừng sao xa-xăm, cõi gió, nương mây tách lìa dương-thế. Nỗi tiếc thương, đau-đớn không những chỉ vì xé tâm-can của vị chân-chủ si-tình mà còn làm bột phát cả một cơn lôi đình, thịnh-nộ mà kẻ phải đón nhận, lẽ tự-nhiên, không ai

khác hơn là tên « ngoại-nhân tà-đạo » đã dùng bột xương người, xương rắn để sát-hại bệnh-nhân (201).

Sự đoán-mệnh của Từ.Mãn Chiêu-nghi — với những hậu-quả chẳng lành xảy ra cho Giáo-sĩ Koffler — tuy đã làm hài lòng rất nhiều người, nhưng chưa đủ để làm nguôi mối bất-bình chung của phần đông triều-thần và sĩ-thứ cũng như của hàng tăng-lữ vốn muốn phục-hồi lại cái uy-thế độc-tôn của Phật-giáo như dưới thời Quốc-chúa Nguyễn-Phước-Châu. Phải đàn-áp quyết-liệt hơn nữa, phải trục-xuất ráo-riết hơn nữa bọn người Tây-dương, phải trừng phạt bằng những thứ cực hình tàn khốc hơn nữa bọn người chạy theo ngoại-đạo. Hiểu rõ ý-nguyện này, Thế-tôn càng tỏ ra dè-dặt :

— Bọn người Tây-dương nhập cảnh không phải là không có lợi cho ta. Còn đối với ngoại-đạo, chính ta cũng đã nghiêm cấm chứ đâu có chuyện bao-dung. . .

Một vị quốc-thần đã không ngần - ngại tâu bày :

— Tâu Chúa-thượng, bọn người Tây-dương cho đến nay vẫn còn tỏ ra ngoan-cố, xảo-quyệt, vẫn dùng tà-thuật để mê-hoặc nhân-dân, lại khéo biết dùng tài lợi, của quí, vật lạ để mua chuộc lòng người. Tại nhiều địa-phương chúng vẫn còn được dung-túng để lên-lút giảng truyền tà-giáo, lại dám phò-biến những ngụy-thư — từng bị cấm đoán triệt-đề dưới thời các Tiên-vương — bái bác việc thờ phụng tổ-tiên, chề giễu Thần, Thánh, Tiên, Phật. Chúng còn dám khinh mạn chính-giáo, coi Phật-giáo, Lão-giáo là dị-đoan mê tín. Và sở-di có tình-trạng như thế là vì nghiêm-pháp chưa được áp-dụng triệt-đề, còn *Dã-viên* đã từ lâu không còn là nơi răn dạy chúng dân về việc giữ mình trước sự cám dỗ, lung-lạc của bọn đạo-sĩ Tây-dương.

( Còn nữa )

## PHẦN CHÚ - THÍCH

- (158) — Xem *La Stèle de Minh-vương* trong bài *La Pagode Thiên-mẫu* : Les Stèles của A. Bonhomme. B.A.V.H. no 4 Octobre-Décembre 1915 page 429.
- (159) — Đ.N.N.T.C. : Thừa-thiên phủ (tập thượng) — *Từ-quán* : Chùa Quốc-án. Tr.87. Nha VH bộ QGGD. 1961.
- (160) — *Đại-nam thực-lục tiền biên*, passages relatifs aux réparations trích dẫn trong « *La pagode Thiên-mẫu* : historique ». par A. Bonhomme. B.A.V.H. 1915.
- (161) — « Bài vị của bảy đời chúa Nguyễn còn đây, Ngói của ngàn gian tầng đá đã trụt hết nửa rồi. Tương-truyền hai câu thơ này của quan Đốc-đồng Hoan-Châu Bùi-huy-Bích thường cùng quan Đốc-thị Trương-dăng-Quý đi thuyền lên viếng Thiên-mụ-tự, vào thời Cảnh-hưng, nhân dịp phụng chỉ vào Huế tuyên-dự.
- (162) — *Thước* đây tương đương với 0m,40, vậy bia cao 2m,60, rộng 1m,2, linh-quì dài 2m, rộng 1m, 40, dày 0m,70. Bia này hiện đang còn ở phía trước tháp Phước-duyên về phía tay mặt.
- (163) — *La stèle de Minh.vương* (La Pagode Thiên-mẫu : Les Stèles par A Bonhomme B.A.V.H. 1915
- (164) — — nt — — nt —
- (165) — Đ.N.N.C. — Thừa-thiên phủ (tập trung) mục *Nhân.vật* bản-triều ; Nguyễn-Đặng-Đàn. Tr.38
- (166) — — nt — — nt —
- (167) — *Đại-nam thực-lục tiền biên* quyển 10, trích dẫn trong bài « *Võ.vương et la Prophétie d'un ermite* » L.Cadière B.A.V.H. 1915.

- (168) — *Vũ-biên tạp lục* quyển 11 của Lê-Quý-Đôn (trích dẫn trong *Việt-sử* : xứ Đàng Trong : Thế Tôn Nguyễn-phước-Khoát (1738-1765).
- (169) — *Voyage de Pierre Poivre en Cochinchine* Revue de l'Extrême Orient publiée par M.H. Cordier, Volume III.P.442.
- (170) — Đ.N.N.T.C. — Kinh-sư, Mục ; Thành-Tri. Tr. 18.
- (171) — *Description historique de la Cochinchine* par Jean Koffler, traduction frséc de Victor Barbier des M.E. de la Revue Indochinoise, 1911, tome XV.P.572.
- (172) — Đ. N. N. T. C. — Thừa-thiên-phủ (tập thượng) *Sơn - xuyên* : Gò Dương-xuân. Tr. 56.
- (173) — Đ. N. N. T. C. — Kinh-sư, mục Thành-tri. Tr. 18.
- (174) — *Vũ-biên tạp lục* quyển II, của Lê-Quý-Đôn (Trích - dẫn trong *Việt-sử* : xứ Đàng Trong).
- (175) — *Đại-nam thực lục tiền biên* quyển VII, 5a (trong « *Les Européens qui ont vu le Vieux Hué* : Thomas Bow-year).
- (176) — *Thành-trì-chí của Trịnh-Hoài-Đức* Gs Trần-Kinh-Hoà dịch-thuật. Tr. 155 (Tạp-chí Đại-học số 25).
- (177) — *Vũ-biên tạp lục* quyển II của Lê-Quý-Đôn, trích dẫn trong *Việt-sử* : xứ Đàng Trong : Thế-tôn Nguyễn-Phước-Khoát).
- (178) — — nt — — nt —
- (179) — *Những bước đầu của Anh em Tây sơn* của Gs Nguyễn-Phương, Tạp-chí Đại-học số 26, tháng 4-1962, Tr. 323.
- (180) — Theo bài « *Bản-sư Hải ngoại ký sự* » của Thích-Đại-Sán thì *Minh-vương* Nguyễn-Phước-Châu đã xưng Đại-Việt Quốc-vương vào năm Bính-Tý (1695) như vậy là trước ngày xưng vương của Võ-vương Nguyễn-Phước-Khoát 48 năm (Xem *Hải-ngoại ký sự* của Thích-Đại-Sán, phần khảo-cứu của Gs Trần-Kinh-Hoà trang 251).

- (181) — *Việt-nam nhân-vật chí vưng biên (tập thượng)* : Bùi - sĩ - Tiêm Tr. 219 — của Hồ-Đắc-Hàm và Thái-văn-Kiểm. Nha Văn-hóa Bộ Q. G. G. D. 1962.
- (182) — — nt — — nt —
- (183) — *Le Việt-nam : Histoire et Civilisation* par Lê-Thanh-Khôi (La Sécession du Nord et du Sud : l'oeuvre des Trinh dans le Nord). Pages 260, 261.
- (184) — — nt — — nt —
- (185) — *Thành-trị chí của Trịnh-Hoài-Đức* — Gs Trần-Kính-Hòa. Tạp-chí Đại-học số 25 tháng 2.1962 — Phần chú-thích số 44.
- (186) — *Les Eléphants royaux* par L. Cadière. B. A. V. H. 1922.
- (187) — *Les Européens qui ont vu le Vieux Hué : l'abbé de Choisy* par L. Cadière — Annotation No 60 B. A. V. H. No 3 Juillet 1929.
- (188) — *Voyage de Pierre Poivre en Cochinchine* — Revue de l'Extrême Orient. Volume III. Page 422, cité dans « *Le quartier des Arènes* » par L. Cadière. B. A. V. H. 1925.
- (189) — Đ. N. N. T. C. — *Kinh-sur*. Tr. 15
- (190) — Đ. N. N. T. C. — *Thừa - thiên phủ (tập trung)*, mục *Nhân-vật bán-triều* : Nguyễn-Đặng-Thạnh. Tr. 37.
- (191) — *Vũ-biên tạp lục của Lê-Quý-Đôn*, trích-dẫn trong « *Việt-sử : xứ Đàng Trong* » Tr. 235, 236.
- (192) — — nt — — nt —
- (193) — *Thành-trị chí của Trịnh-Hoài-Đức* — Gs Trần-Kính-Hòa dịch thuật, phần chú thích số 44, tạp-chí Đ. H. số 25. Tr. 155. — *Vũ-biên tạp-lục của Lê-Quý-Đôn*, trích-dẫn trong *Y-phục của người Việt qua các thời đại của Thái-văn-Kiểm*. Tạp-chí Đại-học số 38 tháng tư 1964. Tr. 242, 243.
- (194) — *Thành-trị chí của Trịnh-Đức*, tạp-chí Đại-học số 25. Tr. 241.

- (195) — *Lược-khảo về khoa-cử ở Việt-nam của Huyền-Quang-Văn-hóa* Á.châu số 8 tháng 11-1960. Tr. 99.
- (196) — *Vũ-biên tạp-tục của Lê-Quý-Đôn* (Trích-dẫn trong « *Y-phục của người Việt qua các thời-đại* » của Thái-văn-Kiểm. Tạp-chí Đại-học số 38, 1964.
- (197) — *Gia-định thống-chí quyền III (Cương-vực)* của Trịnh-Hoài-Đức.
- (198) — *Les Eléphants royaux* par L. Cadière. B. A. V. H. 1922
- (199) — Dựa theo « *Võ vương et la Prophétie d'un ermite* » par L. Cadière. B. A. V. H. 1915.
- (200) — *Description historique de la Cochinchine* par Jean Koffler, traduction frue de Victor Barbier. Revue Indochinoise 1911, tome XV.
- (201) — *Les Européens qui ont vu le Vieux Hué : l'abbé de Choisy*. B. A. V. H. No 3 Juillet 1929.

TRẦN - CỬU - CHẤN

Tiến - sĩ văn - chương

Đại-Học-Đường Paris

## cung oán ngâm khúc bình chú

(xin đọc V. H. T. S., SS 1, 1969)

- 233 Buồn mọi nỗi lòng đã khắc khoải,  
234 Ngán trăm chiều bước lại ngán ngơ.  
235 Hoa này bướm nở thờ ơ,  
236 Đề gầy bông thắm đề xơ nhị vàng.

### Bình chú

- 233 *Khắc khoải* : Khắc khoải là tiếng đôi đũa nói về lòng rầu rĩ làm thân mình trở nên bất oải.  
234 *Trăm chiều* : ( Xem chú thích chữ này trong câu thơ số 165 )  
234 *Ngán ngơ* : ( Xem chú thích chữ này trong câu thơ số 18 ).  
234 Hai câu thơ số 233 - 234 ý nói cung phi tấm lòng xót xa, tay chân mỏi mệt, không muốn đi một bước trong vườn hoa.  
234 Hai câu thơ số 233 - 234 đối nhau từng chữ từng câu rất tinh :

buồn = ngán  
mọi nỗi = trăm chiều  
lòng đã = bước lại  
khắc\_khoải = ngán ngơ

- 235 *Nơ* : Nơ là dành lòng, ở đây có nghĩa là có ác ý làm sự gì, không sự.  
235 *Thờ ơ* : Thờ ơ là tiếng đôi đũa nói lạt lẽo coi như không, không đề ý đến.  
236 *Gầy* : Gầy là mất sức khỏe trở thành ốm yếu, gầy mòn.  
236 *Thắm* : Thắm là màu đỏ tươi, màu sậm.  
236 *Xơ* : Xơ là làm mất sự gì mà tự nhiên có sẵn, không còn trọn vẹn như trước, rã rời.  
236 Có bản chép :

Đề gầy bông thắm đề xơ nhị vàng.

Chữ *ơ* là chữ *ơ* đọc rồi viết theo giọng địa phương ngoài Bắc thường lộn s với x như sẽ trùng với sẽ trong câu thơ số 216.

- 236 *Nhị* : ( Xem chú thích chữ này trong câu thơ số 11 ).  
236 Hai câu thơ số 235 - 236 ý nói cung phi ví nàng, với hoa còn tươi nở, rồi trách con bướm (vua) rất lười thối và lãnh đạm đề hoa thắm khô héo và nhị vàng rơi rụng.

236 Câu thơ số 236 chia ra làm 2 vế đối nhau từng chữ rất xứng :

đề = đề  
gầy = xơ  
bông thắm = nhị vàng.

- 237 Đêm năm canh lặn nương vách quế,  
238 Cái buồn này ai đề giết nhau.  
239 Giết nhau chẳng cái lưu cầu,  
240 Giết nhau bằng cái ưu sầu độc chưa.

### Bình chú

- 237 *Đêm năm canh* : ( Xem chú thích chữ này trong câu thơ số 210 )  
237 Trong câu thơ số 237 chữ *canh* dùng sai niêm luật, cũng vì tác giả muốn cho xuôi câu văn hơn là theo đúng luật âm vận.  
( Xem thêm giải thích chữ *may* trong câu thơ số 5 ).

- 237 *Nương* : *Nương* là dựa vào, ở nhờ.  
*Nương* náu, *nương* nhờ cùng một nghĩa.
- 237 *Vách quế* : Hai chữ này có nghĩa bóng là nơi cung phi ở.  
 ( Xem chú thích chữ này trong câu thơ số 1 ).
- 237 Câu thơ số 237 ý nói cung phi lần quần trong phòng the từ canh này sang canh nọ ngâm sâu, uống đắng cho tới sáng.
- 237 Trong hai câu thơ số 236 - 237 chữ *vàng* ở cuối câu bát (236) phải hòa vận với chữ *nương* trong câu thất nhất (237) nhưng vì không đồng âm cho nên có thể coi như chuyết-vận.
- 238 Có bản chép :  
*Cái buồn này ai dễ giết nhau*  
 Chữ *dễ* có ý thách đố ai trong một việc khó làm được, cho nên không hợp nghĩa với ba câu thơ số 238, 239 và 240.
- 238 *Nhau* : Chữ này dùng âm chỉ cung phi đương than phẫn số phận bị bạc đãi.
- 238 Câu thơ số 238 ý nói cung phi muốn trách giận tiếp sao ai (vua) có lòng sâu độc bất nhân buộc nàng phải chết khô chết héo cũng vì cái sâu vô tận của số phận lẻ loi.
- 239 *Lưu cầu* : *Lưu cầu* là tên một thứ ngọc thạch có ánh sáng dùng để khảm vào cán cây kiếm gọi là kiếm lưu cầu.  
 Vì thế, *lưu cầu* để nói một đồ binh khí cong và nhọn hình cái dao có tiếng đời xưa dùng làm đồ hộ thân trong lúc đi đường hoặc ra trận giặc.  
 Ông Từ-Vị có làm bài thơ nói về cách dùng thứ dao lưu cầu này, cũng có người nói Võ-vương dùng kiếm lưu cầu mà giết Vua Trụ.
- 329 Trọn câu thơ số 239 dịch câu thơ cổ nói : Sát nhân vô kiếm (giết người không gươm) để nói dùng mưu độc làm hại người mà người không biết.

- Ở đây mưu độc tức là nhà vua yêu chuộng nàng cung phi rồi bỏ rơi luôn.
- 329 Có bản chép :  
*Giết nhau bằng cái lưu cầu*  
 Chữ *bằng* không hợp nghĩa với ba câu thơ số 238, 239, 240 vì ở đây chỉ nói giết bằng cái u sầu chứ không có dùng gươm đao.
- 240 *U sầu* : *U* là tối tăm  
*Sầu* là buồn rầu  
*U* sầu là sự buồn riêng trong lòng mà chẳng cho ai biết.
- 240 *Độc chưa* : *Độc* là hiểm tâm, dữ tợn, vô nhân đạo.  
*Chưa* đứng cuối câu thì có nghĩa dường nào, rất.  
*Độc chưa* là độc ác chưa từng thấy, quá độc địa.
- 240 Hai câu thơ số 239 - 240 có ý nói cung phi trong lúc than thở ai có tâm rất độc hiểm cho đến nỗi không cho người giết nhau bằng cái dao lưu cầu mà lại dễ tiêu diệt nhau bằng sự oán thù, sâu não mới là ghê tởm, như truyện Kiều có câu thơ số 1815 - 1816 nói :  
*Bề ngoài thon thót nói cười,*  
*Mà trong nham hiểm giết người không dao.*
- 240 Trong ba câu thơ số 238, 239 và 240 chữ giết nhau lặp lại ba lần theo cách điệp tự để nhấn mạnh sức lực của u sầu càng ngày càng tăng thêm có thể làm con người khô khan hao mòn, rồi lần lần lụn bại chết héo.

( còn nữa )



## TIN VĂN - HÓA

### — TÌM THẤY ĐỒ VẬT BẰNG ĐÁ LÂU ĐẾN 20.000 NĂM TẠI NÉPAL

Các nhà Khảo-cổ Népal đã khám phá được một số dụng-cụ của thời-đại « thạch khí » dường như lâu đến 200 000 năm tại miền Trung-Nam Népal, tại 4 nơi trong vùng hạ lưu sông Gandaki. Số dụng-cụ trên gồm có các rìu, búa, dao và nạo. Đây là những vật-dụng bằng đá đầu tiên được tìm thấy tại Népal.

### LONG - XUYÊN CÓ I ĐẠI - HỌC TƯ THỰC DÂN - TRÍ

Bộ Giáo-dục và Thanh niên vừa chấp thuận cho Hội Việt - Nam Dân-Trí mở I Viện Đại-học tư-thực Dân-Trí Long-Xuyên.

Viện sẽ thiết-lập 3 Phân-Khoa : Ngư-Nghiệp - Nông-Nghiệp và Kỹ-Thuật.

- Chủ-tịch Viện Đại-học : Nghị-sĩ Lê-Tán-Bừu
- Phó Chủ-tịch : Bác-sĩ Huỳnh-Trung-Nhì
- Viện-trưởng : Giáo-sư Lưu-Mậu-Thành.

### — TRUNG - TÂM VĂN BÚT VIỆT - NAM TỎ - CHÚC HỘI THOẠI HÀNG THÁNG

Ban Thường-vụ Trung-Tâm Văn-Bút Việt-Nam cho biết từ nay sẽ tổ-chức hội thoại hàng tháng về những vấn-đề văn-chương, nghệ-thuật dành cho các văn hữu hội-viên.

Linh-mục Thanh-Lãng, Chủ-tịch Ban Thường-vụ Trung-Tâm nói về « Văn-chương dẫn thân » trong cuộc hội thoại đầu tiên tổ chức vào ngày 26-03, tại trụ sở hội. . .

### — PHỦ QUỐC-VỤ KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA TỎ CHÚC MỘT HỘI-THẢO VỀ DỊCH-THUẬT

Một hội-thảo về dịch-thuật được Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa tổ-chức sáng ngày 23-5-69, tại Trường Quốc-Gia Âm-Nhạc và Kịch - Nghệ.

Một số đồng học-giả, giáo-sư, văn-giá, nghệ-sĩ, chuyên-viên đã đáp ứng thư mời của Ông Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa.

Trong diễn-từ khai-mạc, Ông Quốc - Vụ - Khanh đại khái nói : « Công-tác dịch-thuật nhằm mục-đích thực-hiện sự kết-tụ những tinh-hoa văn-hóa phát xuất từ mọi thời-đại, từ mọi chân trời, để giúp ích cho số người đồng đảo không được may mắn trực-tiếp đọc cổ-văn hay kim-văn, hoặc là vì thiếu tài-liệu, hoặc là vì không có cơ-hội trau-dồi khả-năng ngoại-ngữ. Riêng đối với hiện tình văn-hóa nước ta, công việc dịch-thuật lại còn mang thêm ý-nghĩa trở về nguồn và hướng về những chân trời mới ».

Kể đến là phần thảo-luận, một cuộc thảo-luận sôi nổi mà vẫn luôn luôn tao nhã. Nhiều ý-kiến hữu-ích đã được ghi nhận về nhiều điểm : chính-sách, mục-đích, đối tượng. . . trong công cuộc dịch-thuật ; tiêu-chuẩn để lựa chọn sách nên dịch và đặt ưu-tiên cho các loại sách. . .

Ba mươi vị đã ghi tên tham-gia. Ban Phiên-dịch được thành lập ngay với 2 Tiểu-Ban : Cổ-văn và Kim-văn. Ủy-Ban sẽ tái họp để lập Nội-quy, quyết-định mọi việc cần thiết và phân công, phân nhiệm, sau đó là bắt tay vào việc.

### — VIỆT-NAM THAM DỰ HỘI-ĐỒNG Á-CHÂU VÀ THÁI BÌNH-DƯƠNG ( ASPAC ) TẠI NHẬT-BẢN

Một phái đoàn Việt-Nam Cộng-Hòa sáng 6-6-69 đã lên đường tham-dự hội-nghị của Hội-Đồng Á-Châu và Thái-Bình-Dương, họp tại I to ( Nhật Bản ) từ 9 đến 11/6/1969.

Ngoại Trưởng Trần-Chánh-Thành, Trưởng Phái đoàn, vị Phó Trưởng Phái đoàn, Đại sứ Vĩnh Thọ sẽ cầm đầu phái đoàn Việt-Nam hôm khai-mạc Hội - nghị.

Hội đồng Á-Châu và Thái-Bình-Dương ( ASPAC ) được thành lập do sáng kiến của Đại-Hàn từ tháng 9-64, nhằm tiến tới một sự hợp-tác chặt-chẽ và kết-quả hơn trên các lãnh-vực Kinh-tế, Xã-hội và Văn-hóa cũng như nhằm tăng cường sự đoàn-kết giữa các quốc-gia trong vùng.

Hội đồng Á-Châu và Thái-Bình-Dương đã họp khóa đầu tiên cấp Tổng Trưởng vào tháng 6 năm 1966 tại Hán-Thành. Năm 1967, Hội nghị họp tại Vọng Các và năm 1968 tại Canberra.

Riêng năm nay, trong phiên họp thứ tư tại thành phố I to Kawana, Hội-đồng sẽ thông qua vấn-đề thành lập tại Á-Châu các Trung-tâm phối hợp Kinh-tế và Trung-tâm Kỹ-thuật thực-phẩm và phân bón do Thái-Lan và Trung-Hoa Dân-Quốc đề-nghị.

**THÔNG CÁO CHUNG CỦA ASPAC ỦNG-HỘ LẬP-TRƯỜNG CỦA VIỆT-NAM CỘNG-HÒA NHẪM BẢO-VỆ ĐỘC-LẬP VÀ TỰ-DO**

Các Đại biểu tham dự hội-nghị cấp Tổng Trưởng kỳ 4 của Hội-đồng Á-Châu và Thái-Bình-Dương (ASPAC) tại Kawana (Nhật-Bản) đã bày tỏ mối thiện cảm sâu xa của họ đối với lập-trường cương-quyết của Chính phủ và nhân-dân Việt-Nam Cộng-Hòa trong công cuộc bảo-vệ nền độc-lập và tự-do của xứ sở.

Trong bản thông-cáo chung ký kết ngày 11-6-69, sau ba ngày nhóm họp hội nghị các Trưởng phái đoàn của 9 quốc-gia hội viên tổ-chức ASPAC còn phần khởi ghi nhận những tiến bộ mà Việt-Nam Cộng-Hòa đã đạt được trong nhiều lãnh- vực, đặc-biệt là trên các lãnh- vực Chính-trị, Kinh-tế và Phát triển nông-thôn, đồng thời ca ngợi những nỗ lực của Chính phủ Việt-Nam Cộng-Hòa nhằm văn hời hòa-bình và duy-trì sự ổn định quốc-gia.

Các quốc-gia hội-viên của tổ-chức ASPAC còn đặc-biệt nhìn nhận cần có sự hợp-tác quốc-tế trên căn-bản thật rộng rãi để góp phần vào việc phục-hồi Việt-Nam cũng như bảo- vệ một nền hòa-bình chân thật và bền vững tại phần đất này của vùng Á-Châu và Thái-Bình-Dương.

**— ÔNG QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA CHỦ TỌA MỘT PHIÊN HỌP CỦA ỦY-BAN DỊCH-THUẬT**

Ông Mai-Thọ-Truyền, Quốc-Vụ-Khanh Đặc Trách Văn-Hóa, sáng 25-6 đã chủ-tọa một buổi họp quý tụ 27 dịch giả trong nước thuộc Ủy-ban dịch-thuật, tại trụ sở của Phủ Quốc-Vụ-Khanh đường Nguyễn-Trung-Trực, Saigon.

Được biết, Ủy-ban Dịch-thuật đang được dự định họp cùng Ủy-ban Điền-chế Văn-tự lập thành Viện Ngôn ngữ Việt-Nam. Ủy-ban Dịch-thuật có nhiệm-vụ dịch ra Việt văn tất cả tác phẩm Hán, Nôm trong nước hay Anh, Pháp, Đức nổi tiếng trên thế-giới hầu làm phong-phú nền văn-hóa nước nhà. Ủy ban Điền-chế Văn-tự có nhiệm-vụ thực hiện một quyền Tự điền Việt-Nam đề thống nhất tiếng Việt tại học đường.

**— ÔNG QUỐC VỤ KHANH MAI THỌ TRUYỀN TRÌNH BÀY VỀ NHỮNG THÀNH QUẢ HOẠT-ĐỘNG CỦA PHỦ QUỐC-VỤ KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA.**

Ông Mai-Thọ-Truyền, Quốc-Vụ-Khanh đặc trách Văn-Hóa trong buổi họp báo sáng 10.9.69 đã trình bày những thành quả 9 tháng hoạt-động, theo đó Phủ Quốc-Vụ-Khanh đặc-trách Văn-hóa đã thực hiện được những cố-gắng đáng kể :

**XÂY CÁT THƯ-VIỆN QUỐC-GIA :** Một trong những kế-hoạch mà Phủ Văn-hóa đã thực hiện được là xây Thư-viện Quốc-gia.

Đề án xây cất một Thư-viện Quốc-gia với một kiến trúc tối tân, xứng đáng là một cơ sở Văn-hóa tượng trưng cho nền văn-minh dân tộc, đã được nghiên-cứu từ năm 1959, nhưng mãi tới năm 1967, Chính phủ mới chấp thuận cấp cho một ngân khoản là 120 triệu đồng dưới hình thức ngân sách chương trình (50 triệu đồng cho đợt 1, 70 triệu đồng cho đợt 2) để xúc tiến công tác xây cất Thư-viện Quốc-Gia.

Công tác xây cất đợt 1 đã được phát động với Công lệnh số 1/HT ngày 9-12-1968 của 2 Kiến trúc sư tư vụ Bùi-Quang-Hanh và Nguyễn-Hữu-Thiện.

Lễ đặt viên đá đầu tiên đã được cử-hành trọng thể ngày 28 12-1968 dưới sự chủ tọa của Thủ-tướng Chính phủ.

Đợt 1 đang xúc tiến nhanh lẹ sẽ được hoàn tất trong vòng 10 tháng, và đến cuối tháng 9 1969 sẽ khởi công xây cất đợt II trong vòng 12 tháng.

Một cách tổng quát, các phòng đọc sách, mượn sách, đọc báo chí, phòng họp, phòng triển lãm đều nằm ở tầng trệt hoặc tầng lầu

một đề dân chúng tiện ra vào, còn kho chứa đồ bìa, báo chí, câu lạc bộ đặt dưới tầng hầm là nơi nhân-viên Thư-viện làm việc. Các kho chứa sách đặt từ lầu 1 đến tầng thứ 14 không có liên lạc với dân chúng. Ngoài ra, các phòng quan-trọng như phòng đọc sách, phòng triển lãm đều nằm trên lầu 1 để có thể trông ra các vườn hoa.

Các vườn hoa, hồ nước, sẽ tăng vẻ mỹ quan của kiến trúc.

#### XÂY CẤT TRỤ SỞ VĂN KHỐ QUỐC-GIA

Văn khố là kho tàng ghi nhận sự tiến triển của lịch-sử dân-tộc. Vì vậy đề tránh sự phân tán ở nhiều nơi như đã xảy ra từ trước đến nay làm mất mát hoặc hư hao một số tài-liệu được xem là « quốc bảo », một dự án kiến trúc khang trang đề tập trung các Văn-khố Quốc-gia đã được nghiên-cứu gần hoàn thành, đất cũng đã được chọn.

#### XÚC TIẾN CÔNG TÁC CỦA ỦY BAN ĐIỀN CHẾ VĂN-TỰ

Ủy Ban Điền Chế Văn-Tự được thiết lập cạnh Bộ Văn-Hóa, từ ngày 12.7.1967, có nhiệm vụ thống nhất danh từ và soạn thảo một bộ Tự điển để làm căn bản cho các sách giáo khoa và tất cả các sách văn-hóa Việt-Nam. Nhưng từ 1967 đến 1969, không có một ngân khoản nào cho Ủy ban. Sau khi nhận chức ở đây, tôi đã phải thất lạng bóp bụng mới kiếm ra bằng phương pháp du di, một ít tiền cho các chi phí đầu tiên. Đến nay Ủy-ban đã bắt tay vào việc

#### THÀNH LẬP ỦY BAN DỊCH-THUẬT

Ngoài việc khuyến khích và nâng đỡ những công trình sáng tác và biên khảo, Phủ Văn-Hóa đã thành lập một Ủy ban Dịch-thuật gồm 2 Ban Cờ-Văn và Kim-Văn có nhiệm-vụ dịch-thuật những danh phạm ngoại ngữ Đông Tây Kim Cổ cần thiết cho sự tài bồi văn-hóa Việt-Nam. Sự thiết lập Ủy-ban này không có dự trong ngân sách 1969, Phủ phải thực hiện nhiều tiết giảm mới có tiền cho Ủy-ban này hoạt-động. Gồm trên 60 ban viên, hiện Ủy-ban đã khởi sự phân phối công tác.

Phủ trừ đề-nghị đặt Ủy-ban Điền chế Văn-tự và Ủy-ban Dịch-thuật trong khuôn khổ một « Viện Ngôn Ngữ Việt Nam », cơ quan công lập, có tư cách pháp nhân và quyền tự trị.

#### DỰ AN XÂY CẤT NHÀ VĂN-HÓA

Nha Mỹ-thuật thuộc Phủ Văn-Hóa đang hợp tác cùng 2 Kiến trúc sư Trần-Phi-Hùng và Trương-Đức-Nguyên, nghiên cứu đồ án xây cất Nhà Văn - Hóa tại khu đất hiện do Hội Kỵ Mã chiếm (góc đường Nguyễn-Du — Lê-Văn-Duyệt).

Tòa nhà này sẽ bao gồm những phòng triển lãm thường xuyên dành cho các họa-sĩ, điêu khắc gia ; những phòng hội thảo và ngay trung tâm, một thính đường 1.000 chỗ ngồi dành để làm nơi diễn thuyết, chiếu phim, hòa nhạc, diễn kịch.

Cạnh nhà Văn-Hóa sẽ thiết lập một « Câu lạc bộ Văn nghệ sĩ » để làm nơi gặp gỡ giữa anh chị em giới Văn Học Nghệ Thuật.

#### THIẾT LẬP TRƯỜNG QUỐC-GIA VĂN-KHỐ THU-VIÊN

Hiện nay, tại Việt-Nam, ngành Văn-khố và Thư-viện lâm vào một tình trạng bế tắc và không đáp ứng được nhu cầu của quốc-gia cũng như của dân chúng vì thiếu nơi bảo trì Văn-khố, cũng như thiếu Thư-viện cho độc giả lui tới đọc sách báo hay tra cứu tài-liệu. Ngoài sự thiếu thốn về cơ sở, còn có sự thiếu thốn về nhân-viên cấp điều khiển.

Vì vậy, song song với một chương trình dài hạn xây cất thêm thư-viện và cơ sở Văn-Khố tại Saigon và địa phương, Phủ Văn-Hóa đang trù liệu việc đào luyện nhân-viên cấp chỉ huy để cung ứng cho các thư-viện và các cơ sở Văn khố hiện hữu hoặc sẽ được hoàn thành trong tương lai, bằng cách thiết lập một « Trường Quốc gia Văn khố và Thư-viện » với 2 lớp : lớp Giám thủ hạn học 5 năm và lớp Quản thủ hạn học 2 năm.

#### CÁI TÒ CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG MỸ-THUẬT VÀ TRANG TRÍ MỸ-THUẬT.

Đề thích nghi với đường lối văn-hóa dân tộc và khai-phóng, và nhằm mục đích kiện toàn việc đào tạo họa sĩ trong các lãnh vực nghệ thuật thuần túy và chuyên nghệp, Phủ Văn-Hóa đang xúc tiến việc xin mở thêm đề nghị cấp tại Trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật Saigon, kéo dài học trình từ 4 năm thành 7 năm.

Đồng thời, để phát triển ngành trang trí mỹ thuật, Trường Trung-học Trang trí Mỹ-thuật Gia-Định cũng đang được đề-nghị cải tổ thành « Trường Quốc-gia Trang trí Mỹ-thuật », nâng cao học kỳ từ 4 năm lên 7 năm.

Hiện một lớp « Giáo khoa Hội họa » đang được mở tại Trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật để đào tạo giáo sư hội họa hầu cung ứng cho các trường trung học công tư.

#### CẢI TỒI TRƯỜNG QUỐC-GIA ÂM NHẠC VÀ KỊCH NGHỆ SAIGON

Tại Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Saigon, ngành âm nhạc và kịch nghệ cổ truyền đang được nghiên cứu cải tiến về thể thức tuyển chọn học viên, phương pháp giảng dạy với kỹ thuật và khoa học tiến bộ.

Nhu cầu thực tiễn của việc bảo tồn và phát triển nền nhạc nghệ cổ truyền, kể cả dân ca, được đặc biệt chú trọng.

Riêng về hát bội và hát chèo, Trường đang đào tạo nghệ-sĩ và chuyên viên đề tiến lên đến việc thành lập hẳn hai Ban hát với mục đích bảo tồn và phát triển hai bộ môn Ca Kịch cổ truyền này :

Phủ dự tổ chức những cuộc hội thảo để đi tới việc cải tiến bộ môn Cải lương và phát triển nền Kịch nghệ và Tân nhạc.

#### TỔ CHỨC TUẦN LỄ VĂN-HÓA

Và để đánh dấu 10 tháng hoạt động, Phủ Văn-Hóa với sự chấp thuận của Thủ tướng Chánh phủ đang ráo riết chuẩn bị việc tổ chức một Tuần lễ Văn-hóa với một chương trình gồm nhiều tiết mục diễn thuyết, triển lãm, sách báo, hội họa, điêu khắc, trình diễn hát bội, hát chèo, cải lương, điện ảnh, trình diễn tân nhạc, trình tấu lễ nhạc.

Tuần lễ Văn-hóa này kéo dài từ 20 đến 28. 9. 69.

— ÔNG QUỐC VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA CHỦ TỌA LỄ TRAO GIẢI THƯỜNG VĂN-CHƯƠNG 1969 CỦA TRUNG-TÂM VĂN BÚT VIỆT-NAM

Ông Mai-Thọ-Truyền, Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa chiều 26.12.69 đã đến chủ tọa lễ trao giải thưởng 1969 của Trung - Tâm Văn Bút Việt-Nam tổ chức tại trường Quốc-gia âm nhạc Saigon.

Hai tác phẩm « Những tục thờ cúng của ngư phủ Khánh Hòa » của tác giả Lê-Quang-Nghiêm, bút hiệu Song Anh và « Nhật Bản cách ngôn » của tác giả Nguyễn-Văn-Tần, bút hiệu Châm Vũ, đã đoạt giải nhất và nhì thuộc Bộ môn Biên khảo.

Hai tác phẩm « Chợ trời bên giới Việt-Miền » của tác giả Lê - Quang - Hương bút hiệu Lê - Hương ; và « Nhật ký quân trường » của tác giả Trần châu Hồ, chiếm giải nhất và nhì Bộ môn Phóng sự.

Mỗi giải nhất được 30.000\$ và mỗi giải nhì 15.000\$ bằng tiền mặt.

Lễ trao giải thưởng diễn ra trang trọng với sự có mặt của Ông Ngô-Khắc-Tĩnh, Tổng Trưởng Thông-Tin, một số Tùy Viên văn-hóa các tòa Đại sứ và hơn 200 quan khách chọn lọc.

#### — LỄ PHÁT GIẢI THƯỜNG CUỘC THI SÁCH GIÁO KHOA TOÀN QUỐC

Bác-sĩ Nguyễn - Lưu - Viên, phó Thủ tướng kiêm Tổng Trưởng Giáo-dục sáng ngày 2. 2. 70 đã trao giải thưởng cho 3 Ông Đỗ-Minh-Tiết, Phạm - Đình - Ai và Hòa Nguyễn Nguyễn Hóa trong dịp chủ tọa lễ phát giải thưởng cuộc thi sách giáo khoa toàn quốc, niên khóa 1969-1970, tại Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục.

#### — KẾT QUẢ GIẢI VĂN HỌC NGHỆ-THUẬT ( 1967 - 1969 ) CỦA TỔNG THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

— Ngày 27. 01. 1970, tại Dinh Độc - Lập, Tổng Thống Việt - Nam Cộng-Hòa Nguyễn-Văn-Thiệu đã chủ tọa lễ phát giải thưởng « Giải Văn học Nghệ thuật 1967 - 1969 » do Tổng Thống chủ xướng.

Sau đây là kết quả theo từng bộ môn :

#### THƠ

- Nhất : 1. — Lời gởi cây bông vải của Trần-Tuần-Kiệt  
2. — Tình biên nghĩa sống của Hoàng-Thoại-Châu
- Ba : 1. — Trên quê ta Đò của Tường-Linh  
2. — Nước mắt Quê Hương của Lê-Minh-Ngọc
- KỊCH - NGHỆ
- Nhì : 1. — Cơn lốc của Nguyễn-Tinh-Vệ  
2. — Phát quyết định của Thanh-Hiệp

Ba : Hoa cỏ của Trương-Thủy

### TIÊU - THUYẾT

Nhất : MÃ hồng của Nguyễn-Tiến-Đức

Nhì : Y sĩ tiền tuyến của Trang Châu

Ba : Trại đầm bùn của Trần-Văn-Thái

### ĐIỀU - KHẮC

Nhì : Niềm tin của Trần-Văn-Nhân

Ba : 1. - Vọng Phu của Nguyễn-văn-Khoát

2. - Hồi tưởng của Lê-Minh-Hiệp

### BIÊN - KHẢO

Nhất : Cười (Nguyễn nhân và Thực chất) của Dương-Tấn-Tươi

Nhì : Văn-học Chu, Tần của Trần-Trọng San

Ba : Những hàng châu-ngọc trong thi ca hiện đại của Huy Trâm

### HỘI - HỌA

1. - : Không có

2. - : Đồng hạng

: - Người mù (sơn dầu) của Lâm-Thanh-Thủy

: - Hoa thanh-bình (lụa) của Lê-Văn-Bình

: - Chúa cứu thế (sơn dầu) của Trần-Văn-Nhơn

### NHIẾP - ẢNH

#### A. - ẢNH đen trắng :

1. - Hãy mưa trong lòng em của Tri-Trich-Huê

2. - Thương cha thù giặc của Nguyễn-thị-Ngọc-Hạnh

3. - Bản-khoản của Lê-Văn-Khoa

#### B. - ẢNH màu :

1. - Hương lửa đầu Xuân của Nguyễn-Xuân-Tĩnh

2. - Nâng lợt giáo đường của Lưu-Hồng-Phúc

3. - Pháo binh của Ngô-Liên

### ÂM - NHẠC

#### A. - Đại Hòa-Tấu :

1. - Giai điệu hợp tấu số 2 của Nghiêm-Phú-Phi

2. - Phòng khuê « Chân trời tự-do » của Vũ-Thành

2. - (Đồng hạng) Nhạc thính phòng « ngũ tấu khúc » của Văn Giảng

#### B. - Đơn Điệu :

1. - Không có

2. - Phụng sự của Lê-Văn-Khoa

3. - Tiếng hờn Lam-son của Huyền-Linh

### ĐIỆN - ẢNH

#### A. - Phim truyện :

hay nhất từ trước tới nay :

« Xin nhận nơi này làm quê hương » của Trung-tâm Quốc-gia  
Điện ảnh ;

có cốt truyện hay nhất :

« Mưa rừng » của An Pha Phim

có Kỹ-Thuật vững nhất :

« Từ Saigon đến Điện Biên Phủ » của Mỹ Văn.

#### B. - Phim Tài-Liệu :

1. - Huế sau cơn lửa đỏ (Trung-tâm Quốc-gia Điện ảnh)

2. - Tổng công kích đợt 2 của Cục Tâm Lý Chiến

3. - Đêm Đô thị của An-Pha-Phim

#### C. - Cá Nhân :

- Đạo Diễn xuất sắc nhất :

Hoàng-Vinh-Lộc (trong Xin nhận nơi này làm quê hương)

- Nam Tài Tử xuất sắc nhất :

Tâm Phan (trong Thương hận)

- Nữ Tài Tử xuất sắc nhất :

Kiểu Chích (trong Từ Saigon đến Điện Biên Phủ)

— ĐOÀN VĂN-NGHỆ VIỆT-NAM CHUẨN BỊ ĐỀ TRÌNH DIỄN  
TẠI HỘI CHỢ TRIỀN LÂM OSAKA

Một chương trình văn nghệ dài 60 phút với 80 diễn-viên gồm các tiết-mục đặc biệt về nghệ thuật cổ truyền Việt-Nam sẽ ra mắt khán giả năm châu tại hội chợ OSAKA (Nhật-Bản) nhân NGÀY VIỆT-NAM.

Ban Văn nghệ của Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc Trách Văn-Hóa do giáo-sư Nguyễn-Hữu-Ba điều khiển, nhạc sĩ Nghiêm-Phú-Phi phụ tá, sẽ trình diễn xen kẽ với hai ban Văn nghệ của Tổng Cục Chiến Tranh Chính-trị và Bộ Phát triển Nông thôn.

— Các tiết mục trong chương trình văn nghệ này gồm :

— Nhạc khai tấu : Tấu bản Phát hiệp nối liền với Vũ khúc múa quạt và múa kiếm.

— Trình diễn dân ca Việt-Nam miền Bắc : Cờ lá Trống quân, Miền, Trung : Hồ nện, Lý Tình Tang. Miền Nam : Lý-Ngựa Ô. Hồ Cày lúa.

— Múa điệu Phụng vũ.

— Đại Hòa tấu cổ nhạc (40 người) với các bản : Đường Trường Giang đình, Tứ Đại cảnh, Bình bán vắn.

Được biết, chủ trương của chương trình văn nghệ là trình diễn nghệ thuật cổ truyền Việt-Nam với động tác biểu dương đúng với tinh-thần anh dũng và sức sống của dân tộc. Việc trang trí sân khấu cũng được điều hòa màu sắc cho thật mỹ quan và hợp với hình thái và lịch sử. Tất cả nhằm gợi thiện cảm cho Việt-Nam, biểu dương được tinh thần đấu tranh cho tự do hòa bình và thịnh cường bằng tình thương nhân loại và đồng chủng.

Tất cả ba ban Văn-nghệ thuộc đoàn Văn nghệ Việt-Nam, dưới sự hướng dẫn của Ông Nguyễn-Văn-Phụng, Giám-Độc Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Saigon lên đường vào đầu tháng 8.

## VĂN-HÓA TÙNG-THU

do NHA VĂN-HÓA PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA  
xuất bản

1. **SỬ - LIỆU VIỆT - NAM**  
Tuần - Lý Huỳnh - khắc - Dụng biên soạn  
( 246 trang ) . . . . . 25\$
- 2-3 **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : LỤC-TỈNH NAM-VIỆT**  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch  
Tập thượng ( 152 trang ) . . . . . 20\$  
Tập hạ ( 132 trang ) . . . . . 13\$
- 4-5 **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**  
Á-Nam Trần-Tuấn-Khai phiên-dịch  
Tỉnh Thanh-Hóa Tập thượng ( 122 trang ) . . . . . 15\$  
Tập hạ ( 174 trang ) . . . . . 15\$
6. **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch  
Kinh - Sư ( 96 trang ) . . . . . 15\$
- 7-8 **CỔ-ĐỒ HUẾ : Lịch-sử, Cđ.tích, Thắng-cảnh và Thi-ca**  
Thái-Văn-Kiểm biên-soạn  
( 487 trang gồm 53 tranh ảnh và bản đồ ) . . . . . 70\$
- 9-12 **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**  
Quảng-trị và Quảng-Bình ( 208 trang ) . . . . . 20\$  
Thừa-Thiên-Phủ Tập thượng ( 144 trang ) . . . . . 15\$  
Tập trung ( 152 trang ) . . . . . 15\$  
Tập hạ ( 134 trang ) . . . . . 15\$
- 13-14 **VIỆT-NAM NHÂN-VẬT-CHÍ VỊNG-BIÊN**  
Thái-Văn-Kiểm và Hồ-Đắc-Hàm biên-soạn  
( 290 trang ) . . . . . 55\$
15. **HIGHER EDUCATION IN THE REPUBLIC OF VIETNAM**  
(Nền Cao học tại Việt-Nam Cộng-Hoa)  
« VIETNAM CULTURE SERIES » No 6  
Nguyễn-Đình-Hòa biên soạn ( 32 trang ) . . . . . 6\$

16. LA LITTÉRATURE VIETNAMIENNE  
(Văn-chương Việt-Nam)  
COLLECTION « ASPECTS CULTURELS DU VIETNAM » No 7.  
Nguyễn-Khắc-Kham biên soạn ( 26 trang ) . . . . . 6\$
17. DEMOCRACY IN TRADITIONAL VIETNAMESE SOCIETY  
(Nền dân-chủ trong xã-hội cổ-truyền Việt-Nam)  
« VIETNAM CULTURE SERIES » No 4  
Nguyễn-Đặng-Thục biên soạn ( 12 trang ) . . . . . 6\$
18. INTRODUCTION TO VIETNAMESE POETRY  
(Khái-luận về Thi-ca Việt-Nam)  
« VIETNAM CULTURE SERIES » No 3  
Lý-Chánh-Trung biên soạn ( 20 trang ) . . . . . 6\$
19. INTRODUCTION TO VIETNAMESE CULTURE  
(Khái-luận về Văn-hóa Việt-Nam)  
« VIETNAM CULTURE SERIES » No 1  
Nguyễn-Khắc-Kham biên soạn ( 28 trang ) . . . . . 6\$
20. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN  
Tu-trai Nguyễn-Tạo phiên dịch  
Tỉnh Bình-Định ( 196 trang ) . . . . . 38\$
21. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên dịch  
Tỉnh Quảng-Nam ( 282 trang ) . . . . . 25\$
22. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên dịch  
Tỉnh Quảng-Ngãi ( 212 trang ) . . . . . 25\$
23. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên dịch  
Phú-Yên và Khánh-Hòa ( 238 trang ) . . . . . 25\$
24. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên dịch  
Tỉnh Bình-Thuận ( cả bản chữ Hán, 206 trang ) . . . . . 25\$
25. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG PHẦN  
Đông-Minh Đặng Chu-Kinh phiên dịch  
Tỉnh Nghệ-An ( cả bản chữ Hán, 308 trang ) . . . . . 38\$
26. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : TRUNG PHẦN  
Đông-Minh Đặng Chu-Kinh phiên dịch  
Tỉnh Hà-Tĩnh ( cả bản chữ Hán, 206 trang ) . . . . . 25\$
27. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN  
Đông-Minh Đặng Chu-Kinh phiên dịch  
Tỉnh Hà-Nội ( cả bản chữ Hán, 250 trang ) . . . . . 25\$
28. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo dịch  
Tỉnh Bắc-Ninh ( cả bản chữ Hán, 206 trang ) . . . . . 25\$
29. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo dịch  
Tỉnh Sơn-Tây ( cả bản chữ Hán, 345 trang ) . . . . . 50\$
30. ƯỚC TRAI DI-TẬP  
Trần-Tuấn-Khai dịch  
Đur-Đja-Chí ( cả bản chữ Hán, 290 trang ) . . . . . 50\$
31. LA PERSONNALITÉ CULTURELLE DU VIETNAM  
( Cá-tính Văn-Hóa Việt-Nam )  
COLLECTION « ASPECTS CULTURELS DU VIETNAM » No 8  
Trịnh-Huy-Tiến biên soạn ( 56 trang ) . . . . . 12\$
- 31<sup>B</sup> ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo dịch  
Tỉnh Hưng-Yên ( cả bản chữ Hán, 90 trang ) . . . . . 28\$
32. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN  
Đông-Minh Đặng-Chu-Kinh phiên dịch  
Tỉnh Cao-Bằng ( cả bản chữ Hán, 92 trang ) . . . . . 28\$

|  |       |
|--|-------|
| <b>33. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN</b><br>Đông-Minh Đặng-Chu-Kình dịch<br>Tinh Hải-Dương (cả chữ Hán, 328 trang) . . . . .                                 | 180\$ |
| <b>34-35. HẢI-DƯƠNG-PHONG VẬT-CHÍ (THƯỢNG, HẠ)</b><br>Tô-Nam Nguyễn-dình-Diệm dịch (cả chữ Hán, 464 trang) . . . . .   | 190\$ |
| <b>36. ĐẠI NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN</b><br>Cử-nhân Nguyễn-Tạo dịch<br>Tinh Nam-Định (cả chữ Hán, 272 trang) . . . . .                                       | 120\$ |
| <b>37. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN</b><br>Cử-nhân Nguyễn-Tạo dịch<br>Tinh Ninh-Bình (cả chữ Hán, 168 trang) . . . . .                                      | 80\$  |
| <b>38. KHÔNG ĐẠO TINH HOA</b><br>Tác giả : Đông-Khê Hà-Ngọc-Xuyên, 120 trang . . . . .   | 55\$  |
| <b>39. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN</b><br>Cử-nhân Nguyễn-Tạo dịch<br>Tinh Lạng-Sơn (cả chữ Hán, 100 trang) . . . . .                                       | 120\$ |
| <b>40. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN</b><br>Cử-nhân Nguyễn-Tạo dịch<br>Tinh Tuyên-Quang (cả chữ Hán, 84 trang) . . . . .                                     | 110\$ |
| <b>41. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN</b><br>Đông-Minh Đặng-chu-Kình dịch<br>Tinh Quảng-Yên (cả chữ Hán, 120 trang) . . . . .                                 | 125\$ |
| <b>42. ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : BẮC-PHẦN</b><br>Đông-Minh Đặng-chu-Kình dịch<br>Tinh Thái-Nguyên (cả chữ Hán, 100 trang) . . . . .                               | 115\$ |
| <b>43. VIETNAMESE STUDIES AND THEIR RELATIONSHIPS<br/>TO ASIAN STUDIES</b><br>VIETNAM CULTURE SERIES No 9<br>Nguyễn - Khắc - Kham biên soạn (47 trang) . . . . . | 12\$  |

Có bán tại các hiệu sách lớn tại Thủ - đô, các tỉnh và tại Nha Văn - Hóa  
8, NGUYỄN - TRUNG - TRỰC - SAIGON

## GIỚI - THIỆU SÁCH MỚI

Văn-Hóa Tập-San ân cần giới-thiệu cùng bạn đọc thân-mến 2 quyền  
biên khảo có giá trị do Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc Trách Văn-Hóa xuất bản :

— **HIỆN-TƯỢNG LUẬN VỀ HIỆN-SINH** của Ông Lê-Thành-Trí  
Tiến-Sĩ, giáo-sư triết-lý tại Đại-Học Văn-Khoa Saigon — Sách dày 480  
trang, in đẹp, giá 300\$00.

Tác-giả viết sách này với mục-dịch giúp một số người muốn tìm  
hiểu ý-nghĩa đích thực của triết-thuyết hiện-sinh.

— **QUỐC-HIỆU NƯỚC TA** của Ông Bửu-Cầm, giáo-sư diễn giảng tại  
Đại-Học Văn-Khoa Saigon, Sách trình bày mỹ-thuật, dày 148 trang, giá 150\$00.

Tác giả soạn thảo thiên khảo cứu này nhằm kiểm điểm lại một vài  
niên đại, và ít nhiều sự kiện lịch sử còn nghi ngờ từ khi nước ta có danh  
xưng An-Nam, cho đến quốc-hiệu Đại-Nam.

Ba loại sách báo do Nha Văn-Hóa (trực thuộc Phủ Quốc-Vụ-Khanh  
Đặc Trách Văn-Hóa) xuất bản :

1/— **Văn-Hóa Tùng-Thư** : (phiên-dịch, ấn-loát, và phổ-biến bộ Sử-  
Địa Đại-Nam Nhất Thống-Chí).

2/— **Văn-Hóa Tập-San** : với những bài khảo luận về mọi bộ môn  
Văn-Hóa.

3/— **Việt-Nam Culture Series hay Aspects Culturels du VietNam**, viết  
bằng Anh-ngữ hay Pháp-ngữ để phổ biến Văn-Hóa dân tộc ra ngoài quốc.

Tất cả các sách báo nói trên, có bán tại các hiệu sách lớn ở Thủ-  
Đô, các Tỉnh và tại Nha Văn-Hóa, 8 Nguyễn-Trung-Trực, Saigon.

Ngoài ra còn một số sách giá-trị khác, xin ân cần giới-thiệu cùng  
độc-giả :

— **Saigon năm xưa** của Vương-Hồng-Sên, Khai-Trí xuất bản lần II,  
Saigon, 1969 gồm những tài-liệu, những điều nghe thầy, hiểu biết của  
tác-giả về « Saigon năm xưa ».

— **Những tư tưởng đẹp**, Võ-Lang sưu tầm, Sóng mới xuất bản,  
Saigon, 1969 tác giả sưu tầm các tư tưởng đẹp của Âu-Tây, sách trình bày  
theo lối song-ngữ.

— **Người Việt gốc Miên** của Lê-Hương, Tác giả xuất bản, Saigon 1969

Sách sưu tầm những tài-liệu về nguồn gốc, dân số, sinh-hoạt,  
xã-hội, phong-tục, tập-quán, tôn-giáo, các thắng cảnh lịch sử với mục-  
dịch giúp độc-giả tìm hiểu về đời sống của người Việt gốc Miên.

— **Chiến-Tranh và Hòa-Bình** của Léon Tolstoi do Nguyễn-Hiền-Lê  
dịch, Lá Bối xuất bản, Saigon, 1969. Trọn bộ gồm 4 quyền.

— **Hát bội** của Tuân-Lý Huỳnh Khắc-Dụng, Nam-Chi Tùng-Thư  
xuất bản, Saigon, 1970.

— **Angkor (Đế Thiên Đê-Thích)** của Lê-Hương Quỳnh Lâm xuất  
bản, Saigon, 1970.



VĂN-HÓA TẬP-SAN NĂM  
THỨ XVIII, SỐ 2-3 (1969)  
IN 1.500 CUỐN TẠI NHÀ  
IN HÒA - CHÁNH 16 - 18  
CÓNG - QUỲNH SAIGON  
GIẤY PHÉP XUẤT-BẢN :  
NGHỊ - ĐỊNH SỐ 332  
CAB / SG NGÀY 5-5-1952.

*Tòa-soạn : Nha Văn-Hóa (Phủ Quốc-Vũ-Khánh Đốc-Trách Văn-Hóa)  
8, Nguyễn-Trung-Trực, Saigon. Điện-thoại 92.038  
Chủ-nhiệm kiêm Chủ-bút : Trịnh-Huy-Tiến  
Thư-ký : Nguyễn-Văn-Ninh  
Quản-ly : Lê-Văn-Định.*

*Thư-từ, ngân-phieu xin đề :  
O. Giám-đốc Nha Văn-Hóa  
8, Nguyễn-Trung-Trực, Saigon*

## THẺ-LỆ GỬI BÀI SOẠN ĐĂNG VĂN - HÓA TẬP - SAN

Tòa soạn Văn.Hóa Tập-San thành-thực đa tạ cảm-tình nồng-hậu của các bạn xa gần có bài gửi đăng V.H.T.S. Về vấn-đề bản thảo xin trân-trọng lưu ý các bạn về mấy điểm sau đây :

1. Bài soạn gửi đăng Văn-Hóa Tập-San, xin gửi về Ô. Chủ-bút Văn-Hóa Tập-San, 28 Nguyễn-Trung-Trực, Saigon.
2. Bài soạn xin cho đánh máy đồng đôi ( có dành lề ở cả hai bên ), hoặc viết rõ ràng trên một mặt giấy ( để giúp ấn-công xếp chữ đỡ thiếu sót, nhầm lẫn ).
3. Đầu bài soạn, xin ghi rõ, ngoài bút hiệu, tên thực, chức-vụ và địa-chỉ hiện tại của tác-giả để tòa-soạn liên-lạc hội-y thêm, mỗi khi cần tới.
4. Nếu trong bài có đoạn nào trích-dẫn, xin ghi rõ xuất-xứ ( tên tác giả, tên sách, nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản và trích dẫn ở trang nào ).

*Thi dụ :* Nguyễn-văn-X. . . Văn-Học Việt-Nam ( Saigon xuất-bản-cục, 1960 ) trang . . .  
Trần-văn-X. . . « Điền cổ », Văn-Hóa Nguyệt-San Tập. . .  
Số. . . ( tháng... năm... ), trang...

5. Bao nhiêu cước chú đặt ở cuối mỗi trang, xin ghi rõ số liên tiếp cho toàn bài.
6. Những danh-từ kỹ-thuật và khoa-học khi dịch ra Việt-văn xin ghi rõ cả nguyên-văn ngoại-ngữ ( Anh, Pháp... ).
7. Bài nào đã gửi đăng V.H.T.S. mà soạn giả sau muốn gửi bài ấy đăng báo khác, xin báo tin ngay cho tòa soạn V.H.T.S. để kịp thời hoãn đăng, ngõ hầu tránh sự trùng đệp.
8. Tòa soạn tùy-nghị lựa chọn, sửa chữa và xếp đặt các loại bài đăng V.H.T.S. Những bài đã nhận đăng sẽ đăng dần, còn đăng sớm hay muộn là tùy nhiều lý-do kỹ-thuật, chuyên-môn, v.v... mong các bạn thông-cảm.
9. Những bản thảo gửi quá ba tháng mà không thấy đăng hay trả lời có thể coi như là không đăng. Những bài không đăng được không có lệ trả lại bản thảo.
10. Mỗi tác-giả hoàn-toàn chịu trách-nhiệm về bài của mình.